

**Tỳ Kheo Bồ-Đề**

*tuyển chọn*

# GIÁO LÝ CỦA PHẬT ĐỂ SỐNG HÒA HỢP

*trong cộng đồng, xã hội*

*trong Tăng Đoàn*

**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**



## Về quyển sách này

*Kính gửi quý độc giả,*

Quyển sách này là trích tập các bài kinh mà Phật đã nói với ý để người nghe hiểu biết và thực hành để có được sự hòa-hợp trong tập thể, đoàn thể, trong cộng đồng, xã hội, và cả trong Tăng đoàn.

Phật giáo và đạo Phật là những giáo lý và sự tu tập để dẫn tới mục tiêu rốt ráo của nó là giác ngộ và giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Tuy nhiên, (a) mọi người thế tục đều đang sống trong các cộng đồng dân cư, trong các tập thể, đoàn thể, và trong xã hội; và (b) những người xuất gia dù đã bỏ tục đi tu nhưng họ vẫn đang sống tu trong những cộng đồng tu sĩ, đó là các Tăng đoàn. Do vậy, tính ra ai cũng cần phải sống hòa-hợp trong các cộng đồng của mình, vì nếu ai không sống được hòa-hợp trong các cộng đồng thì người đó khó mà có được sự thành công, sự an ổn và hạnh phúc trong đời sống phàm thường hay trong đời tu.

Nhưng con người thì quá đông đúc mà tính khí, truyền thống, tôn giáo, sự hiểu biết, căn bản đức hạnh, dục vọng, tính tự ta... của mỗi người mỗi khác, cho nên (a) giữa muôn vàn cá nhân đó đã luôn luôn xảy ra những bất đồng, tranh chấp, tranh đấu, chia rẽ, và thậm chí giết hại lẫn nhau. (b) Rồi giữa các xứ sở, quốc gia, khối quốc gia, thậm chí giữa các tôn giáo... cũng luôn xảy ra những sự tranh chấp và chiến tranh dai dẳng trong lịch sử nhân loại. (c) Thậm chí trong một tôn giáo, ví dụ như trong Tăng đoàn Phật giáo ngay từ thời còn Đức Phật cho tới sau này cũng có xảy ra những sự tranh cãi, tranh chấp, và chia rẽ. Tất cả cũng chỉ vì những nguyên nhân gốc rễ mới nói trên.

Quý vị sẽ sẽ đọc thấy Đức Phật giảng dạy chi tiết hơn về những

sự thật này qua các bài kinh chủ-đề đã được sưu tập, trích dẫn, diễn dịch bởi nhà sư, học giả Tỳ Kheo Bồ-Đề, (người đã dịch lại các bộ kinh *Nikaya* bằng văn cách phổ thông hiện đại).

Như nhà sư học giả này cũng đã nói, hầu hết những lời kinh Phật đã dạy đều vẫn còn giá trị hôm nay, và có thể được ứng dụng để tạo lập sự hòa-hợp và tốt-đẹp của các tập thể, các đoàn thể xã hội, kinh tế và tôn giáo, các cộng đồng, và đặc biệt trong Tăng đoàn ở các chùa chiền và tu viện Phật giáo ngày nay.

Trong toàn quyển sách, những chú thích trong ngoặc vuông [...] là ý của lời kinh gốc, hoặc chú giải của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề. Những giải thích thêm bằng tiếng Việt trong ngoặc tròn (...) là của người dịch. Người dịch cũng tách riêng phần lời các kinh của Đức Phật và phần giới thiệu về các chương của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề.

Sách này được dịch và in để phát tặng miễn phí (ấn tống). Sách cũng được đưa lên trang [www.daophatnguyenthuy.com](http://www.daophatnguyenthuy.com) để thuận tiện cho các độc giả có thể đọc trên thiết bị vi tính.

Với tâm từ,

*Sài Gòn, mùa Vu Lan, Đinh Dậu (2017)*

Người dịch

# MỤC LỤC

Về quyển sách này.....	i
<b>BẢNG VIẾT TẮT</b> .....	vii
<b>GIỚI THIỆU CHUNG</b> .....	1
Do Đâu Phật Nói Giáo Lý Để Sống Hòa Hợp Trong Cộng Đồng, Xã Hội & Tăng Đoàn? .....	1
Cấu Trúc Của Quyển Sách Này.....	6
<b>CHƯƠNG I – CÁCH-NHÌN ĐÚNG ĐẮN</b> .....	15
1. Chánh Kiến Dẫn Đầu.....	17
2. Hiểu Biết Điều Thiện và Bất Thiện.....	18
3. Tóm Lược về Nghiệp.....	20
4. Chúng Sinh Trả Giá Cho Nghiệp Của Mình .....	21
5. Khi Tự Mình Hiểu Biết.....	22
6. Giáo Lý ‘Đặt Người Khác Là Mình’ .....	25
<b>CHƯƠNG II – TU TẬP CÁ NHÂN</b> .....	29
1. Sự Rộng Lòng Cho Đi (Bồ Thí).....	31
2. Hành Vi Đức Hạnh (Giới Hạnh).....	34
3. Loại Bỏ Những Ô Nhiễm Trong Tâm.....	44
4. Từ Ái và Bi Mẫn.....	50
<b>CHƯƠNG III – XỬ LÝ SÂN GIẬN</b> .....	57
1. Giết Chết Sân Giận .....	59
2. Ba Loại Người.....	59

3. Những Người Như Rắn .....	60
4. Những Căn Cớ Để Oán Giận X.....	62
5. Những Hiểm Họa của sự Bất-Nhẫn, và Những Lợi Ích của sự Nhẫn-Nhịn.....	62
6. Loại Bỏ Sự Sân Giận .....	67
7. Khi Sự Nhẫn Nhịn Bị Khiêu Khích .....	73
8. Những Tấm Gương Nhẫn Nhịn .....	79
<b>CHƯƠNG IV – NGÔN TỪ ĐÚNG ĐẮN .....</b>	<b>91</b>
1. Lời Nói Khôn Khéo, Đúng Đắn.....	93
2. Tổ Chức Thảo Luận .....	94
3. Nói Theo Cách Hợp Lý .....	97
4. Đừng Tạo Ra Tranh Luận, Đừng Gây Ra Tranh Cãi .....	101
5. Khen Đúng, Trách Đúng .....	101
6. Khen Đúng Lúc, Trách Đúng Lúc .....	103
7. Biết Rõ Điều Mình Nói và Cách Mình Nói.....	104
8. Trước Khi Trách Người, Nên Suy Xét Mình ( <i>Tiên trách kỷ, hậu trách nhân</i> ) .....	105
<b>CHƯƠNG V – BẠN HỮU TỐT .....</b>	<b>107</b>
1. Những Phẩm Chất Của Một Người Bạn Chân Thực.....	109
2. Bốn Loại Bạn Tốt .....	110
3. Bạn Tốt Trong Đời Sống Thế Tục .....	111
4. Bạn Tốt Trong Đời Sống Xuất Gia .....	112
<b>CHƯƠNG VI – TỐT CHO MÌNH, TỐT CHO NGƯỜI .....</b>	<b>115</b>

1. Người Ngu và Người Khôn .....	117
2. Người Xấu và Người Tốt.....	117
3. Những Nguyên Nhân Gây Hại và Làm Lợi Cho Mình và Cho Người .....	122
4. Bốn Loại Người Trong Thế Gian.....	124
5. Người Đệ Tử Xuất Gia (Tăng, Ni) .....	128
6. Người Đệ Tử Tại Gia.....	129
7. Người Có Trí Tuệ Lớn (Bậc Đại Trí) .....	130
<b>CHƯƠNG VII – CỘNG ĐỒNG ĐỊNH HƯỚNG .....</b>	<b>131</b>
1. Các Loại Cộng Đồng .....	133
2. Sự Thành Lập Cộng Đồng.....	137
3. Duy Trì Cộng Đồng .....	140
4. Giai Cấp Là Chẳng Liên Quan Gì.....	152
5. Một Gương Mẫu của Tăng Đoàn Hòa-Hợp X.....	155
6. Người Xuất Gia & Người Tại Gia.....	158
<b>CHƯƠNG VIII – NHỮNG SỰ TRANH CHẤP .....</b>	<b>163</b>
1. Tại Sao Chúng Sinh Sống Trong Thù Ghét? .....	165
2. Những Tranh Chấp Giữa Những Người Tại Gia Những Tranh Chấp Giữa Những Người Xuất Gia .....	166
3. Những Tranh Chấp Là Do Tham Muốn Khoái Lạc Giác Quan (Nhục Dục).....	168
4. Bắt Nguồn Từ Dục Vọng.....	169
5. Những Người Mù Sờ Voi .....	170
6. Tranh Cãi Giữa các Tỷ Kheo .....	172
7. Cuộc Tranh Cãi ở Kosambī.....	173

8. Những Góc Rẽ Gây Ra Tranh Chấp .....	175
9. Sự Chia Rẽ Trong Tăng Đoàn.....	177
<b>CHƯƠNG IX – GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP .....</b>	<b>181</b>
1. Sự Thú Tội & Sự Tha Thứ .....	183
2. Giải Quyết Sự Khác Biệt về Ý Kiến.....	183
3. Giải Quyết Những Tranh Chấp trong Tăng Đoàn .....	188
4. Những Tranh Chấp về Giới Luật .....	192
5. Tu Sửa Lẫn Nhau .....	195
6. Chấp Nhận Người Khác Chỉnh Sửa Cho Mình.....	196
7. Giải Quyết Tranh Chấp của Người Tại Gia với Tăng Đoàn.....	201
8. Loại Bỏ Người Phạm Tội, Phạm Giới.....	204
<b>CHƯƠNG X – THIẾT LẬP MỘT XÃ HỘI</b>	
<b>CÔNG BẰNG .....</b>	<b>209</b>
1. Trách Nhiệm Tương Hỗ (trong gia đình & xã hội) .....	211
2. Cha Mẹ và Con Cái .....	215
3. Vợ Chồng .....	217
4. Người Tại Gia .....	218
5. Giai Cấp Xã Hội .....	222
6. Chính Thể Trị Vì .....	238
<b>CHÚ GIẢI.....</b>	<b>251</b>



## BẢNG VIẾT TẮT

- DN: Dīgha Nikāya: *Trường Kinh Bộ* (Bộ Kinh Dài)
- LDB: *Trường Kinh Bộ* (Bộ Kinh Dài, bản dịch tiếng Anh của Maurice Walshe; Nxb. Wisdom Publication)
- MN: Majjhima Nikāya: *Trung Bộ Kinh* (Bộ Các Kinh Vừa)
- MLDB: *Trung Kinh Bộ* (Bộ Kinh Trung, bản dịch tiếng Anh của Tỳ Kheo Bô-Đề; Nxb. Wisdom Publication)
- AN: Aṅguttara Nikāya: *Tăng Chi Kinh Bộ* (Bộ Kinh Tăng Chi)
- NDB: *Tăng Chi Kinh Bộ* (Bộ Kinh Tăng Chi, bản dịch tiếng Anh của Tỳ Kheo Bô-Đề; Nxb. Wisdom Publication)
- SN: Saṃyutta Nikāya: *Tương Ứng Kinh Bộ* (Bộ Kinh Liên Kết)
- CDB: *Tương Ứng Kinh Bộ* (Bộ Kinh Liên Kết, bản dịch tiếng Anh của Tỳ Kheo Bô-Đề; Nxb. Wisdom Publication)
- Dhp: Dhammapada: tập kinh “*Pháp Cú*”
- It: Itivuttaka: tập kinh “*Phật Tự Nói*”
- Sn: Suttanipāta: tập kinh “*Kinh Tập*”
- Ud: Udāna: tập kinh “*Phật Nói Như Vậy*”
- Vin: Vinaya Piṭaka: *Luật Tạng* (Rõ Luật)
- Vism: Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)



# GIỚI THIỆU CHUNG

## **Do Đâu Phật Nói Giáo Lý Để Sống Hòa Hợp Trong Cộng Đồng, Xã Hội & Tăng Đoàn?**

Sự xung khắc và bạo lực đã làm chết chóc nhân loại từ thời cổ xưa, để lại quá nhiều lịch sử nhuốm đầy máu. Trong khi trái tim con người thì chứa đầy khao khát có được sự hòa bình, sự hòa hợp và tình yêu thương thì những phương cách để đạt tới những điều tốt đẹp đó dường như khó có được.

Trong những mối quan hệ giữa các quốc gia, chiến tranh và xung đột xảy ra liên tục tựa cổ chí kim như những cảnh trong các bộ phim dài tập, trong đó chỉ có những khoảng tạm dừng tạm hoãn là lúc những bên thù địch đang đi tìm liên kết liên minh mới, hoặc lúc họ đang bện xâm chiếm thêm lãnh thổ khác.

Những hệ thống xã hội từ xưa thì liên tục bị đảo lộn bởi những cuộc đấu tranh giai cấp; những tầng lớp trên thì muốn áp đặt và gia tăng đặc quyền đặc lợi, còn những tầng lớp dưới thì muốn có thêm quyền lợi, ít bị áp bức hơn, và được an bình hơn. Rất nhiều sự xung khắc xảy ra giữa chủ nô và nô lệ, giữa vua chúa và nông nô, giữa giai cấp quý tộc và những dân nghèo, giữa giai cấp tư bản và người lao động; cho dù tranh chấp dạng nào thì chỉ là hình thức bên ngoài, nhưng những động cơ tranh chấp thì thường giống nhau.

Còn bên trong những cộng đồng hay mỗi xứ sở thì cũng xảy ra liên tục những xung đột và tranh chấp nội bộ. Người này người kia tranh giành quyền hành, người ý này kẻ ý khác, và sự tranh giành quyền lợi cũng làm họ tương tàn trong cộng đồng đó, tạo ra những chu kỳ hận thù mới. Đến khi sự chiến đấu, sự chia rẽ, hay sự tranh chấp đã lên tới đỉnh điểm, lúc đó mọi người lại hy vọng có được sự

hòa giải, hy vọng sẽ có lại được sự hòa bình và đoàn kết. Cứ liên tục xảy ra như vậy, những niềm hy vọng có được một sự hòa hợp thực sự và lâu dài dường như khó có được. (Chúng ta chỉ tạm nhắc lại và ghi nhận những tình cảnh, lịch sử tranh chấp và chiến tranh của nhân loại từ cổ xưa tới giờ, và chúng ta cũng là những người mang đầy hy vọng về một thế giới đầy hòa bình và hòa hợp lâu dài).

(Quay lại đề tài Phật giáo của quyển sách này, chúng ta thử coi Đức Phật đã nói gì và dạy gì về những cách sống đúng đắn, sống hòa hợp và hòa bình giữa những con người với nhau).

Một đoạn kinh nguyên thủy đầy lòng trắc ẩn đã chỉ ra sự *khác biệt* giữa khát vọng được bình an trong tâm trí con người và thực tế xã hội lại luôn có đầy những sự tranh giành xung khắc giữa người với người. Một lần Đê-thích (*Sakka*), vua của các thiên thần, đã tới gặp Phật và hỏi Phật câu hỏi: *“Những chúng sinh mong muốn sống trong hòa bình, không có sự thù ghét, hãm hại, tàn bạo, hay thù địch; nhưng họ lại sống trong sự thù ghét, hãm hại lẫn nhau, tàn bạo, và như những kẻ thù. Thưa Thế Tôn, vì những gông cùm nào trói chặt mà họ sống theo cách như vậy?”* [coi **đoạn kinh VIII,1**]. Câu hỏi này vẫn kéo dài suốt bao nhiêu thế kỷ, cho tới tận ngày hôm nay vẫn còn những cuộc chiến tranh kéo dài hàng thế kỷ như ở I-rắc, Syria, Dải Gaza, Trung Phi, Sudan, hay vẫn còn những cuộc sát hại nhau ở nhiều nơi ở nước Mỹ được cho là văn minh và pháp luật nghiêm minh, và thậm chí còn những cuộc tranh đấu ở các nước Phật giáo như ở Miến Điện và Tích Lan...

Vấn đề này chắc hẳn cũng đè nặng trong tim Đức Phật trong suốt thời gian Phật đi du hành để giảng đạo khắp vùng đồng bằng sông Hằng. (a) Bối cảnh *xã hội* Ấn Độ thời Phật cũng bị phân chia

thành những tầng lớp thượng lưu và hạ lưu. Còn những ai không thuộc hai giai cấp đó bị đối xử tệ bạc hơn, bị coi là giai cấp vô loại, hạ tiện và thấp hèn nhất. (b) Còn bối cảnh *chính trị* thì lần lượt các vương triều và những vị vua đầy tham vọng nổi lên từ những đồng tro tàn của các chính thể tộc quyền khác, và liên tục dùng vũ lực để phát động những cuộc chiến tranh để giết chóc và bành trướng lãnh thổ. (c) Trong *nội bộ vương triều* thì những người tham vọng quyền lực cũng cắn xé hãm hại nhau liên tục. (d) Thậm chí trong *các cộng đồng các tu sĩ tâm linh* (thậm chí trong Tăng đoàn Phật giáo) cũng không tránh khỏi sự ô nhiễm tranh chấp và tranh phá lẫn nhau. (e) Còn *các triết gia và những tu sĩ nhiều giáo phái* thì cứ luôn tự hào đề cao những giáo thuyết của mình và bài bác bôi nhọ những giáo thuyết của người khác, tranh thủ thu nạp thêm số đông môn đồ, đệ tử.

Trong một bài kệ đầy cảm động được ghi lại trong tập *Kinh Tập* (*Suttanipāta*, kệ 935–37), Đức Phật đã nói ra những sự tranh đấu bạo lực đã tạo ra sự sưng sốt đau thương trong lòng Phật, có lẽ đó là lúc Phật vừa xuất gia khỏi kinh thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) và đã chứng kiến ngay cảnh tranh đấu ở những xứ sở ngoài mẫu quốc của mình:

Sợ hãi khởi sinh khi thấy kẻ dùng bạo lực:  
 Khi thấy người ta tham gia vào xung đột.  
 Ta sẽ nói các người về cảm giác cấp bách trong ta,  
 Ta đã bị xúc động bởi một cảm giác cấp bách đó.

Nhìn thấy người ta run rẩy,  
 Như cá trong mương cạn,  
 Nhìn thấy sự bạo tàn giữa người với người,  
 Sự sợ hãi cứ ập đến với ta.

Khắp thế gian chẳng chỗ nào ra gì;  
Mọi phương đều hỗn loạn.  
Mong có được một chỗ an trú cho mình,  
Nhưng ta chẳng thấy còn nơi nào yên ổn.

(*tạm dịch nghĩa ra tiếng Việt*)

Khi bắt đầu đi giảng đạo, sứ mạng ban đầu của Phật là khai mở con đường đạo dẫn tới mục tiêu là sự bình-an trong-tâm, là sự an ổn tốt cùng của Niết-bàn, sự giải-thoát khỏi cái vòng “sinh, già, bệnh, chết”. Nhưng Phật cũng không phải chỉ lo mục đích đó cho những tu sĩ đang đi tìm sự giải-thoát. Với vị trí của một người từ-bỏ đã bước ra khỏi hệ thống xã hội thế tục, Phật vẫn *nhìn lại* vào trong đó với một sự lo lắng sâu sắc về những sự tranh đấu không ngớt không ngũi của nhân loại—họ không ngớt tranh đấu trong khi trong lòng đa số họ ai cũng mong muốn được sống bình an. *Vì lòng bi mẫn, Phật đã tìm cách mang tới sự hòa-hợp cho những mối quan hệ của con người, để gây dựng một đời sống dựa trên sự bao-dung tha-thứ, sự hòa-hợp, và lòng từ-tế với nhau.*

Không phải chỉ thuyết dạy về những điều đó. Phật còn thiết lập một cộng đồng định hướng (tức cộng đồng các tu sĩ có cùng định hướng, cùng mục đích sống và tu tập, đó là Tăng Đoàn) và Phật đã liên tục đóng góp bằng nhiều cách để mang lại cho nhiều người sự bình an trong-tâm và sự bình an ở-ngoài xã hội. Trách phận này đã thúc đẩy Phật ngay từ bước đầu sau khi giác ngộ; bởi Phật không phải là một du sĩ đơn độc cứ đi giảng giải cho những người đến gặp Phật để được chỉ dạy, rồi sau đó để mặc họ tự làm theo kiểu của mỗi người. Phật đã lập ra một phong trào tâm linh mới để nhiều người đồng tâm thực hiện. (1) Phật đã lập ra Tăng Đoàn các tu sĩ với số lượng tăng dần. Họ sống theo nhóm ở khắp nơi, họ du hành

theo nhóm, và tu tập theo nhóm—những nhóm đó là những Tăng đoàn nhỏ ở khắp nơi.

Nhưng không phải chỉ cởi bỏ áo trần mặc áo cà sa là trở thành thánh nhân ngay. Khi đi từ đời sống tại gia qua đời sống xuất gia trong Tăng đoàn của Phật, những tăng và ni cũng còn mang theo họ những khuynh-hướng tiềm tàng (căn cơ, tập khí, tùy miên, tàng thức) đã nằm sẵn trong tâm thức từ bao kiếp, đó là những khuynh-hướng (hay gông-cùm) tạo ra tham, sân, tự cao, tham vọng, ghen ty, tự ta tự đại (luôn cho mình đúng), và đủ thứ tà-kiến này nọ. Vì vậy, đâu tránh khỏi trong Tăng Đoàn thường xảy ra những căng thẳng, chấp nê, rồi lâu ngày trở thành những tranh chấp, cãi cọ, xung đột, chê ghét, cay đắng, chia rẽ, thậm chí có vài trường hợp cố ý giết hại. Vì vậy, khi Tăng Đoàn phát triển rộng, Phật trở thành một “người tổ chức”. Cho dù Phật đã giảng dạy những điều cao thượng tâm linh để cho mọi người tu tập, nhưng những điều đó không đủ để tạo nên một sự hòa-hợp đáng mong ước trong những tập thể của Tăng đoàn. Do vậy, Phật đã thiết lập những điều giới luật một cách chi tiết để cho các tăng và ni trong Tăng đoàn thực hành theo *một cách nhất quán*, điều đó đã thực sự giúp ích hạn chế tối đa những sự bất đồng trong Tăng đoàn và đặc biệt giúp cho tất cả tăng và ni trì tu giới hạnh vốn là nền tảng cho những sự tu tập tiến bộ tâm linh khác (giới, định, tuệ). Tất cả những điều giới hạnh đó được gom lại thành phần/rễ **Luật Tạng** (*Vinaya*) của kinh điển Phật giáo (bên cạnh phần Kinh Tạng và Vi Diệu Pháp Tạng).

(2) Phật cũng chỉ dạy và hướng dẫn những người dân thường xuyên thực hành những giáo lý ở tại nhà, tức những người tại gia còn đang sống với gia đình và làm ăn quan hệ giữa xã hội. Đây cũng là một trách phận của Phật đưa ra những điều giới hạnh cho các người tại gia. Phật đã đề ra những giới luật căn bản cần thiết

cho mọi người từ cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, người chủ, người làm, và những người khác... nên ghi nhớ và thực hiện để bảo đảm có được sự hòa-hợp và hạnh-phúc. Đối với những người tại gia, những lời dạy và giới luật chủ yếu nhằm mục đích hạn chế và trừ bỏ những điều làm sai trái thiếu đức hạnh, hạn chết những sự tranh chấp, hãm hại, và bạo lực với nhau, và giúp tu dưỡng những điều ngược lại. Đó là phát triển những điều thiện lành, thiện chí, và hòa hợp thông qua việc giữ giới và tu tập ba nghiệp hành động, lời nói, và tâm ý (thân, miệng, ý).

### Cấu Trúc Của Quyển Sách Này

Quyển sách này, là tuyển chọn các bài kinh, muốn chỉ ra những giáo lý của Đức Phật về sự sống hòa-hợp trong các cộng đồng và xã hội. Thực ra quyển sách này được dựa trên một “*tuyển tập các bài kinh*” mà tôi đã biên tập hồi năm 2011 theo lời thỉnh cầu của “*Chương Trình Xây Dựng Hòa Bình & Quyền Con Người*” của Viện Nghiên Cứu Nhân Quyền thuộc Đại Học Columbia University, và nó đã được dùng bởi các Tăng, Ni, Phật tử ở Tích Lan sau khi cuộc xung đột sắc tộc dai dẳng ở nước này mới được chấm dứt hồi năm 2009. Quyển sách này thực ra là một phiên bản mở rộng của nó, và được đưa vào thêm nhiều đoạn kinh mới, và được chỉnh sửa lại mấy chỗ trình bày.

Tất cả những bài kinh (hay đoạn kinh) đều được trích dẫn từ nguồn Kinh Điển Pali, được những người theo Phật giáo Nguyên thủy (*Theravāda*, Trưởng lão Bộ) cho là kinh điển có căn cứ xác đáng là “*Lời của Đức Phật lịch sử*” (*buddha-vacana*); Phật giáo Trưởng Lão Bộ (hay thường được gọi chung chung là “Phật giáo Nguyên thủy” để phân biệt với Phật giáo Phát triển hay Đại thừa sau đó) đã và đang hiện hành ở các nước vùng Nam Á—như Tích



lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, (và một phần phía nam của Việt Nam, thường được gọi chung là Phật giáo Nam Tông hay Nam Truyền).

Những đoạn kinh tôi đã trích dẫn trong sách đều từ phần “Rõ Kinh” tức “Kinh Tạng” (*Sutta Piṭaka*), phần Kinh Tạng gồm năm Bộ Kinh *Nikaya* chứa những bài kinh do Đức Phật và một số vị đại đệ tử kiệt xuất thuyết giảng. Tôi *không* trích dẫn những bài kinh trong phần “Luật Tạng” (*Vinaya Piṭaka*) và “Vi Diệu Pháp Tạng” (*Abhidhamma Piṭaka*). Lý do là, (a) mặc dù trong rõ Luật Tạng có nhiều bài kinh liên quan tới chủ-đề của quyển sách này, nhưng phần kinh trong Luật Tạng đồ sộ đó là chủ yếu dành cho những giới luật và thanh quy của Tăng Đoàn, và do vậy những ai chuyên chú đặc biệt về giới-luật và sự sống hòa-hợp của Tăng Đoàn hay Ni Đoàn thì mới cần đọc chúng cho sâu rộng và đầy đủ hơn. Hơn nữa, (b) có những đoạn kinh trong Luật Tạng cũng nói về sự sống hòa-hợp trong cộng đồng xã hội, nhưng những đoạn kinh đó cũng đã có trong rõ Kinh Tạng rồi.

Mặc dù “Kinh Điển Pāli” được cho là tuyển tập kinh có thẩm quyền và đáng tin cậy nhất của Phật giáo Trưởng Lão Bộ (*Theravāda*), nhưng những bài kinh được trích dẫn trong quyển sách này *không nhất thiết* phải được coi là của riêng trường phái Phật giáo nào cả, bởi vì những bài kinh đó thực sự đã có từ thời tiền thân cổ xưa nhất của Phật giáo, có từ trong những kinh bộ (*nikaya*) chứa những bài kinh đầu nguồn của Phật giáo Tiền thân. Thêm nữa, những giáo lý được trích dẫn ở đây cũng không nhất thiết phải coi là của riêng Phật giáo hay một tôn giáo hay tín ngưỡng nào cả. Với tính chất rõ ràng, tính khai mở, và sự hiểu biết sâu sắc về bản chất của con người, thì những lời kinh đó có thể được nói và được nghe bởi bất cứ ai, *không nhất thiết* phải là người theo đạo Phật. Những

lời kinh là thông điệp phổ quát cho nên chúng có thể được áp dụng cho tất cả những ai muốn xây dựng những quan hệ hòa-hợp tốt lành giữa người với người. Những lời kinh (a) đưa ra những chẩn đoán chỉ ra những gốc rễ căn nguyên của những sự xung khắc và tranh chấp, (b) giảng giải một cách đơn giản và rõ ràng, và (c) đưa ra những phương cách để giải quyết những tranh chấp và xung đột, để dẫn tới sự hòa giải và dung hòa, và để tạo nên một nền tảng chung cho sự hòa-hợp trong xã-hội và trong các đoàn-thể.

Tôi đã sắp xếp các bài kinh theo một cấu-trúc cố ý, dựa theo các khía cạnh hoặc cách hành văn của các lời kinh, để cho thấy những “khuôn-mẫu” của các bài kinh mà Đức Phật đã dùng để giảng dạy. Sau đây tôi sẽ giải thích lý lẽ nằm dưới sự sắp xếp của tôi.

Mỗi CHƯƠNG bắt đầu bằng mấy trang giới thiệu về nó (người dịch Việt đã đặt ở phần cuối sách), nhằm mục đích xâu kết những đoạn kinh trong chương đó và chỉ ra sự kết nối của chúng đối với chủ-đề chính của chương đó.

**CHƯƠNG I** gồm những đoạn kinh nói về sự hiểu biết hay “*Cách-Nhìn Đúng Đắn*” (chánh kiến). Đức Phật đã đặt cách-nhìn đúng đắn là phần đầu tiên của con đường Bát Thánh Đạo. Và rải rác trong kinh điển Đức Phật nhấn mạnh vai trò của cách-nhìn đúng đắn là người dẫn đường của đời sống đạo đức và tâm linh. Bởi vì mục tiêu của quyển tuyển tập này là nói về “*cách-nhìn của Phật giáo về sự hòa-hợp trong cộng đồng và xã hội*” [chứ không nhằm tới phần tu tập của con đường đạo để dẫn tới sự chứng đắc, sự giải-thoát của tâm, hay sự giải-thoát tội cùng của người tu], cho nên những đoạn kinh tôi trích dẫn trong sách này chỉ nhằm chỉ ra sự hiểu-biết và cách-nhìn đúng đắn giúp người ta làm tốt những hành vi đạo đức trong đời sống của mình. Cho nên loại hiểu-biết hay

cách-nhìn đúng đắn này cũng thường được gọi là “*cách-nhìn đúng đắn của thế gian* (chánh kiến thế tục)—để phân biệt với “*cách-nhìn đúng đắn vượt trên thế gian*” (chánh kiến siêu thế) là loại trí-tuệ nhìn thấy tính-không và tính vô-ngã trong mọi thứ có điều-kiện (hữu vi) vốn là những gốc rễ trói buộc chúng ta trong vòng luân-hồi sinh tử.

Cách-nhìn đúng đắn về nguyên lý nghiệp (*kamma*) có tác động quyết định hành vi đạo đức của mỗi người. Khi chúng ta nhận ra rằng những hành động của chúng ta sẽ tác động lại chính chúng ta và quyết định sự lành-dữ trong những kiếp sau, thì chúng ta có động cơ dẹp bỏ những tâm tính ô nhiễm của tâm và kiêng cử những hành vi xấu ác. Thay vì sống lơ tâm, chúng ta thấy vui thích làm những hành vi tốt đẹp và tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. Nhờ có sự hiểu biết đúng đắn nên *dẫn tới ý* định và hành vi đúng đắn. “Khuôn mẫu kinh” này cũng được thấy trong cấu trúc của con đường Bát Thánh Đạo, trong đó cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) *dẫn tới ý*-định đúng đắn (chánh tư duy), rồi tiếp tục thể hiện ra bằng lời-nói đúng đắn (chánh ngữ), hành-động đúng đắn (chánh nghiệp), và sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng).

**CHƯƠNG II**, tôi coi sự tác-động tích-cực của cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) vào mỗi cá nhân là hoàn toàn khả thi, nên tôi đặt vấn đề này dưới cái tựa cho chương này là “*Sự Tu Tập Cá Nhân*”. Phật giáo Tiền thân đã nhìn thấy sự chuyển hóa cá nhân là chìa khóa để chuyển hóa xã hội (giống như sự tốt lành của tế bào là sự tốt lành của thân thể vậy). Một xã hội bình yên và hòa hợp khó có thể có được bằng cách áp đặt những quy định luật lệ khắt khe mà chỉ có thể có được một cách bền vững từ nhận-thức của mọi người về những chuẩn mực đáng để làm theo, để từ đó hành-xử đúng đắn. Do vậy, việc xây dựng sự hòa-hợp trong các cộng đồng và xã hội

nên bắt đầu từ việc chuyên hóa cá nhân con người! (Một trong những mục tiêu chính của hệ thống giáo dục phổ thông trong các xã hội cũng là để chuyển hóa tạo ra những con người có đủ hiểu biết hành xử và tiến bộ trong xã hội, ngoài cái mục tiêu phát triển nguồn nhân lực về mặt trí thức, khoa học...). Sự chuyển hóa cá nhân là bao gồm một tiến trình tu tập cả về *hành vi đối xử bên ngoài* và *sự thanh lọc nội tâm bên trong*. Dựa theo mô hình truyền thống của Phật giáo, tôi dẫn ra tiến trình chuyên hóa cá nhân dưới ba tiêu đề là: *Tâm rộng lòng* (bố thí), *Giới hạnh đạo đức* (trì giới), và *Tu tập tâm* (thiền tập).

**CHƯƠNG III**, trở ngại chủ yếu của sự sống hòa hợp trong gia đình, cộng đồng và xã hội chính là sự sân giận và ganh ghét. Sân (ở nhiều mức độ nặng nhẹ khác nhau) là hạt giống phát sinh sự thù ghét, và chính vì lẽ này, tiến trình tu tập cá nhân của Đức Phật nhấn mạnh đặc biệt vào phần *kiểm soát và loại bỏ sân*. Do vậy, nên tôi đã đặt tên cho Chương III này là “**Xử Lý Sân Giận**”. Những đoạn kinh trong chương này chỉ ra: (a) những nguồn gốc từ đó phát sinh sân giận, (b) sự tiêu cực và sự nguy hại khi chúng ta dính sân giận, thù ghét, và (c) những thuốc giải độc, những cách trị liệu có thể dùng để loại bỏ tâm sân giận thù ghét. Một giải pháp lớn cho sự sân giận là *sự nhẫn-nhịn*, mà chính Đức Phật đã dùng trong những tình huống khó chịu nhất. Hai phần sau của chương này gồm những đoạn kinh nói về hạnh nhẫn-nhịn, cả hai phần đều chứa những lời chỉ dạy và cả những câu chuyện về những tấm gương bậc nhất của hạnh nhẫn-nhịn.

**CHƯƠNG IV** là nói về phần “**Lời-Nói Đúng Đắn**” (chánh ngữ). Lời nói hay ngôn từ là một khía cạnh của đạo đức con người, có vai trò rất quan trọng trong việc tạo nên sự hòa hợp trong gia đình, các cộng đồng, và xã hội, do đó nên Đức Phật cũng đã xếp

phần chánh ngữ này thành một phần lớn của Bát Thánh Đạo. Tôi cũng dựa theo lời dạy và sự nhấn mạnh của Đức Phật như vậy để cố gắng tuyển chọn nhiều bài kinh nói về đề tài chánh ngữ này. Những bài kinh dạy về chánh ngữ của Đức Phật trong chương này không chỉ nói về những lời nói đúng đắn, hiền lành như chúng ta thường biết, mà chúng còn chỉ dạy cách thức đúng đắn cần áp dụng để (a) khi tham gia vào những cuộc thảo luận tranh luận, (b) khi khen ngợi hay phê bình người khác, và (c) cách thức nên dùng để khi cần sửa chữa uốn nắn một người làm điều sai trái hay phạm quy.

**CHƯƠNG V** nói về “*Bạn Hữu Tốt*”. Từ phần tu tập cá nhân, chúng ta chuyển thẳng qua phần những mối quan hệ giữa người và người. Bắt đầu là *sự có bạn tốt, Đức Phật nhấn mạnh đó là căn bản cho một đời sống tốt lành (trong đời sống thế tục cũng như sự nghiệp tu hành)*. Từ những lời kinh tôi đã tuyển chọn trong chương này, chúng ta có thể thấy Đức Phật đã (a) giảng giải giá trị của tình bạn hữu là rất quan trọng trong cả cộng đồng những người tại gia và cộng đồng các tăng ni xuất gia, (b) chỉ rõ ra những phẩm chất thực sự của một người bạn tốt là gì, và (c) chỉ ra cách những người bạn hữu nên đối xử với nhau như thế nào. Phật rõ ràng coi sự có bạn tốt là một căn bản để thành công trong đời sống tại gia và thành tựu tu tiên trong đời sống xuất gia của các tăng, ni.

**PHẦN VI** được đặt tên là “*Lợi lạc cho mình, lợi lạc cho người*”, chương này mở rộng thêm những tác động của cá nhân và những loại người tốt xấu. Trong chương này tôi chọn đưa vào những bài kinh trong đó Đức Phật nhấn mạnh sự liên can ảnh hưởng của những hành vi đạo đức của cá nhân đối với cộng đồng và xã hội. Chương này bắt đầu bằng những đoạn kinh (a) nói về sự tương phản khác biệt của một người ngu và người trí, người xấu và

người tốt. (b) Tiếp theo đó chỉ ra và so sánh sự khác biệt của những người tu tập cho sự lợi lạc của riêng mình, và những người tu tập cho sự lợi lạc của mình và của cả người khác. Những đoạn kinh nói về vấn đề này của cả những người tu xuất gia và những người tu tại gia. Sau những đoạn kinh đó chúng ta thấy rõ ràng, con đường tu tập tốt lành nhất là bao gồm cả hai phần: cho lợi lạc của mình và cho lợi lạc của người khác.

**CHƯƠNG VII** nói về loại “*Cộng đồng có định hướng*”, tức những cộng đồng được lập ra theo định hướng và mục đích chung nào đó; (ví dụ như Tăng đoàn, hay các cộng đồng, đoàn thể tôn giáo, xã hội khác). “Cộng đồng có định hướng” thì có phần khác với “cộng đồng tự nhiên” tự phát mà có.

Đức Phật là người sáng lập ra Tăng Đoàn, không phải là một giáo chủ giáo phái, và những điều Phật đưa ra trong việc thiết lập và xây dựng Tăng Đoàn hoàn toàn là vì đời sống tu tập của Tăng Đoàn (chứ không phải vì lợi ích của người đứng đầu cộng đồng hay giáo chủ). (a) Phật đưa ra những nguyên tắc cho Tăng Đoàn tuân theo để có được đời sống hòa hợp trong Tăng Đoàn. (b) Nhưng những lúc có những vị quan chức hay người đứng đầu địa phương đến gặp Phật để được tư vấn về cách duy trì sự sống hòa hợp trong xã hội thế tục, thì Phật cũng đã chỉ dạy, và những sự chỉ dạy đó cũng đã được ghi lại trong các bài kinh. (c) Những phần sau của chương này cũng nói về sự hợp tác tương trợ giữa hai cộng đồng Phật giáo: đó là cộng đồng Tăng Đoàn xuất gia và cộng đồng các Phật tử tại gia.

**CHƯƠNG VIII**, nói rõ hơn về “*Những Tranh Chấp*” trong đời sống cộng đồng và xã hội. Mặc dù trong các cộng đồng, kể cả trong các cộng đồng Tăng Đoàn, có nhiều người đã có sự hiểu biết và

hành động với những tâm ý thiện lành tốt đẹp nhất, nhưng họ vẫn còn mang theo trong tâm trí của mình những khuynh-hướng tiềm ẩn, hay đơn giản hơn là những tâm-tính dẫn tới tạo ra những sự tranh chấp, tranh cãi, chia rẽ, và phe phái. Do vậy “*Những tranh chấp*” là chủ đề của chương này. Những bài kinh trong chương này chỉ ra những tranh chấp nội-bộ trong những cộng đồng của Tăng Đoàn và cộng đồng của những người tại gia thế tục. Nhìn chung, những sự tranh chấp bất đồng ở trong cả hai cộng đồng đều có những nguồn gốc nguyên nhân giống nhau; nhưng cũng có một số mặt thì các nguyên nhân tranh chấp có khác nhau.

Và chương này theo lẽ nhiên dẫn tới chương sau.

**CHƯƠNG IX**, vì chương VIII ở trên nói về những sự tranh chấp cho nên tự nhiên nó dẫn qua chương IX với mục đích “*Giải quyết những tranh chấp*”: tức đưa ra những phương cách phương tiện để giải quyết những loại tranh chấp thường có trong các cộng đồng. Ở đây chúng ta lại nhìn thấy rõ hơn về Đức Phật trong vai trò một người (a) thiết lập những nguyên-tắc và hướng-dẫn cho Tăng Đoàn nhằm giải quyết những tranh chấp, và (b) đưa ra những phương thức tu tập để cho các tu sĩ tu tiến và có thể phòng tránh những sự tranh chấp có thể phát sinh trong tương lai.

**CHƯƠNG X**, là chương cuối cùng của quyển tuyển tập này. Từ chương trước với chủ đề nói về một cộng đồng có định hướng (như Tăng Đoàn), giờ chúng ta bước sang nói luôn về những cộng đồng lớn hơn là xã hội thế tục. Nên chương này có chủ đề là “*Thiết lập một xã hội công bằng*”. Trong chương này tôi trích dẫn từ những bài kinh khám phá ra những mối quan hệ đan chéo và phức tạp vốn tạo nên mạng lưới muôn vàn và chằng chịt của xã hội. (a) Chương này gồm những đoạn kinh ghi lại những giáo lý của Phật về đời

sống gia đình, về những mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, vợ và chồng, và cách duy trì sự hạnh phúc và lợi lạc trong nhà cửa, gia đình. (b) Phần cuối cùng của chương này nói về những ý tưởng của Đức Phật về sự cai trị đúng đắn của những vị vua và vương quyền thời đó. Phật dùng danh từ “*vị vua quay chuyển bánh xe pháp*” (*rājā cakkavattī*, chuyên pháp luân vương); [nhưng vì để tránh nhầm lẫn với Đức Phật là vị Pháp Vương, nên có những lúc tôi đã tạm dịch là “*vị vua chân chánh*” (hay chánh luân vương): người cai trị lãnh thổ dựa trên quy tắc đạo đức]. Mặc dù những nguyên tắc cai trị Đức Phật đã đề nghị cho một vương triều phong kiến dường như đã lạc hậu trong thời hiện đại hiện nay khi con người đang hướng tới các nền dân chủ, nhưng những ý nghĩa nhấn mạnh về sự công-bằng, lòng nhân-tử nhân-ái, lễ đạo-lý, và sự chân-chánh là *căn bản* vẫn cần phải có trong một chính quyền, thì những lời kinh cổ xưa của Đức Phật vẫn còn nguyên những giá trị đương đại của chúng.



# **CHƯƠNG I – CÁCH-NHÌN ĐÚNG ĐẴN**



## 1. Chánh Kiến Dẫn Đầu

“Này các Tỳ kheo, cách-nhìn đúng dẫn (chánh kiến) là dẫn trước. Và làm cách nào cách-nhìn đúng dẫn là dẫn trước? Người hiểu được ‘cách-nhìn sai lạc là cách-nhìn sai lạc’ và ‘cách-nhìn đúng dẫn là cách-nhìn đúng dẫn’: đây là cách-nhìn đúng dẫn của người đó.

“Và cái gì là cách-nhìn sai lạc (tà kiến)? (Đối với họ): ‘Không có thứ được cho đi (vì họ nghĩ không có phước quả gì từ việc cho đi, nên không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không có thứ gì được hy sinh hiến tế; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn nào tốt và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp rồi tuyên bố lại cho người khác biết.’ Đây là cách-nhìn sai lạc.

“Và cái gì là cách-nhìn đúng dẫn (chánh kiến)? Cách-nhìn đúng dẫn, ta nói, có hai dạng: (a) có *cách-nhìn đúng dẫn còn dính những dòng-chảy-vào* (ô nhiễm từ bên ngoài chảy vào tâm), là **còn dính theo công đức phước báo, còn dính chấp được lợi được lạc**; và (b) có *cách-nhìn đúng dẫn là thánh thiện*, là không còn dính những dòng-chảy-vào, là siêu thế, là một phần (yếu tố, chi) của con đường (bát thánh) đạo.<sup>2</sup>

“Và cái gì là *cách-nhìn đúng dẫn còn dính những dòng-chảy-vào, còn dính theo công đức phước báo, còn dính chấp được lợi được lạc*? (Đối với họ): ‘Có thứ được cho đi (vì họ tin có công đức từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được hiến

tế; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp rồi tuyên bố lại cho người khác biết.’ Đây là *cách-nhìn đúng đắn còn dính những dòng chảy vào*, còn dính theo công đức phước báo, còn dính chấp được lợi được lạc.

“Và cái gì là *cách-nhìn đúng đắn là thánh thiện, không còn dính những dòng-chảy-vào*, là siêu thế, là một phần/chi của con đường (bát thánh) đạo? Trí tuệ, căn trí tuệ, năng lực trí tuệ, và yếu tố giác ngộ là sự điều tra các hiện tượng (yếu tố trạch pháp) chính là phần/chi “chánh-kiến” của con đường đạo bên trong một người có tâm là thánh thiện, tâm không còn dính những dòng chảy vào, người đã đạt-được con đường thánh đạo và đang phát triển con đường thánh đạo: đây là *cách-nhìn đúng đắn là thánh thiện, không còn dính những dòng-chảy-vào*, là siêu thế, là một phần/chi của con đường (bát thánh) đạo.

“Người nỗ lực dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc và bước vào cách-nhìn đúng đắn: đây là sự nỗ-lực đúng-đắn (chánh tinh tấn) của người đó. Một cách chú tâm, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc: đây là sự chú-tâm đúng-đắn (chánh niệm) của người đó. Như vậy, ba trạng thái (ba pháp) này chạy theo và vòng quanh cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến); ba đó là: cách-nhìn đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, và sự chú-tâm đúng đắn.”

(trích MN 117; MLDB 934–35)

## 2. Hiểu Biết Điều Thiện và Bất Thiện

[Ngài Xá-lợi-phất đã nói:]

“Này các đạo hữu, một người đệ tử thánh thiện hiểu biết điều bất thiện và gốc rễ của điều bất thiện, điều thiện và gốc rễ của điều thiện; theo cách đó người đó là người có cách-nhìn đúng đắn, cách-nhìn của người đó là chánh trực, người đó có niềm-tin hoàn hảo vào Giáo Pháp và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

“Và, này các đạo hữu, cái gì là điều bất thiện, cái gì là gốc rễ của điều bất thiện; cái gì là điều thiện và cái gì là gốc rễ của điều thiện? Sát sanh là bất thiện, lấy thú không được cho là bất thiện; hành vi tính dục bất chính là bất thiện; lời nói sai sự thật là bất thiện; lời nói gây chia rẽ là bất thiện; lời nói gắt gỏng là bất thiện; nói chuyện tầm phào, tán gẫu là bất thiện; thèm muốn là bất thiện; ác ý là bất thiện, cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là bất thiện. Đó được gọi là những điều bất thiện. Và cái gì là gốc rễ của điều bất thiện? Tham là một gốc rễ của những điều bất thiện; sân là một gốc rễ của những điều bất thiện; si là một gốc rễ của những điều bất thiện. Đó được gọi là gốc rễ của những điều bất thiện.

“Và cái gì là điều thiện? Kiên cữ, không sát sinh là thiện lành; không lấy của không cho là thiện lành; không hành vi tính dục bất chính là thiện lành; không nói dối nói sai sự thật là thiện lành; không nói lời chia rẽ là thiện lành; không nói lời gắt gỏng là thiện lành; không nói chuyện tầm phào, tán gẫu là thiện lành; không thèm khát là thiện lành; hiền từ là thiện lành; cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là thiện lành. Đó được gọi là những điều thiện. Và cái gì là gốc rễ của những điều thiện? Vô-tham là một gốc rễ của những điều thiện; vô-sân là một gốc rễ của những điều thiện; vô-si là một gốc rễ của những điều thiện. Đó được gọi là gốc rễ của những điều thiện.”

(trích MN 09; MLDB 132–33)

### 3. Tóm Lược về Nghiệp

[Đức Phật giảng cho các Tỳ kheo:]

“Khi ta đã nói như vậy: ‘Nghiệp nên được hiểu biết, nguồn gốc của nghiệp nên được hiểu biết, sự đa dạng của nghiệp nên được hiểu biết, nghiệp quả nên được hiểu biết, sự chấm dứt nghiệp nên được hiểu biết, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp nên được hiểu biết’, vì lý do gì ta đã nói như vậy?

“Này các Tỳ kheo, chính *ý-hành* (sự cố-ý) ta gọi là nghiệp (*kamma*). Bởi đã có ý, nên một người mới hành động bằng thân, lời nói, và ý nghĩ.

“Và cái gì là nguồn và gốc của nghiệp? Sự *tiếp-xúc* chính là nguồn và gốc của nghiệp.

“Và cái gì là sự đa dạng của nghiệp? Có nghiệp được nếm trải trong địa ngục; có nghiệp được nếm trải trong cõi súc sinh; có nghiệp được nếm trải trong cõi hồn ma ngạ quỷ đọa đày; có nghiệp được nếm trải trong cõi người; và có nghiệp được nếm trải trong cõi trời. Đây được gọi là sự đa dạng của nghiệp.

“Và cái gì là nghiệp quả? Quả của nghiệp, ta nói, có ba dạng: [được nếm trải] ngay trong kiếp này, hoặc trong kiếp sau, hoặc trong thời kiếp nào sau đó. Đây được gọi là quả của nghiệp.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chấm dứt của nghiệp? *Khi chấm dứt sự tiếp-xúc thì chấm dứt nghiệp*; (vì sự tiếp xúc là nguồn gốc của nghiệp).

“Con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo) là con đường

dẫn tới sự chấm dứt nghiệp, bao gồm các phần được gọi là cách-nhìn đúng-đắn . . . sự định-tâm đúng-đắn (chánh kiến . . . chánh định).

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết được như vậy về nghiệp, nguồn gốc của nghiệp, sự đa dạng của nghiệp, nghiệp quả, sự chấm dứt nghiệp, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nghiệp, là người đó hiểu biết được (mục tiêu của) đời sống tu tâm thâm nhập này chính là sự chấm dứt (nghiệp).”

(trích AN 6:63; NDB 963)

#### 4. Chúng Sinh Trả Giá Cho Nghiệp Của Mình

[Đức Phật nói với một bà-la-môn:]

“Này bà-la-môn, khi tâm đã đạt định như vậy, đã được thanh lọc tinh khiết, không còn bị dính dơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị kích động (bất lay chuyển), ta hướng nó (tâm) tới *sự hiểu-biết về sự chết đi và tái sinh của chúng sinh* (thiên nhãn minh). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc

thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ Như vậy đó, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động của mình như vậy. Đây là sự hiểu-biết (trí biết, minh) thứ hai mà ta đã chứng ngộ được vào canh giữa (canh ba) của đêm đó (đêm Phật giác ngộ).

Sự u tối vô minh đã bị xua tan và loại hiểu-biết đích thực đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chú tâm (có chánh niệm, không lơ tâm, không thất niệm), nhiệt thành, và quyết tâm. Này bà-la-môn, đây chính là sự bừng ngộ thứ hai của ta, giống như con gà con vừa bung phá ra khỏi vỏ trứng.”

(AN 8:11)

## 5. Khi Tự Mình Hiểu Biết

Rồi những người Kālāma nói với đức Thế Tôn như vậy:

“Thưa ngài, một số tu sĩ và bà-la-môn đã đến Kesaputta giảng giải và tuyên dương những học thuyết của họ nhưng chê bai, moi móc, chửi bới và nói xấu những học thuyết của người khác. Nhưng sau đó lại có những tu sĩ và những bà-la-môn khác đến Kesaputta, và họ cũng giảng giải và tuyên dương những học thuyết của họ nhưng chê bai, moi móc, chửi bới và nói xấu những học thuyết của người khác. Thưa ngài, chúng tôi bối rối và nghi ngờ vì không biết trong những vị tu sĩ và bà-la-môn đó ai là người nói đúng và ai là



người nói sai.”

“Này các người Kālāma, nghi ngờ là điều hợp lý thôi. Bởi vì sự nghi ngờ khởi lên từ một vấn đề còn làm (các người) bối rối. Hãy như vậy, này các người Kālāma. Đừng tin theo điều gì do (i) bởi đó là những điều được lưu truyền bằng miệng; (ii) bởi đó là lời giáo lý dạy đời, bởi lời đồn đại, bởi do kinh sách; (iii) bởi do lý luận, bởi lý lẽ do suy luận, bởi sự nhận biết do suy lý, bởi sự chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc nó; (iv) bởi do đáng mạo người nói trông có vẻ tài giỏi, hay bởi do nghĩ rằng ‘Người nói là sư thầy của ta mà.’” Nhưng khi nào các người tự mình biết được: ‘Những điều nào là không thiện lành; những điều nào là tội lỗi, đáng chê; những điều nào bị quở trách bởi những bậc trí hiền; những điều nào nếu nhận lấy và thực hành sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau’, thì các người nên từ bỏ chúng.

“Này các người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi tham, sân, và si khởi sinh trong một người, điều đó là phúc lành hay nguy hại cho người đó?”

– “Là nguy hại cho người đó, thưa ngài.”

– “Này các người Kālāma, một người tham lam, thù ghét, và ngu mờ; bị chi phối bởi tham, sân, si; những ý nghĩ của người đó bị chi phối bởi tham, sân, si, thì người đó sẽ có sát sinh, trộm cắp, có hành vi tính dục bất chính, và nói dối; và người đó cũng sẽ xúi giục người khác làm vậy. Điều đó có sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài cho người đó phải không?”—“Đúng vậy, thưa ngài.”

“Này các người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?”—“Không thiện lành, thưa ngài”

“Đáng chê hay đáng khen?”—“Đáng chê, thưa ngài.”

“Là bị quả trách hay được khen ngợi bởi những bậc trí hiền?”—  
“Bị quả trách, thưa ngài.”

“Nếu nhận lấy và thực hành những điều đó, chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau phải không, hoặc sẽ ra sao nếu làm vậy?”—  
“Nếu nhận lấy và thực hành những điều đó, chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau. Đối với chúng tôi, điều đó [cho thấy] như vậy.”

“Này các người Kālāma, bởi chính lý do đó nên ta nói: ‘Đừng tin theo điều gì do (i) . . .’ Nhưng khi nào các người tự mình biết được: ‘Những điều nào là thiện lành; những điều nào là đáng khen; những điều nào không bị quả trách bởi những bậc trí hiền; những điều nếu nhận lấy và thực hành sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc’, thì các người nên làm chúng.

“Này các người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô tham, vô sân, và vô si khởi sinh trong một người, điều đó là phúc lành hay nguy hại cho người đó?”— “Là phúc lành cho người đó, thưa ngài.”

“Này các người Kālāma, một người *không có* tham lam, không thù ghét, và không ngu mờ; không bị chi phối bởi tham, sân, si; những ý nghĩ của người đó không bị chi phối bởi tham, sân, si, thì người đó không sát sinh, không trộm cắp, không hành vi tính dục bất chính, và không nói dối; và người đó cũng sẽ khuyến khích người khác không làm vậy. Điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc lâu dài cho người đó phải không?”— “Đúng vậy, thưa ngài.”

“Này các người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là thiện lành hay không thiện lành?”— “Thiện lành, thưa ngài”

“Đáng trách hay đáng khen?”— “Đáng khen, thưa ngài.”

“Bị quở trách hay được khen ngợi bởi những bậc trí hiền?”—  
“Được khen ngợi, thưa ngài.”

“Nếu nhận lấy và thực hành những điều đó, chúng sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc, hay sẽ ra sao nếu làm vậy?”— “Nếu nhận lấy và thực hành những điều đó, chúng sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc. Đối với chúng tôi, điều đó [cho thấy] như vậy.”

“Này các người Kālāma, bởi chính lý do đó nên ta nói: ‘Đừng tin theo điều gì do (i) . . . .’ Nhưng khi các người tự mình biết được: ‘Những điều nào là thiện lành; những điều nào là đáng khen; những điều nào không bị quở trách bởi những bậc trí hiền; những điều nếu nhận lấy và thực hành sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc’, thì các người nên làm chúng.”

“Vì lẽ đó nên ta nói như vậy.”

(trích AN 3:65)

## 6. Giáo Lý ‘Đặt Người Khác Là Mình’

. . . Những gia chủ của vùng Cồṅṅ Tre (Trúc Môn) đã thưa với đức Thế Tôn: “Mong Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho chúng tôi Giáo Pháp sao cho chúng tôi có được một cách sống hạnh phúc tại gia và sau khi chết sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

“Này các gia chủ, ta sẽ dạy cho các người một Giáo Pháp ứng dụng được cho mỗi người. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” —

“Dạ, thưa Thầy”, những gia chủ bà-la-môn vùng Cồṅṅ Tre đã đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các gia chủ, cái gì là Giáo Pháp ứng dụng được cho mỗi người?

- “Ở đây, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Ta là người muốn được sống chứ không muốn chết; ta muốn được hạnh phúc chứ không muốn bị khổ đau. Vì ta là người muốn được sống . . . và không muốn bị khổ đau, nên nếu có ai lấy mạng ta thì ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta lấy mạng người (hay vật) khác—người (hay vật) đó cũng muốn được sống chứ không muốn chết, muốn được hạnh phúc chứ không muốn bị khổ đau—thì người (hay vật) đó cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người (hay vật) khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người (hay vật) khác?’. (Điều gì mình không muốn thì đừng làm với người khác). Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện kiêng cử, không sát sinh, khuyên khích người khác không sát sinh, và khen ngợi việc kiêng cử sát sinh. Như vậy đức hạnh về *thân* (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

- “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai muốn lấy thứ ta không cho, đó là trộm cắp của ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta lấy thứ người khác không cho ta, tức là trộm cắp của người khác, điều đó người khác đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’. Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện kiêng cử, không lấy thứ không được cho, khuyên khích người khác không lấy thứ không được cho, và khen ngợi việc kiêng cử lấy trộm ăn cắp. Như vậy đức hạnh về *thân* (hành động) của người đó được

thanh lọc theo ba cách.

- “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai muốn ngoại tình với vợ ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta đi ngoại tình với vợ của người khác, điều đó người khác đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện kiêng cử, không hành vi tính dục bất chính, khuyên khích người khác không hành vi tính dục bất chính, và khen ngợi việc kiêng cử tà dâm tà dục. Như vậy đức hạnh về thân (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

- “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai nói dối nói sai để làm hại ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta nói dối nói sai để làm hại người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện kiêng cử, không nói dối không nói sai sự thật, khuyên khích người khác không nói dối, và khen ngợi việc kiêng cử nói dối. Như vậy đức hạnh về thân (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

- “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai chia rẽ ta với bạn bè thân hữu bằng lời nói gây chia rẽ, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ ta chia rẽ người khác và bạn bè thân hữu của họ, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. . . .’ Như vậy đức hạnh về thân (hành

động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

- “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai nói với ta bằng những lời gắt gỏng, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ ta nói lời gắt gỏng với người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. . . .’ Như vậy đức hạnh về thân (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

- “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai nói với ta những lời tầm phào và tán gẫu, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta nói lời tầm phào và tán gẫu người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện kiên cữ, không nói lời tầm phào vô ích, khuyên khích người khác không nói lời tầm phào vô ích, và khen ngợi việc kiên cữ việc nói lời tầm phào, nói lời vô ích. Như vậy đức hạnh về thân (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

*(trích SN 55:07)*

## **CHƯƠNG II – TU TẬP CÁ NHÂN**





## 1. Sự Rộng Lòng Cho Đi (Bố Thí)

### (1) Tính Keo Kiệt

“Này các Tỳ kheo, có năm loại tính keo kiệt. Năm đó là gì? Tính keo kiệt về chỗ ở, keo kiệt về mặt gia đình, keo kiệt về lợi lộc, keo kiệt về lời khen, và keo kiệt về Giáo Pháp. Đó là năm loại tính keo kiệt; ti tiện nhất là tính keo kiệt về Giáo Pháp. Đời sống tâm linh được sống (tu hành) là để dẹp bỏ và xóa bỏ năm loại tính keo kiệt đó.”

(AN 5:254–55; NDB 839)

### (2) Thành Tựu Về Tâm Rộng Lòng Bố Thí

“Cái gì là thành tựu về tâm rộng lòng bố thí? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện sống tại gia với một cái tâm không còn dính nhiễm tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, mở rộng bàn tay, vui thích sự từ bỏ, đóng góp từ thiện, thích cho đi và chia sẻ.’ Đây được gọi là sự thành tựu về tâm rộng lòng bố thí.”

(trích AN 4:61; NDB 450)

### (3) Những Lý Do Của Việc Cho Tặng

“Này các Tỳ kheo, có tám lý do để cho tặng. Tám đó là gì? (i) Người ta cho tặng vì tình cảm; hoặc (ii) vì bức tức; hay (iii) vì ngu si; hoặc (iv) vì sợ hãi; hoặc (v) với ý nghĩ: ‘Những thứ cúng dường đó đã được ông và cha ta cúng dường trước đây; chẳng đáng gì ta phải hủy bỏ truyền thống đó của gia đình (vì cha ông làm sao ta cứ làm theo vậy)’; hoặc (vi) với ý nghĩ: ‘Cho tặng để sau khi chết ta sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời’; hoặc (vii) với ý nghĩ: ‘Khi cho đi, trái tim ta sẽ vui tươi, và niềm hạnh

phúc và hoan hỷ sẽ khởi sinh trong ta’; hoặc (viii) cho đi vì việc cho đi làm thánh thiện và làm đẹp đẽ cái tâm.”

(AN 8:33; NDB 1166)

#### **(4) Món Quà Của Một Người Ưu Việt (Thượng Nhân)**

“Này các Tỳ kheo, đây là năm thứ quà tặng bởi một người ưu việt. Năm đó là gì? “Người đó cho tặng một món quà vì có niềm-tin; người đó cho tặng một món quà một cách kính trọng; người đó cho tặng một món quà đúng thời đúng lúc; người đó cho tặng một món quà với tấm lòng rộng lượng; người đó cho tặng một món quà mà (trong tâm) không có sự làm tổn thấp ai.

“Vì người đó *cho tặng vì-có-niềm-tin*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó đẹp đẽ, lịch lãm, duyên dáng, được phú cho làn da tuyệt đẹp.

“Vì người đó *cho tặng một-cách tôn-kính*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và vợ, con, những người ở, người làm, những người đưa tin của người đó đều biết kính trọng vâng lời, biết lắng nghe người đó, và biết vận dụng tâm trí để hiểu người đó.

“Vì người đó *cho tặng đúng-thời đúng-lúc*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và những lợi ích sẽ đến với người đó đúng thời đúng lúc, một cách dồi dào.

“Vì người đó *cho tặng với tấm-lòng rộng-lượng*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và tâm của người đó hướng tới thụ hưởng

được những thứ tốt nhất trong năm loại [dây] khoái lạc giác quan.

“Vì người đó *cho tặng mà không-làm tổn-thấp chính mình hay người khác*, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó không mất mát tài sản ở bất cứ nơi nào, không bị mất bởi hòa loạn, lũ lụt, vua chúa, trộm cướp, hay bởi những người thừa kế bất nghĩa.

“Này các Tỳ kheo, đó là năm loại quà cho tặng của một người ưu việt.”

(AN 5:148; NDB 763–64)

### **(5) Cho, Tặng, Cúng Dường Thức Ăn (1)**

“Này các Tỳ kheo, nếu người ta hiểu biết về nghiệp quả của sự cho đi và chia sẻ, như ta biết, thì có lẽ họ sẽ không ăn nếu chưa cho, họ sẽ không để cho sự ô nhiễm của tính keo kiệt ám muội họ và bắt rễ trong tâm họ. Ngay cả còn một miếng cuối cùng, một miếng cuối cùng, họ sẽ không ăn nếu chưa chia sẻ nó khi có người để họ chia sẻ. Nhưng, này các Tỳ kheo, do người ta không hiểu biết về nghiệp quả của việc cho đi và chia sẻ, như ta biết, nên họ ăn mà không cho, và sự ô nhiễm của tính keo kiệt ám muội họ và bắt rễ trong tâm họ.”

(It 26; 18–19)

### **(6) Cho, Tặng, Cúng Dường Thức Ăn (2)**

“Này Suppavāsā, một đệ tử nữ thánh thiện, bằng cách cúng dường thức ăn, là cô cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Cô cho tặng tuổi thọ, sắc đẹp, hạnh phúc, và sức mạnh. Bằng cách cho tặng tuổi-thọ, bản thân cô sẽ được phú cho

tuổi thọ, cho dù (sau này tái sinh) ở cõi người hay cõi trời. Bằng cách cho tặng sắc-đẹp, bản thân cô sẽ được phú cho sắc đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Bằng cách cho tặng hạnh-phúc, bản thân cô sẽ được phú cho hạnh phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Bằng cách cho tặng sức-mạnh, bản thân cô sẽ được phú cho sức mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một đệ tử nữ thánh thiện, bằng cách cúng dường thức-ăn là cho tặng bốn thứ nói trên cho những người nhận thức ăn.”

(AN 4:57)

### **(7) Món Quà Giáo Pháp**

“Này các Tỳ kheo, có hai loại quà tặng như vậy. Hai đó là gì? Quà tặng là hiện vật vật chất và quà tặng là Giáo Pháp. Đó là hai loại quà tặng. Trong hai loại quà tặng đó, món quà Giáo Pháp là quan trọng bậc nhất. Có hai loại cúng dường như vậy . . . có hai loại tâm rộng lòng bố thí như vậy . . . có hai loại đối tượng để từ bỏ. Hai đó là gì? Đó là sự từ bỏ [cho đi] những thứ của cải vật chất và sự từ bỏ [bằng cách cho tặng, bố thí] Giáo Pháp. Đó là hai loại từ bỏ. Trong hai loại từ bỏ đó, sự từ bỏ [cho tặng, bố thí] Giáo Pháp là quan trọng bậc nhất.”

(AN 2:141–44)

## **2. Hành Vi Đức Hạnh (Giới Hạnh)**

### **(1) Sự Soi Xét Nội Tâm về mặt Đạo Đức**

“Này Rāhula (La-hầu-la) con nghĩ sao? Mục đích của tấm gương là gì?”

“Mục đích là để soi mặt, thưa Thế Tôn.”

“Cũng như vậy, này Rāhula, một hành động bằng thân (thân nghiệp) nên được làm sau khi đã soi xét nhiều lần; một hành động bằng lời nói nên được làm sau khi đã soi xét nhiều lần; một hành động bằng tâm ý nên được làm sau khi đã soi xét nhiều lần.

“Này Rāhula, khi con muốn làm một hành động bằng thân, con nên soi xét chính hành động đó như vậy: ‘*Liệu hành động này ta muốn làm bằng thân có dẫn tới khổ đau cho ta, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả ta và người khác, hay không? Đây có phải là một hành động thân bất thiện có những hệ quả khổ đau, có nhiều hậu quả khổ đau, hay không?*’ Khi con soi xét như vậy, nếu con biết: ‘*Hành động này mình muốn làm bằng thân sẽ dẫn tới khổ đau cho mình, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả mình và người khác; nó là một hành động thân bất thiện có những hệ quả khổ đau, có những hậu quả khổ đau,*’ thì con **nhất định không nên làm** hành động bằng thân đó. —Nhưng khi con soi xét, nếu con biết như vậy: ‘*Hành động này mình muốn làm bằng thân sẽ không dẫn tới khổ đau cho mình, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả mình và người khác; nó là một hành động thân thiện lành không có những hệ quả khổ đau, không có những hậu quả khổ đau,*’ thì con **có thể làm** hành động bằng thân đó.

“Tương tự vậy, này Rāhula, trong khi con đang làm một hành động bằng thân, con nên soi xét chính hành động đó như vậy: ‘*Liệu hành động này ta đang làm bằng thân có dẫn tới khổ đau cho ta, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả ta và người khác, hay không? Đây có phải là một hành động thân bất thiện có những hệ quả khổ đau, có nhiều hậu quả khổ đau, hay không?*’ Khi con soi xét như vậy, nếu con biết: ‘*Hành động này mình đang làm bằng thân sẽ dẫn tới khổ đau cho mình, hoặc khổ đau cho người*

khác, hoặc khổ đau cho cả mình và người khác; nó là một hành động thân bất thiện có những hệ quả khổ đau, có những hậu quả khổ đau,’ thì con **nên ngưng bỏ** hành động bằng thân đó. —Nhưng khi con soi xét, nếu con biết như vậy: ‘Hành động này mình đang làm bằng thân sẽ không dẫn tới khổ đau cho mình, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả mình và người khác; nó là một hành động thân thiện lành không có những hệ quả khổ đau, không có những hậu quả khổ đau,’ thì con **có thể tiếp tục làm** hành động bằng thân đó.

“Tương tự vậy, này Rāhula, sau khi con đã làm xong một hành động bằng thân, con nên soi xét lại chính hành động đó như vậy: ‘Liệu hành động này ta đã làm bằng thân đã dẫn tới khổ đau cho ta, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả ta và người khác, hay không? Đó có phải đã là một hành động thân bất thiện có những hệ quả khổ đau, có nhiều hậu quả khổ đau, hay không?’ Khi con soi xét như vậy, nếu con biết: ‘Hành động này mình đã làm bằng thân đã dẫn tới khổ đau cho mình, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả mình và người khác; nó đã là một hành động thân bất thiện có những hệ quả khổ đau, có những hậu quả khổ đau,’ thì con **phải thú nhận** hành động bằng thân đó, công khai nó ra, và báo với Sư Thầy hoặc nói cho những người bạn đồng tu hiện trí trong đời sống thánh thiện của mình. Sau khi đã thú nhận hành động đó, công khai nó, và khai báo nó, con **nên tuân giữ các giới hạnh** trong tương lai. —Nhưng khi con soi xét, nếu con biết như vậy: ‘Hành động này mình đã làm bằng thân đã không dẫn tới khổ đau cho mình, hoặc cho người khác, hoặc cho cả mình và người khác; nó đã là một hành động thân thiện lành có những hệ quả an lành, có những hậu quả an lành,’ thì **con có thể sống hạnh phúc và an vui, tu tập cả ngày lẫn đêm** trong những trạng thái thiện

lành.”<sup>4</sup>

(MN 61; MLDB 524–26)

### **(2) Thành Tựu về mặt Giới Hạnh (Giới-Hạnh)**

“Này các Tỳ kheo, cái gì là thành tựu về mặt giới hạnh? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện sống kiêng cử, không sát sinh, không lấy thứ không được cho, không hành vi tính dục bất chính, không nói láo nói dối, không uống rượu nặng rượu nhẹ hay hay dùng những chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật. Đó được gọi là sự thành tựu về mặt giới hạnh.”

(trích AN 4:61; NDB 449–50)

### **(3) Bảo Vệ Vô Lượng Chúng Sinh (Năm Sự Cho Tặng)**

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện từ bỏ việc sát sinh và kiêng cử điều đó. Bằng cách kiêng cử sát sinh là (coi như) người đệ tử thánh thiện ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau. Bằng cách ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau, thì bản thân người đó cũng hưởng được vô lượng sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau. Đây là sự ban tặng *đầu-tiên*, là *một sự cho tặng lớn* đầu tiên, từ nguyên sơ, đã có từ lâu, tự cổ xưa, không bị pha tạp và chưa bao giờ bị pha tạp trước đây, đang không bị pha tạp và sẽ không bị pha tạp, không bị coi thường bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí tuệ.

“Lại nữa, một người đệ tử thánh thiện từ bỏ việc lấy trộm ăn cắp [những thứ không được cho] và kiêng cử điều đó. Bằng cách kiêng cử việc lấy trộm ăn cắp là (coi như) người thánh đệ tử ban tặng cho

vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau. Bằng cách ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau, thì bản thân người đó cũng hưởng được vô lượng sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau. Đây là sự ban tặng *thứ-hai* . . .

“Lại nữa, một người đệ tử thánh thiện từ bỏ hành vi tính dục bất chính [tà dục tà dâm] và kiêng cử điều đó. Bằng cách kiêng cử việc tà dục tà dâm là (coi như) người đệ tử thánh thiện ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau. Bằng cách ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau, thì bản thân người đó cũng hưởng được vô lượng sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau. Đây là sự ban tặng *thứ-ba* . . .

“Lại nữa, một người đệ tử thánh thiện từ bỏ việc nói dối và kiêng cử điều đó. Bằng cách kiêng cử việc nói dối là (coi như) người đệ tử thánh thiện ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau. Bằng cách ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau, thì bản thân người đó cũng hưởng được vô lượng sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau. Đây là sự ban tặng *thứ-tư* . . .

“Lại nữa, một người đệ tử thánh thiện từ bỏ việc uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng các chất độc hại, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật, và kiêng cử những điều đó. Bằng cách kiêng cử việc uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng các chất độc hại là (coi như) người đệ tử thánh thiện ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau. Bằng cách ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi, sự không oán



thù, và sự không khổ đau, thì bản thân người đó cũng hưởng được vô lượng sự không sợ hãi, sự không oán thù, và sự không khổ đau. Đây là sự ban tặng *thứ-năm*, là *một sự cho tặng lớn* thứ năm, từ nguyên sơ, đã có từ lâu, tự cổ xưa, không bị pha tạp và chưa bao giờ bị pha tạp trước đây, đang không bị pha tạp và sẽ không bị pha tạp, không bị coi thường bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí tuệ.”

(trích AN 8:39; NDB 1174)

#### (4) *Điều Xấu và Điều Tốt*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy cái gì là điều xấu và điều tốt. Và cái gì là điều xấu? Sát sinh, trộm cắp, hành vi tính dục bất chính, nói dối, nói lời gây chia rẽ, nói lời gắt gỏng, nói chuyện tầm phào tán gẫu, sự thèm khát, ác ý, và cách-nhìn sai lạc. Đó được gọi là những điều xấu.

“Và cái gì là điều tốt? Kiêng cử, không sát sinh, không trộm cắp, không hành vi tính dục bất chính, không nói dối, không nói lời gây chia rẽ, không nói chuyện tầm phào tán gẫu, không thèm khát, không ác ý, nhân từ, và cách-nhìn đúng đắn. Đó được gọi là những điều tốt.”

(AN 10:178)

#### (5) *Sự Không Trong Sạch và Sự Trong Sạch*

(A) “Này Cunda, sự không trong sạch về thân có ba (03) loại. Sự không trong sạch về lời nói có bốn (04) loại. Sự không trong sạch về tâm ý có ba (03) loại.

“Và theo cách nào sự *không trong sạch về thân* có ba loại? (1) Ở đây, có người *sát sinh*. Người đó giết hại, tay nhuốm máu, đánh

đâm và bạo lực, tàn nhẫn với các sinh vật sống. (2) Người đó *lấy thứ không được cho*; gian cắp trộm cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (3) Người đó *tà dục tà dâm*; người có hành vi tính dục (bất chính) với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ, người phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và thậm chí những người phụ nữ đã đính hôn. Đó là cách có ba loại hành vi không trong sạch về thân.

“Và này Cunda, theo cách nào sự *không trong sạch về lời nói* có bốn loại? (1) có người *nói dối nói sai*; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới trước mặt những người thân quyến, hoặc tới chỗ phùng hội của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: ‘Này anh, hãy nói những gì anh biết’; không biết, nhưng người đó lại nói ‘Tôi biết’, hoặc có biết, nhưng người đó lại nói ‘Tôi không biết’; không nhìn thấy, nhưng người đó lại nói ‘Tôi nhìn thấy’, hoặc có nhìn thấy, nhưng người đó lại nói ‘Tôi không nhìn thấy’; người đó hoàn toàn ý thức cố ý nói dối nói sai vì bản thân mình, hoặc vì người khác, hoặc chỉ vì những lợi ích vật chất nhỏ nhặt. (2) Người đó *nói lời gây chia rẽ*; người đó mách đi kể lại những chuyện gây chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện gây chia rẽ người nọ với người kia; vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đoàn kết, là kẻ tạo ra sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa. (3) Người đó *nói lời gắt gỏng*; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không dẫn tới sự tập trung (định tâm). (4) Người đó *nói chuyện tán dục tâm phào*; người đó nói không đúng lúc đúng thời, nói điều tâm

phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng nói, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi. Đó là cách có bốn loại hành vi không trong sạch về lời nói.

“Và này Cunda, theo cách nào sự *không trong sạch về tâm ý* có ba loại? (1) Ở đây có người có tâm *tham* lam; người đó thèm muốn tài sản và đồ đạc của người khác như vậy: ‘Làm sao của đó trở thành của ta!’ (2) Hoặc người đó có tâm *sân* giận và ác ý (cầu rủa) như vậy: ‘Làm sao cho mấy người đó chết đi hay bị giết cho rồi, cầu cho mấy người đó cho bị chặt chém, bị tàn diệt, hay bị tiêu diệt!’ Hoặc (3) người đó có *cách-nhìn sai lạc* (tà kiến) theo kiểu như vậy: (đối với người đó): ‘Không có thứ được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không có thứ gì được hiến tế; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn nào tốt và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp rồi truyền bá lại cho người khác biết.’

“Này Cunda, đó là mười (10) đường nghiệp *bất thiện* . . . Chính vì người ta dính vào mười đường nghiệp bất thiện, cho nên họ phải bị rớt vào cảnh giới địa ngục, cảnh súc sinh, cảnh ngạ quỷ đầy đọa, và những cảnh giới thấp xấu khác.

“Này Cunda, sự trong sạch về thân có ba (03) loại. Sự trong sạch về lời nói có bốn (04) loại. Sự trong sạch về tâm ý có ba (03) loại.

(B) “Và này Cunda, theo cách nào sự *trong sạch về thân* có ba

loại? (1) Ở đây, có người, sau khi đã từ bỏ sát sinh, sống *kiêng cử việc sát sinh*; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, từ ái, người đó sống bi mẫn với tất cả chúng sinh. (2) Sau khi đã từ bỏ việc lấy thứ không được cho, người đó *kiêng cử việc trộm cắp*; người đó sống không gian cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (3) Sau khi đã từ bỏ việc tà dục tà dâm, người đó *kiêng cử tà dục tà dâm*. Người đó sống không hành vi tính dục bất chính với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ, người phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và thậm chí những người phụ nữ đã đính hôn. Đó là cách có ba loại hành vi trong sạch về thân.

(C) “Và này Cunda, theo cách nào sự *trong sạch về lời nói* có bốn loại? (1) Ở đây, có người, sau khi đã từ bỏ việc nói dối, người đó *kiêng cử nói dối*; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới trước mặt những người thân quyền, hoặc tới chỗ phùng hội của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: ‘Này anh, hãy nói những gì anh biết’; không biết, người đó nói ‘Tôi không biết’, hoặc có biết, người đó nói ‘Tôi biết’; không nhìn thấy, người đó nói ‘Tôi không nhìn thấy’, hoặc có nhìn thấy, người đó nói ‘Tôi nhìn thấy’; như vậy người đó không cố ý nói dối nói sai vì bản thân mình, hoặc vì người khác, hoặc vì những lợi ích vật chất nhỏ nhất. (2) Sau khi đã từ bỏ việc nói lời gây chia rẽ, người đó *kiêng cử nói những lời gây chia rẽ*; người đó không mách đi kể lại những chuyện gây chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó cũng không mách đi kể lại những chuyện gây chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người vun đắp sự đoàn kết, là người khoái thích nhìn thấy người khác hòa hợp, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa hợp, là người nói những lời để

vun đắp sự đoàn kết. (3) Sau khi từ bỏ lời nói gắt gỏng, người đó *kiêng cử lời nói gắt gỏng*; người đó nói những lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và đáng mến, lời nói dễ đi vào lòng người, lễ phép, nhiều người muốn nghe và nhiều người đồng ý. (4) Sau khi từ bỏ việc nói chuyện tầm phào tán gẫu, người đó *kiêng cử lời nói tầm phào tán gẫu*; người đó nói đúng lúc đúng thời, nói điều sự thật, nói điều có ích, nói thuận với Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc hợp thời, người đó nói những lời đáng nói, hữu lý, có chừng mực, và có ích. Đó là cách có bốn loại hành vi trong sạch về lời nói.

(D) “Và này Cunda, theo cách nào sự *trong sạch về tâm ý* có ba loại? (1) Ở đây có người *không có tâm tham* lam; người đó không thèm muốn tài sản và đồ đạc của người khác (với tâm tham) như vậy: ‘Làm sao của đó trở thành của ta!’ (2) Người đó tâm tính nhân từ, *không có tâm sân* giận và ác ý (cầu mong) như vậy: ‘Cầu mong cho những chúng sinh được sống hạnh phúc, không thù ghét, không khổ đau và lo âu!’ (3) Người đó *có cách-nhìn đúng đắn* (chánh kiến) theo kiểu như vậy: (đối với người đó): ‘Có thứ được cho đi (vì có phước quả từ việc cho đi, nên thực hành bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được hiến tế; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp rồi truyền bá lại cho người khác biết.’

“Này Cunda, đó là mười (10) đường nghiệp *thiện* . . . Chính vì có những người tham gia vào mười đường nghiệp thiện, cho nên họ được tái sinh thành những thiên thần ở cõi trời, thành người, và tái sinh vào những nơi đến tốt lành khác.

(trích AN 10:176)

### 3. Loại Bỏ Những Ô Nhiễm Trong Tâm

#### (1) Mười Sáu Ô Nhiễm Trong Tâm

“Này các Tỳ kheo, cái gì là những ô nhiễm trong tâm? Sự thèm muốn và tham lam bất chính là một loại ô nhiễm làm ô nhiễm cái tâm. Sự ác ý . . . sự sân giận . . . sự hung bạo . . . sự bôi nhọ . . . sự xúc xược . . . sự ghen ty . . . sự keo kiệt . . . sự lừa dối . . . sự gian lận . . . sự bướng bỉnh . . . sự tranh đấu . . . sự tự cao . . . sự kiêu căng . . . sự tự đại . . . sự lơ tâm phóng túng là một loại ô nhiễm làm ô nhiễm cái tâm. Nhờ hiểu biết rằng sự thèm muốn và sự tham lam bất chính là một ô nhiễm làm ô nhiễm cái tâm, một Tỳ kheo trừ bỏ nó. Nhờ hiểu biết rằng sự ác ý . . . sự sân giận . . . sự lơ tâm phóng túng là một loại ô nhiễm làm ô nhiễm cái tâm, một Tỳ kheo trừ bỏ nó.”

(trích MN 7)

#### (2) Hai Loại Ý Nghĩ

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ, khi ta vẫn còn là một bò-tát chưa giác ngộ, điều này đã xảy đến với ta: ‘Ta thử phân chia những ý nghĩ của mình thành hai loại.’ Rồi ta phân những ý nghĩ nhục dục, những ý nghĩ ác ý bên, và những ý nghĩ gây hại qua một bên, và phân những ý nghĩ từ bỏ, những ý nghĩ nhân từ, và những ý nghĩ vô hại qua một bên.

“Khi ta an trú như vậy, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, có một ý nghĩ nhục dục, một ý nghĩ ác ý, hay một ý nghĩ gây hại khởi sinh trong ta. Ta hiểu rõ như vậy: ‘Ý nghĩ xấu ác này đã khởi sinh

trong ta. Nó dẫn tới khổ đau cho ta, khổ đau cho người khác; nó ngăn cản trí tuệ, gây ra khó khăn, và dẫn (tâm) lệch khỏi hướng Niết-bàn (bình an).’ Khi ta nhận xét: ‘Ý nghĩ này dẫn tới khổ đau cho ta’, thì nó lắng lặn trong ta; khi ta nhận xét: ‘Ý nghĩ này dẫn tới khổ đau cho người khác’, thì nó lắng lặn trong ta; khi ta nhận xét: ‘Ý nghĩ này dẫn tới khổ đau cho cả ta và người khác’, thì nó lắng lặn trong ta; khi ta nhận xét: ‘Ý nghĩ này ngăn cản trí tuệ, gây ra khó khăn, và dẫn (tâm) lệch khỏi hướng Niết-bàn’, thì nó lắng lặn trong ta. Hễ khi có một ý nghĩ nhục dục, một ý nghĩ ác ý, một ý nghĩ gây hại khởi lên trong ta, thì ta dẹp bỏ nó, loại bỏ nó, và xua tan nó.

“Này các Tỳ kheo, điều gì một Tỳ kheo thường nghĩ và suy ngẫm, thì nó sẽ trở thành khuynh hướng (tập tính) của tâm người đó. Nếu người đó thường nghĩ và suy ngẫm những ý nghĩ nhục dục, là người đó đã dẹp bỏ ý nghĩ từ bỏ để dung dưỡng ý nghĩ nhục dục, và rồi tâm người đó ngã hướng theo những ý nghĩ nhục dục. Nếu người đó thường nghĩ và suy ngẫm những ý nghĩ ác ý . . . những ý nghĩ gây hại, là người đó đã dẹp bỏ ý nghĩ vô hại để dung dưỡng ý nghĩ gây hại, và rồi tâm người đó ngã hướng theo những ý nghĩ gây hại.

“Cũng giống như trong tháng cuối của mùa mưa, vào mùa thu, khi ruộng vườn đang sum sê cây trái, một người chăn bò sẽ luôn canh phòng không cho những con bò đi vào ăn phá ruộng vườn bằng cách dùng roi liên tục đánh và chặn để chúng không phạm vào ruộng vườn. Vì sao vậy? Vì người đó biết rõ mình có thể bị bắt, bị nhốt, bị phạt tiền, hoặc bị chửi (nếu để trâu bò vào ăn cây trái ruộng vườn của người ta). Cũng tương tự vậy, ta đã nhìn thấy sự nguy hại, sự suy đồi, và sự ô nhiễm bên trong những trạng thái bất thiện và nhìn thấy sự phúc lành của sự từ bỏ, sự thanh lọc trong những trạng

thái thiện lành.

“Khi ta an trú như vậy, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, một ý nghĩ từ bỏ, một ý nghĩ nhân từ, hay một ý nghĩ vô hại đã khởi lên trong ta. Ta đã hiểu rõ như vậy: ‘Ý nghĩ thiện lành này không dẫn tới khổ đau của ta, hoặc khổ đau của người khác, hoặc khổ đau của cả ta và người khác; nó trợ giúp trí tuệ, không gây ra khó khăn, và dẫn tới hướng Niết-bàn (bình an). Nếu ta nghĩ và suy gẫm ý nghĩ này thậm chí cả một đêm, hay cả một ngày, thậm chí cả một ngày và đêm, thì ta không thấy có gì phải sợ hãi nó. Nhưng nếu cứ nghĩ ngợi và suy gẫm quá nhiều ta có thể làm mỏi mệt thân ta, và khi thân bị mỏi mệt, tâm sẽ bị quấy nhiễu, và khi tâm bị quấy nhiễu, nó sẽ rời xa khỏi sự tập trung (thất định).’ Vì vậy ta đã ổn định tâm ta ở bên trong, làm nó yên lặng, làm nó hợp nhất, và làm nó tập trung (định tâm). Tại sao làm vậy? Là để cho tâm ta không bị quấy nhiễu.

“Này các Tỳ kheo, điều gì một Tỳ kheo thường nghĩ và suy gẫm, thì nó sẽ trở thành khuynh hướng của tâm người đó. Nếu người đó thường nghĩ và suy gẫm những ý nghĩ từ bỏ, là người đó đã dẹp bỏ ý nghĩ nhục dục để tu dưỡng ý nghĩ từ bỏ, và rời tâm người đó ngã hướng theo những ý nghĩ từ bỏ. Nếu người đó thường nghĩ và suy gẫm những ý nghĩ nhân từ . . . những ý nghĩ vô hại, là người đó đã dẹp bỏ ý nghĩ gây hại để tu dưỡng ý nghĩ vô hại, và rời tâm người đó ngã theo hướng những ý nghĩ vô hại.

“Cũng giống như vào tháng cuối cùng của mùa nóng, khi tất cả mùa màng đã được thu hoạch mang về trong làng, người chăn bò chỉ ngồi nghỉ dưới gốc cây hoặc ngoài bãi trống để canh trâu bò, bởi vì lúc này người đó chỉ cần để ý biết đàn trâu bò đang ở đó (chứ không cần phải liên tục canh chặn chúng ăn phạm vào ruộng đồng



cây trái nữa); cũng tương tự như vậy, lúc đó ta chỉ cần chú tâm biết được những trạng thái (thiện lành) đó đang có mặt.”

(trích MN 19)

### **(3) Tu Tập Sự Tắt Nhiễm**

Đức Thế Tôn đã nói: “Bây giờ, này Cunda, ở đây thầy nên tu tập sự tắt-nhiễm<sup>5</sup>:

(1) ‘Người khác gây hại; chúng ta sẽ không gây hại ở đây’: sự tắt nhiễm nên được tu tập như vậy.

(2) ‘Người khác sát sinh; chúng ta sẽ kiêng cử việc sát sinh ở đây’: sự tắt nhiễm nên được tu tập như vậy.

(3) ‘Người khác lấy thứ không được cho; chúng ta sẽ kiêng cử việc lấy thứ không được cho ở đây’: sự tắt nhiễm nên được tu tập như vậy.

(4) ‘Người khác không sống độc thân; chúng ta sẽ sống độc thân ở đây’: . . .

(5) ‘Người khác nói dối; chúng ta kiêng cử việc nói dối ở đây’: . . .

(6) ‘Người khác nói lời gây chia rẽ; chúng ta kiêng cử lời nói gây chia rẽ ở đây’: . . .

(7) ‘Người khác nói lời gắt gỏng; chúng ta kiêng cử lời nói gây gắt gỏng ở đây’: . . .

(8) ‘Người khác tham gia nói tán gẫu, tầm phào; chúng ta kiêng cử việc nói tán gẫu, tầm phào’: . . .

(9) ‘Người khác thèm khát; chúng ta không thèm khát ở đây’: . .

- (10) ‘Người khác có ác ý; chúng ta sẽ nhân từ ở đây’: . .
- (11) ‘Người khác có cách-nhìn sai lạc (tà kiến); chúng ta sẽ giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ở đây’: . . .
- (12) ‘Người khác có ý định sai trái (tà tư duy); chúng ta sẽ giữ ý định đúng đắn (chánh tư duy) ở đây’: . . .
- (13) ‘Người khác sẽ có lời nói sai lạc (tà ngữ); chúng ta sẽ giữ lời nói đúng đắn (chánh ngữ) ở đây’: . . .
- (14) ‘Người khác có hành động sai lạc (tà nghiệp); chúng ta giữ hành động đúng đắn (chánh nghiệp) ở đây’: . . .
- (15) ‘Người khác có cách sống công việc sai lạc (tà mạng); chúng ta giữ cách sống công việc chân chính (chánh mạng) ở đây’: . . .
- (16) ‘Người khác có nỗ lực sai lạc; chúng ta theo nỗ lực đúng đắn (chánh tinh tấn) ở đây’: . . .
- (17) ‘Người khác chú tâm sai lạc; chúng ta sẽ giữ sự chú tâm đúng đắn (chánh niệm) ở đây’: . . .
- (18) ‘Người khác thiên định sai lạc; chúng ta giữ sự thiên định đúng đắn (chánh định) ở đây’: . . .
- (19) ‘Người khác có sự hiểu biết sai lạc; chúng ta giữ sự hiểu biết đúng đắn (chánh tri) ở đây’: . . .
- (20) ‘Người khác có sự giải-thoát sai lạc; chúng ta theo sự giải-thoát đúng đắn ở đây’: . . .
- (21) ‘Người khác bị sự đờ-đẫn và buồn-ngủ chi phối; chúng ta sẽ không bị chướng ngại đờ-đẫn và buồn-ngủ chi phối ở đây’: . . .
- (22) ‘Người khác bị bắt-an; chúng ta sẽ không bị chướng ngại bắt

an ở đây’: . . .

(23) ‘Người khác còn dính nghi-ngờ; chúng ta sẽ vượt qua chướng ngại nghi ngờ’: . . .

(24) ‘Người khác còn sân giận ác ý; chúng ta không còn chướng ngại sân giận ác ý’: . . .

(25) ‘Người khác còn hung bạo; chúng ta không còn hung bạo ở đây’: . . .

(26) ‘Người khác còn phỉ báng; chúng ta sẽ không phỉ báng ở đây’: . . .

(27) ‘Người khác còn xác xược; chúng ta không xác xược ở đây’: . . .

(28) ‘Người khác còn ghen tỵ; chúng ta không ghen tỵ ở đây’: . . .

(29) ‘Người khác còn keo kiệt; chúng ta không keo kiệt ở đây’: . . .

.

(30) ‘Người khác còn gian lận; chúng ta không gian lận ở đây’: . . .

.

(31) ‘Người khác còn lừa gạt; chúng ta không lừa gạt ở đây’: . . .

(32) ‘Người khác còn bướng bỉnh cố chấp; chúng ta không bướng bỉnh cố chấp’: . . .

(33) ‘Người khác còn kiêu ngạo; chúng ta không kiêu ngạo ở đây’: . . .

(34) ‘Người khác khó khuyên răn; chúng ta dễ được khuyên răn’: . . .

.

(35) ‘Người khác còn có bạn xấu; chúng ta không có bạn xấu ở đây’: . . .

(36) ‘Người khác còn lơ tâm phóng dật; chúng ta chú tâm chuyên chú ở đây’: . . .

(37) ‘Người khác còn không trung thành; chúng ta trung thành ở đây’: . . .

(38) ‘Người khác còn không biết xấu hổ; chúng ta biết xấu-hổ ở đây’: . . .

(39) ‘Người khác còn không biết sợ-hãi với hành động sai trái; chúng ta biết sợ làm điều sai trái ở đây’: . . .

(40) ‘Người khác ít chịu học hỏi; chúng ta sẽ học hỏi nhiều ở đây’: . . .

(41) ‘Người khác còn lười biếng; chúng ta sẽ siêng năng (tu tập) ở đây’: . . .

(42) ‘Người khác không có chánh niệm; chúng ta có chánh niệm ở đây’: . . .

(43) ‘Người khác còn ngu si; chúng sẽ tu được trí tuệ ở đây’: . . .

(44) ‘Người khác còn cô chấp những cách-nhìn quan điểm này nọ của họ, còn dính giữ chúng một cách dai dẳng và khó từ bỏ được chúng; chúng ta sẽ không chấp giữ những cách-nhìn quan điểm này nọ của chúng ta hoặc dính giữ chúng một cách dai dẳng, mà chúng ta sẽ từ bỏ chúng một cách dễ dàng’: sự tẩy nhiễm nên được tu tập như vậy.”

*(trích MN 8)*

## **4. Từ Ái và Bi Mẫn**

### **(1) *Bốn Sự An Trú Cõi Trời (Bốn Tâm Vô Lượng)***

[Đức Phật nói với bà-la-môn trẻ tên Subha:]<sup>6</sup>

24. “Này môn sinh, cái gì là con đường dẫn tới tái sinh vào chỗ vua trời Brāhma? Ở đây, một Tỳ kheo sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **từ-ái**; người đó cũng sống bao trùm phương thứ hai ... phương thứ ba ... phương thứ tư ... phương trên ... phương dưới ... xung quanh, và khắp mọi nơi, và với tất cả mọi chúng sinh và bản thân mình, người đó sống bao trùm tất cả mọi phương thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự *từ-ái*, đong đầy, cao thượng, vô lượng, không hung bạo, và không ác ý. Khi *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ* được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn một nghiệp giới hạn [hạn chế, có lượng mức] nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Cũng giống như một người thổi kèn phẩn khởi có thể làm người ta dễ dàng nghe được tiếng kèn từ bốn phương; giống như vậy, khi *sự giải-thoát tâm bằng tâm-từ* được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn nghiệp giới hạn nào nữa,<sup>7</sup> không còn nghiệp nào như vậy nữa. Đây là con đường dẫn tới tái sinh vào chỗ (cõi) vua trời Brāhma.

25–27. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự **bi-mẫn** ... với một cái tâm thấm đẫm sự **tùy-hỷ** . . . với một cái tâm thấm đẫm sự **buông-xả**; người đó cũng sống bao trùm phương thứ hai . . . phương thứ ba . . . phương thứ tư . . . phương trên . . . phương dưới . . . xung quanh, và khắp mọi nơi, và với tất cả mọi chúng sinh và bản thân mình, người đó sống bao trùm tất cả mọi phương thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự *bi-mẫn* . . . *sự tùy-hỷ* . . . *sự buông xả*, đong đầy, cao thượng, vô lượng, không hung bạo, và không ác ý. Khi *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi* . . . *tâm-hỷ* . . . *tâm-xả* được tu dưỡng theo cách này, thì sẽ không còn một nghiệp giới hạn [hạn chế, có lượng mức] nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa.

Cũng giống như một người thổi kèn phần khởi có thể làm người ta dễ dàng nghe được tiếng kèn từ khắp bốn phương; giống như vậy, khi sự giải-thoát tâm bằng tâm-bi . . . tâm-hỷ . . . tâm-xả được tu dưỡng theo cách này, thì sẽ không còn nghiệp giới hạn nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Đây là con đường dẫn tới tái sinh vào chỗ (cõi) vua trời Brāhma.”

(trích MN 99: *Subha Sutta*)

## **(2) Tâm Từ Chiếu Sáng Như Mặt Trăng**

“Này các Tỳ kheo, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng một phần mười sáu (1/16) của *sự giải-thoát tâm bằng tâm-từ*. Sự giải-thoát tâm bằng tâm-từ là vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời.

“Cũng như sự chiếu sáng của tất cả ngôi sao chưa bằng một phần mười sáu sự chiếu sáng của mặt trăng, sự chiếu sáng của trăng là vượt trên chúng, và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời; giống như vậy, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng một phần mười sáu của sự giải-thoát tâm bằng tâm-từ. Sự giải-thoát tâm bằng tâm-từ vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời.

“Cũng như vào tháng cuối của mùa mưa, vào mùa thu, khi bầu trời trong suốt và không có mây, mặt trời khi mọc lên xua tan bầu đen tối của không gian và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời; giống như vậy, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng một phần mười sáu của sự giải-thoát tâm bằng tâm-từ. Sự giải-thoát tâm bằng tâm-từ vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời.

“Và cũng như vào ban đêm, vào lúc rạng sáng, sao mai chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời; giống như vậy, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng một phần mười sáu của sự giải-thoát tâm bằng tâm-từ. Sự giải-thoát tâm bằng tâm-từ vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời.”

(It 27; 19–21)

### **(3) Những Ích Lợi Của Tâm Từ**

“Này các Tỳ kheo, khi *sự giải-thoát của tâm bằng tâm từ* được theo đuổi, được tu tập, và được phát triển, được làm thành một cỗ xe (tu thừa) và căn bản, được thực hiện, được củng cố, và được đảm trách một cách đúng đắn, thì người tu có thể trông đợi có được mười một (11) ích lợi? Mười một đó là gì? (1) Ngủ ngon; (2) thức dậy một cách hạnh phúc; (3) không có ác mộng; (4) làm vui lòng chúng sinh; (5) làm vui lòng quý thần; (6) được các thiên thần phù hộ; (7) được bảo hộ khỏi hỏa hoạn, chất độc và vũ khí gây thương vong; (8) tâm nhanh chóng được đạt định; (9) da mặt sắc diện trong sáng; (10) chết không bị ngu mờ, si mê; và (11) nếu không tu tiến thâm nhập sâu hơn nữa, thì cũng được tái sinh vào cõi trời. Này các Tỳ kheo, khi *sự giải-thoát của tâm bằng tâm từ* đã được liên tục theo đuổi, được tu tập, và được phát triển, được làm thành một cỗ xe và căn bản, được thực hiện, được củng cố, và được đảm trách một cách đúng đắn, thì người tu có thể trông đợi có được mười một ích lợi đó.”

(AN 11:15)

### **(4) Còn Nhiều Ích Lợi Nữa**

“Này các Tỳ kheo, nếu ai có bố thí cúng dường một trăm nôi thức ăn từ thiện vào buổi sáng, vào buổi trưa, và vào buổi chiều thì phước quả cũng không nhiều bằng một người *tu tập phát triển tâm-từ*, ngay cả trong khi (người đó) đang vắt đầu vú con bò (để lấy sữa). Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và phát triển sự giải-thoát của tâm bằng tâm từ, làm cho nó (cách tu này) thành một cỗ xe (tu thừa), làm nó thành căn bản (tu) của chúng ta, ổn định nó, thực hành bản thân trong nó, và hoàn thiện nó.’ Các thầy nên tu tập bản thân mình như vậy.”

(SN 20:4; CDB 707)

### **(5) Tâm Từ và Chánh Niệm**

“Tôi sẽ phòng hộ bản thân’: những sự thiết lập chánh niệm nên được tu tập như vậy. ‘Tôi sẽ phòng hộ người khác’: những sự thiết lập chánh niệm nên được tu tập như vậy. Phòng hộ bản thân là phòng hộ người khác; phòng hộ người khác là phòng hộ bản thân.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào khi phòng hộ bản thân là phòng hộ người khác? Bằng cách theo đuổi, tu tập, và phát triển [bốn sự thiết lập chánh niệm đó]. Theo cách như vậy là bằng cách bảo hộ bản thân là bảo hộ người khác.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào khi phòng hộ người khác là phòng hộ bản thân? Bằng sự nhẫn nại, sự vô hại, tâm từ, và tâm bi mẫn. Theo cách như vậy là bằng cách bảo hộ người khác là bảo hộ bản thân.

“‘Tôi sẽ phòng hộ bản thân’: những (bốn) sự thiết lập chánh niệm nên được tu tập như vậy. ‘Tôi sẽ phòng hộ người khác’:



những sự thiết lập chánh niệm nên được tu tập như vậy. Phòng hộ bản thân là phòng hộ người khác; phòng hộ người khác là phòng hộ bản thân.

(trích SN 47:19; CDB 1648–49)

**(6) Sự Tiêu Diệt Những Dòng Chảy Vào (Những ô nhiễm từ bên ngoài)**

[Ngài Ānanda đang nói với một gia chủ tên Dasama:]

“Lại nữa, này gia chủ, một Tỷ kheo sống tỏa khắp một phương với một cái tâm thấm đẫm từ-ái; cũng sống tỏa khắp phương thứ hai, thứ ba, thứ tư theo cách như vậy. Như vậy, trên, dưới, dọc ngang, khắp nơi, người đó tỏa khắp toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm từ-ái, đong đầy, cao thượng, vô lượng, không hung tàn, không ác ý. Người đó nhận xét điều này và hiểu rõ nó như vậy: ‘Sự giải-thoát này của tâm bằng tâm từ được tạo tác và tạo ra bởi sự cố ý (ý hành). Nhưng bất kỳ thứ gì được tạo tác và tạo ra bởi sự cố ý thì vẫn còn là vô thường, còn bị chấm dứt (còn sinh diệt, chưa được viên mãn).’ Nếu người đó chần chẫn được điều này, thì người đó chứng đắc sự tiêu diệt những dòng chảy vào (diệt hết ô nhiễm, lậu tận). Nhưng nếu người đó không chứng đắc sự tiêu diệt những dòng chảy vào bởi còn dính chấp vào Giáo Pháp, bởi còn thích thú Giáo Pháp, thì, với sự tiêu diệt hoàn toàn năm gông cùm nhẹ đô, người đó sẽ trở thành người tái sinh tự động (vào cõi trời sắc giới), và chắc chắn sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng ở đó, không còn quay lại (cõi dục giới) từ cõi trời đó.” (tức chứng ngộ thánh quả Bất-lai)<sup>8</sup>

(trích MN 52; MLDB 456; AN 11:16; NDB 1575)



## **CHƯƠNG III – XỬ LÝ SÂN GIẬN**



## 1. Giết Chết Sân Giận

Vua trời Sakka (Đế-thích), người trị vì của các thiên thần, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, rồi đứng sang một bên, và thưa với đức Thế Tôn bằng lời thi kệ như sau:

“Sau khi giết thứ gì người ta được ngủ ngon?

Sau khi giết thứ gì người ta không bị ưu sầu?

Giết chết thứ gì Thầy Cồ-đàm tán thành?”

[Đức Thế Tôn nói:]

“Sau khi giết sân giận, người được ngủ ngon;

Sau khi giết sân giận, người không bị ưu sầu.

Sự giết chết sân giận, này Sakka,

Diệt hết cái gốc độc hại và cái đầu tâm mật của nó.

Đây là sự sát hại mà các bậc thánh nhân khen ngợi,

Vì sau khi giết nó, người không bị ưu sầu.”

(SN 11:21; CDB 337)

## 2. Ba Loại Người

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy trong thế gian. Ba đó là gì? Người giống như đường kẻ khắc lên đá; người giống như đường kẻ khắc lên đất; và người giống như đường kẻ khắc lên nước.

(1) “Và cái gì là người giống như đường kẻ khắc lên đá? Ở đây, có người thường giận dữ, và sự sân giận của người đó kéo dài trong thời gian lâu. Giống như đường kẻ khắc lên đá không dễ gì được

xóa đi nhanh bởi gió và nước, nó sẽ còn đó trong một thời gian lâu; cũng giống như vậy, có người thường giận dữ và sự sân giận đó kéo dài trong thời gian lâu. Đây được gọi là loại người giống như đường kẻ khắc lên đá.

(2) “Và cái gì là loại người giống như đường kẻ khắc lên đất? Ở đây, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận của người đó không kéo dài trong thời gian lâu. Giống như đường kẻ khắc lên đất dễ được xóa đi nhanh bởi gió và nước, và sẽ không còn đó trong thời gian lâu; cũng giống như vậy, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận đó không kéo dài trong thời gian lâu. Đây được gọi là loại người giống như đường kẻ khắc lên đất.

(3) “Và cái gì là loại người giống như đường kẻ khắc lên nước? Ở đây, có người, ngay cả khi bị người khác nói một cách thô bạo và gắt gỏng, bị người khác nói theo những cách khó chịu khó ưa, mà người đó vẫn giữ những sự giao hảo thân thiện với họ, vẫn hòa đồng với họ, và vẫn chào hỏi khi gặp họ. Giống như đường kẻ được khắc lên nước sẽ biến mất nhanh và không hề kéo dài trong bao lâu; cũng giống như vậy, có người, ngay cả khi bị người khác nói một cách thô bạo và gắt gỏng, bị người khác nói theo những cách khó chịu khó ưa, mà người đó vẫn giữ những sự giao hảo thân thiện với họ, vẫn hòa đồng họ, và vẫn chào hỏi khi gặp họ. Đây là loại người giống như đường kẻ khắc lên nước.

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy trong thế gian.”

(AN 3:132)

### 3. Những Người Như Rắn

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại rắn độc này. Bốn đó là gì? Loại có nọc phun nhanh nhưng không độc; loại có nọc độc nhưng không phun nhanh; loại có nọc vừa độc vừa phun nhanh; và loại có nọc không độc cũng không phun nhanh. Đây là bốn loại rắn. Cũng giống như vậy, có bốn loại người giống như bốn loại rắn được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? Loại người có nọc phun nhanh nhưng không độc; loại người có nọc độc nhưng không phun nhanh; loại người có nọc vừa độc vừa phun nhanh; và loại người có nọc không độc cũng không phun nhanh.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc phun nhanh nhưng không độc? Ở đây, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận của người đó không kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy đó là một người có nọc phun nhanh nhưng không độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc phun nhanh nhưng không độc.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc không phun nhanh nhưng độc? Ở đây, có người ít khi giận dữ, nhưng (nếu có thì) sự sân giận của người đó kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy đó là một người có nọc độc nhưng không phun nhanh. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc độc nhưng không phun nhanh.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc phun nhanh và độc? Ở đây, có người thường giận dữ, và sự sân giận của người đó cũng kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy đó là một người có nọc phun nhanh và độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc vừa phun nhanh vừa độc.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là người có nọc không phun nhanh cũng không độc? Ở đây, có người ít khi giận dữ, và sự

sân giận của người đó (nếu có thì) cũng không kéo dài trong thời gian lâu. Theo cách như vậy đó là một người có nọc không phun nhanh cũng không độc. Vì vậy, ta nói rằng, người này giống như loại rắn có nọc không phun nhanh cũng không độc.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người giống như những loại rắn được thấy có trong thế gian.”

(AN 4:110; NDB 491–92)

#### **4. Những Căn Cớ Để Oán Giận X**

“Này các Tỳ kheo, có mười (10) căn cứ cho (sinh ra) sự oán giận. Mười đó là gì? (1) [Do nghĩ:] ‘Họ đã làm hại mình’, nên người chấp chứa oán giận. (2) [Do nghĩ:] ‘Họ đang làm hại mình’, nên người chấp chứa oán giận. (3) [Do nghĩ:] ‘Họ sẽ làm hại mình’, nên người chấp chứa oán giận. (4) [Do nghĩ:] ‘Họ đã làm hại người thân của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (5) [Do nghĩ:] ‘Họ đang làm hại người thân của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (6) [Do nghĩ:] ‘Họ sẽ làm hại người thân của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (7) [Do nghĩ:] ‘Họ đã làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (8) [Do nghĩ:] ‘Họ đang làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (9) [Do nghĩ:] ‘Họ sẽ làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (10) Và có người oán giận không vì lý do gì cả. Này các Tỳ kheo, đó là mười căn cứ cho sự oán giận.”

(AN 10:79)

#### **5. Những Hiểm Họa của sự Bất-Nhẫn, và Những Lợi Ích của sự Nhẫn-Nhịn**



### **(1) Năm Mối Hiểm Họa**

“Này các Tỳ kheo, có năm mối hiểm họa trong sự bất-nhẫn. Năm đó là gì? Người (bất nhẫn) gây khó chịu và khó ưa đối với nhiều người; người đó có nhiều thù hận; người đó có nhiều tội lỗi; người đó chết còn si mê ngu mờ (chưa thiếu hiểu biết giác ngộ); khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong một cảnh giới đọa đày, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp xấu, trong địa ngục. Đó là năm mối hiểm họa của sự bất-nhẫn.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi trong sự nhẫn-nhịn. Năm đó là gì? Người (nhẫn nhịn) là dễ mến và dễ chịu đối với nhiều người; người đó không có nhiều thù hận; người đó không có nhiều tội lỗi; người đó chết không ngu mờ si mê; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Đó là năm ích lợi của sự nhẫn-nhịn.”

(AN 5:215)

### **(2) Năm Hiểm Họa Khác**

“Này các Tỳ kheo, có năm mối hiểm họa trong sự bất-nhẫn. Năm đó là gì? Người (bất nhẫn) gây khó chịu và khó ưa đối với nhiều người; người đó thành hung bạo; người đó bị ăn năn, hối hận; người đó chết còn si mê ngu mờ; khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong một cảnh giới đọa đày, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp xấu, trong địa ngục. Đó là năm mối hiểm họa của sự bất nhẫn.

“Này các Tỳ kheo, có năm ích lợi trong sự nhẫn-nhịn. Năm đó là gì? Người (nhẫn nhịn) là dễ mến và dễ chịu đối với nhiều người; người đó không hung bạo; người đó không bị ăn năn, hối hận;

người đó chết không ngu mờ si mê; khi thân tan rã, sau khi chết người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Đó là năm ích lợi của sự nhẫn nhịn.”

(AN 5:216; NDB 825)

### (3) *Bảy Hiểm Họa*

“Này các Tỳ kheo, có bảy (07) điều (thiệt hại) xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình. Bảy đó là gì?

(1) “Người thù hay cầu rửa kẻ thù (của mình): ‘*Cầu cho hẩn xấu xí!*’. Vì sao vậy? Vì một người thù đâu ưa kẻ thù của mình được đẹp đẽ. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị khống chế bởi cơn giận—giờ cho dù mình có tắm rửa, xức dầu thơm, cắt tỉa râu tóc, mặc đồ trắng tinh, *thì mình cũng bị xấu xí*; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều *thứ nhất* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(2) “Lại nữa, người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘*Cầu cho hẩn chẳng được ngủ ngon!*’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu muốn kẻ thù của mình được ngủ ngon. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị khống chế bởi cơn giận—giờ cho dù mình có ngủ trên giường được phủ bằng ra trắng, phủ bằng ra len, phủ bằng ra thêu hoa, phủ bằng tấm da hươu, có mái vòm ở trên đầu, hoặc ngủ trên ghé dài có gối đỏ ở hai đầu, *thì mình cũng không ngủ ngon*; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều *thứ hai* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(3) “Lại nữa, người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘*Cầu cho hấn chẳng được lợi gì!*’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù của mình được lợi. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị khống chế bởi cơn giận—giờ khi mình bị thiệt hại, lại nghĩ ‘Ta đã được lợi’; và khi mình được lợi, lại nghĩ ‘Ta bị thiệt hại’. Giờ mình cứ cố chấp những ý nghĩ ngược ngao như vậy [ngược với sự thật], *thì những điều đó dẫn tới khổ đau và thiệt hại cho người đó lâu dài*; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều *thứ ba* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(4) “Lại nữa, một người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘*Cầu cho hấn chẳng được giàu có!*’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù của mình được giàu có. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị khống chế bởi cơn giận—giờ tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình—*tài sản chân chính mình có được một cách chân chính thì lại bị vua chúa ra lệnh tịch thu sung vào công quỹ triều đình* [cứ như ‘của đóng phạt’ cho hành động sân hận của mình vậy]; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều *thứ tư* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(5) “Lại nữa, một người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘*Cầu cho hấn không được danh tiếng gì!*’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù mình được danh tiếng. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị khống chế bởi cơn giận—*danh tiếng mình có được nhờ sự chú tâm cần mẫn bấy lâu giờ cũng bị mất đi*; tất cả chỉ vì sân hận. Đây là điều *thứ năm* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đắc chí và lợi thế hơn mình.

(6) “Lại nữa, một người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘*Cầu cho hấn chẳng có bạn bè nào!*’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù mình có được bạn bè. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị không chế bởi cơn giận—*giờ bạn bè, đồng nghiệp, và người thân của mình giờ tránh gặp mình; tất cả chỉ vì sân hận.* Đây là điều *thứ sáu* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đặc chí và lợi thế hơn mình.

(7) “Lại nữa, một người thù hay cầu rửa kẻ thù: ‘*Cầu cho hấn, sau khi thân tan rã, sau khi chết, hấn sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đọa đày, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục.*’ Vì sao vậy? Vì một người thù đâu thích kẻ thù mình được tái sinh lên cõi trời. (Chưa biết cầu được không), nhưng khi một người sân hận—bị chi phối bởi cơn giận, bị không chế bởi cơn giận—*giờ mình có những hành vi xấu ác bằng thân, lời nói, tâm ý. Vì dính vào ba nghiệp bất thiện như vậy, nên khi thân mình tan rã, sau khi chết, mình sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đọa đày, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp, trong địa ngục; tất cả chỉ vì sân hận.* Đây là điều *thứ bảy* xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đặc chí và lợi thế hơn mình.

“Có bảy (07) điều như vậy xảy ra cho một người sân hận—và càng làm cho kẻ thù đặc chí và lợi thế hơn mình.

(AN 7:64)

#### **(4) Khi Bị Người Khác Hắt Hủi**

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người được thấy có trong thế gian? Ba đó là gì? (1) Có người bị người ta nhìn một cách khinh bỉ, không ai muốn kết giao, đi theo, hay phụ giúp gì cả. (2) Có người

bị người ta nhìn một cách phớt lờ, không ai muốn kết giao, đi theo, hay phụ giúp gì cả. (3) Có người được người ta kết giao, đi theo, và phụ giúp.

....

(2) Và loại người nào *bị người ta nhìn một cách phớt lờ, không ai muốn kết giao, đi theo, hay phụ giúp gì cả?* Ở đây, có người tính hay bực tức và dễ dàng giận dữ. Thậm chí mới bị nhắc nhở nhẹ nhàng liền nổi nóng và trở nên tức tối, hung hăng, và ngang bướng; người đó thể hiện sự tức tối, thù ghét, và cay đắng. Giống như một vết thương đang mưng mủ, nếu lấy khúc cây hay một mảnh cứng đánh vào đó thì nó càng bung (máu mủ) ra thêm nữa; cũng tương tự vậy . . . Giống như một khúc củi cây *tinduka* đang cháy, nếu lấy khúc cây hay một mảnh cứng đánh vào đó thì nó càng bắn ra xèo xèo và lóp bóp thêm nữa; cũng tương tự vậy . . . Giống như một bò đưng phân, nếu lấy khúc cây hay một mảnh cứng gõ đập vào đó thì nó càng bốc ra thêm mùi hôi thúi; cũng tương tự vậy, có người tính hay bực tức và dễ dàng giận dữ. Thậm chí mới bị nhắc nhở nhẹ nhàng liền nổi nóng và trở nên tức tối, hung hăng, và ngang bướng; người đó thể hiện sự tức tối, thù ghét, và cay đắng. Loại người như vậy bị người ta nhìn một cách phớt lờ, không ai muốn kết giao, đi theo, hay phụ giúp gì cả. Vì lý do gì? [Vì người ta nghĩ rằng:] ‘Loại người như vậy có thể chửi mình, mắng mình, và làm hại mình’. Do vậy, loại người như vậy bị người ta nhìn một cách phớt lờ, không ai muốn kết giao, đi theo, hay phụ giúp gì cả.”

(trích AN 3:27; NDB 222)

## 6. Loại Bỏ Sự Sân Giận

### (1) Mười Cách Loại Bỏ Sự Oán Giận X

“Này các Tỳ kheo, có mười (10) cách loại bỏ (căn cứ tạo ra) sự oán giận. Mười đó là gì?

(1) [Nhờ nghĩ:] ‘Họ đã làm hại mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi oán giận. (2) [Nhờ nghĩ:] ‘Họ đang làm hại mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi oán giận. (3) [Nhờ nghĩ:] ‘Họ sẽ làm hại mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi oán giận. (4) [Nhờ nghĩ:] ‘Họ đã làm hại ... (5) ... ‘Họ đang làm hại ... (6) ... ‘Họ sẽ làm hại người thân của mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi oán giận. (7) [Nhờ nghĩ:] ‘Họ đã làm lợi ... (8) ... ‘Họ đang làm lợi ... (9) ... ‘Họ sẽ làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi oán giận. Và, (10) người không tức giận khi chẳng có lý do gì.

“Này các Tỳ kheo, đó là mười cách loại bỏ sự oán giận.”

(AN 10:80)

## **(2) Đức Phật Dạy Năm Cách**

“Này các Tỳ kheo, có năm cách để loại bỏ sự bực tức nhờ đó một người tu loại bỏ hoàn toàn sự bực tức đã khởi sinh đối với ai khác. Năm đó là gì?

(1) Người tu nên tu tập *tâm từ-ái* đối với người mình ghét giận; theo cách này người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(2) Người tu nên tu tập *tâm bi-mẫn* đối với người mình ghét giận; theo cách này người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(3) Người tu nên tu tập *tâm buông-xả* đối với người mình ghét giận; theo cách này người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(4) Người tu nên *làm-ngor* (miễn chấp, không tác ý) đối với người mình bực tức và không cần để tâm để ý đến người đó làm gì; theo cách này người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(5) Người tu nên áp dụng cái lý ‘*người đó bị-mang-nghiệp*’ (để cảm thông) đối với người mình bực tức như vậy: ‘Người này chẳng qua là chủ nhân của nghiệp của mình; có nghiệp là nguồn gốc của mình (được sinh ra từ nghiệp), có nghiệp là người thân quyến, nghiệp là nơi nương dựa; người này là người thừa hưởng những nghiệp xấu và tốt mình đã làm ra.’ Theo cách này người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

Đây là năm cách để loại bỏ sự bực tức nhờ đó một người tu có thể loại bỏ hoàn toàn sự bực tức đã khởi sinh đối với ai khác.”

(AN 5:161)

### **(3) *Thầy Xá-lợi-phất Dạy Năm Cách***

Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, có năm cách loại bỏ sự bực tức theo đó một người tu có thể loại bỏ hoàn toàn sự bực tức [đã khởi sinh] đối với người khác. Năm đó là gì? (1) Ở đây, hành vi thân (thân hành, hành động) của một người là không trong sạch, nhưng hành vi lời nói là trong sạch; người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với người như vậy. (2) Hành vi miệng (khẩu hành, lời nói) của một người là không trong sạch, nhưng hành vi thân là trong sạch; người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với người như vậy. (3) Hành vi thân và lời nói của một người là không trong sạch, nhưng dần dần người đó sẽ đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm; người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với người như vậy. (4) Hành vi thân và hành vi

miệng một người là không trong sạch, và người đó không đạt được sự mở mang nào của tâm hay sự bình lặng nào của tâm, trước sau vẫn vậy; người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với người như vậy. (5) Hành vi của thân và hành vi miệng một người là trong sạch, và dần dần người đó đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm; người tu nên loại bỏ sự bực tức đối với người như vậy.

(1) “Này các đạo hữu, làm cách nào để *loại bỏ sự bực tức đối với người có hành vi thân không sạch nhưng hành vi miệng trong sạch*? Giả sử có một Tỳ kheo mặc y áo làm từ giẻ rách nhìn thấy một miếng giẻ bên đường. Người đó sẽ dùng chân trái dậm giữ nó, chân phải kéo nó ra, xé lấy cái phần vải còn tốt và mang đi; cũng tương tự vậy, khi hành vi thân của một người không sạch nhưng hành vi miệng của người đó trong sạch, lúc đó người tu không nên chú tâm tới phần không sạch của hành vi thân của người đó, mà chỉ chú tâm tới sự trong sạch của hành vi miệng của người đó; (tức không chấp phần xấu của hành động người đó, chỉ nên nhìn phần tốt của lời nói người đó). Theo cách như vậy người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(2) “Này các đạo hữu, làm cách nào để *loại bỏ sự bực tức đối với người có hành vi miệng không sạch nhưng hành vi thân trong sạch*? Giả sử có một ao nước phủ đầy rêu và rong. Một người đến đó, đang bị khô sở và oi bức bởi trời nóng, mệt đuối, khát cháy, và khô rát. Người đó liền nhảy xuống ao nước, dùng tay gạt phần rong rêu ra, dùng hai tay múc phần nước (trong) để uống, và sau đó đi tiếp; cũng tương tự vậy, khi hành vi miệng của một người là không sạch nhưng hành vi thân là trong sạch, lúc đó người tu không nên chú tâm tới phần không sạch của hành vi miệng của người đó, mà chỉ chú tâm tới phần trong sạch của hành vi thân của người đó; (tức không chấp phần xấu của lời nói người đó, chỉ nên nhìn phần tốt



của hành động người đó). Theo cách như vậy người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(3) “Này các đạo hữu, làm cách nào để loại bỏ sự bực tức đối với người có hành vi thân và lời nói đều không trong sạch nhưng người đó dần dần đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm? Giả sử có một ít nước trong một vũng cạn. Rồi một người đến đó, đang bị khô sở và oi bức bởi trời nóng, mệt đuối, khát cháy, và khô rát. Người đó liền nghĩ: ‘Có chút nước trong vũng cạn này. Nếu ta dùng hai tay hay chén để múc, ta sẽ làm quậy đục nó ngay, và không còn uống được. Vậy ta hãy quỳ xuống chống hai tay hai chân, dùng lưỡi liếm nước như bò, rồi đi tiếp.’ Rồi người đó quỳ xuống chống hai tay hai chân, dùng lưỡi liếm nước như bò, rồi đi tiếp. Cũng tương tự vậy, khi hành vi thân và hành vi miệng một người đều không sạch nhưng người đó dần dần đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm, lúc đó người tu không nên để tâm tới sự không sạch của hành vi thân và hành vi miệng người đó, mà chỉ chú tâm tới phần mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm mà người đó sẽ dần dần đạt được; (tức không chấp những phần xấu của hành động và lời nói của người đó, chỉ nên nhìn thấy phần tiến bộ tâm trí của người đó sẽ đạt được). Theo cách như vậy người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(4) “Này các đạo hữu, làm cách nào để loại bỏ sự bực tức đối với người có hành vi thân và lời nói đều không trong sạch và người đó cũng không dần dần đạt được sự mở mang hay sự bình lặng nào của tâm, trước sau vẫn vậy? Giả sử có một người bị bệnh, đau bệnh, đau yếu gần chết đang đi trên đường lộ, và ngôi làng cuối cùng đi qua đã xa và ngôi làng chưa tới cũng còn xa. Người đó khó có được đủ thức ăn và thuốc men hay một người chăm sóc tốt; người đó cũng khó gặp được một người thôn trưởng nào. Rồi có

một người lạ khác đang đi qua nhìn thấy ông ta và khởi sinh lòng bi mẫn, lòng cảm thông sâu sắc và sự quan tâm tha thương đối với ông ta, người lạ đó nghĩ rằng: ‘Ôi, mong sao cho người này có được đủ thức ăn, thuốc men, và người chăm sóc tốt! Mong sao ông ta có thể gặp được vị thôn trưởng của một ngôi làng! Vì sao? Vì để cho ông ta qua được cảnh bi thảm và tai ương lúc này’. Cũng tương tự vậy, khi hành vi thân và hành vi miệng một người đều không sạch và người đó cũng không dần dần đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm, trước sau vẫn vậy, lúc đó người tu nên khởi sinh lòng bi mẫn, lòng cảm thông sâu sắc và sự quan tâm tha thương đối với người đó, nên nghĩ rằng: ‘Ôi, cầu mong cho người này từ bỏ hành vi thân xấu ác và tu dưỡng hành vi thân thiện lành, từ bỏ hành vi miệng xấu ác và tu dưỡng hành vi miệng; cầu mong cho người này từ bỏ hành vi tâm xấu ác và tu dưỡng hành vi tâm thiện lành! Vì sao? Vì để cho người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ không bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến thấp xấu, trong địa ngục.’ Theo cách như vậy người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

(5) “*Này các đạo hữu, làm cách nào để loại bỏ sự bực tức đối với người có hành vi thân và lời nói trong sạch, và người đó cũng dần dần đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm? Giả sử có một ao nước có nước trong, ngọt, mát mẻ, sạch sẽ, bờ ao phẳng phiu, là một nơi có nhiều bóng cây mát rượi. Rồi một người đến đó, đang bị khổ sở và oi bức bởi trời nóng, mệt đuối, khát cháy, và khô rát. Sau khi nhảy xuống ao nước, người đó tắm tấp và uống nước, và rồi, sau khi lên bờ, người đó ngồi hoặc nằm xuống dưới bóng mát ở đó. Cũng giống như vậy, khi hành vi thân và hành vi miệng một người đều trong sạch, và người đó dần dần đạt được sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm, lúc đó người tu nên chú*

tâm tới hành vi thân trong sạch của người đó, hành vi miệng trong sạch của người đó, và sự mở mang của tâm, sự bình lặng của tâm mà người dần dần đạt được. Theo cách như vậy người tu loại bỏ sự bực tức đối với người đó.

“Này các đạo hữu, đây là năm cách để loại bỏ sự bực tức nhờ đó một người tu có thể loại bỏ hoàn toàn sự bực tức đã khởi sinh đối với ai khác.”

(AN 5:162)

## 7. Khi Sự Nhẫn Nhịn Bị Khiêu Khích

### (1) *Nhẫn Nhịn Khi Bị Chỉ Trích, Bị Chê Bai*

11. “Này các Tỳ kheo, có năm loại lời nói mà những người khác có thể dùng khi nói với các thầy: (1) lời nói của họ có thể đúng lúc hoặc không đúng lúc, (2) đúng sự thật hay không đúng sự thật, (3) nhẹ nhàng hoặc gắt gỏng, (4) nối kết với điều tốt hoặc điều hại, (5) được nói với tâm từ hoặc trong trạng thái thù ghét. Khi những người khác nói với các thầy, lời nói của họ có thể đúng lúc hoặc không đúng lúc; khi những người khác nói với các thầy, lời nói của họ có thể đúng sự thật hoặc không đúng sự thật; khi những người khác nói với các thầy, lời nói của họ có thể nhẹ nhàng hoặc gắt gỏng; khi những người khác nói với các thầy, lời nói của họ có thể nối kết với điều tốt hoặc điều hại; khi những người khác nói với các thầy, lời nói của họ có thể được nói với tâm từ ái hoặc trong trạng thái sân giận. Ở đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vậy: *‘Tâm chúng ta sẽ không bị tác động, và chúng ta sẽ không thốt ra những lời xấu ác; chúng ta sẽ sống tha thương bi mẫn vì phúc lợi của họ, với một cái tâm từ ái, không bao giờ ở trong một trạng thái sân giận nào. (Cho dù ai nói gì) chúng ta sẽ sống bao trùm người*

đó với một cái tâm thâm đẫm từ ái, và bắt đầu với người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm khắp mọi phương thế giới với một cái tâm thâm đẫm từ ái, đong đầy, cao thượng, vô lượng, không hung bạo, và không ác ý.’ Nay các Tỳ kheo, đó là cách các thầy nên tu tập . . . .

“Này các Tỳ kheo, giả sử có người tới cầm theo một cái cuốc và cái giỏ, và nói rằng: ‘Ta sẽ làm (đào) cho trái đất này không còn đất.’ Người đó đào bới đây đó, khắc nhỏ đây đó, tiêu tiện đây đó và nói: ‘Không còn đất, không còn đất!’. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu người đó có thể làm cho trái đất vĩ đại này không còn đất hay không?”—“Không được, thưa Thế Tôn. Vì sao? Vì trái đất vĩ đại này sâu lớn và rộng lớn; không dễ gì làm cho nó không còn đất. Có làm tới cuối người đó cũng chỉ rước lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi.”

“Cũng tương tự vậy, này các Tỳ kheo, có năm loại lời nói mà người khác có thể dùng để nói với các thầy: (1) lời nói của họ có thể đúng lúc hoặc không đúng lúc . . . . Ở đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘*Tâm chúng ta sẽ không bị tác động, và chúng ta sẽ không thốt ra những lời xấu ác; chúng ta sẽ sống tha thương bi mẫn vì phúc lợi của họ, với một cái tâm từ ái, không bao giờ ở trong một trạng thái sân giận nào. (Cho dù ai nói gì) chúng ta sẽ sống bao trùm người đó với một cái tâm thâm đẫm từ ái, và bắt đầu với người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm khắp mọi phương thế giới với một cái tâm thâm đẫm từ ái, đong đầy, cao thượng, vô lượng, không hung bạo, và không ác ý.*’ Nay các Tỳ kheo, đó là cách các thầy nên tu tập . . . .

20. “Này các Tỳ kheo, ngay cả khi đám kẻ cướp cắt tay chân của các thầy một cách dã man bằng một cái cưa hai đầu, nếu ai có khởi lên một tâm sân giận oán thù đối với họ thì coi như người đó

không thực hiện lời dạy của ta. Ở đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vậy: *‘Tâm chúng ta sẽ không bị tác động, và chúng ta sẽ không thốt ra những lời xấu ác; chúng ta sẽ sống tha thương bi mẫn vì phúc lợi của họ, với một cái tâm từ ái, không bao giờ ở trong một trạng thái sân giận nào. (Cho dù ai nói gì) chúng ta sẽ sống bao trùm người đó với một cái tâm thấm đẫm từ ái, và bắt đầu với người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm khắp mọi phương thế giới với một cái tâm thấm đẫm từ ái, đong đầy, cao thượng, vô lượng, không hung bạo, và không ác ý.’* Này các Tỳ kheo, đó là cách các thầy nên tu tập.

21. “Này các Tỳ kheo, nếu các thầy luôn giữ lời khuyên này với *“ví dụ cái cửa”* một cách thường trực trong tâm, thì các thầy có còn thấy những lời nói tầm thường hay thô tục nào mà các thầy không thể chịu đựng được hay không?”—“Dạ không, thưa Thế Tôn”—“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên giữ lời khuyên này với *“ví dụ cái cửa”* một cách thường trực trong tâm. Cách đó sẽ dẫn dắt các thầy tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu.”

(trích MN 21: *Kakacūpama Sutta*; MLDB 221)  
(I 126–27, 129; Kinh “*Ví Dụ Cái Cửa*”);

## **(2) Không Trả Đũa, Không Trả Thù**

[Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo:]

“Vì vậy nên, nếu có người khác làm nhục, phỉ báng, chửi rủa, và quấy rầy một Tỳ kheo, Tỳ kheo đó hiểu biết như vậy: *‘Cảm giác đau khổ này sinh ra từ sự tiếp xúc của tai đã khởi sinh trong ta. Đó là tùy thuộc, không phải tự lập tự có. Tùy thuộc vào gì? Tùy thuộc vào sự tiếp xúc.’* Rồi người đó nhìn thấy sự tiếp xúc đó là vô thường, cảm giác đó là vô thường, nhận thức đó là vô thường,

những hành vi tạo tác đó là vô thường, và thức đó là vô thường. Và tâm người đó, sau khi đã tạo ra một yếu tố trợ giúp khách quan cho nó, nó tiến vào [sự trợ giúp khách quan mới đó] và chúng đắc được niềm tự tin, sự ổn định, và sự kiên định.

“Giờ, nếu có người khác tấn công Tỳ kheo đó bằng những cách khó chịu, khó nhìn được, và khó chấp nhận được—như bằng nắm đấm, bằng đá cục, bằng gậy gộc, hay bằng dao rựa, Tỳ kheo đó hiểu biết như vậy: *‘Thân này vốn có bản chất để cho sự tiếp xúc với nắm đấm, với đá cục, với gậy gộc, và dao rựa tấn công nó. Mà điều này Đức Thế Tôn cũng đã dạy trong “Ví dụ cái cửa” (MN 21) rằng: ‘Này các Tỳ kheo, ngay cả khi đám kẻ cướp cắt tay chân của các thầy một cách dã man bằng một cái cửa hai đầu, nếu ai có khởi lên một tâm sân giận oán thù đối với họ thì coi như người đó không thực hiện lời dạy của ta.’* Nhờ đó sự nỗ-lực (năng lượng, tinh tấn) không mệt mỏi sẽ được khởi tạo trong ta, và sự chánh niệm liên tục được thiết lập, thân ta sẽ tĩnh lặng và không bị quấy nhiễu, tâm ta đạt định và hợp nhất. Và giờ cứ để sự tiếp xúc với nắm đấm, với đá cục, với gậy gộc, và với dao rựa tấn công thân này; bởi đây là cách tu tập mà Phật đã dạy.”

(trích MN 28; MLDB 279–80)

### **(3) Nhẫn Nhịn Khi Bị Trùng Phạt**

Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, một thời trong quá khứ, các thiên thần (deva) và các quỷ thần (asura, a-tu-la) dàn trận đánh nhau. Rồi Vepacitti, vua của các quỷ thần đã nói với các quỷ thần như vậy: ‘Này các chư thần, trong trận chiến sắp xảy ra, nếu bên các quỷ thần thắng và bên các thiên thần bị thua, hãy bắt trói tay chân và gông cổ Sakka

(Đề-thích), vua của các thiên thần, và mang ông ta về cho ta trong kinh thành này của các quỷ thần.’ Và Sakka, vua của các thiên thần, thì nói với các thiên thần như vậy: ‘Này các chư thần, trong trận chiến sắp xảy ra, nếu bên các thiên thần thắng và bên các quỷ thần bị thua, hãy bắt trói tay chân và gông cổ Vepacitti, vua của các quỷ thần, và mang ông ta về cho ta trong hội sảnh đường Sudhamma (Thiện Pháp) này.’

“Này các Tỳ kheo, trong trận chiến đó, các thiên thần thắng và các quỷ thần bị thua. Rồi các thiên thần đã trói tay chân và gông cổ Vepacitti và mang ông ta về cho vua Sakka trong sảnh đường đó của họ. Khi vua Sakka đi vào và đi ra sảnh đường, Vepacitti, dù bị trói chân tay và gông cổ, đã lảng mạ và chửi rủa Sakka bằng những lời thô lỗ và gay gắt. Rồi người lái xe ngựa tên Mātali đã nói với vua trời Sakka, vua của các thiên thần, bằng những lời thi kệ như vậy:

‘Này vua Sakka, khi đối mặt Vepacitti,  
Vì sợ sệt hay yếu đuối,  
Mà ngài phải nhẫn nhịn chịu đựng,  
Đứng nghe những lời chửi bới của hắn ta?’

[Sakka nói:]

‘Không phải vì sợ sệt hay yếu đuối,  
Mà ta phải nhẫn nhịn với Vepacitti đâu.  
Làm sao một người trí biết như ta,  
Lại đi tranh cãi với một kẻ ngu như vậy?’

[Mātali nói:]

‘Kẻ ngu tăng bốc thêm lửa giận,  
Nếu không ai trị họ,  
Bằng hình phạt nghiêm khắc,

Thì người trí biết phải chế trị kẻ ngu chớ.’

[Sakka nói:]

‘Ta tự mình nghĩ rằng,  
Cách kiểm soát kẻ ngu là:  
Khi thấy kẻ thù mình đang giận dữ,  
Mình chỉ cần chánh niệm giữ sự bình an của mình.’

[Mātali nói:]

‘Này vua Sakka, tôi thấy điều này không đúng,  
Trong việc tu tập hạnh nhẫn nhịn như vậy.  
Vì kẻ ngu sẽ nghĩ ngài như vậy:  
“Hắn sợ sệt ta nên nhẫn nhịn”,  
Thì kẻ ngu càng dí sát theo ngài,  
Giống con bò đuổi theo người bỏ chạy.’

[Sakka nói:]

‘Cứ để vậy, cho dù hắn có nghĩ rằng,  
Do ta sợ sệt nên ta nhẫn nhịn hắn.  
Bởi trong nhiều cách xấu, cách tốt,  
Không cách nào tốt hơn sự nhẫn nhịn.  
‘Khi một người có được sức mạnh,  
Để nhẫn nhịn chịu đựng kẻ yếu hơn mình,  
Luôn nhẫn nhịn người yếu kém hơn mình,  
Đó được gọi là sự nhẫn nhịn bậc nhất,  
‘Sức mạnh thường không phải là sức mạnh—  
đó chỉ là sức mạnh của sự điên rồ—  
Nhưng không ai chê trách một người có sức mạnh,  
Do được bảo hộ bởi Giáo Pháp.  
‘Ai nóng giận trả đũa kẻ nóng giận,



Người đó chỉ làm mọi sự tệ hại hơn cho mình.  
Nếu không lấy nóng giận trả đũa kẻ nóng giận,  
Thì người đó thắng, trong trận chiến khó thắng.

‘Ai thực hành vì ích lợi cả hai—  
cho mình và cho người—  
Khi thấy kẻ thù nóng giận,  
Mình chỉ cần chánh niệm giữ lấy sự bình yên của mình.

‘Cách đó sẽ trị liệu cho cả hai—  
Cho mình và cho người—  
Ai coi người đó (cách đó) là ngu,  
Chẳng qua họ không hiểu biết Giáo Pháp.’

“VẬY ĐÓ, NÀY CÁC TỖ KHEO, NẾU SAKKA, VUA CỦA CÁC THIÊN THẦN, ĐÃ ĐỀ CAO SỰ NHÃN NHỊN VÀ HIỀN TỪ NHƯ VẬY, THÌ CÁC THẦY Ở ĐÂY CẦN PHẢI NHÃN NHỊN VÀ HIỀN TỪ HƠN ĐẾN MỨC NÀO MỚI XỨNG VỚI CÁC THẦY—NHỮNG NGƯỜI ĐÃ XUẤT GIA SỐNG THEO GIÁO PHÁP VÀ GIỚI LUẬT ĐƯỢC GIẢNG BÀY MỘT CÁCH KHÉO LÉO.”

(SN 11:04; CDB 321–23)

## 8. Những Tấm Gương Nhẫn Nhịn

### (1) Đức Phật Từ Chối Lời Lãng Mạ

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bà-la-môn Akkosaka Bhāradvāja, tức (biệt danh là) Bhāradvāja Chửi Rửa, đã nghe được rằng: “Nghe nói một bà-la-môn nữa của họ tộc Bhāradvāja đã từ bỏ đời sống tại gia để sống đời xuất gia theo tu sĩ Gotama (Cồ-đàm).” Bất đồng và tức giận, ông đã tới gặp đức Thế Tôn, lãng mạ và chửi bới đức Thế Tôn bằng

những lời lẽ thô lỗ, gay gắt.

Sau khi ông chửi bới xong, đức Thế Tôn đã nói với ông: “Ông nghĩ sao, này bà-la-môn? Bạn bè và đồng nghiệp, người thân và họ hàng, cũng như khách khứa, có đến thăm ông không?”

– “Họ có, Thầy Cò-đàm.”

– “Ông có mời họ đồ ăn, hay ăn cơm, hay món ăn chơi nào không?”

– “Tôi có, Thầy Cò-đàm.”

– “Nhưng nếu họ không nhận những thức ăn đó từ ông, vậy chúng thuộc về ai?”

– “Nếu họ không nhận thức ăn từ tôi, thì chúng vẫn thuộc về tôi.”

– “Cũng tương tự vậy, này bà-la-môn, tôi không lăng mạ ai, không chửi bới ai, không phỉ báng ai. Tôi từ chối nhận từ ông những lời lăng mạ và chửi bới và đả kích mà ông đã nhắm vào tôi. Nó vẫn thuộc về ông, này bà-la-môn! Nó vẫn thuộc về ông, này bà-la-môn!

– “Này bà-la-môn, ai lăng mạ người lăng mạ mình, ai chửi bới người chửi bới mình, ai đả kích người đả kích mình—người đó coi như đã tham dự vào bữa ăn, đã bước vào một cuộc đấu khẩu. Nhưng tôi không tham dự vào bữa ăn của ông; tôi không bước vào một cuộc đấu khẩu. Nó vẫn là của ông, này bà-la-môn! Nó vẫn là của ông, này bà-la-môn!”

(SN 7:02; CDB 255–56)

***(2) Tinh Thần Dũng Cảm Của Thầy Puṇṇa***

[Phật nói với Tỳ kheo Puṇṇa:]

“Giờ ta sẽ chỉ dạy ngắn gọn cho thầy, thầy sẽ sống ở xứ nào?”

“Thưa Thế Tôn, con sẽ tới sống ở xứ Sunāparanta”.

“Này Puṇṇa, những người xứ Sunāparanta hà khắc và thô bạo. Nếu họ lăng mạ và dọa nạt thầy, thầy sẽ nghĩ sao?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta lăng mạ và dọa nạt con, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này tử tế, thực sự tử tế, vì họ vẫn chưa đánh đập mình bằng nắm đấm’. Con sẽ nghĩ như vậy, thưa đức Thế Tôn; con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Siêu Năng.”

“Nhưng, này Puṇṇa, nếu những người Sunāparanta đánh thầy bằng nắm đấm, thầy sẽ nghĩ sao?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta đánh con bằng nắm đấm, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này tử tế, thực sự tử tế, vì họ vẫn chưa đánh con bằng đá cục’. Con sẽ nghĩ như vậy, thưa đức Thế Tôn; con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Siêu Năng.”

“Nhưng, này Puṇṇa, nếu những người Sunāparanta đánh thầy bằng đá cục, thầy sẽ nghĩ sao?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta đánh thầy bằng đá cục, thì con sẽ nghĩ: ‘‘Những người này tử tế, thực sự tử tế, vì họ vẫn chưa đánh con bằng gậy gộc’. Con sẽ nghĩ như vậy, thưa đức Thế Tôn; con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Siêu Năng.”

“Nhưng, này Puṇṇa, nếu những người Sunāparanta đánh thầy bằng gậy gộc, thầy sẽ nghĩ sao?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta đánh thầy bằng gậy gộc, thì con sẽ nghĩ: ‘‘Những người này tử tế, thực sự tử tế, vì họ vẫn chưa đánh con bằng dao’. Con sẽ nghĩ như vậy, thưa đức

Thế Tôn; con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Siêu Năng.”

“Nhưng, này Punṇa, nếu những người Sunāparanta đánh thầy bằng dao, thầy sẽ nghĩ sao?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta đánh thầy bằng dao, thì con sẽ nghĩ: ‘Những người này tử tế, thực sự tử tế, vì họ vẫn chưa lấy mạng con bằng dao bén’. Con sẽ nghĩ như vậy, thưa đức Thế Tôn; con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Siêu Năng.”

“Nhưng, này Punṇa, nếu những người Sunāparanta lấy mạng thầy bằng dao bén, thầy sẽ nghĩ sao?”

“Thưa Thế Tôn, nếu những người Sunāparanta lấy mạng con bằng dao bén, thì con sẽ nghĩ: ‘Đã từng có những người đệ tử của đức Thế Tôn, vì họ thấy nhục nhã và ghê tởm bởi xác thân (ghóm ghiếc, không sạch, vô thường), và bởi sự sống, nên họ đã tìm cách dùng dao lấy mạng mình; (tức họ tự vẫn bằng dao hoặc nhờ người khác dùng dao giết mình, vì lý do nói trên; như được ghi lại trong kinh SN 54:9, *Vesali Sutta*). Nhưng con thì được (người ta) lấy mạng bằng dao bén chứ không cần phải tìm cách làm (giết mình) như vậy.’ Con sẽ nghĩ như vậy, thưa đức Thế Tôn; con sẽ nghĩ như vậy, thưa bậc Siêu Năng.”

“Lành thay, lành thay, Punṇa! Nếu sở hữu được sự tự-chủ và sự bình-an như vậy, thì thầy có thể tới sống ở xứ Sunāparanta. Giờ, này Punṇa, đã đến lúc làm những gì thầy cho là thích hợp.”

Rồi, sau khi vui mừng và phấn khởi với lời dạy của đức Thế Tôn, Thầy Punṇa đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, bước sang bên phải và đi ra. Rồi thầy thu xếp lại chỗ ở cho gọn gàng, lấy bình bát và cà-sa, và bắt đầu lên đường du hành tới xứ Sunāparanta. Đi từng đoạn mỗi ngày, cuối cùng thầy đã đến

xứ Sunāparanta, và sống ở đó. Rồi, trong kỳ an cư mùa mưa năm đó, thầy Punṇa đã thành lập được năm trăm đệ tử tại gia nam và năm trăm đệ tử tại gia nữ cùng tham gia tu tập, và bản thân thầy cũng chứng ngộ ba loại hiểu biết (minh, trí).<sup>2</sup> Rồi sau đó thầy cũng chứng luôn Niết-bàn.

(trích MN 145; MLDB 1118–19)

### **(3) Tiếng Gầm Sừ Tử Của Ngài Xá-lợi-phất X**

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, con đã xong kỳ an cư mùa mưa ở Sāvathī. Con muốn đi một chuyến tới vùng quê.”

“Này Xá-lợi-phất, thầy cứ tùy tiện mà đi.”

Rồi thầy Xá-lợi-phất đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ hương đức Thế Tôn ở bên phải mình, và đi ra. Rồi, không lâu sau khi thầy Xá-lợi-phất đã đi, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Xá-lợi-phất đã đánh con và rồi bỏ đi du hành mà không xin lỗi.”

Rồi đức Thế Tôn đã nói với một Tỳ kheo ở đó: “Này Tỳ kheo, hãy đi, nhân danh ta gọi thầy Xá-lợi-phất [nói với thầy ấy:] ‘Này đạo hữu Xá-lợi-phất, Sư Thầy đang cho gọi thầy.’”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, vị Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi thầy đó đi gặp

thầy Xá-lợi-phất và nói: “Này đạo hữu, Sư Thầy đang cho gọi thầy.”

“Được, này đạo hữu”, thầy Xá-lợi-phất đáp lại.

Bấy giờ, lúc đó thầy Đại Mục-kiền-liên cầm lấy chìa khóa và đi khắp các nơi ở (của các Tỳ kheo khác), và lên tiếng gọi: “Các thầy, hãy đến nghe! Giờ thầy Xá-lợi-phất sẽ cất lên tiếng gâm sư tử của thầy ấy trước mặt đức Thế Tôn!”

Rồi thầy Xá-lợi-phất quay lại gặp đức Thế Tôn, kính chào Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Xá-lợi-phất, một đạo hữu của thầy đã than phiền rằng thầy đã đánh thầy ấy, và giờ thầy bỏ đi du hành mà không xin lỗi.”

(1) “Thưa Thế Tôn, người chưa thiết lập ‘sự chánh niệm về thân’ mới có thể đánh một tu sĩ đạo hữu và bỏ đi du hành mà không xin lỗi. Giống như người ta quăng thải những thứ sạch và dơ lên *đất*—như phân, nước tiểu, nước bọt, mủ và máu—nhưng đất không hề bị khó chịu, bị nhục nhã, hay bị ghê tởm bởi điều đó; cũng tương tự vậy, thưa Thế Tôn, con sống với một cái tâm như đất—rộng lớn, cao thượng, và vô lượng, không thù hận không ác ý.

(2) “Thưa Thế Tôn, người chưa thiết lập ‘sự chánh niệm về thân’ mới có thể đánh một người tu sĩ đạo hữu và bỏ đi du hành mà không xin lỗi. Giống như người ta giặt rửa những thứ sạch và không sạch trong *nước*—như phân, nước tiểu, nước bọt, mủ và máu—nhưng nước không hề bị khó chịu, bị nhục nhã, hay bị ghê tởm bởi điều đó; cũng tương tự vậy, thưa Thế Tôn, con sống với một cái tâm như nước—rộng lớn, cao thượng, và vô lượng, không thù hận không ác ý.

(3) “Thưa Thế Tôn, người chưa thiết lập ‘sự chánh niệm về thân’ mới có thể đánh một người tu sĩ đạo hữu và bỏ đi du hành mà không xin lỗi. Giống như *lửa* đốt cháy những thứ sạch và dơ—như phân, nước tiểu, nước bọt, mủ và máu—nhưng lửa không hề bị khó chịu, bị nhục nhã, hay bị ghê tởm bởi điều đó; cũng tương tự vậy, thưa Thế Tôn, con sống với một cái tâm như lửa—rộng lớn, cao thượng, và vô lượng, không thù hận không ác ý.

(4) “Thưa Thế Tôn, người chưa thiết lập ‘sự chánh niệm về thân’ mới có thể đánh một tu sĩ đạo hữu và bỏ đi du hành mà không xin lỗi. Giống như *gió* thổi bay những thứ sạch và dơ—như phân, nước tiểu, nước bọt, mủ và máu—nhưng gió không hề bị khó chịu, bị nhục nhã, hay bị ghê tởm bởi điều đó; cũng tương tự vậy, thưa Thế Tôn, con sống với một cái tâm như gió—rộng lớn, cao thượng, và vô lượng, không thù hận không ác ý.

(5) “Thưa Thế Tôn, người chưa thiết lập ‘sự chánh niệm về thân’ mới có thể đánh một tu sĩ đạo hữu và bỏ đi du hành mà không xin lỗi. Giống như *tắm lau chùi* chùi rửa những thứ sạch và dơ—như phân, nước tiểu, nước bọt, mủ và máu—nhưng tắm lau không hề bị khó chịu, bị nhục nhã, hay bị ghê tởm bởi điều đó; cũng tương tự vậy, thưa Thế Tôn, con sống với một cái tâm như tắm lau chùi—rộng lớn, cao thượng, và vô lượng, không thù hận không ác ý.

(6) “Thưa Thế Tôn, người chưa thiết lập ‘sự chánh niệm về thân’ mới có thể đánh một tu sĩ đạo hữu và bỏ đi du hành mà không xin lỗi. Giống như *một đĩa trẻ bị bỏ rơi*, che thân bằng giẻ rách rưới, tay cầm một cái bát, đi vào trong làng hay phố chợ với một cái tâm tự hạ khiêm nhường; cũng tương tự vậy, thưa Thế

Tôn, con sống với một cái tâm như đất—rộng lớn, cao thượng, và vô lượng, không thù hận không ác ý.

(7) “Thưa Thế Tôn, người chưa thiết lập ‘sự chánh niệm về thân’ mới có thể đánh một tu sĩ đạo hữu và bỏ đi du hành mà không xin lỗi. Giống như *một con bò bị cắt sừng*, hiền, được thuần hóa kỹ và được chăn dạy kỹ, nó đi lang thang từ đường này qua đường khác, từ khu này tới khu khác nhưng chẳng hề húc sừng hay đá ai bị thương; cũng tương tự vậy, thưa Thế Tôn, con sống với một cái tâm giống một con bò đã bị cắt sừng—rộng lớn, cao thượng, và vô lượng, không thù hận không ác ý.

(8) “Thưa Thế Tôn, người chưa thiết lập ‘sự chánh niệm về thân’ mới có thể đánh một tu sĩ đạo hữu và bỏ đi du hành mà không xin lỗi. Giống như *một thiếu nam hay thiếu nữ* sẽ bị khó chịu, bị nhục nhã, và bị ghê tởm nếu xác chết của một con rắn, của một con chó, hay của một người đang quấn quanh cổ của mình; cũng tương tự vậy, thưa Thế Tôn, con cũng bị khó chịu, bị nhục nhã, và bị ghê tởm bởi thân này ô uế hôi thối.

(9) “Thưa Thế Tôn, người chưa thiết lập ‘sự chánh niệm về thân’ mới có thể đánh một tu sĩ đạo hữu và bỏ đi du hành mà không xin lỗi. Giống như *một người đang cầm một cái chén bị nứt và bị đục lỗ mà đựng nước* thì nó rỉ ra và chảy giọt; cũng tương tự vậy, thưa Thế Tôn, con đang mang thân này bị nứt và bị đục lỗ, nó rỉ ra và chảy giọt.

“Thưa Thế Tôn, người chưa thiết lập ‘sự chánh niệm về thân’ mới có thể đánh một tu sĩ đạo hữu và bỏ đi du hành mà không xin lỗi.”

Rồi vị Tỳ kheo tổ cáo đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh phần y áo trên vai, cuối đầu lạy dưới chân đức Thế Tôn, và thưa với



đức Thế Tôn rằng: “Thưa Thế Tôn, con đã vi phạm một tội trong đó con đã thật ngu xuẩn, ngu ngốc, và bất thiện vu khống thầy Xá-lợi-phất một cách vô căn cứ như vậy. Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận (bỏ qua) tội này của con, coi đó là điều để con giữ giới sau này.”

“Này Tỳ kheo, được rồi, thầy đã vi phạm một tội trong đó thầy thật ngu xuẩn, ngu ngốc, và bất thiện vu khống thầy Xá-lợi-phất một cách vô căn cứ như vậy. Nhưng vì thầy đã nhìn thấy tội lỗi của mình là một tội và muốn tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, chúng ta chấp nhận nó (lời thú tội và tu sửa đó). Bởi vì điều đó là (cho thấy) sự phát triển trong giới luật của Thánh Nhân (tức Giới luật Tăng đoàn) rằng người tu nhìn thấy tội lỗi của mình là một tội, tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp, và thực thi (đảm nhận) sự giữ-giới trong tương lai.”

Rồi đức Thế Tôn nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này Xá-lợi-phất, hãy tha thứ cho con người rỗng tuếch này nếu không cái đầu người đó bị bẻ ra thành bảy miếng ngay tại đây.”

“Thưa Thế Tôn, con sẽ tha thứ cho thầy ấy nếu thầy ấy nói: ‘Xin thầy tha thứ cho tôi’.”

(AN 9:11)

#### **(4) Vua Trời Sakka & Con Quỷ Ân-Giận**

Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, thời xưa có một con quỷ quái dị xấu xí ngồi xuống chỗ ngồi của vua trời Sakka (Đế-thích), vua của các thiên thần. Lúc đó các thiên thần liền bắt lỗi điều đó, họ bực bội và than phiền về điều đó, họ nói: ‘Thực lạ lùng, thưa ngài! Thực ngạc

nhiên, thưa ngài! Con quỷ quái dị xấu xí đã ngồi lên chỗ ngồi của Sakka, vua của các thiên thần!’ Nhưng khi các thiên thần càng bắt lỗi điều đó, càng bực bội, càng than phiền về điều đó nhiều bao nhiêu, thì con quỷ đó càng trở nên đẹp ra hơn, đoan trang hơn, duyên dáng hơn bấy nhiêu.

“Này các Tỳ kheo, sau đó các thiên thần tới gặp vua trời Sakka và kể lại cho ngài: ‘Thưa ngài, ở đây có một con quỷ quái dị xấu xí đã ngồi lên chỗ ngồi của ngài. . . . Nhưng khi các thiên thần càng bắt lỗi điều đó . . . thì con quỷ đó càng trở nên đẹp ra hơn, đoan trang hơn, duyên dáng hơn bấy nhiêu. (Vua trời Sakka đã trả lời:) – ‘Chắc hẳn đó là con quỷ ăn-giận.’”

“Này các Tỳ kheo, rồi Sakka, vua của các thiên thần, đã đến gặp con quỷ ăn-giận đó, chinh phần y áo trên một vai, quỳ xuống trên đầu gối phải. Rồi, sau khi chắp hai tay kính lạy con quỷ, ngài đọc to tên mình ba lần: ‘Thưa ngài, tôi là Sakka, vua của các thiên thần! Thưa ngài, tôi là Sakka, vua của các thiên thần!’ Khi Sakka càng đọc to tên mình bao nhiêu, thì con quỷ đó càng trở nên xấu đi và xấu hơn và quái dị hơn bấy nhiêu cho tới khi nó biến mất tại đó.

“Này các Tỳ kheo, rồi sau khi ngồi lên chỗ ngồi của mình, khi dạy lại cho các thiên thần, vua trời Sakka đã đọc những vần kệ sau đây:

‘Ta không bị khổ đau trong tâm,  
Ta cũng không dễ bị cuốn theo cơn lốc sân giận.  
Ta không bao giờ tức giận lâu,  
Con tức giận cũng không ở lâu trong ta.  
  
‘Khi ta tức giận ta không nói lời gắt gỏng,  
Và ta không đề cao đức hạnh của mình.  
Ta giữ mình trong giới hạnh,

Đề bản thân được tốt.’

(SN 11:22; CDB 338–39)



## **CHƯƠNG IV – NGÔN TỪ ĐÚNG ĐẮN**



## 1. Lời Nói Khôn Khéo, Đúng Dẫn

### (1) Có Được Bốn Yếu Tố

Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, khi lời nói có-được bốn yếu tố, thì là nó được nói một cách khéo léo, không được nói một cách xấu ác, và nó không bị tội lỗi và không bị chê trách bởi những người hiền trí. Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo (*a*) chỉ nói điều được nói một cách khéo léo, không nói điều được nói một cách xấu ác. Người đó (*b*) chỉ nói điều Giáo Pháp, không nói điều phi Giáo Pháp. Người đó (*c*) chỉ nói điều dễ nghe, không nói điều khó nghe. Người đó (*d*) chỉ nói điều sự thật, không nói dối nói láo. Khi lời nói có-được được bốn yếu tố này, thì là nó được nói một cách khéo léo, không được nói một cách xấu ác, và nó không bị tội lỗi và bị chê trách bởi những người có trí.”

*(trích Sn III,3; coi thêm SN 8:5; CDB 284–85)*

### (2) Có Được Năm Yếu Tố

“Này các Tỳ kheo, khi lời nói có-được năm yếu tố, thì là nó được nói một cách khéo léo, không được nói một cách xấu ác, và nó không bị tội lỗi và không bị chê trách bởi những người hiền trí. Năm đó là gì? (*a*) Nó được nói hợp lúc hợp thời; (*b*) điều được nói là sự thật; (*c*) nó được nói một cách nhẹ nhàng; (*d*) điều được nói là có ích lợi; (*e*) nó được nói với một cái tâm từ ái. Khi lời nói có-được năm yếu tố này, thì là nó được nói một cách khéo léo, không được nói một cách xấu ác, và nó không bị tội lỗi và không bị chê trách bởi những người hiền trí.”

*(AN 5:198; NDB 816)*

## 2. Tổ Chức Thảo Luận

“Này các Tỳ kheo, điều này liên quan tới sự nói chuyện, rằng một người có thể được cho [được hiểu] là phù hợp hay không phù hợp để (chúng ta) nói chuyện.

(1) Nếu một người được hỏi một câu hỏi nên được trả lời một cách dứt khoát mà anh ta lại không trả lời một cách dứt khoát; nếu người đó được hỏi một câu hỏi cần được trả lời sau khi phân giải mà anh ta lại trả lời không cần phân giải; nếu người đó được hỏi một câu hỏi nên được trả lời bằng một câu hỏi đối lại mà anh ta lại không trả lời bằng một câu hỏi đối lại; nếu một người được hỏi một câu hỏi nên được bỏ qua mà anh ta lại không bỏ qua (như câu hỏi vô lý, không đúng chỗ... thì không nên trả lời), trong trường hợp này người đó là *không phù hợp* để nói chuyện.<sup>3</sup>

- Nếu một người được hỏi một câu hỏi nên được trả lời một cách dứt khoát, anh ta trả lời một cách dứt khoát; nếu người đó được hỏi một câu hỏi cần được trả lời sau khi phân giải, anh ta trả lời sau khi phân giải; nếu người đó được hỏi một câu hỏi nên được trả lời bằng một câu hỏi đối lại, anh ta trả lời bằng một câu hỏi đối lại; nếu một người được hỏi một câu hỏi nên được bỏ qua, anh ta bỏ qua, trong trường hợp này người đó là *phù hợp* để nói chuyện.

(2) “Này các Tỳ kheo, điều này liên quan tới sự nói chuyện, rằng một người có thể được cho là phù hợp hay không phù hợp để (chúng ta) nói chuyện. Nếu một người được hỏi một câu hỏi nhưng anh ta không đứng vững lập trường thuận hay nghịch (là đúng hay sai); nếu anh ta không đứng vững trên ý đồ của mình; nếu anh ta không đứng vững trong việc khẳng định về một điều gì đã được biết hiển nhiên (bởi nhiều người; ví dụ như ‘mặt trời mọc hướng



đông’...); nếu anh ta không đứng vững trong cách trình bày, trong trường hợp này người đó là *không phù hợp để nói chuyện*.<sup>4</sup>

- Nhưng, nếu một người được hỏi một câu hỏi, anh ta đứng vững lập trường thuận hoặc nghịch (là đúng hay sai); nếu anh ta đứng vững trên ý đồ của mình; nếu anh ta đứng vững trong việc khẳng định về một điều gì đã được biết hiển nhiên (bởi nhiều người); nếu anh ta đứng vững trong cách trình bày, trong trường hợp này người đó là *phù hợp để nói chuyện*.

(3) “Này các Tỳ kheo, điều này liên quan tới sự nói chuyện, rằng một người có thể được cho là phù hợp hay không phù hợp để (chúng ta) nói chuyện. Nếu một người được hỏi một câu hỏi mà anh ta trả lời lộn xộn, chuyển vấn đề sang đề tài không liên quan khác, và thể hiện sự sân giận, thù ghét, và cay đắng, trong trường hợp này người đó là *không phù hợp để nói chuyện*.

- “Nhưng, nếu một người được hỏi một câu hỏi, anh ta không trả lời lộn xộn, không chuyển sang đề tài không liên quan khác, và không thể hiện sự sân giận, thù ghét, và cay đắng, trong trường hợp này người đó là *phù hợp để nói chuyện*.

(4) “Này các Tỳ kheo, điều này liên quan tới sự nói chuyện, rằng một người có thể được cho là phù hợp hay không phù hợp để (chúng ta) nói chuyện. Nếu một người được hỏi một câu hỏi mà anh ta quay lại lẩn tránh người hỏi, dập lại người hỏi, chọc ghẹo người hỏi, và cứ dí bắt lỗi mấy chỗ lật vặt,<sup>5</sup> trong trường hợp này người đó là *không phù hợp để nói chuyện*.

- “Nhưng, nếu một người được hỏi một câu hỏi, anh ta không quay lại lẩn tránh người hỏi, không dập lại người hỏi, không chọc ghẹo người hỏi, và không dí dò bắt lỗi mấy chỗ lật vặt, trong trường hợp này người đó là *phù hợp để nói chuyện*.

(5) “Này các Tỳ kheo, điều này liên quan tới sự nói chuyện, rằng một người có thể được cho là có điều kiện trợ giúp (trợ duyên) hay không có điều kiện trợ giúp. (a) Người không để tai lắng nghe thì không có một điều kiện trợ giúp; (b) người để tai lắng nghe thì có được một điều kiện trợ giúp. Người có một điều kiện trợ giúp thì trực tiếp biết được một điều, hoàn toàn hiểu được một điều, từ bỏ một điều, và chứng ngộ một điều. *Khi trực tiếp biết được một điều, hoàn toàn hiểu rõ một điều, từ bỏ một điều, và chứng ngộ một điều, thì người đó đạt tới sự giải-thoát đúng đắn.*<sup>6</sup>

“Này các Tỳ kheo, đây là mục tiêu của sự nói chuyện, mục tiêu của sự thảo luận, mục tiêu của một điều kiện trợ giúp, mục tiêu của việc để tai lắng nghe, đó là, sự giải-thoát của tâm nhờ sự không-còn dính-chấp.”

Những ai nói chuyện với ý muốn tranh cãi,  
Khư khư ý mình, mặt sưng tỵ đại,  
Ê tiện, vui đập đức hạnh,  
Tìm khuyết điểm để tấn công nhau.

Họ thích khi thấy đối thủ  
Nói dở và sai sót.  
Họ mừng khi đối thủ đuối lý và thất bại.  
Nhưng những thánh nhân không nói chuyện kiêu đó.

Khi một người có trí muốn nói chuyện,  
Thì biết rõ lúc phù hợp để nói,  
Không tranh cãi hay tỵ đại,  
Người hiền trí nói ra những lời  
Mà bậc thánh hiền thực hành,  
Có ý nghĩa và có liên quan Giáo Pháp.  
Không xác xược hay lẩn lút,

Với một cái tâm không quá khích,  
Người nói không mang ý ghen tỵ  
Nói dựa trên sự hiểu biết đúng đắn.  
Người nên biết chấp thuận những điều  
Đã được chỉ giải khéo léo,  
Chứ không tấn công chỗ sai lỗi của người nói.  
Người không nên tập tành tìm lỗi bắt lỗi  
Hoặc chụp lầy chỗ sai người khác;  
Không nên lẩn lút và vui đập người đối thoại,  
Hoặc nói xuyên nói tạc.  
Thực vậy, một cuộc thảo luận giữa những người tốt  
Là để có được sự hiểu biết và niềm-tin.  
Đó là cách bậc thánh nhân đối thoại;  
Đó là sự thảo luận của những thánh nhân.  
Sau khi hiểu như vậy, người có trí không nên  
Sung mặt khi nói, mà chỉ nên thảo luận mọi điều.

(AN 3:67; NDB 287–89)

### 3. Nói Theo Cách Hợp Lý

[1]- “Này các Tỳ kheo, một chuyện được nói một cách sai lầm là khi, sau khi đã cân nhắc loại người này với loại người khác, nó được nói nhằm cho năm loại người [không thích hợp] này.

Năm đó là gì? Chuyện nói về niềm-tin bị nói nhằm cho người không có lòng tin; chuyện nói về giới hạnh bị nói nhằm cho người không đức hạnh; chuyện nói về học thức bị nói nhằm cho người thiếu học; chuyện nói về sự rộng lòng bố thí bị nói nhằm cho người keo kiệt; chuyện nói về trí tuệ bị nói nhằm cho người vô trí.

(1) “*Và tại sao chuyện nói về niềm-tin bị nói nhằm cho người không có lòng tin?* Khi một chuyện nói về niềm-tin đang được nói, người nghe không có lòng tin sẽ nổi sùng và bực bội, chống lại, và bướng bỉnh; người đó thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức niềm-tin đó bên trong mình nên không hoan hỷ với điều đó. Vì vậy một chuyện nói về niềm-tin bị nói nhằm cho người không có lòng tin.

(2) “*Và tại sao chuyện nói về giới hạnh bị nói nhằm cho người thất đức?* Khi một chuyện nói về giới hạnh đang được nói, người nghe thất đức sẽ nổi sùng và bực bội, chống lại, và bướng bỉnh; người đó thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức giới hạnh bên trong mình nên không hoan hỷ với điều đó. Vì vậy một chuyện nói về giới hạnh bị nói nhằm cho người thất đức.

(3) “*Và tại sao chuyện nói về học thức bị nói nhằm cho người thiếu học?* Khi một chuyện nói về học thức đang được nói, người nghe thiếu học sẽ nổi sùng và bực bội, chống lại, và bướng bỉnh; người đó thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức sự học thức đó bên trong mình nên không hoan hỷ với điều đó. Vì vậy một chuyện nói về học thức bị nói nhằm cho người thiếu học.

(4) “*Và tại sao chuyện nói về sự rộng lòng bố thí bị nói nhằm cho người keo kiệt?* Khi một chuyện nói về sự rộng lòng bố thí đang được nói, người nghe keo kiệt sẽ nổi sùng và bực bội, chống lại, và bướng bỉnh; người đó thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức sự rộng lòng đó bên trong mình nên không hoan hỷ với điều đó. Vì vậy một chuyện nói về sự rộng lòng bị nói nhằm cho người keo kiệt.

(5) “*Và tại sao chuyện nói về trí tuệ bị nói nhầm cho người vô trí? Khi một chuyện nói về trí tuệ đang được nói, người nghe không có trí sẽ nổi sùng và bực bội, chống lại, và bướng bỉnh; người đó thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Vì lý do gì? Vì người đó không nhận thức trí tuệ đó bên trong mình nên không hoan hỷ với điều đó. Vì vậy một chuyện nói về trí tuệ bị nói nhầm cho người vô trí.*

“Một chuyện được nói một cách sai lầm là khi, sau khi đã cân nhắc loại người này với loại người khác, nó được nói nhầm cho năm loại người [không thích hợp].

*(Ngược lại)*

[2]- “*Này các Tỳ kheo, chuyện được nói một cách thích hợp là khi, sau khi đã cân nhắc loại người này với loại người khác, nó được nói đúng cho năm loại người [thích hợp] này.*

Năm đó là gì? Chuyện nói về niềm-tin được nói cho đúng người vốn có [được phú cho] niềm-tin; chuyện nói về giới hạnh được nói cho đúng người có đức hạnh; chuyện nói về học thức cho người được nói cho đúng người có học hiểu; chuyện nói về sự rộng lòng bố thí được nói đúng cho người rộng lượng; chuyện nói về trí tuệ được nói đúng cho người có trí.

(1) “*Và tại sao chuyện nói về niềm-tin được nói đúng cho người vốn có niềm-tin? Khi một chuyện nói về niềm-tin đang được nói, người nghe vốn có niềm-tin không nổi sùng và bực bội, chống lại, và bướng bỉnh; người đó không thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức được niềm-tin đó bên trong mình nên hoan hỷ với điều đó. Vì vậy một chuyện nói về niềm-tin được nói đúng cho người vốn có niềm-tin.*

(2) “*Và tại sao chuyện nói về giới hạnh được nói đúng cho người có đức hạnh?* Khi một chuyện nói về đức hạnh đang được nói, người nghe có đức hạnh không nổi sùng và bực bội, chống lại, và bướng bỉnh; người đó không thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức được giới hạnh đó bên trong mình nên hoan hỷ với điều đó. Vì vậy một chuyện nói về giới hạnh được nói đúng cho người có đức hạnh.

(3) “*Và tại sao chuyện nói về học thức được nói đúng cho người có học hiểu?* Khi một chuyện nói về học thức đang được nói, người nghe có học hiểu không nổi sùng và bực bội, chống lại, và bướng bỉnh; người đó không thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức được sự học thức đó bên trong mình nên hoan hỷ với điều đó. Vì vậy một chuyện nói về học thức được nói đúng cho người có học hiểu.

(4) “*Và tại sao chuyện nói về sự rộng lòng bố thí được nói đúng cho người rộng lượng?* Khi một chuyện nói về sự rộng lòng bố thí đang được nói, người nghe có tâm rộng lòng bố thí không nổi sùng và bực bội, chống lại, và bướng bỉnh; người đó không thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức được sự rộng lòng đó bên trong mình nên hoan hỷ với điều đó. Vì vậy một chuyện nói về sự rộng lòng được nói đúng cho người rộng lòng.

(5) “*Và tại sao chuyện nói về trí tuệ được nói đúng cho người có trí?* Khi một chuyện nói về trí tuệ đang được nói, người nghe có trí không nổi sùng và bực bội, chống lại, và bướng bỉnh; người đó không thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Vì lý do gì? Vì người đó nhận thức được trí tuệ đó bên trong mình nên hoan hỷ với điều đó. Vì vậy một chuyện nói về trí tuệ được nói đúng cho người

có trí.

“Này các Tỳ kheo, chuyện được nói một cách thích hợp là khi, sau khi đã cân nhắc loại người này với loại người khác, nó được nói đúng cho năm loại người [thích hợp] này.

(AN 5:157; NDB 770–72)

#### **4. Đừng Tạo Ra Tranh Luận, Đừng Gây Ra Tranh Cãi**

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là người tạo ra những tranh luận, cãi lộn, tranh chấp, nói chuyện gây gổ, và những vấn đề phạm giới luật trong Tăng đoàn, thì có năm mối nguy hại có thể xảy đến với người đó”. Năm đó là gì?

(1) Người đó không thành tựu được những gì mình chưa thành tựu;

(2) người đó bị rớt khỏi những gì mình đã thành tựu;

(3) thông tin xấu về người đó được lưu đồn;

(4) người đó chết còn si mê ngu mờ; và

(5) khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến thấp xấu, trong địa ngục. Khi một Tỳ kheo là người tạo ra những tranh luận, cãi lộn, tranh chấp, nói chuyện gây gổ, và những vấn đề phạm giới luật trong Tăng đoàn, thì có năm mối nguy hại có thể xảy đến với người đó.”

(AN 5:212; NDB 823)

#### **5. Khen Đúng, Trách Đúng**

(I) “Này các Tỳ kheo, nếu có năm phẩm tính, một Tỳ kheo cư

trú (cư tăng, cư ni đang ở chung chùa/ tu viện với tăng đoàn ở đó) sẽ bị đọa trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó vậy. Năm đó là gì?

(1) Không điều tra và kiểm tra kỹ, người đó khen ngợi người đáng bị chê.

(2) Không điều tra và kiểm tra kỹ, người đó chê bai người đáng được khen.

(3) Không điều tra và kiểm tra kỹ, người đó tin một vấn đề đáng nghi ngờ.

(4) Không điều tra và kiểm tra kỹ, người đó nghi ngờ một vấn đề đáng được tin.

(5) Người đó bỏ lơ phớt lờ những điều được nói ra từ niềm-tin chánh tín. Nếu có năm tật tính này, một Tỷ kheo cư trú sẽ bị đọa trong địa ngục, cứ như bị đưa thẳng xuống đó vậy.

(II) “Này các Tỷ kheo, nếu có được năm phẩm tính này, một Tỷ kheo cư trú sẽ được ở trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó vậy. Năm đó là gì?

(1) Sau khi đã điều tra và kiểm tra kỹ, người đó mới trách người đáng bị chê trách.

(2) Sau khi đã điều tra và kiểm tra kỹ, người đó mới khen người đáng được khen ngợi.

(3) Sau khi đã điều tra và kiểm tra kỹ, người đó mới nghi ngờ về một vấn đề đáng bị nghi ngờ.

(4) Sau khi đã điều tra và kiểm tra kỹ, người đó mới tin một vấn đề đáng được tin.

(5) Người đó không bỏ lơ phớt lờ những điều đã được nói ra từ



niềm-tin chánh tín. Nếu có được năm phẩm tính này, một Tỳ kheo cư trú sẽ được ở trong cõi trời, cứ như được đưa thẳng lên đó vậy.”

(AN 5:236; NDB 832–33)

## 6. Khen Đúng Lúc, Trách Đúng Lúc

Lúc đó có du sĩ tên Potaliya đến gặp đức Thế Tôn ... Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này Potaliya, bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

(1) Ở đây, có người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; nhưng người đó lại không nói lời khen về người đáng được khen ngợi, cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*chỉ chê, không khen*).

(2) Có người khác nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; nhưng lại không nói lời chê về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*chỉ khen, không chê*).

(3) Lại có người không nói lời chê về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và người đó cũng không nói lời khen về người đáng được khen ngợi, cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*không chê, không khen*).

(4) Và lại có người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và người đó cũng nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi

đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*có khen, có chê*).

“Đây là bốn loại người được thấy có trong thế gian. Nay Potaliya, giờ trong số bốn loại người đó, loại người nào là xuất sắc và siêu phàm hơn hết?”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, đối với tôi có lẽ người xuất sắc và siêu phàm nhất là người không nói lời chê về người đáng bị chê trách, cho dù sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và là người không nói lời khen về người đáng được khen ngợi, cho dù sự khen ngợi đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*người không chê, không khen*). Vì lẽ gì? Bởi vì, thưa Thầy Cồ-đàm, cái hay chính là sự buông-xả.”

“Này Potaliya, trong bốn loại người đó, người mà ta coi là xuất sắc và siêu phàm nhất là người nói lời chê về người đáng bị chê trách, và sự chê trách đó là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời; và là người nói lời khen về người đáng được khen ngợi, và sự khen ngợi là chính xác, đúng sự thật, và đúng thời. (*người chê đúng, khen đúng*). Vì lẽ gì? Bởi vì, này Potaliya, cái hay chính là sự hiểu biết về *lúc nào* là thích hợp để nói những lời (*khen hay chê*) đó tùy theo mỗi trường hợp.”

(AN 4:100; NDB 480–82)

## 7. **Biết Rõ Điều Mình Nói và Cách Mình Nói**

[Phật đang nói với các Tỳ kheo:]

“Thường có câu: ‘Người không nên nói lời ẩn ý, cũng không nên nói lời thẳng thắn.’ Và do đâu có câu nói như vậy?”

“Này các Tỳ kheo, ở đây, (*a*) khi ai biết lời nói ẩn ý là không đúng sự thật, không chính xác, và không ích lợi, thì không nên nói

ra. (b) Khi biết lời nói ẩn ý là đúng sự thật, chính xác, nhưng không ích lợi, thì cố không nên nói ra. Nhưng, (c) nếu biết lời nói ẩn ý là đúng sự thật, chính xác, và có ích lợi, thì có thể nói ra, chỉ cần *biết lúc nào thích hợp* nên nói.

“Này các Tỳ kheo, ở đây, (a) khi ai biết lời nói thẳng thắn là sai sự thật, không chính xác, và không ích lợi, thì không nên nói ra. (b) Khi biết lời nói thẳng thắn là đúng sự thật, chính xác, nhưng không ích lợi, thì cố không nên nói ra. Nhưng, (c) nếu biết lời nói thẳng thắn là đúng sự thật, chính xác, và có ích lợi, thì có thể nói ra, chỉ cần *biết lúc nào thích hợp* nên nói.

“Vì những lẽ trên nên có câu: ‘Người không nên nói lời ẩn ý, cũng không nên nói lời thẳng thắn.’

(trích MN 139; MLDB 1083–84)

## 8. Trước Khi Trách Người, Nên Suy Xét Minh

(*Tiên trách kỹ, hậu trách nhân*)

Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các đạo hữu, một Tỳ kheo muốn trách người khác thì trước nhất nên thiết lập năm điều này bên trong (tâm) mình. Năm đó là gì? (1) Người đó nên suy xét: ‘Tôi sẽ nói lúc thích hợp, không nói lúc không thích hợp; (2) Tôi sẽ nói một cách đúng sự thật, không nói sai sự thật; (3) Tôi sẽ nói cách nhẹ nhàng, không nói cách gắt gỏng; (4) Tôi sẽ nói một cách có ích lợi, không nói cách có hại; (5) Tôi sẽ nói với một cái tâm từ ái, không nói lúc đang có sân giận.’ Một Tỳ kheo muốn trách người khác thì trước nhất nên thiết lập năm điều này bên trong mình. . . .

“Này các đạo hữu, một người bị trách quở nên được thiết lập

trong hai điều này: trong sự-thật và sự vô-sân. Người đó nên quán chiếu rằng: ‘Nếu người khác trách quả mình—cho dù đúng lúc hay không đúng lúc; cho dù sự quả trách đó là đúng hay sai; cho dù nhẹ nhàng hay gắt gỏng; cho dù theo cách có ích lợi hay cách có hại; cho dù với tâm từ ái hay khi đang có sân giận—mình vẫn nên được thiết lập trong hai điều: trong sự-thật và sự vô-sân. Nếu ta biết: “Có tính đó trong mình”, ta sẽ nói với người đó: “Đúng có vậy. Phẩm tính đó là có trong tôi.” Nếu ta biết: “Không có tính đó trong mình”, ta sẽ nói với người đó: “Không có vậy. Phẩm tính đó không thấy có trong tôi.”’

*(trích AN 5:167; NDB 780–82)*

## **CHƯƠNG V – BẠN HỮU TỐT**



## 1. Những Phẩm Chất Của Một Người Bạn Chân Thực

### (1) *Bảy Yếu Tố*

“Này các Tỳ kheo, một người nên giao lưu với bạn là người có được bảy yếu tố. Bảy đó là gì? (1) Là người cho đi thứ khó cho. (2) Người làm được điều khó làm. (3) Người kiên nhẫn chịu đựng điều khó chịu đựng. (4) Người nói những bí mật cho mình nghe. (5) Người giữ kín những bí mật của mình. (6) Người không bỏ rơi ta khi ta gặp khó khăn hoạn nạn. (7) Người không khinh khi mình một cách rẻ rúng. Một người nên giao lưu với bạn có được bảy yếu tố đó.”

Một người bạn cho được những thứ khó cho,

Và làm được những điều khó ai làm.

Người đó tha thứ lời nói gắt gỏng của ta

Và chịu đựng được những điều khó chịu đựng.

Người đó nói hết những bí mật của người đó,

Nhưng người đó giữ kín những bí mật của ta.

Người đó không bỏ ta trong những lúc khó khăn,

Cũng không khinh khi ta một cách thô lỗ.

Người có những phẩm chất đó trong mình,

Chính là một người bạn.

Ai muốn có một người bạn tốt,

Thì hãy nên trông cậy vào một người như vậy.

(AN 7:36)

### (2) *Bảy Yếu Tố Khác*

“Này các Tỳ kheo, một người tu nên giao lưu với một bạn tu (đạo hữu, tăng hữu) có được bảy phẩm chất; mình nên trông cậy

vào người đó và nên chăm sóc người đó cho dù người đó có từ bỏ mình. Bây đó là gì? (1) Người đó là dễ mến và dễ chịu đối với nhiều người; (2) người đó được tôn trọng và (3) đáng kính; (4) người đó là một người nói (lời khuyên tốt cho mình); (5) người đó biết nhẫn nhịn khi bị người khác nói này nói nọ; (6) người đó nói lời sâu sắc; và (7) người đó không tham gia với người làm điều sai trái.”

Người thân mến, được tôn trọng và đáng kính,  
Là một người nói (cho ta nghe nhiều điều), và  
Nhẫn nhịn khi bị người khác nói về mình;  
Người đó nói những lời sâu sắc, và  
Không giao lưu với người làm điều sai trái.

Người trong mình có những phẩm chất đó  
Chính là một người bạn,  
Có lòng từ ái và bi mẫn.  
Cho dù mình có bị người đó từ bỏ,  
Nếu muốn có một người bạn tốt,  
Thì hãy nên trông cậy vào một người như vậy.

(AN 7:37)

## 2. Bốn Loại Bạn Tốt

[Đức Phật đang nói với một thanh niên tên Sīgalaka (Thi-ca-la-việt):] “Này gia chủ trẻ, có bốn loại bạn có lòng tốt: bạn luôn giúp đỡ; bạn chia sẻ hạnh phúc và khổ đau của ta; bạn chỉ ra điều gì là tốt; và bạn biết cảm thông.

(1) “Trong bốn trường hợp, một người bạn *luôn giúp đỡ* có thể được hiểu là gì. Là người bảo vệ ta khi ta lơ tâm; người chăm nom



tài sản của ta khi ta lơ tâm; người là chỗ dựa khi ta bị sợ hãi; và khi ta cần gì, người đó cho ta gặp đôi thứ ta cần.

(2) “Trong bốn trường hợp, một người bạn *chia sẻ hạnh phúc và khổ đau của ta* có thể được hiểu là gì. Là người nói hết những bí mật của mình cho ta; người giữ kín những bí mật của ta; người không bỏ ta khi ta gặp khó khăn hoạn nạn; và người thậm chí có thể hy sinh tánh mạng vì ta.

(3) “Trong bốn trường hợp, một người bạn *chỉ ra điều gì là tốt* có thể được hiểu là gì. Là người kiêng cử những điều xấu ác; người tham gia với ta trong những điều tốt; người báo với ta những điều ta chưa nghe biết; và người chỉ cho ta con đường đạo dẫn tới cõi trời.

(4) “Trong bốn trường hợp, một người bạn *biết cảm thông* có thể được hiểu là gì. Là người không vui khi thấy ta bị tai rủi; người vui khi ta được phúc may; người ngăn chặn người khác chê bai ta; và người khuyên người khác nói khen ngợi ta.”

(trích DN 31; LDB 465–66)

### 3. Bạn Tốt Trong Đời Sống Thế Tục

Và cái gì là có được bạn bè tốt? Ở đây, này ông Byagghapajja, trong bất kỳ ngôi làng hay phố thị nào một người tại gia sống, người đó có giao lưu với những chủ gia [hoặc con trai của họ], dù trẻ hay già, có đức hạnh, là những người thành tựu về niềm-tin, giới hạnh, tâm rộng lòng bố thí, và trí tuệ hiểu biết; người đó nói chuyện với họ và tham gia thảo luận với họ. Người đó thi đua với họ để thành tựu bằng họ về mức độ niềm-tin, giới hạnh, tâm rộng lòng bố thí, và trí tuệ hiểu biết. Đây được gọi là có được bạn bè tốt.

(trích AN 8:54; NDB 1194–95)

## 4. Bạn Tốt Trong Đời Sống Xuất Gia

### (1) Nói Với Ngài Ānanda

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống chỗ những người xứ Thích-Ca trong một thị trấn tên là Nāgaraka. Rồi ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa rằng:

“Thưa đức Thế Tôn, đây là một nửa của đời sống tâm linh, đó là, bạn tốt, đạo hữu tốt, đồng môn tốt.”

“Không phải vậy, Ānanda! Không phải như vậy, Ānanda! Này Ānanda, đây là *toàn bộ* đời sống tâm linh, đó là, bạn tốt, đạo hữu tốt, đồng môn tốt, điều đó được trông đợi rằng người đó sẽ tu tập và phát triển con đường Bát Thánh Đạo.

“Và, này Ānanda, làm cách nào một Tỷ kheo có bạn tốt, đạo hữu tốt, đồng môn tốt sẽ tu tập và phát triển con đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này Ānanda, một Tỷ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), dựa vào sự tách ly, sự chán bỏ, và sự chấm dứt, trưởng thành (chín chắn) về mặt giải thoát. Người đó tu tập ý định đúng đắn (chánh tư duy) . . . lời nói đúng đắn (chánh ngữ) . . . hành động đúng đắn (chánh nghiệp) . . . cách sống mưu sinh đúng đắn (chánh hạnh) . . . sự nỗ lực đúng đắn (chánh tinh tấn) . . . sự chú tâm đúng đắn (chánh niệm) . . . sự định tâm đúng đắn (chánh định), dựa vào sự tách ly, sự chán bỏ, và sự chấm dứt, trưởng thành về mặt giải thoát. Theo cách này, này Ānanda, thì một Tỷ kheo có bạn tốt, đạo hữu tốt, đồng môn tốt sẽ tu tập và phát triển con đường Bát Thánh Đạo.

“Này Ānanda, với phương pháp sau đây thì cũng có thể hiểu được cách toàn bộ đời sống tâm linh chính là bạn tốt, đạo hữu tốt, đồng môn tốt, đó là: bằng cách dựa theo Ta đây (tức Phật) như một người bạn tốt, này Ānanda, những chúng sinh bị sinh sẽ được giải thoát khỏi sinh; những chúng sinh bị già được sẽ giải thoát khỏi già; những chúng sinh bị chết sẽ được giải thoát khỏi chết; những chúng sinh bị buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng sẽ được giải thoát khỏi buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Này Ānanda, với phương pháp này thì có thể hiểu được cách toàn bộ đời sống tâm linh chính là bạn tốt, đạo hữu tốt, đồng môn tốt.”

(SN 45:02; CDB 1524–25; V 2–3)

## **(2) Khi Một Người Tu Có Những Người Bạn Tốt**

“Này Meghiya, khi sự giải-thoát của tâm chưa được chín muồi, thì có năm điều sẽ dẫn tới sự chín muồi đó. Năm đó là gì?

(1) Ở đây, này Meghiya, một Tỳ kheo *có-được những người bạn tốt, đạo hữu tốt, đồng môn tốt*. Khi sự giải-thoát của tâm chưa được chín muồi, đây là điều *đầu tiên* sẽ giúp dẫn tới sự chín muồi đó.

(2) Lại nữa, một Tỳ kheo *có đức hạnh*; người đó *sống giới hạnh trong/theo các giới luật của Pātimokkha* (Giới luật Tỳ kheo),<sup>5</sup> có đạo đức tốt và nơi nương tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng tội lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới luật tu hành, người đó tu hành trong/theo những giới luật đó. Khi sự giải-thoát của tâm chưa được chín muồi, thì đây là điều *thứ hai* sẽ giúp dẫn tới sự chín muồi đó.

(3) Lại nữa, một Tỳ kheo *toàn tâm lắng nghe*, không mấy rắc

rối hay khó khăn gì, cuộc nói chuyện về đời sống thanh bản giúp dẫn tới mở mang trái tim. Khi sự giải-thoát của tâm chưa được chín muồi, thì đây là điều *thứ ba* sẽ giúp dẫn tới sự chín muồi đó.

(4) Lại nữa, một Tỳ kheo *phát khởi sự nỗ-lực* (tinh tấn) để dẹp bỏ những tâm tính bất thiện và tích tạo những tâm tính thiện lành; người đó mạnh mẽ, chấn chấn trong nỗ lực, không xao lãng bồn phận tu dưỡng những tâm tính thiện lành. Khi sự giải-thoát của tâm chưa được chín muồi, thì đây là điều *thứ tư* sẽ giúp dẫn tới sự chín muồi đó.

(5) Lại nữa, một Tỳ kheo là có trí; người đó *có-được trí tuệ nhận biết lẽ sinh-diệt*, trí tuệ đó là thánh thiện và có tính thâm nhập và dẫn tới sự tiêu diệt mọi sự khổ đau. Khi sự giải-thoát của tâm chưa được chín muồi, thì đây là điều *thứ năm* sẽ giúp dẫn tới sự chín muồi đó.

“Này Meghiya, khi một Tỳ kheo có-được những người bạn tốt, đạo hữu tốt, đồng môn tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ là người có đức hạnh, là người sống giới hạnh trong/theo các giới luật Pātimokkha; rằng người đó sẽ toàn tâm lắng nghe, không mấy rắc rối hay khó khăn gì, cuộc nói chuyện về đời sống thanh bản giúp dẫn tới mở mang trái tim; rằng người đó sẽ phát khởi sự nỗ-lực để dẹp bỏ những tâm tính bất thiện và tu dưỡng những tâm tính thiện lành; rằng người đó sẽ có trí, có được trí tuệ nhận biết lẽ sinh-diệt, trí tuệ đó là thánh thiện và có tính thâm nhập và dẫn tới sự tiêu diệt hoàn toàn mọi khổ đau.”

(trích AN 9:03; coi thêm Ud 4.1)

**CHƯƠNG VI – TỐT CHO MÌNH,  
TỐT CHO NGƯỜI**



## 1. Người Ngu và Người Khôn

“Này các Tỳ kheo, người có ba đặc-tính nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người ngu. Người có ba đặc-tính nên được coi là người khôn. Ba đó là gì? Hành động thiện lành, lời nói thiện lành, và tâm ý thiện lành. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người khôn.

“Mọi hiểm-nguy phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người khôn. Mọi tai-họa phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người khôn. Mọi vận-rủi (bất hạnh, nạn) phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người khôn. Giống như một ngọn lửa phát cháy trong một cái nhà làm bằng lau sậy và cỏ khô sẽ đốt rụi nhà, cho dù nhà đó có mái cao, có được trát vữa bên trong và bên ngoài; cũng tương tự vậy, mọi hiểm-nguy phát sinh . . . tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người khôn. Như vậy, (1) người ngu mang nguy-hiểm, người khôn không mang nguy-hiểm; (2) người ngu mang tai-họa, người khôn không mang tai-họa; (3) người ngu mang vận-rủi, người khôn không mang vận-rủi; Không có nguy-hiểm từ người khôn; không có tai-họa từ người khôn; không có vận-rủi từ người khôn.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân (ý chí) như vậy: ‘Chúng ta sẽ tránh có ba đặc-tính được coi là của người ngu, và chúng ta cam kết và tu tập để có ba phẩm chất được coi là của người khôn.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tập bản thân.”

(AN 3:1 và 3:2 *kết hợp*; NDB 201–2)

## 2. Người Xấu và Người Tốt

+ “Này các Tỳ kheo, người xấu thì có những phẩm chất xấu; người đó giao lưu với người xấu, người đó quyết định như một người xấu, người đó khuyên bảo như một người xấu, người đó nói như một người xấu, người đó làm như một người xấu, người đó chấp giữ những quan điểm (tà kiến) như một người xấu, và người đó cho tặng như một người xấu.

“Và theo cách nào là một người xấu thì có những phẩm chất xấu? Ở đây, một người xấu thì không có niềm-tin, không biết xấu hổ, không biết sợ hãi khi làm điều sai trái; người đó không có học hiểu, lười biếng, xao lãng, và không có trí. Đó là cách một người xấu thì có những phẩm chất xấu.

“Và theo cách nào là một người xấu *giao lưu như một người xấu*? Ở đây, một người xấu có những bạn bè và đồng sự là những tu sĩ và bà-bà-la-môn không có niềm-tin, không biết xấu hổ, không biết sợ hãi khi làm điều sai trái; người đó không có học hiểu, lười biếng, xao lãng, và không có trí. Đó là cách một người xấu thì giao lưu như một người xấu.

“Và theo cách nào là một người xấu *quyết định như một người xấu*? Ở đây, một người xấu quyết định (những điều gây ra) khổ đau cho mình, cho người khác, và cho cả mình và người. Đó là cách một người xấu thì quyết định như một người xấu.

“Và theo cách nào là một người xấu *khuyên bảo như một người xấu*? Ở đây, một người xấu khuyên bảo (những điều gây ra) khổ đau cho mình, cho người khác, và cho cả mình và người. Đó là cách một người xấu thì khuyên bảo như một người xấu.

“Và theo cách nào là một người xấu *nói như một người xấu*? Ở đây, một người xấu nói lời sai sự thật, nói lời gây chia rẽ, nói lời gắt gỏng, và nói chuyện tầm phào vô ích. Đó là cách một người xấu



nói như một người xấu.

“Và theo cách nào là một người xấu *làm như một người xấu*? Ở đây, một người xấu giết hại (sát sinh), lấy thứ không được cho (trộm cắp), có hành vi tính dục bất chính (tà dục tà dâm). Đó là cách một người xấu làm như một người xấu.

“Và theo cách nào là một người xấu *chấp giữ quan điểm như một người xấu*? Ở đây, một người xấu chấp giữ quan điểm (tà kiến) như vậy: (đối với họ) ‘Không có thứ được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không có thứ gì được hy sinh hiến tế; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn nào tốt và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp rồi tuyên bố lại cho người khác biết.’ Đó là cách một người xấu chấp giữ những quan điểm (tà kiến) như một người xấu.

“Và theo cách nào là người xấu *cho tặng như một người xấu*? Ở đây, một người xấu cho (tặng, biếu, cúng dường...) một cách bất cần, không tự tay mình cho tặng, không tỏ sự tôn trọng khi cho, cho những thứ phé thải bỏ đi, cho với quan điểm (tà kiến) rằng cho thì cho chứ làm gì có được (phước, phúc, lợi, lạc) gì từ việc cho đó. Đó là cách một người xấu cho tặng như một người xấu.

“Đó là người xấu—thì có những phẩm chất xấu như vậy, là người giao lưu như một người xấu, quyết định như một người xấu, khuyên bảo như một người xấu, nói như một người xấu, chấp giữ quan điểm (tà kiến) như một người xấu, và cho tặng như một người

xấu—thì khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh vào nơi đến của những người xấu. Và cái gì là nơi đến của những người xấu? Đó là địa ngục, hoặc cảnh giới súc sinh, ngạ quỷ. . . .

+ “Này các Tỳ kheo, người tốt thì có những phẩm chất tốt; người đó giao lưu với người tốt, người đó quyết định như một người tốt, người đó khuyên bảo như một người tốt, người đó nói như một người tốt, người đó làm như một người tốt, người đó chấp giữ những quan điểm (chánh kiến) như một người tốt, và người đó cho tặng như một người tốt.

“Và theo cách nào là một người tốt thì có những phẩm chất tốt? Ở đây, một người tốt thì có niềm-tin, biết xấu hổ, biết sợ hãi khi làm điều sai trái; người đó có học hiểu, chuyên cần, chú tâm, và có trí. Đó là cách một người tốt thì có những phẩm chất tốt.

“Và theo cách nào là một người tốt *giao lưu như một người tốt*? Ở đây, một người tốt có những bạn bè và đồng sự là những tu sĩ và bà-bà-la-môn có niềm-tin, biết xấu hổ, biết sợ hãi khi làm điều sai trái; người đó có học hiểu, năng nổ, chú tâm, và có trí. Đó là cách một người tốt thì giao lưu như một người tốt.

“Và theo cách nào là một người tốt *quyết định như một người tốt*? Ở đây, một người tốt không quyết định (những điều gây ra) khổ đau cho mình, cho người khác, và cho cả mình và người. Đó là cách một người tốt thì quyết định như một người tốt.

“Và theo cách nào là một người tốt *khuyên bảo như một người tốt*? Ở đây, một người tốt không khuyên bảo (những điều gây ra) khổ đau cho mình, cho người khác, và cho cả mình và người. Đó là cách một người tốt thì khuyên bảo như một người tốt.

“Và theo cách nào là một người tốt *nói như một người tốt*? Ở

đây, một người tốt (kiêng cử) không nói lời sai sự thật, không nói lời gây chia rẽ, không nói lời gắt gỏng, và không nói chuyện tầm phào vô ích. Đó là cách một người tốt nói như một người tốt.

“Và theo cách nào là một người tốt *làm như một người tốt*? Ở đây, một người tốt (kiêng cử) không sát sinh, không gian cấp, không tà dục tà dâm. Đó là cách một người tốt làm như một người tốt.

“Và theo cách nào là một người tốt *nắm giữ quan điểm như một người tốt*? Ở đây, một người tốt nắm giữ giữ quan điểm (chánh kiến) như vậy: (đối với họ) ‘Có thứ được cho đi (vì họ tin có công đức từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được hiến tế; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp rồi tuyên bố lại cho người khác biết.’ Đó là cách một người tốt chấp giữ những quan điểm (chánh kiến) như một người tốt.

“Và theo cách nào là người tốt *cho tặng như một người tốt*? Ở đây, một người tốt cho (tặng, biếu, cúng dường...) một cách cẩn trọng, tự tay mình cho tặng, tỏ sự tôn trọng khi cho, cho những thứ có giá trị, cho với quan điểm (chánh kiến) rằng cho thì sẽ có được ít nhiều (phước, phúc, lợi, lạc) từ việc cho tặng đó. Đó là cách một người tốt cho tặng như một người tốt.

“Đó là người tốt—thì có những phẩm chất tốt như vậy, là người giao lưu như một người tốt, quyết định như một người tốt, khuyên bảo như một người tốt, nói như một người tốt, nắm giữ quan điểm (chánh kiến) như một người tốt, và cho tặng như một người tốt—thì

khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh vào nơi đến của những người tốt. Và cái gì là nơi đến của những người tốt?. Đó là nơi tuyệt vời của những thiên thần hoặc loài người.”

(trích MN 110; MLDB 892–95)

### 3. Những Nguyên Nhân Gây Hại và Làm Lợi Cho Mình và Cho Người

Một du sĩ bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn và nói: “Thầy Cồ-đàm, nghe nói rằng: ‘*Một Giáo Pháp có thể trực tiếp nhìn thấy được. Một Giáo Pháp có thể trực tiếp nhìn thấy được.*’ Theo cách nào mà Giáo Pháp có thể trực tiếp nhìn thấy được, (có hiệu nghiệm) tức thì, mời người đến để thấy, có thể ứng dụng được, được trải nghiệm trực tiếp bởi người có trí?”

(1) “Này bà-la-môn, người bị chi phối bởi **tham** dục thường tự ý gây khổ đau cho mình, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả mình và người khác, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi loại bỏ tham dục, thì người đó không tự ý gây khổ đau cho mình, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả mình và người khác, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền.

Người bị chi phối bởi tham dục dính vào những hành vi sai trái (tà nghiệp) bằng hành động, lời nói, và tâm ý. Nhưng khi loại bỏ tham dục, thì người đó không còn dính vào những hành vi sai trái bằng hành động, lời nói, và tâm ý.

Người bị chi phối bởi tham dục không hiểu biết đúng thực điều gì là tốt cho mình, tốt cho người khác, hoặc tốt cho cả mình và người khác. Nhưng khi loại bỏ tham dục, người đó hiểu biết đúng

thực điều gì là tốt cho mình, tốt cho người khác, hoặc tốt cho cả mình và người khác. Nay bà-la-môn, theo cách này Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được . . . được trải nghiệm trực tiếp bởi người có trí.

(2) “Nay bà-la-môn, người bị chi phối bởi *sân* giận thường tự ý gây khổ đau cho mình, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả mình và người khác, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi loại bỏ sân giận, thì người đó không tự ý gây khổ đau cho mình, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả mình và người khác, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền.

Người bị chi phối bởi sân giận dính vào những hành vi sai trái (tà nghiệp) của bằng hành động, lời nói, và tâm ý. Nhưng khi loại bỏ sân giận, thì người đó không còn dính vào những hành vi sai trái bằng hành động, lời nói, và tâm ý.

Người bị chi phối bởi sân giận không hiểu biết đúng thực điều gì là tốt cho mình, tốt cho người khác, hoặc tốt cho cả mình và người khác. Nhưng khi loại bỏ sân giận, người đó hiểu biết đúng thực điều gì là tốt cho mình, tốt cho người khác, hoặc tốt cho cả mình và người khác. Nay bà-la-môn, theo cách này Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được . . . được trải nghiệm trực tiếp bởi người có trí.

(3) “Nay bà-la-môn, người bị chi phối bởi sự *si* mê thường tự ý gây khổ đau cho mình, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả mình và người khác, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng khi loại bỏ si mê, thì người đó không tự ý gây khổ đau cho mình, hoặc khổ đau cho người khác, hoặc khổ đau cho cả mình và người khác, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu

phiền.

Người bị chi phối bởi si mê dính vào những hành vi sai trái (tà nghiệp) của bằng hành động, lời nói, và tâm ý. Nhưng khi loại bỏ si mê, thì người đó không còn dính vào những hành vi sai trái bằng hành động, lời nói, và tâm ý.

Người bị chi phối bởi si mê không hiểu biết đúng thực điều gì là tốt cho mình, tốt cho người khác, hoặc tốt cho cả mình và người khác. Nhưng khi loại bỏ si mê, người đó hiểu biết đúng thực điều gì là tốt cho mình, tốt cho người khác, hoặc tốt cho cả mình và người khác. Đây là-bà-la-môn, theo cách này Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được . . . được trải nghiệm trực tiếp bởi người có trí.”

(AN 3:54; NDB 250–51)

## 4. Bốn Loại Người Trong Thế Gian

### (1) Loại Người Tốt Nhất

“Đây các Tỳ kheo, có bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác (*không vì ta không vì người*); (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình (*vì người không vì ta*); (3) người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác (*vì ta không vì người*); và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác (*vì ta và người*).

(1) “Giống như một khúc gỗ trong giàn thiêu xác đang bị cháy ở hai đầu và dính phân dơ ở khúc giữa: nó không thể được dùng như gỗ mộc ở trong làng hay trong rừng. Tương tự, ta nói, người thực hành không vì phúc lợi của mình hay phúc lợi của người khác thì

cũng giống như vậy. (tức là người vô dụng—làm những điều không vì ta cũng không vì người).

(2) “Người nào thuộc loại người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình là tốt hơn và cao thượng hơn loại người đầu.

(3) “Người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác thì tốt hơn và cao thượng hơn hai loại người đầu.

(4) “Người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác là bậc nhất, là tốt nhất, cao thượng nhất, ưu việt nhất và đẹp đẽ nhất trong bốn loại người. Giống như từ con bò mới có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có ván kem được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng giống vậy, người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác là bậc nhất, là tốt nhất, cao thượng nhất, ưu việt nhất và đẹp đẽ nhất trong bốn loại người.

“Đây là bốn loại người này được thấy có trong thế gian.”

(AN 4:95; NDB 476–77)

## **(2) Trừ Bỏ Tham, Sân, Si**

“Này các Tỷ kheo, bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác; (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình; (3) người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác; và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác.

(1) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người thực hành để trừ bỏ tham, sân, si của mình nhưng không khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác.

(2) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi người khác nhưng không vì phúc lợi của mình? Ở đây, có người khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ nhưng không chịu tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình. *(Loại này lại có nhiều trong thế gian!)*.

(3) “Và theo cách nào người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người không chịu tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình và cũng không khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách như vậy là người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác. *(Loại này cũng có nhiều trong thế gian!)*.

(4) “Và theo cách nào người thực hành vì phúc lợi của mình và cũng vì phúc lợi của người khác. Ở đây, có người tu tập để trừ bỏ tham, sân, si của mình và cũng khuyến khích người khác trừ bỏ tham, sân, si của họ. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của mình và cũng vì phúc lợi của người khác của người khác. *(Loại này là quý hiếm trong thế gian!)*.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người được thấy có trong thế gian.”

(AN 4:96; NDB 477–78)



### (3) Năm Giới Luật Tu Hành

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người này được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì? (1) Người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác; (2) người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình; (3) người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác; và (4) người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác.

(1) “Và theo cách nào người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác? Ồ, có người sống kiêng cử sự *sát sinh*, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cử sát sinh. Người đó kiêng cử sự *gian cấp*, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cử sự gian cấp. Người đó kiêng cử sự *tà dục tà dâm*, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cử sự dâm dục bất chính. Người đó kiêng cử sự *nói dối nói láo*, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cử nói dối nói láo. Người đó kiêng cử sự *uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại*, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, nhưng không khuyến khích người khác kiêng cử những điều đó. Theo cách đó là người thực hành vì phúc lợi của mình nhưng không vì phúc lợi của người khác.

(2) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc lợi của mình? Ồ đây, có người sống không kiêng cử sự *sát sinh . . . sự gian cấp . . . sự tà dục tà dâm . . . sự nói dối . . . sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại*, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, nhưng khuyến khích người khác kiêng cử những điều đó. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của người khác nhưng không vì phúc

lợi của mình.

(3) “Và theo cách nào là người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác? Ở đây, có người sống không kiêng cử sự *sát sinh* . . . sự *gian cắp* . . . sự *tà dục tà dâm* . . . sự *nói dối* . . . sự *uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại*, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, và cũng không khuyến khích người khác kiêng cử những điều đó. Theo cách như vậy là người thực hành không vì phúc lợi của mình cũng không vì phúc lợi của người khác.

(4) “Và theo cách nào là người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác? Ở đây, có người sống kiêng cử sự *sát sinh* . . . sự *gian cắp* . . . sự *tà dục tà dâm* . . . sự *nói dối* . . . sự *uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại*, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, và cũng khuyến khích người khác kiêng cử những điều đó. Theo cách như vậy là người thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người được thấy có trong thế gian.”

(AN 4:99; NDB 479–80)

## 5. Người Đệ Tử Xuất Gia (Tăng, Ni)

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm hạnh là một Tỳ kheo đang thực hành vì phúc lợi của mình và phúc lợi của người khác. Năm đó là gì?

(1) Ở đây, một Tỳ kheo hoàn thiện bản thân về mặt *giới hạnh* và cũng khuyến khích người khác hoàn thiện về mặt giới hạnh;

(2) Người đó hoàn thiện bản thân về mặt *thiền định* và cũng

khuyến khích người khác hoàn thiện về mặt thiền định;

(3) Người đó hoàn thiện bản thân về mặt *trí tuệ* và cũng khuyến khích người khác hoàn thiện về mặt trí tuệ;

(4) Người đó hoàn thiện bản thân về mặt *giải thoát* và cũng khuyến khích người khác hoàn thiện về mặt giải thoát; người đó hoàn thiện bản thân về mặt *sự hiểu biết và tâm nhìn* (tri-kiến). Có được năm phẩm hạnh đó là một Tỷ kheo đang thực hành vì phúc lợi của mình và cả phúc lợi của người khác.”

(AN 5:20; NDB 639–40)

## 6. Người Đệ Tử Tại Gia

Gia chủ Mahānāma (Đại Danh) thuộc dòng xú Thích-Ca (*Sakya*) đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia tu tập cho phúc lợi của mình và phúc lợi của người khác?”

(1) “Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia hoàn thiện bản thân về mặt *niềm-tin* và cũng khuyến khích người khác hoàn thiện về mặt niềm-tin;

(2) hoàn thiện bản thân về mặt *giới hạnh* và cũng khuyến khích người khác hoàn thiện về mặt giới hạnh;

(3) hoàn thiện bản thân về mặt *rộng lòng bố thí* và cũng khuyến khích người khác hoàn thiện về mặt rộng lòng bố thí;

(4) người đó muốn gặp gỡ các vị tăng sĩ tăng sư và cũng khuyến khích người khác gặp gỡ các vị tăng sĩ tăng sư;

(5) người đó muốn nghe được Giáo Pháp tốt lành và cũng khuyến khích người khác nghe được Giáo Pháp tốt lành;

(6) người đó muốn giữ được trong tâm những giáo lý mình đã

nghe học được và cũng khuyến khích người khác giữ được trong tâm những giáo lý đó;

(7) người đó suy xét ý nghĩa của những giáo lý và thực hành theo đúng Giáo Pháp, và cũng khuyến khích người khác thực hành theo đúng Giáo Pháp.

Này Mahānāma, theo cách như vậy là một đệ tử tại gia đang thực hành vì phúc lợi của mình và phúc lợi của người khác.”

*(trích AN 8:25; NDB 1155)*

## **7. Người Có Trí Tuệ Lớn (Bậc Đại Trí)**

Một Tỷ kheo hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, nghe nói rằng: ‘một người khôn với trí tuệ lớn, một người với trí tuệ lớn.’ Theo cách nào là một người khôn với trí tuệ lớn?”

“Này Tỷ kheo, ở đây một người khôn với trí tuệ lớn không chú ý làm gì gây khổ đau cho mình, hay khổ đau cho người khác, hay khổ đau cho cả hai. Thay vì vậy, người đó dự tính làm vì phúc lợi của mình, phúc lợi của người khác, phúc lợi của cả hai, và phúc lợi của cả thế gian. Cách như vậy là một người khôn với trí tuệ lớn.”

*(trích AN 4:186; NDB 555)*

**CHƯƠNG VII – CỘNG ĐỒNG  
ĐỊNH HƯỚNG**



## 1. Các Loại Cộng Đồng

### (1) Cộng Đồng Nông Cạn & Cộng Đồng Sâu Sắc

“Này các Tỳ kheo, có hai loại cộng đồng như vậy. Hai đó là gì? Cộng đồng nông cạn và cộng đồng sâu sắc.

“Và cái gì là cộng đồng nông cạn? Đó là cộng đồng trong đó các Tỳ kheo là bất ổn, ta đây, vô ích, nói nhiều, nhiều chuyện, có tâm lăng xăng (thiếu chánh niệm, thất niệm), thiếu sự rõ biết (thiếu tỉnh giác), không tập trung (thất định), với những cái tâm lăng xăng, với các giác quan (căn) lơ lửng (không được kiểm chế): đây được gọi là cộng đồng nông cạn.

“Và cái gì là cộng đồng sâu sắc? Cộng đồng trong đó các Tỳ kheo *không* bất ổn, ta đây, vô ích, nói nhiều, và nhiều chuyện, mà có sự chánh niệm được thiết lập, thường rõ biết (tỉnh giác), có tập trung (định), với những cái tâm hợp nhất (nhất điểm), và có các giác quan được kiểm chế: đây được gọi là cộng đồng sâu sắc.

“Này các Tỳ kheo, có hai loại cộng đồng như vậy. Trong hai loại cộng đồng, cộng đồng sâu sắc là tốt nhất.”

(AN 2:42)

### (2) Cộng Đồng Chia Rẽ & Cộng Đồng Hòa Hợp

“Này các Tỳ kheo, có hai loại cộng đồng như vậy. Hai đó là gì? Cộng đồng bị chia rẽ và cộng đồng hòa hợp.

“Và cái gì là cộng đồng bị chia rẽ? Cộng đồng trong đó các Tỳ kheo hay tranh luận và cãi vã và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ: đó được gọi là cộng đồng bị chia rẽ.

“Và cái gì là cộng đồng hòa hợp? Cộng đồng trong đó các Tỳ kheo sống trong sự hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ: đó được gọi là cộng đồng hòa hợp.

“Này các Tỳ kheo, có hai loại cộng đồng như vậy. Trong hai loại cộng đồng đó, cộng đồng hòa hợp là tốt nhất.”

(AN 2:43)

### ***(3) Cộng Đồng Thấp Kém & Cộng Đồng Ưu Việt***

“Này các Tỳ kheo, có hai loại cộng đồng như vậy. Hai đó là gì? Cộng đồng những người thấp kém và cộng đồng những người ưu việt.

“Và cái gì là cộng đồng những người thấp kém? Ở đây, trong loại cộng đồng này các Tỳ kheo trưởng lão sống xa hoa (thụ hưởng) và loi lỏng, những người lãnh đạo (thượng tọa) thì tụt lùi (không tu tiên), bỏ lơ trách phạt sống tách ly lánh trần; họ không phát khởi sự nỗ-lực tu tiến để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. Những người kế tục sau đó noi gương làm theo họ. Rồi tới phiên những người sau cũng trở nên sống xa hoa và loi lỏng; những người lãnh đạo cũng tụt lùi, bỏ lơ trách phạt sống tách ly lánh trần; những người sau cũng không phát khởi sự nỗ-lực tu tiến để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. Đây được gọi là cộng đồng những người thấp kém.

“Và cái gì là cộng đồng những người ưu việt? Ở đây, trong loại



cộng đồng này những Tỳ kheo trưởng lão *không* sống xa hoa và lơ lửng, không để tụt lùi và thực hiện đời sống tách ly lánh trần; họ phát khởi sự nỗ-lực tu tiến để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. Những người kế tục sau họ noi gương làm theo họ. Rồi tới phiên những người sau cũng *không* sống xa hoa và lơ lửng; cũng không để tụt lùi và thực hiện đời sống tách ly lánh trần; họ phát khởi sự nỗ-lực tu tiến để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. Đây được gọi là cộng đồng những người ưu việt.

“Này các Tỳ kheo, có hai loại cộng đồng như vậy. Trong hai loại cộng đồng đó, cộng đồng những người ưu việt là tốt nhất.”

(AN 2:44)

#### ***(4) Cộng Đồng Thánh Thiện & Cộng Đồng Không Thánh Thiện***

“Này các Tỳ kheo, có hai loại cộng đồng như vậy. Hai đó là gì? Cộng đồng những người không thánh và cộng đồng những người thánh thiện.

“Và cái gì là cộng đồng những người không thánh thiện? Cộng đồng trong đó các Tỳ kheo không hiểu biết (bốn Diệu Đế) đúng như chúng thực là: ‘Đây là khổ; đây là nguồn gốc khổ; đây là sự chấm dứt khổ; đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’: đây được gọi là cộng đồng những người không thánh thiện.

“Và cái gì là cộng đồng những người thánh thiện? Cộng đồng trong đó các Tỳ kheo hiểu biết (bốn Diệu Đế) đúng như chúng thực là: ‘Đây là khổ; đây là nguồn gốc khổ; đây là sự chấm dứt khổ; đây

là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’: đây được gọi là cộng đồng những người thánh thiện.

“Này các Tỳ kheo, có hai loại cộng đồng như vậy. Trong hai loại cộng đồng đó, cộng đồng những người thánh thiện là tốt nhất.”

(AN 2:45)

### ***(5) Cộng Đồng Bất Chánh & Cộng Đồng Chân Chánh***

“Này các Tỳ kheo, có hai loại cộng đồng như vậy. Hai đó là gì? Cộng đồng bất-chánh và cộng đồng chân-chánh.

“Và cái gì là cộng đồng bất-chánh? Ở đây, trong cộng đồng này những điều luật trái với Giáo Pháp thì được ban hành và những điều luật đúng theo Giáo Pháp thì không được ban hành. Những điều luật trái với Giới Luật thì được ban hành và những điều luật đúng theo Giới Luật thì không được ban hành. Những điều luật trái với Giáo Pháp được giảng giải và những điều luật đúng theo Giáo Pháp thì không được giảng giải. Những điều luật trái với Giới Luật được giảng giải và những điều luật đúng theo Giới Luật thì không được giảng giải. Đây là cộng đồng bất chánh. Bởi vì nó không chân chánh cho nên trong cộng đồng đó những điều luật trái với Giáo Pháp thì được ban hành . . . và những điều luật đúng theo Giáo Pháp thì không được giảng giải.

“Và cái gì là cộng đồng chân-chánh? Ở đây, trong cộng đồng này những điều luật trái với Giáo Pháp thì không được ban hành và những điều luật đúng theo Giáo Pháp thì được ban hành. Những điều luật trái với Giới Luật thì không được ban hành và những điều luật đúng theo Giới Luật thì được ban hành. Những điều luật trái với Giáo Pháp không được giảng giải và những điều luật đúng theo

Giáo Pháp thì được giảng giải. Những điều luật trái với Giới Luật không được giảng giải và những điều luật đúng theo Giới Luật thì được giảng giải. Đây là cộng đồng chân chánh. Bởi vì nó chân chánh cho nên trong cộng đồng đó những điều luật trái với Giáo Pháp thì không được ban hành . . . và những điều luật đúng theo Giáo Pháp thì được giảng giải

“Này các Tỳ kheo, có hai loại cộng đồng như vậy. Trong hai loại cộng đồng đó, cộng đồng chân-chánh là tốt nhất.”

(AN 2:49)

## **2. Sự Thành Lập Cộng Đồng**

### **(1) Cách Nào Chúng Sinh Sống Kết Đoàn**

“Này các Tỳ kheo, chính bởi các yếu tố mà các chúng sinh đến với nhau và kết đoàn với nhau: những người có tính khí thấp hèn thì đến với nhau và kết đoàn với những người có tính khí thấp hèn. Trong quá khứ, họ làm như vậy, trong tương lai họ sẽ làm như vậy, và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy. Giống như phân thì đến với phân và kết hợp với phân; nước tiểu với nước tiểu; nước miếng với nước miếng; mũ đờm với mũ đờm; và máu với máu; chính bởi các yếu tố mà các chúng sinh đến với nhau và kết đoàn với nhau: những người có tính khí thấp hèn thì đến với nhau và kết đoàn với những người có tính khí thấp hèn. Trong quá khứ, họ làm như vậy, trong tương lai họ sẽ làm như vậy, và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.

“Này các Tỳ kheo, chính bởi các yếu tố mà các chúng sinh đến với nhau và kết đoàn với nhau: những người có tính khí tốt lành thì đến với nhau và kết đoàn với những người có tính khí tốt. Trong

quá khứ, họ làm như vậy, trong tương lai họ sẽ làm như vậy, và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy. Giống như sữa thì đến với sữa và kết hợp với sữa; dầu với dầu; bơ với bơ; mật ong với mật ong; mật đường với mật đường; tương tự như vậy, chính bởi các yếu tố mà các chúng sinh đến với nhau và kết đoàn với nhau: những người có tính khí tốt lành thì đến với nhau và kết đoàn với những người có tính khí tốt lành. Trong quá khứ, họ làm như vậy, trong tương lai họ sẽ làm như vậy, và giờ trong hiện tại họ cũng làm như vậy.

(SN 14:16; CDB 640)

## ***(2) Áo Đen Đi Với Áo Đen; Áo Trắng Đi Với Áo Trắng***

“Này các Tỳ kheo, chính bởi các yếu tố mà các chúng sinh đến với nhau và kết đoàn với nhau. Những người thiếu niềm-tin thì đến với nhau và kết đoàn với những người thiếu niềm-tin, những người không biết xấu hổ với những người không biết xấu hổ, những người không biết sợ hãi việc làm tội lỗi với những người không biết sợ hãi việc làm tội lỗi, những người không học hiểu với những người không học hiểu, những người lười biếng với những người lười biếng, những người có tâm lăng xăng (thiếu chánh niệm, thất niệm) với những người có tâm lăng xăng, những người vô trí với những người vô trí. Trong quá khứ là như vậy, trong tương lai sẽ như vậy, và giờ trong hiện tại cũng như vậy.

“Này các Tỳ kheo, chính bởi các yếu tố mà các chúng sinh thì đến với nhau và kết đoàn với nhau. Những người có niềm-tin đến với nhau và kết đoàn với những người có niềm-tin, những người biết xấu hổ với những người biết xấu hổ, những người biết sợ hãi việc làm tội lỗi với những người biết sợ hãi việc làm tội lỗi, những người có học hiểu với những người có học hiểu, những người siêng

năng với những người siêng năng, những người có tâm chánh niệm với những người có tâm chánh niệm, những người có trí với những người có trí. Trong quá khứ là như vậy, trong tương lai sẽ như vậy, và giờ trong hiện tại cũng như vậy.

“Những người sát sinh thì đến với nhau và kết đoàn với những người sát sinh; những người trộm cắp . . . những người tà dục tà dâm . . . những người nói láo nói dối . . . những người uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại thì đến với nhau và kết đoàn với những người uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại.

“Những ai kiêng cử việc sát sinh thì đến với nhau và kết đoàn với những người kiêng cử sát sinh; những người kiêng cử việc trộm cắp . . . kiêng cử việc tà dục tà dâm . . . kiêng cử nói láo nói dối . . . kiêng cử rượu nặng, rượu nhẹ và những chất độc hại thì đến với nhau và kết đoàn với những người kiêng cử rượu nặng, rượu nhẹ và những chất độc hại.”

“Những người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) đến với nhau và kết đoàn với những người có cách-nhìn sai lạc; những người có ý định sai trái (tà tư duy) . . . lời nói sai trái (tà ngữ) . . . hành động sai trái (tà nghiệp). . . nghề nghiệp làm ăn sai trái (tà hạnh) . . . nỗ lực sai trái (tà tinh tấn) . . . chú tâm sai lạc (tà niệm) . . . định tâm sai lạc (tà định, thiền định không chân chính) thì đến với nhau và kết đoàn với những người định tâm sai lạc.

“Những người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) đến với nhau và kết đoàn với những người có cách-nhìn đúng đắn; những người có ý định đúng đắn (chánh tư duy) . . . lời nói đúng đắn (chánh ngữ) . . . hành động đúng đắn (chánh nghiệp). . . nghề nghiệp làm ăn đúng đắn (chánh hạnh) . . . nỗ lực đúng đắn (chánh tinh tấn) . . . chú

tâm đúng đắn (chánh niệm) . . . định tâm đúng đắn (chánh định, thiền định chân chính) thì đến với nhau và kết đoàn với những người định tâm đúng đắn.

(SN 14:17, 14:25, 14:28; CDB 641, 644, 645)

### ***(3) Bốn Phương Tiện Để Được Lòng Người Khác***

“Này các Tỳ kheo, có bốn phương tiện để được lòng người khác. Bốn đó là gì? Sự cho tặng, lời nói thân mến, hành vi có ích, và sự công bằng (vô tư, không thiên vị). Đó là bốn phương tiện để được lòng người khác.”

Sự cho tặng, lời nói thân mến,  
Hành vi có ích, và sự công bằng,  
trong những điều kiện thế tục đa dạng,  
những phương tiện đó lấy được lòng người khác  
như ốc vặn giữ lấy trục bánh xe đang chạy.

Nếu không có những phương tiện như vậy  
để được lòng người khác,  
thì dù cha hay mẹ cũng không có được  
lòng tôn trọng và kính trọng của con mình.

Nhưng nếu ai có được những phương tiện đó,  
để được lòng người khác,  
Và nhờ có đó, bậc hiền trí cũng kính trọng họ;  
Nhờ đó họ đạt thành bậc đại lượng  
và đáng được ngợi khen.

(AN 4:32; NDB 419–20)

## **3. Duy Trì Cộng Đồng**

### (1) Giáo Pháp Là Thẩm Quyền

Bà-la-môn tên Vassakāra, là tể tướng của nước Magadha (Ma-kiệt-đà), đã hỏi Ngài Ānanda:

“Thầy Ānanda, có một Tỳ kheo nào được Đức Phật bổ nhiệm như vậy: ‘Vị ấy là nơi nương tựa của các người khi ta mất đi’, và bây giờ các thầy phải nương dựa vào vị ấy?”<sup>4</sup>

“Không có một Tỳ kheo nào được đức Thế Tôn bổ nhiệm như vậy: ‘Vị ấy sẽ là nơi nương tựa khi ta mất đi’ và bây giờ chúng tôi phải nương dựa vào vị ấy.”

“Nhưng, Thầy Ānanda, có một Tỳ kheo nào được Tăng Đoàn chọn ra và được một số các Tỳ kheo trưởng lão bổ nhiệm như vậy: ‘Vị ấy sẽ là nơi nương tựa của chúng ta sau khi đức Thế Tôn mất đi’ và bây giờ các thầy phải nương dựa vào vị ấy?”

“Không có một Tỳ kheo nào được Tăng Đoàn chọn ra và được một số Tỳ kheo trưởng lão bổ nhiệm như vậy: ‘Vị ấy sẽ là nơi nương tựa của chúng ta sau khi đức Thế Tôn mất đi’ và bây giờ chúng tôi phải nương dựa vào vị ấy.”

“Nhưng Thầy Ānanda, nếu không có nơi nương tựa thì cái gì là nguyên nhân tạo ra sự hòa-hợp của các thầy?”

“Này bà-la-môn, chúng tôi không phải không có nơi nương tựa. Chúng tôi có một nơi nương tựa; chúng tôi có Giáo Pháp là nơi nương tựa.”

“Thầy Ānanda, thầy nói rằng thầy có Giáo Pháp là nơi nương tựa. Điều đó nên được hiểu ra sao?”

“Này bà-la-môn, đức Thế Tôn đã định rõ *giáo trình tu tập* (giáo lý) cho các Tỳ kheo và đã đặt ra *các giới luật Pātimokkha* (giới luật

Tỳ kheo). Vào những ngày Bố-tát [*uposatha*]<sup>5</sup> mỗi nhóm người của chúng tôi đang sống nhờ trong mỗi khu làng sẽ gặp mặt cùng nhau, và khi gặp nhau chúng tôi yêu cầu những ai biết về giới luật Pātimokkha thì tụng đọc lại (cho tất cả cùng nghe). Nếu một Tỳ kheo nào nhớ ra (nhận ra) một tội lỗi hay một hành vi phạm giới trong khi Pātimokkha đang được tụng đọc, thì chúng tôi sẽ xử lý người đó theo Giáo Pháp theo cách chúng tôi đã được chỉ dạy (bởi Phật). Không phải những vị tôn sư xứng đáng nào xử lý chúng tôi; chính Giáo Pháp xử lý chúng tôi.”

(MN 108; MLDB 892–95)

## **(2) Những Lý Do Của Giới Luật**

Ngài Upāli đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, dựa trên bao nhiêu lý do mà Như Lai đã định ra những giới luật tu hành cho những đệ tử của mình và đã tụng giảng Pātimokkha (Giới luật Tỳ kheo)?”

“Này Upāli, đó là dựa trên mười [10] lý do mà Như Lai đã định ra những giới luật tu hành cho những đệ tử của mình và đã tụng giảng Pātimokkha. Mười đó là gì?

- (1) Vì sự tốt đẹp của Tăng Đoàn;
- (2) Vì sự dễ dàng cho Tăng Đoàn;
- (3) Để kiểm chế những người chướng nghịch;
- (4) Để cho các Tỳ kheo cư xử tốt có thể sống an ổn;
- (5) Để kiểm chế những dòng chảy vào (những ô-nhiễm, từ ngoài vào tâm) thuộc kiếp này;



- (6) Để xoa tan những dòng chảy vào thuộc những kiếp sau;
- (7) Để cho những người không có niềm-tin có thể có được niềm-tin (vào Tam Bảo); và
- (8) Để gia tăng niềm-tin của những người đã có niềm-tin;
- (9) Để liên tục Giáo Pháp tốt lành; và
- (10) Để phát huy giới luật.

Đó là dựa trên mười lý do như vậy mà Như Lai đã định ra những giới luật tu hành cho các đệ tử của mình và đã tụng giảng Pātimokkha.”

(AN 20:31; NDB 1387)

### ***(3) Sáu Nguyên Tắc Để Sống Hòa Hợp***

“Này các Tỳ kheo, có sáu nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. Sáu đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình đều giữ những hành-vi thân từ-ái đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Đây là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình đều giữ những hành-vi lời-nói từ-ái đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến ... sự đoàn kết.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng

một mình đều giữ những hành-vi tâm từ-ái đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến ... sự đoàn kết.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo chia sẻ chứ không giữ lại những lợi lộc chân chính đã có được một cách chân chính (đúng theo Giáo Pháp), ngay cả thức ăn có được trong bình bát, và dùng những thứ đó chung với những đồng đạo của mình. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến ... sự đoàn kết.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình cùng có chung với những đồng đạo của mình loại giới-hạnh (có tính chất) lành mạnh, không sứt mẻ, không ô nhiễm, không vết nhơ, hướng tới giải thoát, được khen ngợi bởi bậc hiền trí, không dính chấp, dẫn đến sự định tâm. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến ... sự đoàn kết.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình cùng có chung với những đồng đạo của mình cách-nhìn thánh thiện và giúp giải thoát (chánh kiến), và dẫn dắt một người tu tập đúng theo nó tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

“Đây là sáu nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.”

(AN 6:12)

(*coi thêm MN 48*)

#### (4) Mười Nguyên Tắc Để Hòa Hợp

(Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc.) Bảy giờ ... một số Tỳ kheo đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó họ dẫn đến tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau.

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến chỗ hội trường, ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, sự thảo luận gì các thầy đã tham gia khi các thầy mới ngồi với nhau ở đây? Sự thảo luận gì đang dở dang (chưa được kết thúc, chưa được hoàn thành)?”

“Ồ đây, thưa Thế Tôn, sau khi đã đi khát thực trong thành Sāvattthī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, chúng con đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó chúng con dẫn đến tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau.”

“Này các Tỳ kheo, thật không phù hợp đối với các thầy là những người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành mà các thầy dẫn đến tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau.

“Này các Tỳ kheo, có mười nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. Mười đó là gì?

(1) “Ồ đây, một Tỳ kheo là *có giới-hạnh*; người đó sống được

kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Vì một Tỳ kheo là có giới-hạnh ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo *đã học-hiểu nhiều*, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Vì một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo *có những bạn tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt*. Vì một Tỳ kheo có những bạn tốt ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là *dễ tu sửa* và có được những phẩm chất làm cho người đó dễ được tu sửa; người đó nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ dẫn một cách tôn trọng. Vì một Tỳ kheo là dễ tu sửa ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là *khéo giỏi và siêng năng* tham gia làm những công việc này nọ (ở chỗ tu, trong chùa, như những việc

Tăng sự, Phật sự...) thay cho các Tỳ kheo khác; người đó có được sự tìm hiểu thích hợp ở đó, và có khả năng thực hiện và sắp xếp mọi thứ một cách phù hợp. Vì một Tỳ kheo là khéo giỏi vãng siêng năng ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo *yêu mến Giáo Pháp* và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), tràn đầy niềm-vui cao độ về Giáo Pháp và giới-luật. Vì một Tỳ kheo yêu mến Giáo Pháp ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo *đã phát khởi sự nỗ-lực* (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố gắng, không lơ lãng bôn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Vì một Tỳ kheo đã phát khởi nỗ-lực ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo *biết hài-lòng với mọi thứ* y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Vì một Tỳ kheo biết hài lòng với mọi thứ y áo ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo là *có chánh-niệm*, có được sự chánh-niệm cao nhất, là người nhớ và nhớ lại điều đã được làm và nói từ lâu. Vì một Tỳ kheo là có chánh-niệm ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó,

sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo là *có trí*; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự khởi sinh và biến-diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Vì một Tỳ kheo là khôn trí ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

“Này các Tỳ kheo, đây là mười nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.”

(AN 10:50)

### ***(5) Bảy Điều Kiện Để Có Sự Hòa-Hợp Trong Xã Hội***

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong Ngôi Đền Mái Nhọn (*Sārandada*). Rồi một số người Licchavi (*cũng được gọi là người Vajji (Bạt-kỳ), vì người Licchavi là bộ tộc lớn nhất và chủ yếu của vương quốc Vajji*) đã đến gặp, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói điều này với họ:

“Này những người Licchavi, ta sẽ dạy cho các người bảy (07) nguyên tắc để không bị suy yếu. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, những người Licchavi đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: “Và này những người Licchavi, cái gì là bảy nguyên tắc để không bị suy yếu?

(1) “Này những người Licchavi, chừng nào những người Vajji còn tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ, thì họ chỉ đang

cường thịnh, chứ không suy yếu.

(2) “Chùng nào người Vajji còn gặp nhau hội họp trong sự hòa hợp, chia tay nhau trong sự hòa hợp, và làm ăn với nhau trong sự hòa hợp, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(3) “Chùng nào người Vajji không ban hành những gì không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những gì đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những gì đã được ban hành theo truyền thống Vajji cổ kính của họ, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(4) “Chùng nào người dân Vajji tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những bậc trưởng lão, và nghĩ những vị bô lão đó nên được chú trọng, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(5) “Chùng nào người dân Vajji không bắt cóc cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(6) “Chùng nào người dân Vajji còn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong [thành] hay ở bên ngoài, họ không lơ là những việc chăm sóc và cúng bái đã có từ trước, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(7) “Chùng nào người dân Vajji còn chu cấp sự bảo hộ đúng đắn, chỗ ở, và sự bảo vệ những vị A-la-hán để những vị A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán khác có thể đến sống ở đó, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

“Này những người Licchavi, chùng nào bảy nguyên tắc để không bị suy yếu này còn tiếp nối giữa những người Vajji, và còn thấy những người Vajji [được thiết lập] trong những nguyên tắc đó,

thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.”

(AN 7:21)

### **(6) Bảy Điều Kiện Để Có Sự Hòa-Hợp Trong Tăng Đoàn**

Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy (07) nguyên tắc để không bị suy yếu. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: “Và này các Tỳ kheo, cái gì là bảy nguyên tắc để không bị suy yếu?”

(1) “Chùng nào các Tỳ kheo còn tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(2) “Chùng nào các Tỳ kheo còn gặp nhau hội họp trong hòa hợp, chia tay nhau trong hòa hợp, và thực hiện những công việc với nhau trong hòa hợp, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(3) “Chùng nào các Tỳ kheo không ban hành những gì không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những gì đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những giới luật tu hành đã được ban hành trước đó, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(4) “Chùng nào các Tỳ kheo còn tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những Tỳ kheo là những bậc trưởng lão, thâm niên, đã xuất gia lâu (tuổi hạ cao), những bậc sư cha và những sư thầy dẫn dắt của Tăng Đoàn, và biết nghĩ rằng những bậc ấy nên được chăm sóc, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.



(5) “Chùng nào các Tỳ kheo không còn bị chi phối bởi dục vọng đã khởi sinh dẫn tới tái sinh luân hồi, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(6) “Chùng nào các Tỳ kheo còn ý định sống tu trong rừng (lánh trần, thoát tục), thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

(7) “Chùng nào các Tỳ kheo tự mình thiết lập sự chánh niệm nhờ đó sau này những Tỳ kheo đồng đạo cư xử tốt chưa đến thì có thể đến ở, và những Tỳ kheo cư xử tốt đã ở đó thì đang sống an lạc, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.

“Này các Tỳ kheo, chùng nào bảy nguyên tắc để không bị suy yếu này còn được liên tục giữa các Tỳ kheo, và thấy các Tỳ kheo còn được thiết lập trong những nguyên tắc đó, thì họ chỉ đang cường thịnh, chứ không suy yếu.”

(AN 7:23; NDB 1013–14)

### ***(7) Chăm Sóc Người Bệnh Tật***

+ “Này các Tỳ kheo, nếu có được năm phẩm chất này thì một người (được coi là) có đủ phẩm chất để chăm sóc một bệnh nhân. Năm đó là gì?

(1) Người đó có thể chuẩn bị thuốc thang.

(2) Người đó biết thứ gì có lợi và thứ gì có hại, nhờ đó giữ lại thứ có hại và đưa ra thứ có lợi (cho bệnh nhân, căn bệnh).

(3) Người đó chăm sóc bệnh nhân với một cái tâm từ ái, chứ không phải vì được trả công bằng vật chất.

(4) Người đó không thấy ghê tởm khi phải rửa dọn phân dơ, nước tiểu, đồ ói mửa, hoặc nước dãi nước nhỏ.

(5) Người đó đôi lúc cũng hướng dẫn, an ủi, khích lệ, và làm vui bệnh nhân bằng một câu chuyện Giáo Pháp (pháp thoại).

Nếu có-được năm phẩm chất này thì một người có đủ phẩm chất để chăm sóc một bệnh nhân.

+ “Còn nếu có-được năm phẩm chất khác thì một bệnh nhân (được coi) là người dễ được chăm sóc. Năm đó là gì?

(1) Người đó làm điều có ích lợi.

(2) Người đó tuân thủ sự điều độ trong thứ có ích lợi.

(3) Người đó uống/dùng thuốc.

(4) Người đó kể ra chính xác các triệu chứng bệnh cho người chăm sóc nhân từ của mình; người đó báo rõ, từng trường hợp, khi tình trạng bệnh đang nặng hơn, hay đang đỡ hơn, hoặc vẫn đang ở mức bệnh như cũ.

(5) Người đó kiên nhẫn chịu đựng những cảm giác thân đã khởi sinh là đau khổ, đau đớn, đau buốt, đau nhói, làm đau lòng, làm tiêu hao sức sống của người bệnh.

Nếu có-được năm phẩm chất này thì một người (được gọi) là người dễ được chăm sóc.”

(AN 5:123-24 *kết hợp*; NDB 741-42)

#### **4. Giai Cấp Là Chẳng Liên Quan Gì**

##### **(1) Nhập Chung Như Các Sông Nhập Vào Biển**

“Giống như, khi những dòng sông lớn—như sông Hằng (Ganges), sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū và sông Mahī—chảy ra tới biển lớn, lúc đó chúng không còn những tên

sông và tên gọi trước đó của chúng, và chỉ còn được coi là biên lớn; cũng tương tự vậy, khi những người thuộc bốn giai cấp—chiến sĩ (*khattiya*), bà-la-môn (*brahmin*), nông thương (*vessa*), và bần lao (*sudda*)<sup>6</sup>—rời bỏ đời sống tại gia để bước vào đời sống xuất gia tu hành theo Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai (*Tathāgata*), lúc đó họ không còn những tên gọi và tên họ trước đó, và chỉ còn được coi là những tu sĩ, là những người con xứ Thích-Ca (*Sakya*)”

(trích AN 8:19; NDB 1144; Ud 5.5)

## **(2) Ai Cũng Có Thể Chứng Đắc Mục Tiêu Tột Cùng**

“Giả sử có một ao nước, có nước trong sạch, mát rượi, trong suốt, với bờ hồ êm dịu, đáng thích thú. Nếu một người đang bị cháy khô và kiệt sức bởi trời nóng, mệt đuối, khô héo, và khát nước, đi đến từ phía đông hoặc phía tây hoặc phía bắc hoặc phía nam, hoặc từ nơi nào đó, sau khi tới được ao nước, thì người đó có thể giải được cơn khát và cơn sốt nắng nóng của mình. Cũng tương tự vậy, nếu có ai từ giai cấp chiến sĩ rời bỏ đời sống tại gia đi vào đời sống xuất gia tu hành; hoặc từ giai cấp bà-la-môn, hoặc từ giai cấp nông thương, hoặc từ giai cấp bần lao, và sau khi gặp được Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai, thì người đó cũng có thể tu dưỡng tâm từ, bi, hỷ, xả, và nhờ đó có thể đạt được sự bình an bên-trong, rồi nhờ có sự bình an bên-trong đó, người đó tu tập phương cách đúng đắn của một tu sĩ (bậc sa-môn), Ta nói như vậy.

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai từ giai cấp chiến sĩ rời bỏ đời sống tại gia đi vào đời sống xuất gia tu hành; hoặc từ giai cấp bà-la-môn, hoặc từ giai cấp nông thương, hoặc từ giai cấp bần lao, và bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp, thì người đó

đến một lúc nào đó cũng sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của-tâm, sự giải-thoát bằng-trí-tuệ, đó là không còn những dòng chảy vào (những ô nhiễm) bằng cách đã tiêu diệt những dòng chảy vào (đã thành vô nhiễm), thì người đó cũng là một tu sĩ (bậc sa-môn) vì đã tiêu diệt những dòng chảy vào.” (*tức ai cũng có thể tu thành, không phân biệt gia phẩm giai cấp*).

(trích MN 40; MLDB 374–75)

### **(3) Những Tiêu Chuẩn Nào Để Tuyển Chọn?**

[Đức Phật đang hỏi Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc):]

“Đại vương nghĩ sao? Giả sử ngài đang ở nơi chiến trận và cuộc chiến sắp xảy ra. Rồi có một thanh niên giai cấp chiến-sĩ đến, đó là người không được huấn luyện, không có kỹ năng, không tập luyện, không kinh nghiệm, nhút nhát, đứng đơ ra, sợ hãi, dễ dàng bỏ trốn. Liệu ngài có dùng người đó hay không?” – “Chắc chắc không, thưa Thế Tôn.”

“Rồi có một thanh niên giai cấp bà-la-môn . . . giai cấp nông-thương . . . giai cấp bản-lao đến, đó là người không được huấn luyện . . . dễ dàng bỏ trốn. Liệu ngài có dùng người đó hay không?” – “Chắc chắc không, thưa Thế Tôn.”

“Đại vương nghĩ sao? Giả sử ngài đang ở nơi chiến trận và cuộc chiến sắp xảy ra. Rồi có một thanh niên giai cấp chiến sĩ đến, đó là người được huấn luyện, có kỹ năng, có tập luyện, có kinh nghiệm, dũng cảm, gan dạ, sẵn sàng chiến đấu đến cùng. Liệu ngài có dùng người đó không?” – “Ta sẽ dùng, thưa Thế Tôn.”

“Rồi có một thanh niên giai cấp bà-la-môn . . . giai cấp nông-thương . . . giai cấp bản-lao đến, đó là người được huấn luyện, có

kỹ năng, có tập luyện, có kinh nghiệm, dũng cảm, gan dạ, sẵn sàng chiến đấu đến cùng. Liệu ngài có dùng người đó không?” – “Ta sẽ dùng, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này đại vương, khi một người đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì chẳng có gì liên quan tới họ tộc giai cấp cả; nếu người đó đã dẹp-bỏ được năm yếu tố và có-được năm yếu tố, thì người đó sẽ đạt được đạo quả lớn lao. Cái gì là năm yếu tố người đó đã dẹp-bỏ? Đó là tham dục, ác ý, sự buồn ngủ và đờ đẫn, sự bất an và hối tiếc, và sự nghi ngờ (năm chướng ngại). Cái gì là năm yếu tố người đó có-được? Người đó có được nhiều [đồng, uẩn] đức-hạnh (giới hạnh) của bậc vô-học nhân (người không còn tu học, bậc giác ngộ, A-la-hán), nhiều thiên-định của bậc vô-học nhân, nhiều trí-tuệ của bậc vô-học nhân, nhiều trí-biết và tầm-nhìn giải thoát của bậc vô-học nhân. Như vậy, người đã dẹp-bỏ được năm yếu tố đầu và có-được năm yếu tố sau sẽ đạt được đạo quả lớn lao.

“Như một nhà vua dự định chiến tranh  
Sẽ dùng thanh niên thạo việc bắn cung,  
Là người có được sức mạnh và kiên cường,  
Chứ không chọn người có giai cấp mà yếu hèn—  
Người có đức hạnh thánh thiện thì ta nên quý trọng,  
Cho dù người đó thuộc giai cấp thấp hèn,  
Người đáng kính vì trong tâm đã được thiết lập  
Với những đức hạnh nhẫn nhịn và hiền từ.”

(trích SN 3:24; CDB 190–91)

## 5. Một Gương Mẫu của Tăng Đoàn Hòa-Hợp X

Trong một lần khi các ngài A-nậu-lâu-đa (Anuruddha),

Nandiya, và Kimbila đang sống trong Khu Rừng Cây Sāla ở Gosinga, đức Thế Tôn đã đến thăm họ...

5. Rồi cả ba người đã ra gặp đức Thế Tôn. Một người nhận lấy bình bát và cà sa, một người chuẩn bị chỗ ngồi, một người đặt chậu nước để (đức Thế Tôn) rửa chân. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị và rửa chân. Rồi ba quý thầy đó kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi họ đã ngồi, đức Thế Tôn đã nói với họ: “Ta hy vọng các thầy đều duy trì tốt mọi sự, này A-nậu-lâu-đà, ta hy vọng các thầy đều thoải mái, ta hy vọng các thầy không gặp khó khăn trong việc khát thực thức ăn.”

“Chúng con đều duy trì tốt mọi sự, thưa Thế Tôn, chúng con ta đều thoải mái, chúng con không gặp khó khăn trong việc khát thực thức ăn.”

6. “Này A-nậu-lâu-đà, ta hy vọng các thầy đang sống trong sự hòa hợp, không có sự tranh cãi, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ.”

“Chắc chắn là vậy, thưa Thế Tôn, chúng con đang sống trong sự hòa hợp, không có sự tranh cãi, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ.”

“Nhưng, này A-nậu-lâu-đà, theo cách nào các thầy sống được như vậy?”

7. “Thưa Thế Tôn, về điều đó, con nghĩ như vậy: ‘Đó là lợi ích cho ta, đó là lợi ích lớn cho ta, rằng ta đang sống với những người đồng-tu như vậy trong đời sống tâm linh.’ Con giữ (duy trì) hành vi thân từ-ái đối với các quý thầy cả khi đang ở chung và khi đang ở riêng; con giữ hành vi lời-nói từ-ái đối với các quý thầy cả khi đang ở chung và khi đang ở riêng; con giữ hành vi tâm từ-ái đối với các

quý thầy cả khi đang ở chung và khi đang ở riêng.<sup>7</sup> Con suy xét: ‘Tại sao ta không dẹp qua điều ta muốn làm và làm những điều các quý thầy muốn làm?’ Rồi con dẹp qua điều mình muốn làm và làm những điều các quý thầy muốn làm. Thưa Thế Tôn, chúng con khác nhau về thân thể, nhưng giống nhau về tâm ý.”...

“Tốt, tốt! Ta hy vọng các thầy đều sống [an trú, tu hành] chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Chắc chắn vậy, thưa Thế Tôn, chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Nhưng, này A-nậu-lâu-đà, làm cách nào các thầy sống được như vậy?”

9. “Thưa Thế Tôn, khi nói về điều này, bất cứ ai trong chúng con sau khi đi khất thực ngoài làng trở về trước tiên thì sẽ lo chuẩn bị các chỗ ngồi, chuẩn bị nước để uống và rửa (chân), và chuẩn bị chỗ bỏ rác (giỏ, chậu, thùng, ống nhỏ... để chứa rác đồ ăn, đồ bỏ đi sau khi ăn). Bất cứ ai về sau nếu muốn ăn sẽ ăn phần thức ăn còn lại; nếu không ăn thì người đó sẽ vứt bỏ chỗ thức ăn đó ở chỗ nào không có cỏ cây đang sống hoặc chỉ bỏ xuống nước nếu không có sinh vật sống (trong nước). Rồi người đó lo dọn dẹp các chỗ ngồi và dọn dẹp chỗ nước để uống và để rửa chân. Người đó chùi rửa và dọn dẹp chỗ bỏ rác, và quét sạch chỗ ngồi ăn (giống như khu ngồi ăn hoặc phòng ăn trong tu viện hay chùa... thời nay). Ai thấy nước uống hoặc nước để tắm rửa hoặc nước trong nhà vệ sinh còn ít hay bị hết thì sẽ tự giác đổ cho đầy lại. Nếu chúng (đồ chứa nước) quá nặng đối với người đó, người đó sẽ ra hiệu bằng tay gọi người khác đến góp tay cùng khiêng chuyển; nhưng chỉ vì mấy việc đó chúng con không cần nói thành lời (tức hiểu nhau ngay, không cần kêu ới hay giải thích cho bị ồn ào). Rồi năm ngày một lần, chúng con ngồi

lại với nhau suốt đêm để thảo luận (đàm đạo) về Giáo Pháp. Đó là cách chúng con sống chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

(trích MN 31; MLDB 301–2)

## **6. Người Xuất Gia & Người Tại Gia**

### **(1) Hỗ Trợ lẫn Nhau**

“Này các Tỳ kheo, những người tại gia là rất hữu ích đối với các thầy. Họ cung cấp (cúng dường) cho các thầy những thứ cần thiết như y phục, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang trong lúc đau bệnh. Và, này các Tỳ kheo, các thầy là rất hữu ích đối với những người tại gia, vì các thầy chỉ dạy cho họ Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và ngôn từ đúng đắn, và các thầy tuyên thuyết [cho thấy, chứng tỏ] đời sống tâm linh được thành tựu hoàn mãn và tinh khiết. Như vậy, này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh này được sống với sự giúp đỡ lẫn nhau, vì mục đích vượt qua con lũ và chấm dứt hoàn toàn khổ đau.”

(It 107)

### **(2) Người Ghé Thăm Các Gia Đình**

(I) “Này các Tỳ kheo, có năm phẩm chất, thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ khó chịu và khó ưa, và không được họ tôn trọng hay kính trọng. Năm đó là gì?

1. Tỳ kheo đó thân mật với những người mình không thân; (tức, ra vẻ thân mật với những người thực sự không thân với mình);

2. Ban phát những điều mình không có; (tức, chi phát thứ này thứ nọ, ra bộ mình là bậc thầy, bậc thánh; là thái độ không đứng



đần);

3. Giao lưu với những người bị chia rẽ (bất hòa);<sup>1</sup>
4. Nói lén trong tai; và
5. Đòi hỏi quá mực; (tức, xin xỏ, yêu cầu quá đáng).

Có năm phẩm chất này, thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ khó chịu và khó ưa, và không được họ tôn trọng hay kính trọng.”

(II) “Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ dễ chịu và ưa mến, và được họ tôn trọng và kính trọng. Năm đó là gì?

1. Tỳ kheo đó không thân mật với những người mình không thân;
2. Không ban phát những điều mình không có;
3. Không giao lưu với những người bị chia rẽ;
4. Không nói lén trong tai; và
5. Không đòi hỏi quá mực.

Có được năm phẩm chất này, thì một Tỳ kheo ghé thăm các gia đình làm họ dễ chịu và ưa mến, và được họ tôn trọng và kính trọng.”

(AN 5:11)

---

<sup>1</sup> (Nghĩa chữ này nghĩa không rõ ràng và những phiên bản cũng ghi khác nhau. **Ce** ghi là *viyatthūpasevī*, **Ee** *vyatthūpasevī*, **Be** *vissatthupasevī*. **Mp** (của **Be**) giải thích nghĩa là: “Người đó giao lưu những gia đình bị chia rẽ (bất hòa) để tạo ra sự xích mích bất hòa (giữa họ)” (*vissatthāni bhinnakulāni ghaṭanattāya upasevati*). **Mp** (của **Ce**) thì chỉ giải thích gọn là: “Người đó giao lưu với những gia đình bị chia rẽ (bất hòa)” (*viyatthāni bhinnakakulāni*).)

### **(3) Tỏ Lòng Bi-Mẫn Đối Với Những Người Tại Gia**

“Này các Tỳ kheo, có được năm phẩm chất, thì một Tỳ kheo thể hiện lòng bi-mẫn đối với những người tại gia. Năm đó là gì?

1. Tỳ kheo đó khích lệ họ tăng cường giới hạnh; (tức chú tâm giữ năm giới tốt hơn).

2. Giúp họ sống noi gương theo Giáo Pháp; (tức giúp họ hiểu biết Giáo Pháp).

3. Đến thăm họ khi họ đau bệnh và nhắc nhở họ thiết lập sự chánh niệm về các vị A-la-hán.

4. Khi có đoàn Tỳ kheo đến, trong đó có các Tỳ kheo đến từ những xứ khác, hãy đến gặp những người tại gia và nói với họ: ‘Này các đạo hữu, có một đoàn Tỳ kheo mới đến trong đó có các Tỳ kheo đến từ những xứ khác. Hãy tạo công đức. Đây là cơ hội để tạo tích công đức.’

5. Tự mình ăn bất kỳ thức ăn nào họ cúng dường cho mình, dù dở hay ngon; không bỏ lơ bỏ phí những thứ được họ cúng dường vì niềm-tin (đối với mình, Tam Bảo).

Có được năm phẩm chất này, thì một Tỳ kheo thể hiện lòng bi-mẫn đối với những người tại gia.”

(AN 5:235; NDB 832)

### **(4) Những Gia Đình Đáng Đến Gặp X**

“Này các Tỳ kheo, có bảy yếu tố, một gia đình chưa đến gặp thì không đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì không đáng để ngồi lại với họ. Chính đó là gì? (1) Họ không vui vẻ đứng dậy.

(2) Họ không vui vẻ kính chào (lễ chào, lễ lạy). (3) Họ không vui vẻ mời chỗ ngồi. (4) Họ che giấu những thứ mình có. (5) Ngay cả họ có nhiều họ cũng bố thí ít ỏi. (6) Ngay cả họ có những thứ tốt ngon họ cũng bố thí những thứ thô dở. (7) Họ bố thí không có sự kính trọng, một cách bất kính. (8) Họ không ngồi gần để lắng nghe Giáo Pháp. (9) Họ không thưởng thức mùi vị của lời nói ra (từ những vị Tỷ kheo). Có chín yếu tố này, một gia đình chưa đến gặp thì không đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì không đáng để ngồi lại với họ.

“Này các Tỷ kheo, có được chín yếu tố, một gia đình chưa đến gặp thì đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì đáng để ngồi lại với họ. Bây đó là gì? (1) Họ không vui vẻ đứng dậy. (2) Họ vui vẻ kính chào (lễ chào, lễ lạy). (3) Họ vui vẻ mời chỗ ngồi. (4) Họ không che giấu những thứ mình có. (5) Nếu họ có nhiều họ bố thí nhiều. (6) Nếu họ có những thứ tốt ngon họ bố thí những thứ tốt ngon đó. (7) Họ bố thí với sự kính trọng, một cách kính trọng. (8) Họ ngồi gần để lắng nghe Giáo Pháp. (9) Họ thưởng thức mùi vị của lời nói ra (từ những vị Tỷ kheo). Có được chín yếu tố này, một gia đình chưa đến gặp thì đáng để đến gặp, hoặc nếu đã đến gặp thì đáng để ngồi lại với họ.”

(AN 9:17)



## **CHƯƠNG VIII – NHỮNG SỰ TRANH CHẤP**



## 1. Tại Sao Chúng Sinh Sống Trong Thù Ghét?

2.1. Vua Trời Sakka (Đế-thích), người trị vì các thiên thần, đã hỏi đức Thế Tôn:

“Những chúng sinh mong muốn sống không có sự thù ghét, hãm hại, tàn bạo, hay thù địch; họ mong muốn sống trong hòa bình. Nhưng họ lại sống trong sự thù ghét, hãm hại lẫn nhau, tàn bạo, và như những kẻ thù. Thưa Thế Tôn, vì những gông cùm nào trói chặt mà họ sống theo cách như vậy?—

[Đức Thế Tôn nói:]

“Này vua của các thiên thần, gông cùm chính là lòng ghen tỵ và tính keo kiệt trói buộc những chúng sinh, cho nên mặc dù họ mong muốn sống không có sự thù ghét, tàn bạo, hay thù địch, và sống trong hòa bình, nhưng họ vẫn sống trong sự thù ghét, hãm hại lẫn nhau, tàn bạo, và như những kẻ thù.”

Đó là câu trả lời của đức Thế Tôn, và vua trời Sakka, hài lòng, thốt lên rằng: “Đúng như vậy, Thế Tôn! Đúng như vậy, bậc Phúc Lành. Nhờ câu trả lời của Thế Tôn tôi đã vượt qua sự nghi ngờ và không còn phân vân (về câu hỏi đó).”

2.2. Rồi sau khi thể hiện sự cảm kích, vua trời Sakka hỏi một câu hỏi khác:

“Nhưng thưa Thế Tôn, điều gì làm khởi sinh lòng ghen tỵ và tính keo kiệt, nguyên nhân của chúng là gì, làm sao chúng phát sinh, làm sao chúng khởi sinh? Khi cái gì có mặt thì làm chúng khởi sinh, và khi cái gì không có mặt thì chúng không khởi sinh?”—

“Này vua của các thiên thần, lòng ghen tỵ và tính keo kiệt khởi sinh từ sự thích và sự ghét; đây là nguyên nhân của chúng, đây là

cách chúng phát sinh, cách chúng khởi sinh. Khi sự thích và sự ghét có mặt thì chúng khởi sinh, và khi sự thích và sự ghét không có mặt thì chúng không khởi sinh.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì làm khởi sinh sự thích và sự ghét...?”—

“Này vua của các thiên thần, sự thích và sự ghét khởi sinh từ tham dục...”

“Và cái gì làm khởi sinh tham dục ...?”—

“Này vua của các thiên thần, tham dục khởi sinh từ suy nghĩ. Khi tâm nghĩ về thứ gì thì tham dục khởi sinh; khi tâm không nghĩ về điều gì thì tham dục không khởi sinh.”

““Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì làm khởi sinh suy nghĩ ...?”—

“Này vua của các thiên thần, sự suy nghĩ khởi sinh từ những nhận thức (tưởng, vọng tưởng) và những quan niệm phức tạp. Khi những nhận thức và những quan niệm phức tạp<sup>2</sup> có mặt thì suy nghĩ khởi sinh. Khi những nhận thức và những quan niệm phức tạp không có mặt thì suy nghĩ không khởi sinh.”

(trích từ DN 21; II 276–77; LDB 328–29)

(*Sakkapañha Sutta*: kinh “Vấn Đáp với Đế-thích”)

## **2. Những Tranh Chấp Giữa Những Người Tại Gia Những Tranh Chấp Giữa Những Người Xuất Gia**

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài Đại Ca-chiên-diên [Mahākaccāna] đang sống ở Varāṇā, bên bờ Hồ Kaddama. Lúc đó bà-la-môn tên Ārāmaṇḍa đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên và chào hỏi qua lại. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta



ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

“Thầy Ca-chiên-diên [Kaccāna], tại sao những người giai cấp chiến-sĩ [khattiya] tranh đấu với những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn tranh đấu với những bà-la-môn, và những gia chủ tranh đấu với những gia chủ?”

“Này bà-la-môn, đó là do sự dính chấp theo tham-muôn khoái-lạc giác-quan (dục lạc), do sự dính chặt theo chúng, sự dính cứng vào chúng, sự ám muội bởi chúng, sự khur khur (giữ chặt, bám chặt) theo chúng, nên những người giai cấp chiến-sĩ tranh đấu với những người giai cấp chiến-sĩ, những bà-la-môn tranh đấu với những bà-la-môn, và những gia chủ tranh đấu với những gia chủ.”

“Thầy Ca-chiên-diên, vậy tại sao những tu sĩ tranh đấu với những tu sĩ?”

“Này bà-la-môn, riêng những tu sĩ (sa-môn) thì do sự dính chấp theo tham-muôn những quan-điêm (kiến chấp) này nọ, do sự dính chặt theo chúng, sự dính cứng vào chúng, sự ám muội bởi chúng, sự khur khur theo chúng, nên những tu sĩ tranh đấu với những tu sĩ.”

“Vậy có ai trong thế gian đã vượt qua sự dính chấp như vậy theo tham-muôn những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) ... vượt qua sự khur khur theo chúng, hay không?”

“Có.”

“Đó là ai?”

“Này bà-la-môn, có một vùng thành thị ở phía đông được gọi là thành Sāvattthī (Xá-vệ). Có một bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang sống ở đó. Bậc Thế Tôn đó đã vượt qua sự dính chấp như vậy theo theo tham-muôn những khoái-lạc giác-quan

(dục lạc), đã vượt qua sự dính chặt theo chúng, sự dính cứng vào chúng, sự ám muội bởi chúng, sự khur khur theo chúng, và bậc ấy cũng đã vượt qua sự dính chấp theo những quan-điểm (kiến chấp) này nọ, đã vượt qua sự dính chặt theo chúng, sự dính cứng vào chúng, sự ám muội bởi chúng, sự khur khur theo chúng.”

Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại y áo trên một vai, chân phải quỳ gối xuống đất, kính lễ theo hướng đông có đức Thế Tôn, và đã cảm hứng tốt ra những lời này ba lần: “Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! (ba lần). Thực vậy, đức Thế Tôn đã vượt qua sự dính chấp như vậy theo tham-muốn những khoái-lạc giác-quan, đã vượt qua sự dính chặt theo chúng, sự dính cứng vào chúng, sự ám muội bởi chúng, sự khur khur theo chúng, và đức Thế Tôn cũng đã vượt qua sự dính chấp theo những quan-điểm (kiến chấp) này nọ, đã vượt qua sự dính chặt theo chúng, sự dính cứng vào chúng, sự ám muội bởi chúng, sự khur khur theo chúng.”

(AN 2:37; *tóm lược*)

### **3. Những Tranh Chấp Là Do Tham Muốn Khoái Lạc Giác Quan (Nhục Dục)**

11. “Lại nữa, vì do những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc . . . nên các vua chúa tranh chấp nhau, những người giai cấp chiến sĩ tranh chấp nhau, các bà-la-môn tranh chấp nhau, các gia chủ tranh chấp nhau; mẹ tranh chấp con, con tranh chấp mẹ, cha tranh chấp con, con tranh chấp cha; anh em tranh chấp nhau, chị em tranh chấp nhau; bạn bè tranh chấp nhau. Và trong những cuộc tranh chấp, tranh cãi, và tranh giành, họ đánh nhau bằng tay, bằng đá cục, gậy gộc, hay bằng dao, từ đó họ chuốc lấy chết chóc và khổ

đau gần như chết—Vây đó, đây là một dạng nguy-hại của những khoái lạc giác quan, là một đồng khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân khổ chỉ là do những khoái lạc giác quan.

12. “Lại nữa, vì do những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc . . . nên người ta mang kiếm, khiên và cung, tên, và họ giàn trận hai bên; với cung tên và giáo mác phóng như bay, kiếm vung chém lóe chớp; và rồi họ bị thương bởi cung tên và giáo mác, bị chặt đầu bởi gươm đao; từ đó họ chuốc lấy chết chóc và khổ đau gần như chết—Vây đó, đây là một dạng nguy-hại của những khoái lạc giác quan, là một đồng khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân khổ chỉ là do những khoái lạc giác quan.”

(trích MN 13; MLDB 181–82)

#### 4. Bắt Nguồn Từ Dục Vọng

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy chín (09) điều bắt rễ từ dục vọng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” – “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vậy: “Và cái gì là chín điều bắt rễ từ dục vọng?

(1) Vì có dục vọng [tùy thuộc vào dục vọng] nên có sự tìm kiếm.

(2) Vì có sự tìm kiếm nên có sự đạt được.

(3) Vì có sự đạt được nên có ý kiến (đánh giá, nhìn nhận này nọ).

(4) Vì có ý kiến này nọ nên có sự muốn và tham dục.

(5) Vì có sự muốn và tham dục nên có sự dính chấp.

(6) Vì có sự dính chấp nên có tính sở hữu.

(7) Vì có tính sở hữu nên có tính keo kiệt.

(8) Vì có tính keo kiệt nên có tính phòng thủ (vì sợ bị mất, bị thiệt).

(9) Với tính phòng thủ là nền tảng (cơ sở, nguồn gốc) nên mới sinh ra những sự cầm gậy gộc và vũ khí, sự tranh cãi, gây nhau, tranh chấp, kết tội nhau, nói lời gây chia rẽ, và nói dối nói trá, và nhiều điều bất thiện khác. Có chín điều như vậy bắt rễ từ dục vọng.”<sup>3</sup>

(AN 9:23; NDB 1280)

## 5. Những Người Mù Sờ Voi

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong khu tịnh xá của ông Cấp Cô Độc. Lúc bấy giờ có một số tu sĩ và bà-la-môn, những du sĩ thuộc giáo phái khác cũng đang sống xung quanh thành Sāvattthī. Họ nắm giữ nhiều quan điểm, niềm-tin và ý kiến khác nhau, và truyền tuyên những quan điểm khác nhau. Và họ luôn tranh cãi, tranh chấp, làm tổn thương nhau bằng những mũi-tên lời nói, họ cứ luôn nói: “Giáo Pháp là như vậy, Giáo Pháp không phải như vậy! Giáo Pháp không phải như vậy, Giáo Pháp là như vậy!”

Rồi một số Tỳ kheo đi vô thành Sāvattthī để khát thực. Sau khi quay về, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống bên cạnh, và thưa với đức Thế Tôn những gì

họ đã nhìn thấy bên ngoài. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, những du sĩ giáo phái khác giống như mù và không thấy gì. Họ không biết được điều ích lợi và điều nguy hại. Họ không biết cái gì là Giáo Pháp và cái gì không phải là Giáo Pháp, và do vậy nên họ luôn cãi lộn, tranh cãi và tranh chấp, làm tổn thương nhau bằng những mũi tên lời nói.

“Này các Tỳ kheo, trước kia có một ông vua ở thành Sāvattthī này đã kêu một cận thần cho tụ tập tất cả những người mù bẩm sinh trong thành. Sau khi đã tập hợp được họ, nhà vua bảo người cận thần đưa một con voi ra chỗ những người mù để họ sờ. Ông ta đưa đầu voi cho một số người sờ; một số khác thì đưa tai, rồi đưa ngà voi, vòi, thân, một bàn chân, hai chân sau, đuôi, hoặc chùm lông nằm cuối đuôi. Và mỗi lần đưa cho mỗi nhóm sờ, ông ta nói: ‘Đây là một con voi.’

“Sau khi ông ta báo cho vua mình đã làm xong như vậy, nhà vua bước tới chỗ những người mù và hỏi họ: ‘Hãy nói cho ta nghe, hỡi những người mù, con voi giống gì?’

“Những người sờ đầu voi trả lời: ‘Thưa bệ hạ, một con voi thì giống như cái lu đựng nước.’ Những người sờ tai thì trả lời: ‘Con voi giống một cái nia sàng (gạo, đậu...).’ Những người sờ ngà voi trả lời: ‘Con voi giống như một lưỡi cày.’ Những người sờ vòi voi thì trả lời: ‘Con voi giống như cán lưỡi cày.’ Những người sờ thân voi trả lời: ‘Con voi giống như cái bò kho (chứa lúa).’ Và những người trong mỗi nhóm khác cũng miêu tả con voi khác nhau theo những bộ phận mà họ đã sờ.

“Do vậy họ luôn nói: ‘Con voi là như vậy, con voi không phải như vậy! Con voi không phải như vậy, con voi là như vậy!’ Họ cãi cho tới khi họ đánh đấm lẫn nhau. Và nhà vua thích nhìn cảnh đó.

Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những du sĩ giáo phái khác giống như mù và không thấy gì. Họ không biết được điều ích lợi và điều nguy hại. Họ không biết cái gì là Giáo Pháp và cái gì không phải là Giáo Pháp, và do vậy nên họ luôn cãi lộn, tranh cãi và tranh chấp, làm tổn thương nhau bằng những mũi tên lời nói.”

(Ud 6:4)

## 6. Tranh Cãi Giữa các Tỳ Kheo

— “Này các Tỳ kheo, mỗi khi các Tỳ kheo tranh luận và cãi vã, và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ, **ta thấy khó chịu đến mức không muốn nghĩ [hướng sự chú tâm] tới đó, lấy chi còn muốn đi đến đó.** Ta kết luận về họ như vậy: ‘Chắc chắn, những vị đó đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều.’

“Cái gì là ba điều họ đã dẹp bỏ? Đó là những ý nghĩ từ-bỏ (buông bỏ), những ý nghĩ thiện-ý, và những ý nghĩ vô-hại: đó là ba điều họ đã dẹp bỏ. Cái gì là ba điều họ đã dung dưỡng? Đó là những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại: đó là ba điều họ đã dung dưỡng. Mỗi khi các Tỳ kheo tranh luận và cãi vã và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ, ta kết luận rằng: ‘Chắc chắn, những vị đó đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều khác.’

— “Này các Tỳ kheo, mỗi khi các Tỳ kheo sống trong sự hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, **ta thấy dễ chịu như muốn đi đến đó, chứ không chỉ thích nghĩ [hướng sự chú tâm] tới đó.** Ta kết luận rằng: ‘Chắc chắn, những vị ấy đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều.’

“Cái gì là ba điều họ đã dẹp bỏ? Đó là những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại: đó là ba điều họ đã dẹp bỏ. Cái gì là ba điều họ đã dung dưỡng? Đó là những ý nghĩ từ-bỏ, những ý nghĩ thiện-ý, và những ý nghĩ vô-hại: đó là ba điều họ đã dung dưỡng. Mỗi khi các Tỳ kheo sống trong sự hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, ta kết luận rằng: ‘Chắc chắn, những vị đó đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều.’”

(AN 3:124)

## 7. Cuộc Tranh Cãi ở Kosambī

Bấy giờ là lúc các Tỳ kheo ở Kosambī đã tranh luận và cãi vã, và đã rơi vào cuộc tranh chấp, đâm chọt nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ. Rồi có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, thầy ấy đứng sang một bên và thưa: “Thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo ở Kosambī đã tranh luận và cãi vã, và đã rơi vào cuộc tranh chấp, đâm chọt nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ. Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn đến chỗ các Tỳ kheo đó vì lòng bi mẫn.” Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Rồi đức Thế Tôn đã đi đến chỗ các Tỳ kheo đó và nói với họ: “Đủ rồi, này các Tỳ kheo, đừng để còn tranh luận, và cãi vã, và tranh chấp như vậy nữa.” Khi lời này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn rằng: “Khoan, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn, vị Pháp Vương, xin cứ sống thư thả suốt thời gian an trú để chịu ở đây. Chúng con là những người chịu trách nhiệm với cuộc tranh cãi này.”

Lần thứ hai . . . Lần thứ ba đức Thế Tôn vẫn nói: “Đủ rồi, này các Tỳ kheo, đừng để còn tranh luận, và cãi vã, và tranh chấp như

vậy nữa.” Lần thứ ba vị Tỳ kheo đó vẫn thưa: “Khoan, thưa Thế Tôn! Đức Thế Tôn, vị Pháp Vương, cứ sống thư thả suốt thời gian an trú để chịu ở đây. Chúng con là những người chịu trách nhiệm với cuộc tranh cãi này.”

Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, và mang theo bình bát và áo cà-sa, đi vào thành Kosambī để khát thực. Sau khi đức Thế Tôn đã đi khát thực một vòng trong thành và quay trở về, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn sửa soạn chỗ nghỉ ngơi, cầm lấy bình bát và áo cà-sa, và khi đang đứng đức Thế Tôn nói ra những dòng kệ này:

“Khi ai cũng đang la cãi  
Không ai thấy mình là kẻ ngu;  
Dù Tăng đoàn đang bị chia rẽ  
Không ai thấy mình có lỗi gây ra.

“Ai cũng quên nói lời có suy nghĩ,  
Toàn nói chữ, không nói gì có nghĩa.  
Miệng lưỡi múa máy, bủ môi găng giọng;  
Không ai biết điều gì khiến mình làm như vậy.

“‘Nó chửi tôi, nó đánh tôi,  
Nó hạ tôi, nó cướp tôi’—  
Ai mang những ý nghĩ thù hận như vậy  
Hận thù sẽ không bao giờ nguôi.

“Bởi trong trong thế gian này  
Hận thù không thể làm nguôi hận thù.  
Chỉ tình thương (vô sân) mới làm nguôi hận thù:  
Đó là quy luật ngàn thu.

“Mọi người không nhận ra điều này



Đề kiểm chế bản thân mình.

Nhưng người có trí khi ngộ được điều này

Liên chấm dứt mọi tâm tư thù hận.

“Những kẻ đánh đập và giết người,

Những kẻ trộm cắp của cải, trâu, bò, ngựa,

Những kẻ cướp phá khắp vùng lãnh thổ—

Chúng thậm chí cùng hòa đi với nhau

Tại sao các thầy không hòa đi theo chúng?

“Nếu ai tìm được bạn xứng đáng,

Một người đồng hành đức hạnh và kiên định,

Thì có thể vượt qua mọi hiểm nguy,

Cùng bước đi an vui và chánh niệm.

“Nếu không tìm được bạn xứng đáng,

Không có người đồng hành đức hạnh và kiên định,

Thì chẳng khác một ông vua rời kinh thành thất thủ,

Lầm lũi bước đi như tê giác độc sừng

Đi một mình giữa rừng.

“Nhưng thà bước đi một mình như vậy;

Còn hơn đi cùng với kẻ ngu, bạn xấu

Đi một mình và không làm điều xấu ác

Lầm lũi bước đi như tê giác độc sừng

Đi một mình giữa rừng.”

(trích MN 128; MLDB 1008–10)

## 8. Những Góc Rẽ Gây Ra Tranh Chấp

6. (1) “Này Ānanda, có sáu góc rẽ tạo ra những tranh chấp. Sáu đó là gì? Này Ānanda, một Tỳ kheo *hay nóng giận và bực tức*. Khi

một Tỳ kheo sống *hay nóng giận và bực tức*, người đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, và Tăng đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu tập. Một Tỳ kheo như vậy tạo ra những tranh chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới nguy hại và bất hạnh cho số đông, dẫn tới sự mất mát, sự nguy hại và sự khổ cho những thiên thần và loài người. Giờ nếu các thầy nhận thấy được bất kỳ gốc rễ nào, bên trong mình hoặc ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy phải nỗ lực (tu tập để) trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra tranh chấp đó. Và nếu các thầy không nhận thấy gốc rễ nào, bên trong mình hay ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy cũng phải tu tập theo cách như vậy để cho gốc rễ gây tranh chấp không phát sinh lại trong tương lai. Như vậy là (a) có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh chấp; như vậy là (b) có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây ra tranh chấp trong tương lai.

7–11. “Lại nữa, một Tỳ kheo (2) *kinh thường và xác xược ...* (3) *ghen tỵ và keo kiệt ...* (4) *lừa dối và gian lận ...* (5) *có những ý-định xấu và cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ...* (6) *cố chấp theo những cách-nhìn sai lạc của mình, bám chặt vào chúng một cách ngoan cố, khó mà từ bỏ chúng.* Khi một Tỳ kheo sống *kinh thường và xác xược ... cố chấp theo những cách-nhìn sai lạc của mình, bám chặt vào chúng một cách ngoan cố, khó mà từ bỏ chúng*, người đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, và Tăng đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu tập. Một Tỳ kheo như vậy tạo ra những tranh chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới nguy hại và bất hạnh cho số đông, dẫn tới sự mất mát, sự nguy hại và sự khổ cho những thiên thần và loài người. Giờ nếu các thầy nhận thấy được bất kỳ gốc rễ nào, bên trong mình hoặc ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy phải nỗ lực (tu tập để) trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra tranh chấp đó. Và nếu các

thầy không nhận thấy gốc rễ nào, bên trong mình hay ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy cũng phải tu tập theo cách như vậy để cho gốc rễ gây tranh chấp không phát sinh lại trong tương lai. Như vậy là (a) có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh chấp; như vậy là (b) có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây ra tranh chấp trong tương lai.

“Này các Tỳ kheo, đây là sáu gốc rễ tạo ra những tranh chấp.”

*(trích MN 104: Sāmagāma Sutta, kinh “Làng Sāmagāma”)*

*(coi thêm AN 6:36)*

## 9. Sự Chia Rẽ Trong Tăng Đoàn

(I) Lúc đó có Ngài Upāli đến gặp đức Thế Tôn, kính chào Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, sự chia rẽ trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn?”

“Ở đây, này Upāli, (do bởi) (1) những Tỳ kheo giảng giải điều phi Giáo Pháp là Giáo Pháp, và (2) điều Giáo Pháp là điều phi Giáo Pháp. (3) Họ giảng giải điều phi giới-luật là giới-luật, và (4) điều giới-luật là phi giới-luật. (5) Họ giảng giải điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai, và (6) điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai. (7) Họ giảng giải điều không được thực hành bởi Như Lai là điều đã được thực hành bởi Như Lai, và (8) điều đã được thực hành bởi Như Lai là điều không được thực hành bởi Như Lai. (9) Họ giảng giải điều không được quy định bởi Như Lai là điều đã được quy định bởi Như Lai, và

(10) điều đã được quy định bởi Như Lai là điều không được quy định bởi Như Lai. Dựa vào mười nền tảng này, họ rút khỏi (tăng đoàn) và bỏ đi (ly khai). Họ tự thực hiện những điều pháp lý riêng ở chỗ họ và tự tụng đọc Pātimokkha riêng ở chỗ họ. Nay Upāli, chính theo cách này là có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.”

(II) “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hòa hợp trong Tăng Đoàn, sự hòa hợp trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hòa hợp trong Tăng Đoàn?”

“Ồ đây, này Upāli, (bởi nhờ) (1) những Tỳ kheo giảng giải điều Giáo Pháp là Giáo Pháp, và (2) điều phi Giáo Pháp là điều phi Giáo Pháp. (3) Họ giảng giải điều giới-luật là giới-luật, và (4) điều phi giới-luật là phi giới-luật. (5) Họ giảng giải điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai, và (6) điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai. (7) Họ giảng giải điều không được thực hành bởi Như Lai là điều đã không được thực hành bởi Như Lai, và (8) điều đã được thực hành bởi Như Lai là điều đã được thực hành bởi Như Lai. (9) Họ giảng giải điều không được quy định bởi Như Lai là điều đã không được quy định bởi Như Lai, và (10) điều đã được quy định bởi Như Lai là điều đã được quy định bởi Như Lai. Dựa vào mười nền tảng này, họ không rút khỏi (tăng đoàn) hay bỏ đi (ly khai). Họ không tự thực hiện những điều pháp lý riêng và không tự tụng đọc Pātimokkha riêng. Nay Upāli, chính theo cách này là có sự hòa hợp trong Tăng Đoàn.”

(III) Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chia rẽ trong Tăng Đoàn,

sự chia rẽ trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn?”

“Ồ đây, này Ānanda ... [*Tiếp tục từ (I)-(10) như kinh 10:37 ở (I)*] ... Này Ānanda, chính theo cách này là có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.”

“Nhưng thưa Thế Tôn, khi một người gây sự chia rẽ trong một Tăng Đoàn hòa hợp, là người đó tạo ra gì?”

“Người đó tạo ra sự ác dữ (cho mình) suốt cả một đại kiếp, này Ānanda.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là sự ác dữ suốt cả một đại kiếp?”

“Người đó bị hành hạ trong địa ngục suốt cả một đại kiếp, này Ānanda.”

*Người gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn*

*Thì rớt vào thống khổ,*

*Rớt vào địa ngục, ở đó suốt một đại kiếp.*

*Ưa thích sự bất hòa, thiết lập trong phi Giáo Pháp,*

*Người đó rớt khỏi sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trôi-buộc.*

*Sau khi đã gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn,*

*Người đó bị hành hạ trong địa ngục cả một đại kiếp.*

(IV) Rồi Thầy Ānanda hỏi tiếp:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hòa hợp trong Tăng Đoàn, sự hòa hợp trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hòa hợp trong Tăng Đoàn?”

“Ồ đây, này Ānanda ... [*Tiếp tục từ (I)-(10) như kinh 10:38 ở (II)*] ... Này Ānanda, chính theo cách này là có sự hòa hợp trong

Tăng Đoàn.”

“Nhưng thưa Thế Tôn, khi một người làm hòa hợp một Tăng Đoàn bị chia rẽ, là người đó tạo ra gì?

“Người đó tạo ra phước đức thiên thánh, này Ānanda.”

“Nhưng thưa Thế Tôn, cái gì là phước đức thiên thánh?”

“Người đó sống vui trên cõi trời suốt một đại kiếp, này Ānanda.”

*Sự hòa hợp trong Tăng Đoàn là an lạc,  
Và sự trợ giúp lẫn nhau  
của những người sống trong hòa hợp là an lạc  
Vui thích sự hòa hợp, được thiết lập trong Giáo Pháp,  
Người đó không rút khỏi ‘sự an-toàn khỏi mọi sự trôi-buộc’,  
Sau khi đã đưa đến sự hòa hợp trong Tăng Đoàn,  
Người đó sẽ sống vui trên cõi trời suốt một đại kiếp.*

**(AN 10:37, 10:38, 10:39, và 10: 40)**

## **CHƯƠNG IX – GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**





## 1. Sự Thú Tội & Sự Tha Thứ

Trong một lần, có hai Tỳ kheo đã cãi lộn và một Tỳ kheo đã phạm lỗi với người kia. Rồi vị Tỳ kheo đầu đã thú nhận sự phạm lỗi của mình đối với Tỳ kheo thứ hai, nhưng vị Tỳ kheo thứ hai không chịu tha thứ cho người đó. Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn và kể lại chuyện đã xảy ra. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, có hai loại người ngu: (a) người không nhìn thấy một sự phạm lỗi là sự phạm lỗi; và (b) loại thứ hai là người, khi được người khác thú tội xin lỗi, lại không chịu tha thứ cho người đó. Còn có hai loại người khôn ngoan: (a) người nhìn thấy một sự phạm lỗi là sự phạm lỗi; và (b) loại thứ hai là người, khi được người khác thú tội xin lỗi, biết tha thứ cho người đó. Đây là hai loại người khôn ngoan.”

(SN 11:24; CDB 339)

## 2. Giải Quyết Sự Khác Biệt về Ý Kiến

(1)- “Khi các thầy đang sống tu tập một cách hòa thuận, với sự tôn trọng lẫn nhau, không tranh cãi tranh chấp, nhưng có thể có hai Tỳ kheo nói ra những điều khác nhau về Giáo Pháp.<sup>3</sup>

(a) “Giờ, nếu các thầy nghĩ như vậy: ‘*Các vị Tỳ kheo này (nói) khác nhau về cả ý nghĩa và câu chữ*’—nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là *biết-điều hơn* (có lý hơn, biết lý lẽ hơn) thì nên đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vậy: ‘*Các vị khác nhau về cả ý nghĩa và câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự khác nhau về ý nghĩa và khác nhau về câu chữ. Đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi vì những điều đó.*’

“Rồi nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là *biết-điều nhất* bên phía

những người nghịch ý thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vậy: *‘Các vị khác nhau về cả ý nghĩa và câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự khác nhau về ý nghĩa và khác nhau về câu chữ; các vị đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi vì những điều đó.’*

“Nhờ vậy, những điều nào bị nắm bắt sai nên ghi nhớ trong tâm là điều đã bị nắm bắt sai. Ghi nhớ trong tâm điều đã bị nắm bắt sai là điều bị nắm bắt sai, điều gì (đúng) là Giáo Pháp và điều gì (đúng) là giới luật thì nên được giảng giải ra.

(b) “Giờ, nếu các thầy nghĩ như vậy: *‘Các vị Tỳ kheo này giống nhau về ý nghĩa, nhưng khác nhau về câu chữ’*—nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào *biết-điều hơn* thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vậy: *‘Các vị giống nhau về ý nghĩa, nhưng khác nhau về câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự giống nhau về ý nghĩa, nhưng khác nhau về câu chữ. Nhưng câu chữ chỉ là chuyện nhỏ nhặt. Đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi vì chuyện nhỏ nhặt đó.’*

“Rồi nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là *biết-điều nhất* bên phía những người nghịch ý thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vậy: *‘Các vị giống nhau về ý nghĩa, nhưng khác nhau câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự giống nhau về ý nghĩa, nhưng khác nhau về câu chữ; các vị đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi vì chuyện nhỏ nhặt đó.’*

“Nhờ vậy, những điều nào bị nắm bắt sai nên ghi nhớ trong tâm là điều đã bị nắm bắt sai. Ghi nhớ trong tâm điều đã bị nắm bắt sai là điều bị nắm bắt sai, điều gì (đúng) là Giáo Pháp và điều gì (đúng) là giới luật thì nên được giảng giải ra.

(c) “Giờ, nếu các thầy nghĩ như vậy: *‘Các vị Tỳ kheo này giống nhau về cả ý nghĩa và câu chữ’*—nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là *biết-điều hơn* thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vậy: *‘Các vị*

*giống nhau về cả ý nghĩa và câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự giống nhau về cả ý nghĩa và câu chữ. Đừng để rơi vào một cuộc tranh cãi.’*

“Rồi nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là *biết-điều nhất* bên phía những người nghịch ý thì nên gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vậy: ‘*Các vị giống nhau về cả ý nghĩa và câu chữ. Các vị nên biết rằng lý do là có sự giống nhau về cả ý nghĩa và câu chữ; các vị đừng để các vị rơi vào một cuộc tranh cãi.*’

“Nhờ vậy, những điều nào bị nắm bắt sai nên ghi nhớ trong tâm là điều đã bị nắm bắt sai. Ghi nhớ trong tâm điều đã bị nắm bắt sai là điều bị nắm bắt sai, điều gì (đúng) là Giáo Pháp và điều gì (đúng) là giới luật thì nên được giảng giải ra.

(2)- “Khi các thầy đang sống tu tập một cách hòa thuận, với sự tôn trọng lẫn nhau, không tranh cãi tranh chấp, nhưng có thể có Tỳ kheo phạm giới hay phạm luật. Bây giờ, này các Tỳ kheo, *các thầy không nên vội khiển trách người đó; thay vì vậy, người đó nên được (chúng ta) xem xét như vậy: (a) ‘Ta sẽ không bị rắc rối và người đó sẽ không bị tổn thương; vì người đó không bị làm nổi giận hay oán ghét, người đó không dính nặng theo kiến chấp này nọ của mình và dễ dàng từ bỏ nó, và ta sẽ làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện lành.’* Nếu các thầy có ý nghĩ như vậy, này các Tỳ kheo, thì điều đó là thích đáng (phù hợp, đúng đắn) để nói ra.

“Rồi, này các Tỳ kheo, nếu các thầy có ý nghĩ khác như vậy: (b) ‘*Ta sẽ không bị rắc rối, nhưng người đó sẽ bị tổn thương, vì người đó sẽ bị làm nổi giận và oán ghét. Tuy nhiên, người đó không dính nặng theo kiến chấp này nọ của mình và người đó dễ dàng từ bỏ nó, và ta vẫn có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và*

*thiết lập người đó trong điều thiện lành. Người đó sẽ bị tổn thương cũng chỉ là chuyện nhỏ, nhưng chuyện lớn hơn là ta có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện lành.* Nếu các thầy có ý nghĩ như vậy, này các Tỳ kheo, thì điều đó là thích đáng để nói ra.

“Rồi, này các Tỳ kheo, nếu các thầy có ý nghĩ khác như vậy: (c) *‘Ta sẽ bị rắc rối, nhưng người đó sẽ không bị tổn thương, vì người đó sẽ không bị làm nổi giận và oán ghét, mặc dù người đó bị dính năng theo các kiến chấp này nọ của mình và người đó khó từ bỏ nó; nhưng ta vẫn có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện lành. Ta có bị rắc rối cũng chỉ là chuyện nhỏ, nhưng chuyện lớn hơn là ta có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện.*’

Nếu các thầy có ý nghĩ này, này các Tỳ kheo, thì điều đó cũng thích đáng để nói ra.

“Rồi, này các Tỳ kheo, nếu các thầy có ý nghĩ khác như vậy: (d) *‘Ta sẽ bị rắc rối, và người đó sẽ bị tổn thương; vì người đó sẽ bị làm nổi giận và oán ghét; và người đó cũng bị dính năng theo kiến chấp này nọ của mình và người đó khó từ bỏ nó; nhưng ta vẫn có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện lành. Ta có bị rắc rối và người đó có bị tổn thương cũng chỉ là chuyện nhỏ; nhưng chuyện lớn hơn là ta có thể làm cho người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện.*’

Nếu các thầy có ý nghĩ này, này các Tỳ kheo, thì điều đó cũng thích đáng để nói ra.

“Rồi, này các Tỳ kheo, nếu các thầy có ý nghĩ khác như vậy: (e) *‘Ta sẽ bị rắc rối, và người đó sẽ bị tổn thương; vì người đó sẽ bị làm nổi giận và oán ghét; và người đó cũng bị dính năng theo kiến*

*chấp này nợ của mình và người đó khó từ bỏ nó; và ta không thể làm người đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập người đó trong điều thiện.*’ Các thầy cũng không nên giảm bớt sự buông-xả đối với người đó (tức hãy hết mình buông xả đối với người như vậy).

(3)- “Khi các thầy đang sống tu tập một cách hòa thuận, với sự tôn trọng lẫn nhau, không tranh cãi tranh chấp, nhưng có thể phát sinh sự đụng chạm về lời nói, sự phiền phức trong tâm ý, sự ngược ngạo về kiến chấp này nợ, sự cay đắng, và sự chán nản. (a) Lúc đó, nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là *biết-điều nhất* bên phía những người nghịch ý thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vậy: ‘*Khi các thầy đang sống tu tập một cách hòa thuận, với sự tôn trọng lẫn nhau, không tranh cãi tranh chấp, nhưng có thể sẽ phát sinh sự đụng chạm về lời nói, sự phiền phức trong tâm ý, sự ngược ngạo về kiến chấp này nợ, sự cay đắng, và sự chán nản. Nếu Sư Thầy (như Đức Phật, sư phụ) biết, liệu Sư Thầy có cảm điều đó không?*’ Nếu trả lời cho đúng, vị Tỳ kheo đó sẽ trả lời rằng: ‘*Nếu Sư Thầy biết được, Sư Thầy sẽ cảm điều đó.*’

– ‘*Nhưng, này đạo hữu, nếu không dẹp bỏ được điều đó, một người tu có thể chứng ngộ tới Niết-bàn hay không?*’ Nếu trả lời cho đúng, vị Tỳ kheo đó sẽ trả lời rằng: ‘*Này đạo hữu, nếu không dẹp bỏ được điều đó, người tu không thể chứng ngộ tới Niết-bàn.*’

(b) Lúc đó, nếu các thầy nghĩ Tỳ kheo nào là *biết-điều nhất* trong nhóm những người nghịch ý thì đến gặp vị Tỳ kheo đó và nói như vậy: ‘*Khi các thầy đã sống tu tập một cách hòa thuận, với sự tôn trọng lẫn nhau, không tranh cãi tranh chấp, nhưng đã phát sinh sự đụng chạm về lời nói, sự phiền phức trong tâm ý, sự ngược ngạo về kiến chấp này nợ, sự cay đắng, và sự chán nản. Nếu Sư Thầy (như Đức Phật, sư phụ) biết, liệu Sư Thầy có cảm điều đó không?*’

Nếu trả lời cho đúng, vị Tỳ kheo đó sẽ trả lời rằng: ‘*Nếu Sư Thầy biết được, Sư Thầy sẽ cấm điều đó.*’

– ‘*Nhưng, này đạo hữu, nếu không dẹp bỏ được điều đó, một người tu có thể chứng ngộ tới Niết-bàn hay không?*’ Nếu trả lời cho đúng, vị Tỳ kheo đó sẽ trả lời rằng: ‘*Này đạo hữu, nếu không dẹp bỏ được điều đó, người tu không thể chứng ngộ tới Niết-bàn.*’

(c) “*Nếu những người khác hỏi vị Tỳ kheo đó như vậy: ‘Có phải do chính thầy (hay bậc thượng tọa, trưởng lão...) đã làm cho những Tỳ kheo đó thoát khỏi điều bất thiện và thiết lập họ trong điều thiện lành, hay không?’*. Nếu trả lời cho đúng, vị Tỳ kheo đó sẽ trả lời rằng: ‘*Này đạo hữu, tôi đã đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã dạy ta Giáo Pháp. Sau khi nghe được Giáo Pháp, tôi đã nói lại cho các Tỳ kheo. Các Tỳ kheo đã nghe được Giáo Pháp, và tự họ đã thoát ra khỏi điều bất thiện và được thiết lập trong điều thiện lành.*’ Khi trả lời như vậy, vị Tỳ kheo đó không đề cao mình hay chê bai người khác; thầy đó trả lời đúng theo Giáo Pháp theo một cách để không tạo có gì để (người khác) có thể dẫn ra (mọi ra, chỉ ra) để chỉ trích câu trả lời của thầy ấy.”

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và phấn khởi với những lời dạy của đức Thế Tôn.

(trích MN 103; MLDB 848–52)

### 3. Giải Quyết Những Tranh Chấp trong Tăng Đoàn

Ngài Ānanda và sa-di Cunda cùng đến gặp Đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thầy Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sa-di Cunda đây nói rằng sư phụ giáo phái Jain

(Kỳ-na giáo) là Nātaputta (Nhã-đề-tử) đã chết.<sup>4</sup> Khi ông ấy chết, giáo phái Jain đó bị chia rẽ, bị phân chia thành hai phe, không còn nơi nương tựa. Con thiết nghĩ rằng: ‘Cầu cho không có sự tranh chấp nào phát sinh trong Tăng Đoàn sau khi đức Thế Tôn mất đi. Bởi sự tranh chấp nào như vậy cũng đem lại sự nguy hại và bất hạnh cho nhiều người, đem lại sự mất mát, sự nguy hại, và sự khổ đau cho các thiên thần và loài người.’”

“Này Ānanda, thầy nghĩ sao? Có những điều ta đã dạy cho thầy sau khi ta đã tự mình biết rõ những điều đó—đó là, *bốn nền tảng chánh niệm* (tứ niệm xứ), *bốn loại nỗ lực đúng đắn* (tứ chánh cần), *bốn cơ sở năng lực tâm linh* (tứ thần túc), *năm căn cơ* (ngũ căn), *năm năng lực* (ngũ lực), *bảy yếu tố giúp giác ngộ* (thất giác chi), *con đường tám phần thánh thiện* (bát thánh đạo)—thầy thấy không, này Ānanda, ngay cả chỉ có hai vị Tỳ kheo cũng có những thuyết giải khác nhau về những điều (pháp) đó?”

“Không, thưa Thế Tôn, con không chỉ thấy ngay cả chỉ có hai Tỳ kheo cũng thuyết giải khác nhau về những điều đó. Nhưng, thưa Thế Tôn, có nhiều người sống tôn kính Thế Tôn, nhưng khi Thế Tôn mất đi, có thể họ sẽ gây ra tranh chấp trong Tăng Đoàn về cách sống và về Giới Luật [Pātimokkha]. Sự tranh chấp như vậy sẽ đem lại sự nguy hại và bất hạnh cho nhiều người, đem lại sự mất mát, sự nguy hại, và sự khổ đau cho các thiên thần và loài người.”

“Này Ānanda, một sự tranh chấp về cách sống hay về Giới Luật có lẽ cũng là nhỏ. Nhưng nếu phát sinh sự tranh chấp trong Tăng Đoàn về *con đường đạo* hay về *cách tu tập*, thì sự tranh chấp đó mới đem tới nhiều sự nguy hại và bất hạnh cho nhiều người, đem tới sự mất mát, nguy hại, và khổ đau cho các thiên thần và loài người.

“Bởi vậy, này Ānanda, có sáu (06) gốc rễ này gây ra tranh chấp. Sáu đó là gì? Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo (*i*) hay nóng giận và bực tức. Tỳ kheo đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, và Tăng đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu tập . . . [*bắt tiếp giống hết đoạn kinh VIII,8 ở chương trước*] . . . (*vi*) cố chấp theo những cách-nhìn sai lạc của mình, bám chặt vào chúng một cách ngoan cố, khó mà từ bỏ chúng. Tỳ kheo đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, và Tăng đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu tập. Một Tỳ kheo sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Sư Thầy, Giáo Pháp và Tăng đoàn, và người đó là người không hoàn thành sự tu tập, tạo ra tranh chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới nguy hại và bất hạnh cho số đông, dẫn tới sự mất mát, sự nguy hại và sự khổ đau cho những thiên thần và loài người. Giờ nếu các thầy nhìn thấy bất kỳ gốc rễ nào, bên trong mình hoặc ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy phải nỗ lực (tu tập để) trừ bỏ cái gốc rễ xấu đó gây ra tranh chấp đó. Và nếu các thầy không nhìn thấy gốc rễ nào, bên trong mình hay ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy cũng phải tu tập theo cách như vậy để cho gốc rễ tranh chấp không phát sinh lại trong tương lai. Như vậy là có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh chấp; như vậy là có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây tranh chấp trong tương lai. . . .

“Và làm cách nào để mọi người họp-mặt [cùng có mặt] để loại bỏ những vấn đề tranh cãi [về giới luật]? Ở đây các Tỳ kheo đang tranh cãi: ‘Đây là đúng Giáo Pháp’ hoặc ‘Đó không phải Giáo Pháp’, hay ‘Đây là đúng giới luật’ hoặc ‘Đó không phải giới luật’. Các Tỳ kheo đó nên họp mặt với nhau một cách hòa thuận. Rồi, sau khi gặp nhau, cần rút ra những nguyên lý (hướng dẫn, ý chính, đề mục...) của Giáo Pháp. Sau khi đã đưa ra các nguyên lý của Giáo



Pháp, thì từng nguyên lý đó nên được giải quyết theo một cách phù hợp với nó. Đó là cách mọi người cùng họp mặt để loại bỏ một vấn đề tranh cãi về giới luật. Và như vậy sẽ đi đến có sự giải quyết những vấn đề (tranh chấp) về giới luật theo cách như vậy, bằng cách họp-mặt để loại bỏ chúng.<sup>5</sup>

“Và làm cách nào có được *ý kiến của đa-số*? Nếu các Tỳ kheo đó không thể giải quyết những tranh chấp về giới luật ở nơi tăng-trú của mình (ở chùa hay tự viện của họ), thì họ nên đi đến một nơi tăng-trú khác, nơi có nhiều số lượng Tỳ kheo hơn (ở chùa lớn hơn, tăng đoàn lớn hơn). Ở đó tất cả họ nên họp mặt nhau một cách hòa thuận. Rồi, sau khi gặp nhau, cần rút ra những nguyên lý hướng dẫn của Giáo Pháp.<sup>6</sup> Sau khi đã đưa ra các nguyên lý của Giáo Pháp, thì từng nguyên lý đó nên được giải quyết theo một cách phù hợp với nó. Đó là *ý kiến quan điểm của đa số*. Và như vậy sẽ đi đến có sự giải quyết những vấn đề (tranh chấp) về giới luật theo cách như vậy, bằng cách lấy ý kiến của đa-số. . . .

“Và làm cách nào có *‘sự phủ xanh bằng cỏ’*? Ở đây các Tỳ kheo đã tranh cãi ồn ào và lún sâu trong những tranh chấp, họ có thể đã nói và làm những điều không nên làm với tư cách của một tu sĩ. Những Tỳ kheo như vậy nên họp mặt nhau một cách hòa thuận. Sau khi họ gặp nhau, một Tỳ kheo khôn khéo nhất đại diện cho một bên tranh chấp nên đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi chỉnh xếp y áo trên một vai, người đó chấp hai tay đưa lên, và kêu gọi sự hành luật của Tăng đoàn như vậy: *‘Mong Tăng đoàn đáng kính nghe tôi. Khi chúng tôi tham gia tranh cãi ồn ào và đã lún sâu vào những tranh chấp, chúng tôi đã nói và làm những điều không nên với tư cách của một tu sĩ. Do vậy, vì lợi ích của các vị Tỳ kheo này và của cá nhân tôi, nếu được Tăng đoàn chấp thuận, nay đứng giữa Tăng đoàn tôi xin thú tội, bằng phương pháp được gọi là “phủ xanh bằng*

*cổ””, mọi sự phạm lỗi của các vị Tỳ kheo và của cá nhân tôi, ngoại trừ những tội cần phải bị khiển trách nghiêm trọng và những tội dính líu tới những người tại gia.’*

“Rồi một Tỳ kheo khôn khéo đại diện cho các Tỳ kheo bên kia cũng nên đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi xếp chỉnh y áo trên một vai, chấp hai tay đưa lên, và kêu gọi sự hành luật của Tăng đoàn như vậy: *‘Mong Tăng đoàn đáng kính nghe tôi. Khi chúng tôi tham gia tranh cãi ồn ào và đã lún sâu vào những tranh chấp, chúng tôi đã nói và làm những điều không nên với tư cách của một tu sĩ. Do vậy, vì lợi ích của các vị Tỳ kheo này và của cá nhân tôi, nếu được Tăng đoàn chấp thuận, nay đứng giữa Tăng đoàn tôi xin thú tội, bằng phương pháp được gọi là “phủ xanh bằng cỏ””, mọi sự phạm lỗi của các vị Tỳ kheo và của cá nhân tôi, ngoại trừ những tội cần phải bị khiển trách nghiêm trọng và những tội dính líu tới những người tại gia.’*

Như vậy là sự phủ xanh bằng cỏ. Và như vậy đưa đến có được một sự giải quyết xong cho những vấn đề tranh chấp về giới luật, bằng cách ‘phủ xanh bằng cỏ’.”

(MN 104; MLDB 855–59)

## **4. Những Tranh Chấp về Giới Luật**

### **(1) Cần Phải Tự Suy Xét Về Mình (phản quan tự kỷ)**

“Này các Tỳ kheo, về một vấn đề giới luật nào đó, nếu một Tỳ kheo phạm lỗi và một Tỳ kheo khiển trách vị ấy cả hai đều không tự suy xét bản thân mình một cách thấu đáo, thì có thể coi rằng vấn đề giới luật này sẽ dẫn tới mâu thuẫn và thù ghét trong một thời gian lâu, và các Tỳ kheo đó sẽ không thấy thoải mái. Nhưng nếu Tỳ

kheo phạm lỗi và Tỳ kheo khiển trách vị ấy cả hai đều biết suy xét bản thân mình một cách thấu đáo, thì có thể coi rằng vấn đề giới luật đó sẽ không dẫn tới mâu thuẫn và thù ghét trong một thời gian lâu, và các Tỳ kheo đó sẽ thấy thoải mái.

- “Và làm cách nào vị Tỳ kheo đã phạm lỗi biết suy xét bản thân mình một cách thấu đáo? Ở đây, vị Tỳ kheo phạm lỗi suy xét như vậy: ‘Tôi đã phạm một giới bất thiện bằng hành động. Tỳ kheo kia đã nhìn thấy tôi làm vậy. Nếu tôi không phạm giới bất thiện đó thì vị ấy đã không nhìn thấy tôi làm vậy. Nhưng vì tôi đã phạm giới bất thiện đó bằng hành động, nên vị ấy đã nhìn thấy tôi làm vậy. Khi vị ấy nhìn thấy tôi phạm giới bất thiện đó, vị ấy thấy khó chịu. Do khó chịu, vị ấy thể hiện sự khó chịu đó với tôi. Do vị ấy thể hiện sự khó chịu đó với tôi, nên tôi thấy khó chịu. Do khó chịu, tôi thông báo cho những người khác. Do vậy trong trường hợp này, tôi đã là người gây ra sự phạm lỗi, giống như một người lữ hành phạm tội trốn thuế nhập cảnh hàng hóa của mình.’ Theo cách như vậy là Tỳ kheo phạm lỗi biết suy xét thấu đáo về bản thân mình.

- “Và làm cách nào vị Tỳ kheo khiển trách biết suy xét bản thân mình một cách thấu đáo? Ở đây, vị Tỳ kheo khiển trách suy xét như vậy: ‘Tỳ kheo này đã phạm giới bất thiện bằng hành động. Tôi đã nhìn thấy vị này làm vậy. Nếu vị Tỳ kheo này không phạm giới bất thiện bằng hành động, thì tôi đã không nhìn thấy vị ấy làm vậy. Khi tôi nhìn thấy vị này phạm giới bất thiện bằng hành động, tôi thấy khó chịu. Do khó chịu, tôi đã thể hiện sự khó chịu đối với vị ấy. Do tôi thể hiện sự khó chịu đối với vị ấy, nên vị ấy thấy khó chịu. Do khó chịu, vị ấy đã thông báo cho những người khác. Như vậy trong trường hợp này tôi là người gây ra sự phạm lỗi, giống như một người lữ hành phạm tội trốn thuế nhập cảnh hàng hóa của mình.’ Theo cách như vậy là Tỳ kheo khiển trách biết suy xét thấu đáo về

bản thân mình.

“Này các Tỳ kheo, về một vấn đề giới luật nào đó, nếu một Tỳ kheo phạm lỗi và một Tỳ kheo khiển trách vị ấy cả hai đều không tự suy xét bản thân mình một cách thấu đáo, thì có thể coi rằng vấn đề giới luật này sẽ dẫn tới mâu thuẫn và thù ghét trong một thời gian lâu, và các Tỳ kheo đó sẽ không thấy thoải mái. Nhưng nếu Tỳ kheo phạm lỗi và Tỳ kheo khiển trách vị ấy đều biết suy xét bản thân mình một cách thấu đáo, thì có thể coi rằng vấn đề giới luật đó sẽ không dẫn tới mâu thuẫn và thù ghét trong một thời gian lâu, và các Tỳ kheo đó sẽ thấy thoải mái.

(AN 2:15)

## **(2) *Tránh Né Sự Cay đắng***

“Này các Tỳ kheo, về một vấn đề giới luật nào đó, khi hai bên nói qua nói lại, mà sự xóc nhau về các quan-điểm này nọ, và sự bực tức, sự cay đắng, và sự giận dữ không được giải quyết ở bên-trong,<sup>7</sup> thì trước sau gì vấn đề giới luật đó cũng dẫn tới sự mâu thuẫn và thù ghét trong một thời gian lâu, và các Tỳ kheo sẽ không sống an nhiên thư thả được.

“Này các Tỳ kheo, về một vấn đề giới luật nào đó, khi hai bên nói qua nói lại, mà sốc nhau về các quan-điểm này nọ, và sự bực tức, sự cay đắng và sự giận dữ được giải quyết ổn thỏa với nhau ở bên-trong, thì trước sau gì vấn đề giới luật đó cũng không dẫn tới sự mâu thuẫn và thù ghét trong một thời gian lâu, và các Tỳ kheo sẽ sống an nhiên thư thả.

(AN 2:63)

## 5. Tu Sửa Lẫn Nhau

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự sống chung với người xấu và sự sống chung với người tốt. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn, đã nói điều này:

+ “Và làm sao có sự sống chung với người xấu, và làm sao người xấu sống chung với nhau?”

Ở đây, ý nghĩ này xảy đến với một Tỳ kheo trưởng lão: ‘*Một trưởng lão—hay một Tỳ kheo hàng trung niên, hay hàng thiếu niên—thì không nên chỉnh sửa ta. Ta (cũng) không nên chỉnh sửa một trưởng lão, hay một Tỳ kheo hàng trung niên, hay hàng thiếu niên. (a) Nếu một trưởng lão chỉnh sửa ta, có thể ông ta làm không có sự bi mẫn, không vì sự bi mẫn. Thì ta sẽ nói “Không!” với ông ta và sẽ gây sự với ông ta, và ngay cả ta có nhìn thấy [tội lỗi của mình] thì ta cũng không thêm sửa chữa gì nó cả. (b) Nếu một Tỳ kheo hàng trung niên chỉnh sửa ta . . . (c) Nếu một Tỳ kheo hàng thiếu niên chỉnh sửa ta, có lẽ anh ta làm không có sự bi mẫn, không vì sự bi mẫn. Ta sẽ nói “Không!” với anh ta và sẽ gây sự với anh ta, và ngay cả ta có nhìn thấy [tội lỗi của mình] thì ta cũng không chỉnh sửa gì nó cả.*

“Rồi, ý nghĩ này cũng xảy đến với một Tỳ kheo hàng trung niên . . . một Tỳ kheo hàng thiếu niên: ‘*Một trưởng lão—hay một Tỳ kheo hàng trung niên, hay hàng thiếu niên—thì không nên chỉnh sửa ta. Ta (cũng) không nên chỉnh sửa một trưởng lão . . . một Tỳ kheo hàng trung niên . . . một Tỳ kheo hàng thiếu niên . . . và ngay cả nhìn thấy [tội lỗi của mình] thì ta cũng không thêm chỉnh sửa gì nó cả.*

Theo cách như vậy nên mới có sự ở-chung với nhau của những người xấu, và đó là cách những người xấu cùng sống với nhau.

+ “Và, này các Tỳ kheo, làm sao có sự ở-chung với nhau của những người tốt, và làm sao những người tốt cùng sống với nhau?”

Ở đây, ý nghĩ này đã xảy đến với một Tỳ kheo trưởng lão: ‘*Một trưởng lão—và một Tỳ kheo hàng trung niên, hay hàng thiếu niên—đều nên chỉnh sửa ta. Ta (cũng) nên chỉnh sửa một trưởng lão, một Tỳ kheo hàng trung niên, hay hàng thiếu niên. (a) Nếu một trưởng lão chỉnh sửa ta, có lẽ thầy ấy làm với sự bi mẫn, không phải không có sự bi mẫn. Ta sẽ nói với thầy ấy rằng “Thật tốt lành!”*, và sẽ không gây sự với thầy ấy, và khi nhìn thấy [tội lỗi của mình] thì ta sẽ lo tu sửa nó. (b) Nếu một Tỳ kheo hàng trung niên chỉnh sửa ta . . . (c) Nếu một Tỳ kheo hàng thiếu niên chỉnh sửa ta, có lẽ thầy ấy làm vì sự bi mẫn, không phải không có sự bi mẫn. Ta sẽ nói với thầy ấy rằng “Thật tốt lành!”, và sẽ không gây sự với thầy ấy, và khi nhìn thấy [tội lỗi của mình] thì ta sẽ lo tu sửa nó.’

“Rồi, ý nghĩ này cũng xảy đến với một Tỳ kheo hàng trung niên . . . với một Tỳ kheo hàng thiếu niên: ‘*Một trưởng lão—và một Tỳ kheo hàng trung niên, hay hàng thiếu niên—đều nên chỉnh sửa ta. Ta (cũng) nên chỉnh sửa một trưởng lão . . . một Tỳ kheo hàng trung niên, hay hàng thiếu niên . . . và khi nhìn thấy [tội lỗi của mình] thì ta sẽ lo tu sửa nó.*’

Theo cách như vậy nên mới có sự ở-chung với nhau của những người tốt, và đó là cách những người tốt cùng sống tu với nhau.

(AN 2:62)

## **6. Chấp Nhận Người Khác Chỉnh Sửa Cho Mình**

[Ngài Đại Mục-kiền-liên (*Mahāmoggallāna*) đang nói với các Tỷ kheo:]

- “Này các đạo hữu, cho dù một Tỷ kheo có yêu cầu như vậy: ‘Hãy để các bậc thượng tăng (sư thầy, sư huynh...) tu chỉnh tôi, tôi cần được tu chỉnh bởi các bậc thượng tăng’, nhưng nếu người đó là khó tu sửa và người đó có những phẩm chất khiến người đó khó tu sửa, nếu người đó không nhẫn nại và không nhận lấy sự chỉ dạy một cách đúng đắn, thì các Tỷ kheo đồng đạo sẽ cho rằng người đó không cần được tu chỉnh hay chỉ dạy, và họ coi người đó là một người không đáng tin cậy nữa.

“Những phẩm chất nào khiến người đó là khó tu sửa?

(1) Ở đây, một Tỷ kheo có những tham muốn xấu ác (tà dục) và bị chi phối bởi những tà dục đó; đây là một phẩm chất khiến người đó là khó tu sửa. (2) Lại nữa, một Tỷ kheo khen mình và chê người khác; đây là một phẩm chất khiến người đó là khó tu sửa. (3) Lại nữa, một Tỷ kheo bực tức và bị chi phối bởi sân giận . . . (4) . . . bực tức và thù ghét vì tính sân giận . . . (5) . . . bực tức và ngang ngạnh vì tính sân giận . . . (6) . . . bực tức, và người đó nói ra những lời mang tính sân giận . . . (7) Lại nữa, khi bị khiển trách, người đó kháng cự người khiển trách . . . (8) . . . khi bị khiển trách, người đó chửi lại người khiển trách . . . (9) . . . khi bị khiển trách, người đó khiển trách bắt tội lại người khiển trách . . . (10) . . . khi bị khiển trách, người đó nói quanh co, đánh lạc hướng câu chuyện, và tỏ ra tức giận, thù ghét, và cay đắng . . . (11) . . . khi bị khiển trách, người đó không chịu giải thích hành vi của mình. . . . (12) Lại nữa, một Tỷ kheo khinh miệt và trơ trẽn. . . (13) . . . ghen tị và keo kiệt . . . (14) . . . gian lận và lừa gạt . . . (15) . . . cứng đầu và kiêu căng. . . (16) Lại nữa, một Tỷ kheo cố chấp những quan điểm này

nọ của mình, chấp giữ chúng một cách dai dẳng, và khó từ bỏ chúng; đây là một phẩm chất khiến người đó là khó tu sửa. Nay các đạo hữu, đó là những phẩm chất khiến người đó là khó tu sửa.

- “Này các đạo hữu, cho dù một Tỳ kheo không yêu cầu như vậy: ‘Hãy để các bậc thượng tăng (sư thầy, sư huynh...) tu chỉnh tôi, tôi cần được tu chỉnh bởi các bậc thượng tăng’, nhưng nếu người đó là dễ tu sửa và người đó có những phẩm chất khiến người đó là dễ tu sửa, nếu người đó biết nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ dạy một cách đúng đắn, thì các Tỳ kheo đồng đạo sẽ cho rằng người đó nên được tu chỉnh hay chỉ dạy, và họ coi người đó là một người đáng tin cậy.

“Những phẩm chất nào khiến người đó dễ tu sửa?

(1) Ở đây, một Tỳ kheo không có những tham muốn xấu ác (tà dục) và không bị chi phối bởi những tà dục đó; đây là một phẩm chất khiến người đó là dễ tu sửa. (2) Lại nữa, một Tỳ kheo không khen mình và chê người khác; đây là một phẩm chất khiến người đó là khó tu sửa. (3) Lại nữa, một Tỳ kheo không bực tức và không bị chi phối bởi sân giận . . . (4) . . . không bực tức và thù ghét vì tính sân giận . . . (5) . . . không bực tức và ngang ngạnh vì tính sân giận . . . (6) . . . không bực tức, và người đó không nói ra những lời mang tính sân giận . . . (7) Lại nữa, khi bị khiển trách, người đó không kháng cự người khiển trách . . . (8) . . . khi bị khiển trách, người đó không chửi nhục người khiển trách . . . (9) . . . khi bị khiển trách, người đó không khiển trách bắt tội lại người khiển trách . . . (10) . . . khi bị khiển trách, người đó không nói quanh co, đánh lạc hướng câu chuyện, và không tỏ ra tức giận, thù ghét, và cay đắng . . . (11) . . . khi bị khiển trách, người đó biết giải thích hành vi của mình. . . . (12) Lại nữa, một Tỳ kheo không khinh



miệt và trơ trên. . . (13) . . . không ghen tị và keo kiệt . . . (14) . . . không gian lận và lừa gạt . . . (15) . . . không cứng đầu và kiêu căng. . . (16) Lại nữa, một Tỳ kheo không cố chấp những quan điểm này nọ của mình, không chấp giữ chúng một cách dai dẳng, và dễ từ bỏ chúng; đây là một phẩm chất khiến người đó là dễ tu sửa. Nay các đạo hữu, đó là những phẩm chất khiến người đó là dễ tu sửa.

- “Bây giờ, này các đạo hữu, một Tỳ kheo phải suy luận về bản thân mình theo cách sau đây:

(1) ‘Người có những tham muốn xấu ác (tà dục) và bị chi phối bởi những tà dục là khó chịu và khó ưa đối với ta. Vậy nếu ta có những tà dục và bị chi phối bởi những tà dục, là ta sẽ gây khó chịu và khó ưa đối với người khác.’ Một Tỳ kheo biết rõ điều này nên phát khởi trong tâm như vậy: ‘Ta sẽ không có những tham muốn xấu ác (tà dục) và không bị chi phối bởi tà dục.’

(2) ‘Một người khen mình và chê người khác . . . (16) ‘Một người cố chấp những quan điểm này nọ của mình, chấp giữ chúng một cách dai dẳng, và khó từ bỏ chúng, là người khó chịu và khó ưa đối với ta. Vậy nếu ta cố chấp những quan điểm này nọ của ta, chấp giữ chúng một cách dai dẳng, và khó từ bỏ chúng, là ta sẽ gây khó chịu và khó ưa đối với người khác.’ Một Tỳ kheo biết rõ điều này nên phát khởi trong tâm như vậy: ‘Ta sẽ không cố chấp những quan điểm này nọ, không chấp giữ chúng một cách dai dẳng, mà ta dễ dàng từ bỏ chúng.’

- “Bây giờ, này các đạo hữu, một Tỳ kheo nên xét lại bản thân mình như vậy:

(1) ‘Liệu ta có những tham muốn xấu ác (tà dục) và có bị chi phối bởi tà dục hay không? Nếu khi xét lại bản thân mình, người đó

biết: ‘Ta có những tham muốn xấu ác và bị chi phối bởi tà dục’, thì người đó nên nỗ lực (tu tập) để từ bỏ những phẩm chất xấu ác bất thiện. Nhưng nếu khi xét lại bản thân mình, người đó biết: ‘Ta không có những tham muốn xấu ác và không bị chi phối bởi tà dục’, thì người đó có thể sống (an trú) hạnh phúc và vui vẻ, tu tập cả ngày và đêm trong những phẩm chất thiện lành.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo nên xét lại bản thân mình như vậy: ‘Liệu ta có khen mình và chê người khác không?’ . . . (16) ‘Liệu ta có cố chấp những quan điểm này nọ của mình, chấp giữ chúng một cách dai dẳng, và khó từ bỏ chúng?’ Nếu khi xét lại bản thân mình, người đó biết: ‘Ta có cố chấp những quan điểm này nọ của mình, chấp giữ chúng một cách dai dẳng, và khó từ bỏ chúng’, thì người đó nên nỗ lực (tu tập) để từ bỏ những phẩm chất xấu ác bất thiện đó. Nhưng nếu khi xét lại bản thân mình, người đó biết: ‘Ta không có cố chấp những quan điểm này nọ của mình, không chấp giữ chúng một cách dai dẳng, mà dễ dàng từ bỏ chúng’, thì người đó có thể sống (an trú) hạnh phúc và vui vẻ, tu tập cả ngày và đêm trong những phẩm chất thiện lành.

- “Này các đạo hữu, khi một Tỳ kheo xem xét lại bản thân mình như vậy, nếu người đó thấy những phẩm chất xấu ác bất thiện chưa được từ bỏ, thì người đó nỗ lực (tu tập) để từ bỏ hết chúng. Nhưng nếu khi xét lại bản thân mình, người đó thấy những phẩm chất xấu ác bất thiện đó đã được từ bỏ, thì người đó có thể sống (an trú) hạnh phúc và vui vẻ, tu tập cả ngày và đêm trong những phẩm chất thiện lành. Cũng giống như khi một phụ nữ trẻ, thích trang điểm, khi soi nhìn khuôn mặt mình trong gương sáng hay trong chậu nước trong, nhìn thấy vết dơ hay vết tỳ trên đó, thì cô ấy sẽ nỗ lực loại bỏ nó; nhưng nếu cô ấy nhìn thấy không có vết dơ hay vết tỳ nào trên mặt, thì cô ấy trở nên vui vẻ như vậy: ‘Đó là lợi

lạc của ta khi khuôn mặt sạch sẽ’; cũng tương tự vậy, khi một Tỳ kheo coi xét lại bản thân mình như vậy . . . , thì người đó có thể sống (an trú) hạnh phúc và vui vẻ, tu tập cả ngày và đêm trong những phẩm chất thiện lành.”

(MN 15; MLDB 190–93)

## 7. Giải Quyết Tranh Chấp của Người Tại Gia với Tăng Đoàn

### (1) *Úp Bình Bát*

“Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử tại gia có tám phẩm chất, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể lật úp bình bát đối với người đó. Tám đó là gì? (1) Người đó cố cản trở một Tỳ kheo có được lợi lộc (đồ cúng dường); (2) người đó cố gây sự nguy hại cho các Tỳ kheo; (3) người đó cố cản trở các Tỳ kheo ở [một nơi trú ở nào đó, ví dụ gần chỗ người đó]; (4) người đó xúc phạm và chê chửi các Tỳ kheo; (5) người đó chia rẽ các Tỳ kheo; (6) người đó nói lời chê bai Phật; (7) người đó nói lời chê bai Giáo Pháp; (8) người đó nói lời chê bai Tăng Đoàn. Khi một người tại gia có tám phẩm chất này, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể lật úp bình bát đối với người đó.

“Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử tại gia có được tám phẩm chất, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể đề ngửa bình bát đối với người đó. Tám đó là gì? (1) Người đó không cản trở một Tỳ kheo có được lợi lộc (đồ cúng dường); (2) người đó không gây sự nguy hại cho các Tỳ kheo; (3) người đó không cản trở các Tỳ kheo ở [một nơi trú ở nào đó, ví dụ gần chỗ người đó]; (4) người đó không xúc phạm và chê chửi các Tỳ kheo; (5) người đó không chia rẽ các Tỳ kheo; (6) người đó nói lời đề cao Phật; (7) người đó nói lời đề cao Giáo Pháp; (8) người đó nói lời đề cao Tăng Đoàn.

Khi một người tại gia có được tám phẩm chất này, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể để ngựa bình bát đối với người đó.”

(AN 8:87)

## (2) *Thiếu Niềm-tin*

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có tám phẩm chất, thì những đệ tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố thiếu niềm-tin thầy đó.<sup>8</sup> Tám đó là gì? (1) Thầy đó cố cản trở những người tại gia có được lợi ích; (2) thầy đó gây sự nguy hại cho những người tại gia; (3) thầy đó xúc phạm và chê chửi những người tại gia; (4) thầy đó gây chia rẽ những người tại gia; (5) thầy đó nói lời chê bai Phật; (6) thầy đó nói lời chê bai Giáo Pháp; (7) thầy đó nói lời chê bai Tăng Đoàn; (8) họ nhìn thấy thầy đó ở chỗ nơi không đúng đắn [không thích hợp đối với một tăng sĩ]. Khi một Tỳ kheo có tám phẩm chất đó, thì những người đệ tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố thiếu niềm-tin vào thầy đó.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được tám phẩm chất, thì những người đệ tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố niềm-tin vào thầy đó. Tám đó là gì? (1) Thầy đó không cản trở những người tại gia có được lợi ích; (2) thầy đó không gây sự nguy hại cho những người tại gia; (3) thầy đó không xúc phạm và chê chửi những người tại gia; (4) thầy đó không gây chia rẽ giữa những người tại gia; (5) thầy đó nói lời đề cao Phật; (6) thầy đó nói lời đề cao Giáo Pháp; (7) thầy đó nói lời đề cao Tăng Đoàn; (8) họ nhìn thấy thầy đó ở chỗ nơi đúng đắn [phù hợp với một tăng sĩ]. Khi một Tỳ kheo có được tám phẩm chất đó, thì những người đệ tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố niềm-tin vào thầy đó.

(AN 8:88)

### (3) Hòa Giải

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có tám phẩm chất, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể áp dụng điều luật xử lý (về tội xúc phạm người tại gia của) thầy đó.<sup>9</sup> Tám đó là gì? (1) Thầy đó cố cản trở những người tại gia có được lợi ích; (2) thầy đó gây sự nguy hại cho những người tại gia; (3) thầy đó xúc phạm và chê chửi những người tại gia; (4) thầy đó gây chia rẽ những người tại gia; (5) thầy đó nói lời chê bai Phật; (6) thầy đó nói lời chê bai Giáo Pháp; (7) thầy đó nói lời chê bai Tăng Đoàn; (8) thầy đó không thực thi một lời hứa chính đáng đối với những người tại gia. Khi một Tỳ kheo có tám phẩm chất đó, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể áp dụng điều luật xử lý (về tội xúc phạm người tại gia của) thầy đó.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được tám phẩm chất, thì tăng Đoàn, nếu muốn, có thể hủy bỏ một điều luật xử lý (về tội xúc phạm người tại gia của) thầy đó [đã được áp trước đó đối với thầy đó]. Tám đó là gì? (1) Thầy đó không cản trở những người tại gia có được lợi ích; (2) thầy đó không gây sự nguy hại cho những người tại gia; (3) thầy đó không xúc phạm và chê chửi những người tại gia; (4) thầy đó không gây chia rẽ giữa những người tại gia; (5) thầy đó nói lời đề cao Phật; (6) thầy đó nói lời đề cao Giáo Pháp; (7) thầy đó nói lời đề cao Tăng Đoàn; (8) thầy đó thực thi một lời hứa chính đáng đối với những người tại gia. Khi một Tỳ kheo có được tám phẩm chất đó, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể hủy bỏ điều luật xử lý (về tội xúc phạm người tại gia của) thầy đó [đã được áp trước đó đối với thầy đó].”

(AN 8:89)

## 8. Loại Bỏ Người Phạm Tội, Phạm Giới

### (1) Loại Bỏ Trấu Cặn

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở tại Campā bên bờ hồ tên là Hồ Sen Gaggārā. Lúc đó là dịp có các Tỳ kheo đang khiển trách một Tỳ kheo về một tội phạm giới. Khi đang bị khiển trách, Tỳ kheo đó trả lời quanh co, lái chủ đề qua hướng khác, và tỏ ra tức giận, thù ghét, và cay đắng. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, hãy tống khứ người này! Người này nên bị trục xuất. Tại sao con trai của người khác lại quấy phiền các thầy?”<sup>10</sup>

“Ồ đây, này các Tỳ kheo, chừng nào các Tỳ kheo không nhìn thấy tội của một người, thì (coi như) người đó có cùng phẩm cách của những Tỳ kheo tốt. Tuy nhiên, khi họ nhìn thấy tội của một người, họ biết người đó là một người hư bại giữa các tu sĩ, chỉ là trấu cặn và rác rưởi giữa các tu sĩ, thì họ trục xuất người đó. Vì lý do gì? Để người đó không làm hư bại những Tỳ kheo tốt.

“Giả sử có một đồng lúa [lúa mạch] đang lên xanh, một số cây lúa có lá sâu lá cháy xuất hiện thì giống như trấu cặn và rác rưởi giữa những cây lúa tốt. Chừng nào những ngọn lá sâu lá cháy chưa xuất hiện, thì coi như rễ của nó cũng giống như rễ những cây lúa tốt, thân của nó cũng giống như thân những cây lúa tốt, lá của nó cũng giống như lá những cây lúa tốt. Tuy nhiên, khi lá sâu lá cháy xuất hiện, họ biết ngay đó là cây lúa sâu lúa hư, chỉ là trấu cặn và rác rưởi giữa những cây lúa tốt, thì họ nhổ gốc chúng và quăng ra khỏi đồng lúa. Vì lý do gì? Để chúng không làm lây hại những cây lúa tốt.

“Cũng tương tự vậy, chừng nào các Tỳ kheo không nhìn thấy tội của một người, thì (coi như) người đó có cùng phẩm cách của

những Tỳ kheo tốt. Tuy nhiên, khi họ nhìn thấy tội của một người, họ biết người đó là một người hư bại giữa các tu sĩ, chỉ là trấu cặn và rác rưởi giữa các tu sĩ. Thì họ trục xuất người đó. Vì lý do gì? Để người đó không làm hư bại những Tỳ kheo tốt.”

Khi sống cùng với người,  
Biết người đó là kẻ nóng nảy, có nhiều tà dục;  
Là người mạo phạm, ngang ngạnh, và trơ trên,  
Ghen ty, keo kiệt, và lừa dối.

Người đó nói lời như một bậc chân tu,  
[nói với mọi người] bằng giọng nói êm dịu;  
Nhưng lại bí mật làm điều tà xấu,  
Có chấp tà kiến, và thiếu tôn trọng người khác.

Dù người đó là lừa lọc, là người nói dối,  
Các thầy nên biết rõ thực người đó là gì;  
Thì các thầy nên hạp mặt trong sự hòa hợp,  
Để kiên quyết tống khứ người đó.

Loại bỏ rác rưởi!

Loại bỏ những bạn tu suy đồi!

Quét bỏ trấu cặn,

Đó là những kẻ giả-tu nghĩ mình là tu sĩ!

Sau khi trục xuất những người đầy tà dục,

Tà nghiệp và tà hạnh,

Các thầy được sống trong đạo đoàn có chánh-niệm,

Người trong sạch sống với người trong sạch;

Được sống trong sự hòa hợp, luôn tỉnh giác,

Thì các thầy sẽ làm nên sự diệt-khổ.

(trích AN 8:10)

## (2) *Trục Xuất Bất Buộc*

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở tại Sāvattthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn Phía Đông, trong lâu đài của Mẹ của Migāra. Bấy giờ là dịp, vào ngày bố-tát (*uposatha*), đức Thế Tôn đang ngồi, với xung quanh là Tăng đoàn các Tỳ kheo. Rồi, đêm càng khuya, khi canh một đã qua, Ngài Ānanda đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp chỉnh y áo một bên vai, kính lễ chào đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đêm đã càng khuya; canh một đã qua; Tăng đoàn ngồi đây đã lâu. Mong đức Thế Tôn tụng đọc Giới Luật Tỳ Kheo [Pātimokkha] cho các Tỳ kheo.” Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn chỉ im lặng.

Rồi khi đêm đã càng khuya hơn nữa, khi canh giữa đã qua, thầy Ānanda lại đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp chỉnh y áo một bên vai, kính lễ chào đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đêm đã càng khuya; canh một đã qua; Tăng đoàn ngồi đây đã lâu. Mong đức Thế Tôn tụng đọc Giới Luật Tỳ Kheo [Pātimokkha] cho các Tỳ kheo.” Lần thứ hai, đức Thế Tôn vẫn im lặng.

Rồi khi đêm đã càng khuya hơn nữa, khi canh giữa đã qua, thầy Ānanda lại đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp chỉnh y áo một bên vai, kính lễ chào đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đêm đã càng khuya; canh một đã qua, bình minh đã rạng và tia nắng hồng đã xuất hiện ở chân trời, Tăng đoàn ngồi đây đã lâu. Mong đức Thế Tôn tụng đọc Giới Luật Tỳ Kheo [Pātimokkha] cho các Tỳ kheo.”

“Này Ānanda, hội đoàn ở đây không trong sạch.”

Rồi Ngài Đại Mục-kiền-liên [Mahāmoggallāna] chợt có ý nghĩ: “Đức Thế Tôn nói ‘Hội đoàn (chúng) ở đây không trong sạch’ là đang hàm chỉ người nào?”. Rồi thầy Mục-kiền-liên định hướng sự



chú-tâm vào đoàn Tỳ kheo, bao trùm tâm họ bằng tâm của mình. Rồi thầy ấy nhìn ra người đó đang ngồi giữa Tăng đoàn: đó là một người thất đức (thiếu giới-hạnh), có tính cách xấu, không trong sạch, có hành vi đáng ngờ, lén lút trong hành động, không phải thực là tu sĩ nhưng tự cho mình là tu sĩ, bên trong thói nát, suy đồi, hư bại. Sau khi nhìn thấy người đó, thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đi tới chỗ người đó, và nói với người đó: “Này đạo hữu, hãy đứng lên. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy. Thầy không thể ở chung với các Tỳ kheo ở đây.” Sau khi lời này được nói ra, người đó vẫn im lặng.

Lần thứ hai . . . Lần thứ ba thầy Mục-kiền-liên nói với người đó: “Này đạo hữu, hãy đứng lên. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy. Thầy không thể ở chung với các Tỳ kheo ở đây.” Lần thứ ba người đó vẫn im lặng.

Rồi thầy Mục-kiền-liên đã dùng tay nắm người đó, kéo anh ta ra khỏi cổng ngoài, và đóng chốt cổng lại. Rồi thầy quay lại chỗ đức Thế Tôn và thưa: “Thưa Thế Tôn, con đã trục xuất người đó rồi. Hội đoàn giờ trong sạch. Mong Thế Tôn tụng giảng Pātimokkha cho các Tỳ kheo.”

“Thật ngạc nhiên và lạ kỳ, này Mục-kiền-liên, làm sao cái con người rộng tuếch đó cứ ngồi chờ lì cho đến khi mình bị nắm kéo đi như vậy.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy nên tự mình tiến hành lễ bố-tát (*uposatha*) và đọc tụng Pātimokkha. Kể từ ngày hôm nay, ta sẽ không làm việc đó nữa. Không thể nào có và không thể hình dung được rằng Như Lai có thể tiến hành lễ bố-tát và tụng giảng Pātimokkha trong một hội tăng đoàn không trong sạch.”

(trích AN 8:20; Ud 5.5)



# **CHƯƠNG X – THIẾT LẬP MỘT XÃ HỘI CÔNG BẰNG**



## 1. Trách Nhiệm Tương Hối (trong gia đình & xã hội)

[Phật đang nói với một gia chủ trẻ tên Sīgalaka (Thi-ca-la-việt):]

27. “Và bây giờ, này con trai của gia chủ, làm cách nào một đệ tử thánh thiện bảo vệ sáu phương? Sáu thứ này được coi là sáu phương. Phương Đông biểu thị cho cha mẹ. Phương Nam biểu thị cho thầy cô. Phương tây là vợ con. Phương Bắc là bạn bè. Phương Dưới (thiên đế) là những người ở, người làm và người giúp việc. Phương Trên (thiên đĩnh) là những tu sĩ và bà-la-môn.

28. “Có năm cách một người con nên chăm sóc phương Đông là cha mẹ. [Người con nên biết nghĩ:]

‘(i) Sau khi đã được nuôi nấng bởi cha mẹ, tôi sẽ nuôi nấng cha mẹ.

(ii) Tôi sẽ giúp làm thay những nghĩa vụ công việc của cha mẹ.

(iii) Tôi sẽ giữ gìn nối tiếp gia phong của gia đình.

(iv) Tôi sẽ sống xứng đáng với tài sản tôi được thừa kế.

(v) Sau khi cha mẹ qua đời, tôi sẽ thay mặt họ cúng dường quà biếu.’

Và có năm cách tương ứng mà cha mẹ nên chăm sóc cho phương Đông là:

(i) Ngăn cản con làm điều xấu ác,

(ii) khuyên khích con làm điều tốt thiện,

(iii) dạy con các kỹ năng nghề nghiệp,

(iv) chọn vợ gã chồng thích hợp cho con, và

(v) khi đến lúc thích hợp, chuyển giao tài sản kế thừa cho con.

Theo cách như vậy là phương Đông đã được che chở, là làm cho phương Đông được bình an và không còn sợ hãi.

29. “Có năm cách những học trò nên chăm sóc cho phương Nam là thầy cô giáo:

- (i) khi gặp thì đứng dậy kính chào,
- (ii) đứng hầu hạ thầy cô,
- (iii) chú tâm lắng nghe lời thầy cô,
- (iv) chăm lo giúp đỡ thầy cô,
- (v) nắm vững các kỹ năng mà thầy cô đã dạy.

Và có năm cách tương ứng thầy cô nên chăm sóc cho phương Nam là các học trò:

- (i) chỉ dạy đầy đủ cho học trò,
- (ii) bảo đảm học trò nắm được những điều cần nắm vững,
- (iii) dạy học trò đầy đủ về căn bản kỹ năng nghề nghiệp,
- (iv) giới thiệu học trò tới những bạn bè và đồng nghiệp của mình, và
- (v) mang lại sự an toàn cho học trò về mọi mặt.

Theo cách như vậy là phương Nam được che chở, là làm cho phương Nam được bình an và không còn sợ hãi.

30. “Có năm cách người chồng nên chăm sóc cho phương tây là vợ:

- (i) tôn trọng người vợ,
- (ii) hòa nhã, không nói chê nói xấu người vợ,
- (iii) chung thủy với người vợ,

(iv) trao quyền hạn cho vợ,

(v) mua tặng những đồ trang sức cho vợ.

Và có năm cách tương ứng một người vợ nên chăm sóc phương tây là chồng:

(i) quán xuyến đảm đang việc nhà,

(ii) đối xử tốt với người ở,

(iii) chung thủy với chồng,

(iv) bảo vệ tài sản của cải, và

(v) khéo léo và giỏi giang trong những việc khác.

Theo cách như vậy là phương tây được che chở, là làm cho phương tây được bình an và không còn sợ hãi.

31. “Có năm cách một người nên chăm sóc phương Bắc là bạn bè:

(i) rộng lòng, tặng biếu quà cho bạn,

(ii) nói lời hòa nhã, tử tế,

(iii) chăm lo các phúc lợi của họ,

(iv) coi bạn như bản thân mình,

(v) giữ lời hứa.

Và có năm cách tương ứng những người bạn và đồng nghiệp nên chăm sóc phương Bắc là bạn của mình:

(i) chăm sóc bạn khi bạn không thể tự chăm sóc,

(ii) coi ngó giùm tài sản của bạn khi bạn không thể tự coi ngó,

(iii) làm chỗ nương dựa khi bạn bị sợ hãi,

(iv) không bỏ rơi bạn trong lúc bạn gặp khó khăn, hoạn nạn,

(v) thể hiện sự quan tâm tới con cái của bạn.

Theo cách như vậy là phương Bắc được che chở, là làm cho phương Bắc được bình an và không còn sợ hãi.

32. “Có năm cách người chủ nên chăm sóc cho phương Dưới (thiên đế) là những người ở và người làm:

(i) giao việc làm đúng với khả năng, sức lực của họ,

(ii) chu cấp thức ăn và trả lương cho họ,

(iii) chăm sóc họ khi họ bị đau bệnh,

(iv) chia sẻ những món ngon món quý cho họ, và

(v) cho họ nghỉ ngơi, nghỉ phép đúng lúc.

Và có năm cách tương ứng người ở người làm nên chăm sóc phương Dưới là chủ của mình:

(i) thức dậy trước chủ,

(ii) đi ngủ sau chủ,

(iii) chỉ lấy những thứ được cho, không ăn cắp,

(iv) làm đúng làm tốt các công việc,

(v) nói tốt, giữ tiếng giữ danh cho chủ của mình.

Theo cách như vậy là phương Dưới được che chở, là làm cho phương Dưới được bình an và không còn sợ hãi.

33. “Có năm cách một người nên chăm sóc phương Trên (thiên đĩnh) là các tu sĩ và bà-la-môn:

(i) nói lời thân mến đối với họ,

(ii) có hành động thân mến đối với họ,



(iii) có ý nghĩ thân mến đối với họ,

(iv) mở rộng cửa nhà chào đón họ,

(v) chu cấp cúng dường những thứ cần thiết giúp họ nuôi thân (để tu hành).

Và đáp lại, những tu sĩ và bà-la-môn cũng nên chăm sóc phương Trên là những người đó (người dân, người mến đạo) theo sáu cách tương ứng:

(i) khuyên họ tránh bỏ điều xấu ác,

(ii) khuyên dạy họ làm điều tốt thiện,

(iii) bi mẫn thương mến đối với họ,

(iv) truyền dạy người đó những điều họ chưa nghe chưa biết (*bồ thí pháp*),

(v) đính chính, làm rõ những gì họ đã học được, và

(vi) chỉ cho họ con đường (tu tập) để được lên cõi trời.

Theo cách như vậy là phương Trên được che chở, là làm cho phương Trên được bình an và không còn sợ hãi.”

(trích DN 31: *Sigālaka Sutta*; III 180–81, 187–91)

(*Kinh “Lời Khuyên Dạy Sigāla”*)

## 2. Cha Mẹ và Con Cái

### (1) *Cha Mẹ: Nguồn Giúp Đỡ Lớn Lao*

“Này các Tỳ kheo, những gia đình sống có vị trời [Brāhma] khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. Những gia đình sống có các vị tổ sư khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. Những gia đình sống

có các vị thiên thần khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. Những gia đình sống có những bậc thánh nhân khi trong nhà cha mẹ được con cái tôn kính.

“Này các Tỳ kheo, ‘vị trời’ [Brāhma] ở đây là chữ chỉ cha mẹ. ‘Các vị tổ sư’ (những vị thầy đầu tiên) ở đây là chữ chỉ cha mẹ. ‘Các vị thiên thần’ ở đây là chữ chỉ cha mẹ. ‘Các bậc thánh nhân’ là chữ chỉ cha mẹ. Vì lý do gì? Bởi cha mẹ là nguồn giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi ăn, và giúp cho con cái nhìn thấy thế gian.”

(AN 4:63; II 70 ; NDB 453)

## (2) *Trả Hiếu Cha Mẹ*

“Này các Tỳ kheo, ta tuyên bố có hai người không ai có thể trả hết ơn nghĩa cho họ được. Hai đó là ai? Là cha và mẹ.

“Cho dù một người có công mẹ trên vai này và công cha trên vai kia, và cứ công như vậy suốt một trăm năm, họ sống tới một trăm tuổi; và thậm chí một người có chăm sóc cha mẹ bằng cách súc dầu nóng, xoa bóp, tắm rửa, và kỳ cọ chân tay của họ, và thậm chí họ ia đáí ngay lúc đó—cho dù như vậy vẫn không đủ cho cha mẹ của mình, vẫn không trả hết ơn nghĩa cho cha mẹ. Cho dù một người có lập cha mẹ thành chúa tể cai trị trái đất này, giàu có bảy kho báu, thì người đó vẫn chưa làm đủ đối với cha mẹ, vẫn không trả hết ơn nghĩa cho cha mẹ. Bởi vì sao? Vì cha mẹ là sự giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi con lớn, cho con ăn, và chỉ cho con nhìn thấy thế giới.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu ai khuyến khích cha mẹ đang không có lòng tin, ổn định và thiết lập họ trong *niềm-tin* (vào Phật

Pháp); ai khuyến khích cha mẹ thiếu đức hạnh, ổn định và thiết lập họ trong *giới-hạnh* đạo đức; ai khuyến khích cha mẹ keo kiệt, ổn định và thiết lập họ trong *sự rộng lòng bố thí*; ai khuyến khích cha mẹ ngu tối, ổn định và thiết lập họ trong *trí tuệ hiểu biết*—này các Tỳ kheo, người như vậy là làm đủ đối với cha mẹ: người đó trả hết ơn nghĩa cho cha mẹ và trả nhiều hơn những gì cha mẹ đã làm cho mình.”

(AN 2: iv, 2; I 61–62)

(AN 2:33; NDB 153–54)

### 3. Vợ Chồng

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đi trên đường lộ từ Madhurā tới Verañjā, và có một số người gồm các gia chủ và các bà vợ cũng đang đi trên tuyến đường đó. Rồi đức Thế Tôn bước ra khỏi đường lộ và đến ngồi dưới một gốc cây. Các gia chủ và các bà vợ của họ nhìn thấy Đức Thế Tôn đang ngồi đó, họ đến gặp, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ:

“Này các gia chủ, có bốn sự sống chung [hôn nhân]. Bốn là gì? Một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh; một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần; một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh; một thiên thần sống với một nữ thiên thần.

“Và theo cách nào là *một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh*? Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát sinh, gian cấp, tà dâm ngoại tình, nói dối, và rượu chè hút chích, là căn nguyên của sự sống lơ tâm phóng dật; người chồng thiếu đạo đức, tính nét xấu ác; người chồng sống ở nhà với một cái tâm bị dính đầy tính keo kiệt; người chồng chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Và

người vợ thì cũng có đầy những tính xấu y như vậy. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một kẻ bất hạnh.

“Và theo cách nào là *một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần*? Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát sinh . . . chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sống không sát sinh . . . không rượu chè hút chích; người vợ thì đức hạnh, tính nết tốt lành; người vợ sống ở nhà với cái tâm không bị dính tính keo kiệt; người vợ không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một nữ thiên thần.

“Và theo cách nào là *một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh*? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống, không sát sinh . . . không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sát sinh . . . chê bai và chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một kẻ bất hạnh.

“Và theo cách nào là *một thiên thần sống với một nữ thiên thần*? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống không sát sinh . . . không rượu chè, hút chích; người chồng thì đức hạnh, tính nết tốt lành; người chồng sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm bởi tính keo kiệt; người chồng không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Và người vợ cũng có đầy những tính tốt y như vậy. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một thiên thần.

“Này các gia chủ, đó là bốn sự sống chung [hôn nhân].”

(AN 4:53; NDB 443–44)

#### **4. Người Tại Gia**

### **(1) Vì Phúc Lợi Của Nhiều Người**

“Này các Tỳ kheo, khi một người tốt được sinh ra trong một gia đình, thì đó là điều tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc cho nhiều người. Đó là điều tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc cho (1) cha mẹ của người đó, (2) vợ con của người đó, (3) người làm, người ở, người giúp việc của người đó, (4) bạn bè và đồng sự của người đó, và (5) các tu sĩ và bà-la-môn.

Giống như một đám mây mang mưa lớn, tưới nước cho mùa màng, đám mây đó xuất hiện cho sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của nhiều người; cũng tương tự vậy, khi một người tốt được sinh ra trong một gia đình, đó là điều tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc cho nhiều người. Đó là điều tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc cho cha mẹ người đó . . . các tu sĩ và bà-la-môn.”

(AN 5:42; NDB 667)

### **(2) Như Núi Hy-mã-lạp-son (Himalaya)**

“Này các Tỳ kheo, mọc trên dãy núi Hy-mã-lạp-son, là vua của những ngọn núi, những cây sa-la lớn lên theo năm cách. Năm đó là gì? (1) Chúng lớn lên về cành, lá, và tán lá; (2) chúng lớn lên về vỏ cây; (3) chúng lớn lên về chồi; (4) chúng lớn lên về phần gỗ mềm; và (5) chúng lớn lên về phần gỗ lõi. Mọc trên dãy núi Hy-mã-lạp-son, là vua của những ngọn núi, những cây sa-la lớn lên theo năm cách như vậy.

Cũng tương tự vậy, khi một người đứng đầu gia đình được phú cho niềm-tin, thì những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng thành theo năm cách. Năm đó là gì? (1) Họ trưởng thành về niềm-tin; (2) họ trưởng thành về đức hạnh; (3) họ trưởng thành về học hiểu; (4) họ trưởng thành về tâm rộng lượng bố thí; và (5) họ

trưởng thành về trí tuệ. Khi một người đứng đầu gia đình được phú cho niềm-tin, thì những người trong gia đình dựa vào người đó để trưởng thành theo năm cách như vậy.”

(AN 5:40; NDB 664)

### **(3) Những Cách Mưu Cầu Sự Giàu Có**

“Người tại gia (a) mưu cầu sự giàu có một cách chân chính, không bạo lực tranh giành, và (b) làm cho mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) biết chia sẻ và biết làm việc công đức, và (d) biết sử dụng của cải mà không bị dính chặt vào nó, không bị mê mụi vì nó, và không bị chìm ngìm mù quáng trong nó, nhìn thấy được mối nguy hại trong nó và hiểu biết được sự giải-thoát khỏi nó—thì người đó đáng được khen ngợi vì bốn lý do. Lý do thứ nhất là (a) . . . Lý do thứ hai là (b) . . . Lý do thứ ba là (c) . . . Lý do thứ tư là (d) . . . Người tại gia này đáng được khen ngợi vì bốn lý do như vậy.

“Giống như từ con bò mới có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có ván kem: được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng tương tự vậy, trong tất cả những người tại gia, người tại gia hàng đầu, tốt nhất, cao thượng nhất, ưu việt nhất và đẹp đẽ nhất là người (a) mưu cầu sự giàu có một cách chân chính, không bạo lực tranh giành, và (b) làm cho mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) biết chia sẻ và biết làm việc công đức, và (d) biết sử dụng của cải mà không bị dính chặt vào nó, không bị mê mụi vì nó, và không bị chìm ngìm mù quáng trong nó, nhìn thấy được mối nguy hại trong nó và hiểu biết được sự giải-thoát khỏi nó.”

(trích AN 10:91; coi thêm SN 42:12)

#### **(4) Tránh Bỏ Việc Làm Bất Chính (Tà Hạnh)**

“Này các Tỳ kheo, năm nghề một người đệ tử tại gia không nên làm, đó là: buôn bán vũ khí, buôn bán sinh vật sống, buôn bán thịt, buôn bán rượu, buôn bán chất độc hại.”

(AN 5:177; NDB 790)

#### **(5) Sử Dụng Tài Sản Một Cách Đúng Đắn**

Đức Thế Tôn nói với vị gia chủ Cấp Cô Độc (*Anāthapiṇḍika*):  
“Này gia chủ, có năm cách hưởng dụng tài sản. Năm đó là gì?”

(1) “Ở đây, này gia chủ, với tài sản do mình làm ra bằng sự nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, một người đệ tử thánh thiện (i) làm cho bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và duy trì một cách hợp lý để cho mình được hạnh phúc như vậy; người đó (ii) làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng, và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (iii) làm cho vợ con mình, người ở, người làm, và người phục vụ hạnh phúc và vui lòng, và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó.

(2) “Lại nữa, với tài sản do mình làm ra bằng sự nỗ lực tháo vát . . . chân chính, một người đệ tử thánh thiện làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc và vui lòng, và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là cách thứ hai để hưởng dụng tài sản.

(3) “Lại nữa, với tài sản do mình làm ra bằng sự nỗ lực tháo vát . . . chân chính, một người đệ tử thánh thiện biết chia ra các khoản

dự phòng rủi ro bị mất mát do hỏa hoạn và lũ lụt, do bị cướp hoặc bị tịch thu bởi các vua chúa, hoặc do bị chiếm đoạt bởi những người thừa kế bất nghĩa; người đó làm cho bản thân mình được an toàn khỏi những rủi ro đó. Đây là cách thứ ba để hưởng dụng tài sản.

(4) “Lại nữa, với tài sản do mình làm ra bằng sự nỗ lực tháo vát . . . chân chính, người đệ tử thánh thiện biết thực hiện năm loại cúng dường: đối với những người thân thuộc, khách khứa, ông bà tổ tiên, nhà vua, và các thiên thần. Đây là cách thứ tư để hưởng dụng tài sản.

(5) “Lại nữa, với tài sản do mình làm ra bằng sự nỗ lực tháo vát . . . chân chính, người đệ tử thánh thiện biết thiết lập một sự cúng dường thức ăn cho các tu sĩ khát thực và các bà-la-môn, đó là những người đã kiềm chế khỏi sự xa hoa và phóng túng, những người đã sống an định trong sự nhẫn nhịn và hiền từ, những người đã dồn hết mình vào việc (tu tập để) thuần hóa bản thân mình, làm tĩnh lặng bản thân mình, và để đạt tới Niết-bàn—đó là một sự cúng dường thánh thiện, kết quả dẫn tới hạnh phúc, dẫn tới (tái sinh) cõi trời. Đây là cách thứ năm để hưởng dụng tài sản.”

(AN 5:41; NDB 665–66)

## 5. Giai Cấp Xã Hội

### (1) *Không Phải Đặc Quyền Đặc Cấp Cố Định*

Rồi bà-la-môn Esukārī đến gặp đức Thế Tôn và nói: “Thưa Thầy Cồ-đàm, các bà-la-môn quy định bốn cấp phục vụ. Họ quy định cấp phục vụ đối với bà-la-môn (*brahmin*), cấp phục vụ đối với người giai cấp chiến sĩ (*khattiya*), cấp phục vụ đối với người giai



cấp thương nông (*vessa*), và cấp phục vụ đối với người giai cấp bần lao (*sudda*).

(a) Các bà-la-môn quy định đây là cấp phục vụ đối với bà-la-môn: bà-la-môn có thể phục vụ một bà-la-môn, người giai cấp chiến sĩ có thể phục vụ bà-la-môn, người giai cấp thương nông có thể phục vụ bà-la-môn, và người giai cấp bần lao có thể phục vụ bà-la-môn.

(b) Họ quy định đây là cấp phục vụ đối với người giai cấp chiến sĩ: người giai cấp chiến sĩ có thể phục vụ người giai cấp chiến sĩ, người giai cấp thương nông có thể phục vụ người giai cấp chiến sĩ, người giai cấp bần lao có thể phục vụ người giai cấp chiến sĩ.

(c) Họ quy định đây là cấp phục vụ đối với người giai cấp thương nông: người giai cấp thương nông có thể phục vụ người giai cấp thương nông, người giai cấp bần lao có thể phục vụ người giai cấp thương nông.

(d) Họ quy định đây là cấp phục vụ đối với người giai cấp bần lao: chỉ người bần lao phục vụ người giai cấp bần lao; vậy còn có ai khác có thể phục vụ người giai cấp bần lao? Thầy Cò-đàm nói sao về điều này?”

– “Này bà-la-môn, bộ cả thế gian này đã chấp nhận cho cho các bà-la-môn đó quy định về bốn cấp phục vụ như vậy sao?”

– “Không, thưa Thầy Cò-đàm”.

– “Này bà-la-môn, giả sử họ ép đưa một miếng thịt cho một người nghèo, nghèo mạt, không tiền và bảo anh ta: ‘Ê anh bạn, anh phải ăn miếng thịt này và trả tiền’; cũng tương tự vậy, khi không được sự chấp nhận cho phép của những người khác [bao gồm cả những tu sĩ và những bà-la-môn khác] mà những bà-la-môn đó vẫn

tự ý quy định bốn cấp phục vụ như vậy.

– “Này bà-la-môn, ta không nói rằng tất cả mọi người phải được phục vụ, ta cũng không nói rằng không ai cần được phục vụ cả. Bởi vì rằng, nếu khi phục vụ cho ai, người đó không được tốt hơn mà còn tệ hơn vì sự phục vụ đó thì ta nói người đó không nên được phục vụ. Và nếu khi phục vụ cho ai, người đó không tệ hơn mà được tốt hơn thì ta nói người đó nên được phục vụ. . . .

– (a) “Này bà-la-môn, ta không nói một người tốt hơn [hay tệ hơn] là do xuất thân từ gia phả quý tộc; ta không nói một người tốt hơn [hay tệ hơn] là do có sắc đẹp; ta không nói một người tốt hơn [hay tệ hơn] là do có nhiều của cải. Bởi một người có giai cấp quý tộc cũng có thể có hành vi sát sinh, trộm cắp, tà dục tà dâm, nói dối, nói lời gây chia rẽ, nói lời gắt gỏng, nói chuyện tầm phào, có tham khát, có tâm ác ý, và có cố chấp cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Bởi vậy nên ta không nói một người tốt hơn là chỉ vì do xuất thân từ gia phả quý tộc.

Nhưng, cũng có người xuất thân từ gia phả quý tộc biết kiên cố, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dục tà dâm, không nói dối, không nói lời gây chia rẽ, không nói gắt gỏng, không nói chuyện tầm phào, và không tham khát, có tâm nhân từ, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Bởi vậy nên ta cũng không nói một người tệ hơn chỉ vì do xuất thân từ gia phả quý tộc.

– (b) “Này bà-la-môn, ta không nói rằng tất cả mọi người phải được phục vụ, ta cũng không nói rằng không ai cần được phục vụ cả. Bởi vì rằng, nếu khi phục vụ cho ai, niềm-tin của người đó, đức-hạnh, sự học-hiểu, tâm rộng-lòng bố-thí và trí-tuệ của người đó được tăng lên nhờ sự phục vụ đó, thì ta nói người đó nên được phục vụ.”

Kế tiếp, bà-la-môn Esukārī nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-đàm, các bà-la-môn còn quy định bốn loại tài sản: tài sản của bà-la-môn, tài sản của người giai cấp chiến sĩ, tài sản của người giai cấp thương nông, và tài sản của người bần lao.

(a) Các bà-la-môn quy định việc đi khát thực là tài sản của bà-la-môn . . . ;

(b) Họ quy định cung tên là tài sản của người giai cấp chiến sĩ . .

(c) Họ quy định nghề trồng trọt và chăn nuôi là tài sản của người giai cấp nông thương . . .

(d) Họ quy định lưới liềm (cắt cỏ, làm vườn...) và đòn gánh là tài sản của người giai cấp bần lao . . . ; vậy Thầy Cồ-đàm nói sao về điều này?”

– “Này bà-la-môn, bộ cả thế gian chấp nhận cho các bà-la-môn đó quy định bốn loại tài sản như vậy sao?”

– “Không, thưa Thầy Cồ-đàm”

– “Này bà-la-môn, giả sử họ ép đưa một miếng thịt cho một người nghèo, nghèo mạt, không tiền và bảo anh ta: ‘Ê anh bạn, anh phải ăn miếng thịt này và trả tiền’; cũng tương tự vậy, khi không được sự chấp nhận cho phép của những người khác [bao gồm cả những tu sĩ và những bà-la-môn khác] mà những bà-la-môn đó vẫn tự ý quy định bốn loại tài sản như vậy.

– “Này bà-la-môn, ta tuyên bố rằng Giáo Pháp thánh thiện siêu thế mới là tài sản của một con người. Nhưng trước giờ con người cứ coi (xếp, đánh giá) một người dựa theo giai cấp gia phả người đó được sinh ra. Hễ ai được sinh ra trong họ tộc giai cấp chiến sĩ thì người đó được coi là người giai cấp chiến sĩ; hễ ai được sinh ra

trong họ tộc bà-la-môn . . . thương nông . . . bần lao, người đó được coi là người giai cấp bần lao.

Giống như lửa [: lửa nào cũng chỉ là lửa, nhưng] cứ được coi [là lửa loại này, lửa loại nọ] chỉ do dựa theo vật liệu nào nó cháy—khi lửa cháy từ củi lớn, nó được coi là lửa củi; khi lửa cháy từ cành khô, nó được coi là lửa cành; khi lửa cháy từ cỏ khô, nó được coi là lửa cỏ; khi lửa cháy từ phân bò khô, nó được coi là lửa phân bò—cũng giống như vậy, này bà-la-môn, ta tuyên bố Giáo Pháp thánh thiện siêu thế mới là tại sản của một con người. Nhưng trước giờ con người cứ coi một người dựa theo giai cấp gia phả người đó được sinh ra.”

(trích MN 96; MLDB 786–89)

## **(2) Giai Cấp Chỉ Là Do Người Đòi Quy Ước**

Vua Avantiputta của xứ Madhurā đã hỏi Ngài Mahākaccāna (Đại-ca-chiên-chiên):

“Thưa Thầy Kaccāna, các bà-la-môn nói như vậy: ‘Những bà-la-môn là giai cấp cao nhất, những người giai cấp khác là thấp hèn hơn; những bà-la-môn là giai cấp có màu da sáng nhất, những người giai cấp khác là đen tối hơn; chỉ những bà-la-môn mới được thanh lọc trong sạch, những người không phải bà-la-môn thì không được thanh lọc trong sạch; những bà-la-môn là con của Trời Brahmā, là dòng dõi của Trời Brahmā, được sinh ra từ miệng của Trời, được sinh ra bởi Trời Brahmā, được tạo ra bởi Trời Brahmā, là những người kế tục của Trời Brahmā.’ Thầy Kaccāna nói sao về điều này?”

– “Này đại vương, đó chỉ là lời nói suông trong thế gian. Và có

cách để chúng ta hiểu rằng những lời đó của các bà-la-môn chỉ đơn giản là lời nói suông trong thế gian mà thôi.

(a) – “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử một người giai cấp chiến sĩ giàu có lên, liệu những người giai cấp chiến sĩ khác có hầu trước hạ sau [đứng dậy trước ông ta và nghỉ ngơi sau ông ta], sẵn sàng phục vụ ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời dịu ngọt với ông ta hay không, và liệu những người bà-la-môn, những người thương nông, bần lao cũng làm như vậy hay không?”

– “Sẽ là như vậy, Thầy Kaccāna.”

– “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử một bà-la-môn giàu có lên, liệu những người bà-la-môn khác có hầu trước hạ sau, sẵn sàng phục vụ ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời dịu ngọt với ông ta hay không, và liệu những người thương nông, bần lao, và những người giai cấp chiến sĩ cũng làm như vậy hay không?”

– “Sẽ là như vậy, Thầy Kaccāna.”

– “Đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử một người giai cấp thương nông giàu có lên, liệu những người giai cấp thương nông khác có hầu trước hạ sau, sẵn sàng phục vụ ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời dịu ngọt với ông ta hay không, và liệu những người bần lao, những người giai cấp chiến sĩ, và những bà-la-môn cũng làm như vậy hay không?”

– “Sẽ là như vậy, Thầy Kaccāna.”

– “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử một người giai cấp bần lao giàu có lên, liệu những người giai cấp bần lao khác có hầu trước hạ sau, sẵn sàng phục vụ ông ta, tìm cách làm vui lòng ông ta và nói lời dịu ngọt với ông ta hay không, và liệu những người giai cấp chiến sĩ, bà-la-môn, và những người thương nông cũng làm như

vậy hay không?”

– “Sẽ là như vậy, Thầy Kaccāna.”

– “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu là như vậy thì bốn giai cấp cũng như nhau, hoặc nếu không phải vậy thì theo đại vương thấy sao?”

– “Thầy Kaccāna, chắc chắn, nếu đã là như vậy thì bốn giai cấp cũng như nhau: ta thấy chẳng có sự khác biệt nào giữa chúng cả.”

– “Này đại vương, đó là một cách để chúng ta hiểu rằng những lời đó của các bà-la-môn chỉ đơn giản là lời nói suông trong thế gian mà thôi.

(b) – “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử một người giai cấp chiến sĩ có hành vi sát sinh, trộm cắp, tà dục tà dâm, nói dối, nói lời gây chia rẽ, nói lời khất gông, nói chuyện tầm phào, có tham khát, có tâm ác ý, và cố chấp cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục, hay không? Trong trường hợp này theo đại vương thấy sao?”

– “Người đó sẽ bị như vậy, Thầy Kaccāna. Trong trường hợp này ta thấy như vậy, và đó là điều ta cũng được nghe từ các vị A-la-hán.”

– “Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài nghe được từ các vị A-la-hán là tốt. Ngài nghĩ sao, này đại vương? Giả sử một người bà-la-môn . . . một người giai cấp thương nông . . . một người giai cấp bần lao cũng làm những điều như trên?”

– “Thầy Kaccāna, nếu một người bà-la-môn . . . một người giai cấp thương nông . . . một người giai cấp bần lao cũng làm những

điều như trên, thì người đó sẽ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Trong trường hợp đó ta thấy như vậy, và đó là điều ta cũng được nghe từ các vị A-la-hán.”

– “Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài nghe được từ các vị A-la-hán là tốt. Ngài nghĩ sao, này đại vương? Nếu là như vậy thì bốn giai cấp cũng như nhau, hoặc nếu không phải vậy thì theo đại vương thấy sao?”

– “Thầy Kaccāna, chắc chắn, nếu đã là như vậy thì bốn giai cấp cũng như nhau: ta thấy chẳng có sự khác biệt nào giữa chúng cả.”

– “Này đại vương, đó là một cách để chúng ta hiểu rằng những lời đó của các bà-la-môn chỉ đơn giản là lời nói suông trong thế gian mà thôi.

(c) – “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử có một người giai cấp chiến sĩ biết kiêng cử, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dục tà dâm, không nói dối, không nói lời gây chia rẽ, không nói lời gắt gỏng, không nói chuyện tầm phào, và không tham khát, có tâm nhân từ, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong cõi trời, hay không? Hay theo đại vương thấy sao?”

– “Người đó sẽ được như vậy, Thầy Kaccāna. Trong trường hợp này ta thấy như vậy, và đó là điều ta cũng được nghe từ các vị A-la-hán.”

– “Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài nghe được từ các vị A-la-hán là tốt. Ngài nghĩ sao, này đại vương? Giả sử một người bà-la-môn . . . một người giai cấp thương nông . . . một người giai cấp bản lao cũng kiêng cử được

những điều (năm giới) như trên?”

– “Thầy Kaccāna, nếu một người bà-la-môn . . . một người giai cấp thương nông . . . một người giai cấp bần lao cũng kiêng cử được những điều (năm giới) như trên, thì người đó người đó sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong cõi trời. Trong trường hợp đó ta thấy như vậy, và đó là điều ta cũng được nghe từ các vị A-la-hán.”

– “Tốt, tốt, này đại vương! Này đại vương, điều ngài nghĩ là tốt và điều ngài nghe được từ các vị A-la-hán là tốt. Ngài nghĩ sao, này đại vương? Nếu là như vậy thì bốn giai cấp cũng như nhau, hoặc nếu không phải vậy thì theo đại vương thấy sao?”

– “Thầy Kaccāna, chắc chắn, nếu đã là như vậy thì bốn giai cấp cũng như nhau: ta thấy chẳng có sự khác biệt nào giữa chúng cả.”

– “Này đại vương, đó là một cách để chúng ta hiểu rằng những lời đó của các bà-la-môn chỉ đơn giản là lời nói suông trong thế gian mà thôi.

(d) – “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử có một người giai cấp chiến sĩ đột nhập nhà cửa, cướp bóc của cải, làm nghề trộm cướp, cướp đường, dụ dỗ vợ người khác; và nếu người của nhà vua bắt người đó và giải người đó tới chỗ nhà vua và thưa: ‘Thưa nhà vua, đây là thủ phạm; nhà vua hãy ra lệnh hình phạt theo ý ngài để xử tội kẻ này’, thì ngài sẽ xử tội người đó ra sao?”

– “Thầy Kaccāna, chúng tôi sẽ hành quyết kẻ đó, hoặc dùng hình phạt khác, hoặc lưu đày kẻ đó, chúng tôi sẽ xử tội kẻ đó theo xứng với tội lỗi của hắn. Vì sao vậy, vì hắn đã đánh mất giai cấp chiến sĩ trước đó của hắn và giờ hắn chỉ đơn giản được coi là một kẻ cướp mà thôi.”



– “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử một người bà-la-môn . . . một người giai cấp thương nông . . . một người giai cấp bần lao cũng làm những điều (tội lỗi) như vậy . . . , và nếu người của nhà vua bắt người đó và giải người đó tới chỗ nhà vua và thưa: ‘Thưa nhà vua, đây là thủ phạm; nhà vua hãy ra lệnh hình phạt theo ý ngài để xử tội kẻ này’, thì ngài sẽ xử tội người đó ra sao?”

– “Thầy Kaccāna, chúng tôi sẽ hành quyết kẻ đó, hoặc dùng hình phạt khác, hoặc lưu đày kẻ đó, chúng tôi sẽ xử tội kẻ đó theo xứng với tội lỗi của hắn. Vì sao vậy, vì hắn đã đánh mất giai cấp bà-la-môn . . . thương nông . . . bần lao trước đó của hắn và giờ hắn chỉ đơn giản được coi là một kẻ cướp mà thôi.”

– “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu là như vậy thì bốn giai cấp cũng như nhau, hoặc nếu không phải vậy thì theo đại vương thấy sao?”

– “Thầy Kaccāna, chắc chắn, nếu đã là như vậy thì bốn giai cấp cũng như nhau: ta thấy chẳng có sự khác biệt nào giữa chúng cả.”

– “Này đại vương, đó là một cách để chúng ta hiểu rằng những lời đó của các bà-la-môn chỉ đơn giản là lời nói suông trong thế gian mà thôi.

(e) – “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử có một người giai cấp chiến sĩ, sau khi cạo bỏ râu tóc, khoát y cà-sa, và rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, kiêng cử các giới: không sát sinh, trộm cắp, tà dục tà dâm, và nói dối. Kiêng cử, không ăn vào ban đêm, chỉ ăn một lần trước Ngọ mỗi ngày, và sống tách ly, có đức hạnh, có tính cách tốt lành. Nhà vua sẽ đối xử với người đó ra sao?”

– “Thầy Kaccāna, ta sẽ cúi chào kính lễ người đó; hoặc mời

người đó chỗ ngồi; hoặc mời người đó nhận lấy y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang chúng ta cúng dường; hoặc thu xếp sự bảo vệ, phòng vệ, và bảo hộ hợp pháp cho người đó. Vì sao vậy? Vì người đó đã đánh mất giai cấp chiến sĩ, và giờ người đó chỉ đơn giản được coi là một tu sĩ [sa-môn].”

– “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử một người bà-la-môn . . . một người giai cấp thương nông . . . một người giai cấp bần lao cũng làm . . . (xuất gia, tu hành, và giữ giới...) như vậy. Nhà vua sẽ đối xử với người đó ra sao?”

– “Thầy Kaccāna, ta sẽ cúi chào kính lễ người đó; hoặc mời người đó chỗ ngồi; hoặc mời người đó nhận lấy y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang chúng ta cúng dường; hoặc thu xếp sự bảo vệ, phòng vệ, và bảo hộ hợp pháp cho người đó. Vì sao vậy? Vì người đó đã đánh mất giai cấp bà-la-môn . . . thương nông . . . bần lao, và giờ người đó chỉ đơn giản được coi là một tu sĩ.”

– “Này đại vương, ngài nghĩ sao? Nếu là như vậy thì bốn giai cấp cũng như nhau, hoặc nếu không phải vậy thì theo đại vương thấy sao?”

– “Thầy Kaccāna, chắc chắn, nếu đã là như vậy thì bốn giai cấp cũng như nhau: ta thấy chẳng có sự khác biệt nào giữa chúng cả.”

– “Này đại vương, đó là một cách để chúng ta hiểu rằng những lời đó của các bà-la-môn chỉ đơn giản là lời nói suông trong thế gian mà thôi.

(trích MN 84; MLDB 698–702)

**(3) Phẩm Cấp Của Một Người Được Quyết Định Bởi Hành Động Của Người Đó**

[Đức Phật đang nói với bà-la-môn trẻ tên Vāsetṭha:]

“Trong khi giữa nhiều loài chúng sinh,  
Có những đặc điểm phân biệt do tùy sinh,  
Nhưng giữa những con người thì không có  
Những đặc điểm phân biệt từ bẩm sinh.

“Không khác nhau về tóc hay đầu,  
Về tai hay mắt;  
Về miệng hay mũi,  
Về môi hay mào;

“Không khác nhau về cổ hay vai,  
Về bụng hay lưng;  
Về hông hay ngực,  
Về hậu môn hay bộ phận tính dục;

“Không khác nhau về tay hay chân  
Về ngón tay hay móng tay;  
Về đầu gối hay đùi,  
Về màu sắc hay giọng nói:  
Nơi sinh không tạo ra đặc điểm phân biệt nào,  
Không giống như các loài chúng sinh khác.

“Trong con người và thân thể của họ  
Chẳng có đặc điểm chính nào khác nhau.  
Việc phân biệt giữa con người,  
Chỉ là do gọi theo quy định (của người đời) mà thôi.

“Trong số loài người,  
Ai làm nghề ruộng vườn,  
Này Vāsetṭha, ông biết:  
Đó là một nông dân, không phải bà-la-môn.

“Trong số loài người,  
Ai kiếm sống bằng những nghề thủ công,  
Này Vāsetṭha, ông biết:  
Đó là thợ thủ công, không phải bà-la-môn.

“Trong số loài người,  
Ai sống nghề buôn bán,  
Này Vāsetṭha, ông biết:  
Đó là một thương nhân, không phải bà-la-môn.

“Trong số loài người,  
Ai làm nghề phục dịch người khác,  
Này Vāsetṭha, ông biết:  
Đó là một người phục dịch, không phải bà-la-môn.

“Trong số loài người,  
Ai làm nghề ăn trộm,  
Này Vāsetṭha, ông biết:  
Đó là một kẻ trộm, không phải bà-la-môn.

“Trong số loài người,  
Ai làm nghề cung kiếm,  
Này Vāsetṭha, ông biết:  
Đó là một binh sĩ, không phải bà-la-môn.

“Trong số loài người,  
Ai làm nghề cúng tụng,  
Này Vāsetṭha, ông biết:  
Đó là một thầy cúng, không phải bà-la-môn.

“Trong số loài người,  
Ai cai trị làng xóm và lãnh thổ,  
Này Vāsetṭha, ông biết:

Đó là một ông vua, không phải bà-la-môn.

“Ta không gọi ai là bà-la-môn  
Dựa trên gia phả và nơi sinh.  
Nếu còn đầy ô nhiễm, dính chấp  
Thì đó chỉ là người rỗng suông.  
Nếu ai không chấp giữ thứ gì, không lầy thêm thứ gì:  
Ta mới gọi đó là một bà-la-môn.

“Ai đã cắt đứt mọi gông cùm,  
Người thực tâm không bị kích động,  
Người đã vượt qua mọi trói buộc, và tách ly:  
Ta mới gọi đó một bà-la-môn. . . .

“Người biết rõ cõi kiếp trước của mình,  
Người biết rõ đâu là cõi trời, và đâu là cõi đọa,  
Người đã đạt tới sự vô sinh:  
Ta mới gọi đó một bà-la-môn.

“Người mang tên tuổi và họ tộc  
Chẳng qua do thế gian gán cho như vậy.  
Do (người đời) quy ước theo nơi sinh, gia phả,  
Nên họ gán cho một người thành này, thành nọ.

“Ai không biết điều này,  
Thì cứ chấp lầm dai dẳng thành tập tính.  
Do không biết điều này, nên họ nói với chúng ta:  
'Một người là bà-la-môn là do nơi sinh ra.'

“Người là bà-la-môn đâu phải do nơi sinh ra,  
Người không phải bà-la-môn cũng đâu phải do nơi sinh.  
Trở thành bà-la-môn hay không phải bà-la-môn,  
Tất cả là do hành động (nghiệp) của mỗi người.

“Người trở thành nông dân là do hành động (nghiệp),  
Do hành động mà trở thành thợ thủ công.

Người trở thành thương nhân là do hành động,  
Do hành động mà trở thành người phục dịch.

“Người trở thành kẻ cắp là do hành động,  
Do hành động mà trở thành binh sĩ.

Người trở thành thầy cúng là do hành động,  
Do hành động mà trở thành một nhà vua.

“Đó chính là cách những người có trí  
Nhìn thấy hành động đúng thực như nó là—  
Những người nhìn thấy lý duyên khởi,  
Thì khôn khéo trong hành động và nghiệp quả.

“Do hành động (nghiệp) mà thế giới xoay vần,  
Do hành động mà dân số xoay vần.  
Những chúng sinh hữu tình bị trói chặt  
bởi hành động (nghiệp),  
như trục bánh xe dính chặt theo bánh xe đang lăn.

“Do sống thanh bản, do sống đời sống tâm linh,  
Do tự chủ kiềm chế, và tu tập nội tâm—  
Do vậy một người mới thành bà-la-môn;  
Đây mới là cấp bà-la-môn cao thượng nhất.”

(trích MN 98; MLDB 800–807; Sn III,9)

#### **(4) Hành Động Làm Cho Một Người Trở Thành Vô Loại**

Đức Thế Tôn nói với bà-la-môn tên Aggibhāradvāja:

“Này bà-la-môn, ông có biết một người vô loại (bị xã hội vứt bỏ) là gì, hoặc những phẩm chất nào tạo nên một người vô loại?”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, tôi không biết một người vô loại là gì, hoặc những phẩm chất tạo nên một người vô loại. Xin Thầy Cồ-đàm hãy chỉ dạy Giáo Pháp theo cách để tôi có thể đi đến hiểu được một người vô loại là gì và những phẩm chất nào tạo nên một người vô loại.”

“Này bà-la-môn, trong trường hợp đó hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ”, bà-la-môn Aggibhāradvāja đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Một người nóng giận và hung dữ,  
Người bôi nhọ, nói ác,  
Người đạo đức giả, thiếu chánh kiến:  
Ông nên biết đó là người vô loại.

“Người ở đây làm hại chúng sinh,  
Dù là loài tái sinh một lần hay hai lần...,  
Người không có lòng tốt đối với chúng sinh:  
Ông nên biết đó là người vô loại. . . .

“Người tự ca ngợi mình,  
Và chê bai người khác,  
Người hèn kém do tính kiêu căng của mình:  
Ông nên biết đó là người vô loại.

“Người hay chửi rủa, tính thì keo kiệt,  
Tham khát, tà dục, là kẻ lừa lọc,  
Người không biết sỉ nhục và sợ hãi về mặt đạo đức:  
Ông nên biết đó là người vô loại.

“Người phỉ báng Phật,  
Hay những người đệ tử (của Phật),

Phỉ báng những du sĩ hay người tại gia:

Ông nên biết đó là người vô loại. . . .

“Ai là người vô loại không phải do nơi sinh ra,  
Ai là bà-la-môn cũng không phải do nơi sinh ra.  
Do hành động (xấu) mà thành người vô loại,  
Do hành động (thiện) mới thành bà-la-môn.”

(trích Sn 1,7)

## 6. Chính Thể Trị Vĩ

### (1) Khi Vua Chúa Là Bất Chánh

“Khi vua chúa là bất chính (tà đạo, phi pháp), các chư hầu hoàng gia cũng trở nên bất chính. Khi các chư hầu là bất chính, các bà-la-môn và các gia chủ cũng trở nên bất chính. Khi các bà-la-môn và các gia chủ là bất chính, những người trong thành thị và làng quê cũng trở nên bất chính. Khi những người trong thành thị và làng quê là bất chính, mặt trời và mặt trăng mọc chiếu lệch tà. Khi mặt trời và mặt trăng mọc chiếu lệch tà, những vì sao và chòm sao cũng mọc chiếu lệch tà. Khi những vì sao và chòm sao mọc chiếu lệch tà, ngày và đêm cũng đến đi lệch thời . . . tháng và nửa tháng cũng đến đi lệch thời . . . các mùa và năm cũng đến đi lệch thời. Khi các mùa và năm đến đi lệch thời, gió thổi lệch thời và trái gió khó ngờ. Khi gió thổi lệch thời và trái gió khó ngờ, các thiên thần trở nên buồn bã. Khi các thiên thần buồn bã, nước mưa khô cạn. Khi nước mưa khô cạn, mùa màng bị trái thời trái vụ. Khi người ăn gạo cốc trái quả trái thời trái vụ (không đều đặn, lúc đói lúc no), họ sống không được thọ, trở nên xấu xí, yếu sức, và bệnh tật.

“Nhưng, khi vua chúa là chân chính (chánh đạo, thuận pháp),



các chư hầu hoàng gia cũng trở nên chân chính. Khi các chư hầu là chân chính, các bà-la-môn và các gia chủ cũng trở nên chân chính. Khi các bà-la-môn và các gia chủ là chân chính, những người trong thành thị và làng quê cũng trở nên chân chính. Khi những người trong thành thị và làng quê là chân chính, mặt trời và mặt trăng mọc chiếu đúng hướng. Khi mặt trời và mặt trăng mọc chiếu đúng hướng, những vì sao và chòm sao cũng mọc chiếu đúng hướng. Khi những vì sao và chòm sao mọc chiếu đúng hướng, ngày và đêm cũng đến đi đúng thời . . . tháng và nửa tháng cũng đến đi đúng thời . . . các mùa và năm cũng đến đi đúng thời. Khi các mùa và năm đến đi đúng thời, gió thổi đúng thời và thuận gió dễ canh. Khi gió thổi đúng thời và thuận gió dễ canh, các thiên thần không bị buồn bã. Khi các thiên thần không bị buồn bã, mưa nước đủ đầy. Khi mưa nước đủ đầy, mùa màng được thuận thời đúng vụ. Khi người ăn gạo cốc trái quả thuận thời đúng vụ (đều đặn, đầy đủ), họ sống sẽ sống được thọ, trở nên đẹp đẽ, sức mạnh, và sức khỏe.

Khi đàn bò đi ngang ngã ba đường,  
Nếu con đầu đàn đi quanh co,  
Thì những con khác cũng đi theo quanh co,  
Bởi con đầu đàn đã đi quanh co.  
Trong quân thể con người cũng vậy,  
Khi một người đứng đầu, lãnh đạo,  
Mà hành xử bất chính tà đạo,  
Thì người khác cũng bắt theo như vậy.  
Cả kinh thành đều chán ngán thất vọng,  
Nếu nhà vua là bất chính, tà đạo.  
Khi đàn bò đi ngang ngã ba đường,  
Nếu con đầu đàn đi thẳng đường băng qua,  
Thì những con khác cũng thẳng đường băng qua,

Bởi con đầu đàn đã đi thẳng qua.  
Trong quần thể con người cũng vậy,  
Khi một người đứng đầu, lãnh đạo,  
Biết hành xử chân chính, chánh đạo,  
Thì người khác cũng bắt theo như vậy.  
Cả kinh thành đều hân hoan vui sướng,  
Nêu nhà vua là chân chính, chánh đạo.

(AN 4:70)

## **(2) Chiến Tranh Gieo Hận Thù**

+ Vua Ajātasattu (A-xà-thế) của nước Magadha (Ma-kiệt-đà) đã huy động một đội quân gồm bốn binh đoàn và tiến thẳng tới xứ Kāsi để đánh Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của nước Kosala (Kiều-tát-la). Vua Pasenadi nghe tin báo cũng đã huy động một đội quân gồm bốn binh đoàn, và tiến ngược tới xứ Kāsi để chống lại Vua Ajātasattu. Rồi Vua Ajātasattu và Vua Pasenadi đã giao chiến với nhau, trong đó Vua Ajātasattu đã đánh bại Vua Pasenadi. Vua Pasenadi, sau khi bị đánh bại, đã rút lui về kinh thành Sāvattihī (Xá-vệ) của mình. Rồi, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo khoát y phục, mang theo bình bát và áo cà-sa, đi vô thành Sāvattihī để khát thực. Sau khi đã đi khát thực một vòng trong thành và trở về, sau khi ăn trưa, họ đã đến gặp đức Thế Tôn và thưa lại sự kiện đã xảy ra.

[Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, Vua Ajātasattu của nước Magadha có nhiều bạn xấu. Vua Pasenadi của nước Kosala có nhiều bạn tốt. Nhưng hôm nay, Vua Pasenadi, sau khi bị đánh bại, sẽ khó ngủ tối nay.

“Chiến thắng gieo thù hận,

Kẻ thua ngủ không ngon.  
Người bình an thì ngủ dễ dàng,  
Vì đã dẹp bỏ nghĩa thắng-bại.”

+ [Lại trong một lần khác, khi Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) đã đánh thắng lại Vua Ajātasattu (A-xà-thế), đức Thế Tôn đã nói:]

“Người ngu nghĩ vận may ở bên mình,  
Khi nghiệp ác của mình chưa chín muồi,  
Nhưng khi nghiệp ác đã tới lúc chín muồi,  
Người ngu lãnh chịu khổ đau.

“Kẻ giết chóc tạo thêm kẻ giết chóc (lại),  
Người chinh phục tạo ra kẻ chinh phục (lại).  
Người làm nhục tạo thêm kẻ làm nhục (lại),  
Người chửi rửa tạo thêm kẻ chửi rửa (lại).  
Nên khi nghiệp kết quả,  
Kẻ cướp sẽ bị cướp (lại).”

(SN 3:14–15; CDB 177–78)

### ***(3) Vị Vua Thánh Thiện Quay Chuyển Bánh Xe Giáo Pháp (Chuyển Luân Thánh Vương)***

Đức Thế Tôn đã nói:

“Này các Tỳ kheo, ngay cả một vị vua quay chuyển bánh xe, một vị vua công minh và chân chính, cũng không trị vì bờ cõi của ông mà không có một người đồng sự trị vì của mình [như quan nhiếp chính].”

Khi đức Thế Tôn nói như vậy, một Tỳ kheo đã thưa hỏi Thế Tôn như vậy:

“Thưa Thế Tôn, nhưng ai là người đồng sự trị vì của vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua công minh và chân chính đó?”

“Đó chính là Giáo Pháp, này các Tỳ kheo, đó quy pháp của sự đúng đắn (chánh pháp)”, đức Thế Tôn trả lời.

“Trong trường hợp này, vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua công minh và chân chính, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh Giáo Pháp, coi trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu chuẩn, là biểu ngữ và quyền lực, cung cấp sự bảo vệ hợp pháp, sự che chở, và sự an toàn cho những người bên dưới của nhà vua. Nhà vua cung cấp sự bảo vệ hợp pháp, sự che chở, và sự an toàn cho những người giai cấp chiến sĩ [*khattiya*] phục vụ nhà vua; cho quân đội của nhà vua, cho những bà-la-môn và những gia chủ, cho những người dân ở thành thị và ở nhà quê, cho những tu sĩ và bà-la-môn, cho những thú vật và chim muông.

“Một vị vua quay chuyển bánh xe, một vị vua công minh và chân chính đó, người cung cấp sự bảo vệ hợp pháp, sự che chở, và sự an toàn cho tất cả, là người trị vì chỉ bằng Giáo Pháp. Và pháp luật đó không thể nào bị phá cản bởi bất kỳ kẻ hung tàn nào.

“Này các Tỳ kheo, ngay cả như vậy, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, một vị vua công minh và chân chính của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh Giáo Pháp, coi trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu chuẩn, là biểu ngữ và quyền lực, cung cấp sự bảo vệ hợp pháp, sự che chở, và sự an toàn đối với hành động (nghiệp) của thân, lời nói, và tâm. [Bậc đó dạy như vậy:] ‘Hành động của thân như vậy thì nên làm và như kia thì không nên làm. Hành động của lời nói như vậy thì nên làm và như kia thì không nên làm. Hành động của tâm như vậy thì nên làm và như kia thì không nên làm.’”

“Nhu Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là một vị vua công minh và chân chính của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh Giáo Pháp, coi trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu chuẩn, là biểu ngữ và quyền lực, cung cấp sự bảo vệ hợp pháp, sự che chở, và sự an toàn đối với hành động (nghiệp) của thân, lời nói, và tâm như vậy, là người quay chuyển bánh xe vô song của Giáo Pháp theo đúng cách của Giáo Pháp mà thôi. Và bánh xe Giáo Pháp đó không thể nào bị quay ngược bởi bất cứ tu sĩ hay bà-la-môn nào, bởi bất cứ thiên thần nào hay Ma Vương hay vua trời hay bất cứ ai trong thế gian.”

(AN 3:14; I 109–10; NDB 208–9)

#### ***(4) Cách Một Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe Giáo Pháp Có Thể Chinh Phục, Trị Vĩ***

“Ở đây, khi một vị vua thánh thiện mới được phong vương [được xúc dầu lên đầu] đã gội sạch đầu tóc vào ngày rằm lễ *Bố-tát* [*uposatha*]<sup>2</sup> và đã bước lên mái sân thượng của cung điện vì ngày lễ *Bố-tát*, thì bánh xe báu sẽ hiện ra cho ngài, với ngàn căm, đầy đủ vành xe, trục xe, và tất cả các bộ phận. Khi nhìn thấy bánh xe, vị vua thánh thiện mới được phong vương [xúc dầu] nghĩ như vậy: ‘Ta nghe nói khi một vị vua giai cấp chiến-sĩ mới được xúc dầu phong vương nhìn thấy một bánh xe như vậy vào ngày rằm *Bố-tát* và đã bước lên mái sân thượng của cung điện vì ngày lễ *Bố-tát*, và thấy bánh xe báu sẽ hiện ra cho ngài, với ngàn căm, đầy đủ vành xe, trục xe, và tất cả các bộ phận, thì vị vua ấy sẽ trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe pháp. Vậy bây giờ ta đã là vị vua quay chuyển bánh xe giáo đó chưa?’

“Rồi vị vua thánh thiện mới được phong vương đứng dậy khỏi

chỗ ngồi, tay trái cầm chậu nước, tay phải rải nước lên bánh xe báu, nói rằng: ‘Hãy lăn tới, này bánh xe báu; hãy thắng lợi, này bánh xe báu!’ Rồi bánh xe báu lăn tới hướng Đông, và khi vị vua quay chuyển bánh xe pháp đi theo bánh xe báu cùng với đội quân gồm bốn binh chủng. Bây giờ, ở bất cứ vùng nào bánh xe báu dừng lại, ở đó vị vua quay chuyển bánh xe pháp tiếp quản lãnh thổ đó bằng đội quân bốn binh chủng của mình. Và những vị vua đối nghịch ở phía đông đã đến diện kiến vị vua quay chuyển bánh xe pháp và thưa rằng: ‘Cứ vậy, này đại vương; xin nghinh tiếp đại vương; xin đại vương hãy ra lệnh; xin đại vương hãy chỉ dạy’. Vị vua quay chuyển bánh xe pháp nói như vậy: *‘Các người không nên sát sinh; các người không nên gian cắp; các người không nên có tà dục tà tâm; các người không nên nói dối; các người không nên uống rượu và dùng chất độc hại; các người nên thụ hưởng những thứ các người từng có như trước giờ.’* Và những vị vua đối nghịch ở phía đông quy phục theo vị vua quay chuyển bánh xe pháp.

“Rồi bánh xe báu lặn xuống biển đông và nổi lên. Rồi nó lăn tới hướng Nam. . . . Và những vị vua đối nghịch ở phía nam quy phục theo vị vua quay chuyển bánh xe pháp.

“Rồi bánh xe báu lặn xuống biển nam và nổi lên. Rồi nó lăn tới hướng Tây. . . . Và những vị vua đối nghịch ở phía tây quy phục theo vị vua quay chuyển bánh xe pháp.

“Rồi bánh xe báu lặn xuống biển tây và nổi lên. Rồi nó lăn tới hướng Bắc. . . . Và những vị vua đối nghịch ở phía bắc quy phục theo vị vua quay chuyển bánh xe pháp.

“Bây giờ khi bánh xe báu đã thắng lợi khắp các vùng đất từ bờ biển này qua bờ biển khác, nó quay lại kinh thành, và đứng cố định trên trục xe ngay trước cổng nội điện, như để trang hoàng cho cổng

nội điện của nhà vua. Bánh xe báu đã xuất hiện như vậy đối với một vị vua quay chuyển bánh xe pháp.”

(trích MN 129; MLDB 1023–24;  
(coi thêm/so với DN 26; LDB 397–98)

### **(5) Những Bỏ Phận Của Vương Triều Cai Trị**

[Đức Phật kể lại chuyện tiền kiếp:]

3. “Và, sau nhiều trăm năm, sau nhiều ngàn năm, Vua Dalhanemi nói với một người của ông rằng: ‘Này hiền khanh, hễ khi nào ông thấy bánh xe báu thiêng liêng lệch khỏi vị trí của nó, hãy bấm báo ngay cho ta.’

‘Dạ, thưa đại vương’, người đó đáp lại. Và sau nhiều trăm năm và nhiều ngàn năm, người đó thấy bánh xe báu thiêng liêng đã lệch ra khỏi vị trí cũ. Sau khi nhìn thấy vậy, ông ta liền bấm báo cho nhà vua. Sau đó, Vua Dalhanemi đã cho gọi người con lớn nhất [thái tử] đến gặp, và ông đã nói: ‘Này con trai của ta, bánh xe báu thiêng liêng đã lệch dời ra khỏi vị trí cũ. Và trước đây ta đã nghe rằng, khi điều này xảy ra đối với một vị vương quay chuyển bánh xe báu, thì vị ấy không còn sống được bao lâu nữa. Ta đã có đầy đủ mọi khoái lạc của con người, giờ tới lúc ta đi tìm sự an lạc ở cõi trời. Con là con trai ta sẽ tiếp quản quyền cai trị lãnh thổ này. Còn ta sẽ cạo tóc râu, khoát y cà sa, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Và, sau khi đã phong người con trai cả lên làm vua, Vua Dalhanemi đã cạo tóc râu, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Và bảy ngày sau khi vị tu sĩ hoàng gia đó đã xuất gia, bánh xe báu thiêng liêng đã biến mất.

4. “Rồi có một người đã đến gặp vị vua giai cấp chiến sĩ vừa

mới được (vua cha) phong vương [xức dầu lên đầu], và bầm báo rằng: ‘Thưa đại vương, ngài nên được biết rằng bánh xe báu thiêng liêng đã biến mất.’ Khi nghe như vậy, vị vua (con) ưu sầu và cảm thấy buồn lòng. Ông đã đi đến gặp vua cha và báo với vua cha về tin buồn đó. Và vua cha đã nói với ông: ‘Này con trai, con chớ nên ưu sầu hoặc buồn lòng vì sự biến mất của bánh xe báu. Bánh xe báu không phải là tài sản kế thừa cha ông để lại cho con. Nhưng bây giờ, này con trai, con phải chuyển hóa bản thân mình trở thành một người thánh thiện quay chuyển bánh xe. Và sự kiện đó sẽ xảy ra, nếu con thực thi những bổn phận của một vị vua thánh thiện quay chuyển bánh xe báu, thì vào ngày rằm *bố-tát* [*uposatha*], khi đó con gội sạch đầu tóc và đi lên mái sân thượng của cung điện vì lễ rằm *bố-tát*, thì bánh xe báu sẽ hiện ra cho con, với ngàn cỗ, đầy đủ vành xe, trục xe, và tất cả các bộ phận.’

5. “‘Nhưng thưa cha, cái gì là bổn phận của một vị vua thánh thiện (thánh vương) quay chuyển bánh xe báu?’

— ‘Đó là như vậy, này con trai: Bản thân con dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh Giáo Pháp, tôn kính Giáo Pháp, trân quý Giáo Pháp, lễ lạy Giáo Pháp, và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp làm huy hiệu và biểu ngữ của con, nhận lấy Giáo Pháp làm người thầy của con, con phải thiết lập Giáo Pháp làm người phòng hộ, người canh giữ, và người bảo vệ chân chính cho gia đình dòng tộc của con, cho những đạo quân của con, cho những người giai cấp chiến-sĩ và nông-thương, cho các bà-la-môn và gia chủ, cho dân thành thị và thôn quê, cho những tu sĩ và các bà-la-môn, cho các loài thú vật và chim muông. Không để có bọn tội phạm lộng hành trong vương quốc của con, và đối với những người nghèo đói, con hãy phân phát của cải tài sản cho họ. Và đối với những tu sĩ và bà-la-môn trong vương quốc của con đã từ bỏ đời sống dính dục và đã



*cống hiến bản thân theo hạnh nhân nhĩn và hiền từ, mỗi người lo thuần tập bản thân, và mỗi người nỗ lực (tu tập) để chấm dứt dục vọng, vào lúc này lúc khác con nên đến gặp họ và hỏi họ: “Thưa các thầy, những điều nào là thiện và những điều nào là bất thiện; những nào là tội lỗi và những nào là không tội lỗi; những gì cần nên làm theo và những gì không nên làm? Hành động nào về lâu dài dẫn tới nguy hại và ưu sâu; và hành động nào dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc?” Sau khi nghe họ nói, con nên tránh bỏ những điều bất thiện và làm những điều thiện lành. Nay con trai, đó là bốn phận của một vị vua thánh thiện quay chuyển bánh xe.’*

“Dạ, thưa vua cha’, vị vua đáp lại, và ngài đã thực hiện những bốn phận của một vị vua thánh thiện quay chuyển bánh xe pháp.

. . . Và cứ kể tục như vậy, sáu (06) vị vua tiếp theo (cũng làm y như vậy, và) cũng trở thành những vị vua quay chuyển bánh xe pháp. Nhưng có vị vua thứ bảy trong vương triều đó đã không đến gặp vị đạo vương [tức vua cha của mình] để hỏi về những bốn phận của một vị vua quay chuyển bánh xe pháp. Thay vì vậy, ông cứ trị vì mọi người theo cách riêng của mình; và do bị trị vì như vậy, mọi người không được phát đạt như họ đã từng phát đạt dưới thời những vị vua trước đó, vì những vị vua trước đó đã thực hiện những bốn phận của một vị vua quay chuyển bánh xe pháp.

“Rồi vị vua (thứ bảy) đó đã triệu tập tất cả đại thần và quân sư, và hỏi ý kiến của họ. Và họ đã giải thích cho ông về những bốn phận của một vị vua quay chuyển bánh xe pháp. Sau khi lắng nghe họ, nhà vua đã thiết lập sự phòng hộ và bảo vệ cho những người phục tùng nhà vua, nhưng ông lại không phân phát bố thí của cải cho người nghèo khó; và kết quả là nạn đói nghèo tràn lan. Như vậy, từ việc không biết phân phát bố thí của cải cho người khèo

khó, nên nạn đói nghèo tràn lan. Từ chỗ đói nghèo gia tăng, nạn trộm cướp cũng gia tăng. Từ nạn trộm cướp gia tăng, việc dùng hung khí vũ khí gia tăng; từ việc dùng hung khí vũ khí gia tăng, giết chóc gia tăng, (trong thiên hạ) sự dối trá gia tăng, lời nói gây tư thù chia rẽ gia tăng, và nạn tà dục tà dâm gia tăng— và cứ theo kiểu đó, tuổi thọ của mọi người giảm xuống và sự trẻ đẹp của họ cũng hư hao.”

(trích DN 26; LDB 396–401, trích đoạn)

### **(6) Chu Cấp Cho Phúc Lợi Của Nhân Dân**

Đức Thế Tôn, đã nói với bà-la-môn tên Kūṭadanta:

10. “Này bà-la-môn, xưa kia có một vị vua tên là Mahāvijita. Ông ta giàu có, nhiều tài sản và tài lực, nhiều vàng bạc, nhiều của cải và đồ đạc, nhiều tiền và những thứ đáng tiền, đầy châu báu và kho thóc lúa. Và khi Vua Mahāvijita đang suy xét một mình nơi riêng tư, ý nghĩ này đã khởi sinh trong ông ấy: ‘*Ta đã có được tài sản lớn lao so với tiêu chuẩn của loài người, ta chiếm hữu một vùng lãnh thổ lớn lao mà ta đã chinh phục được. Vậy bây giờ ta nên làm một lễ hiến tế lớn để ta có được thêm ích lợi và hạnh phúc lâu dài.*’ Nghĩ như vậy nên ông cho gọi quan chủ tế của ông. Và ông nói ý nghĩ của mình: ‘*Ta muốn làm một lễ hiến tế lớn. Hãy hướng dẫn cho ta, này quan chủ tế, làm sao để cho ta có được ích lợi và hạnh phúc đời đời.*’

11. “Vị chủ tế trả lời: ‘*Đất nước của Hoàng Thượng đang bị loạn bởi quân trộm cướp. Đất nước đang bị tàn phá; làng mạc và đô thị đang bị phá hủy; thôn quê thì đầy rẫy trộm cướp. Nếu Hoàng Thượng cứ đánh thuế lãnh thổ này, đó là việc làm sai lầm. Nếu như Hoàng Thượng nghĩ rằng: ‘*Ta sẽ trừ diệt hết bọn trộm cướp bằng**

*cách xử trảm hay nhốt tù, hoặc bằng cách tịch thu, đe dọa, và đày ải” thì cũng không chấm dứt được nạn trộm cướp theo cách đúng đắn. Những kẻ còn sống sót sau này cũng sẽ phá hoại bờ cõi của Hoàng Thượng. Nhưng, với kế hoạch này bệ hạ có thể trừ sạch nạn trộm cướp. (Đó là:) Trong vương quốc của bệ hạ, những ai tham gia vào nghề trồng trọt và chăn nuôi, Hoàng Thượng nên phát cho họ lúa và thức ăn gia súc; đối với những ai buôn bán, hãy giúp cho vốn liếng; đối với những ai làm công vụ cho triều đình thì phát lương bổng phù hợp để họ đủ sống. Vậy thì những người đó sẽ lo chuyên tâm về nghề nghiệp của mình, sẽ không còn phá hoại vương quốc nữa. Thu nhập của Hoàng Thượng sẽ càng lớn hơn; lãnh thổ sẽ được yên bình và không bị phá hoại bởi quân trộm cướp nữa; và mọi người, với niềm vui tươi trong lòng họ, sẽ vui vầy với con cái, sẽ sống trong những ngôi nhà cửa mở rộng (không cần đóng khóa cửa).’*

“Và (nhà vua) nói rằng: ‘Hãy làm như vậy!’, nhà vua chấp nhận lời khuyên của quan chủ tể: nhà vua cho lúa và thức ăn gia súc cho những người làm nghề trồng trọt và chăn nuôi, chu cấp vốn liếng cho những người làm nghề buôn bán, phát lương bổng phù hợp đủ sống cho những người làm công vụ. Rồi những người đó, chỉ lo chuyên tâm về nghề nghiệp của mình, đã không còn phá hoại vương quốc nữa. Thu nhập của nhà vua càng lớn hơn; lãnh thổ đã được yên bình và không còn bị phá hoại bởi quân trộm cướp; và những người đó, với niềm vui tươi trong lòng mình, đã vui vầy với con cái, đã sống trong những ngôi nhà cửa mở rộng.”

*(trích DN 5: Kūtadanta Sutta; LDB 135–36)*

*(I 134–36)*



# CHÚ GIẢI

## CHƯƠNG I – CÁCH NHÌN ĐÚNG ĐẮN

- <sup>1</sup> Ba cách-nhìn sai lạc này (ba loại tà kiến) đã được phám phá và phân tích trong kinh MN 60. Chúng ta cũng có thể đọc thấy trong các kinh khác là DN 2, và MN 76, và trong một số kinh khác. Trong kinh DN 2, tư tưởng “tự diệt vong” được gán cho nhà tư tưởng tên Ajita Kesakambalī; còn thuyết “không làm gì” là Pūraṇa Kassapa; và thuyết “vô-nhân quả” là của Makkhali Gosāla.
- <sup>2</sup> Ba dòng-chảy-vào, tức ba dạng ô nhiễm chính (*āsava*) là: tham dục giác quan, tham dục được tái sinh, và vô minh; (dục vọng khoái lạc giác quan, dục vọng được tái sinh, và vô minh). Sự muốn có, muốn được, hay sở đắc (*upadhi*) chính là năm tập hợp uẩn dính chấp cấu tạo nên một ‘con người’ hay một ‘cá nhân’.

*Chánh-kiến còn bị các dòng-chảy-vào là thành phần của con đường đạo thế tục, nó dẫn tới sự tái sinh phúc lành trong vòng luân hồi sinh tử (saṃsāra). Chánh kiến không còn bị các dòng-chảy-vào là loại trí tuệ vượt trên thế tục (siêu thế), nó giúp chặt đứt vòng luân hồi sinh tử.*

## CHƯƠNG II – TU TẬP CÁ NHÂN

- <sup>1</sup> Coi kinh (AN 10:104; NDB 1485)
- <sup>2</sup> Tiếng Pāli là: *mettā, karuṇā, muditā, and upekkhā*.
- <sup>3</sup> Về chi tiết, đọc thêm Vism 318, phần/trang 9.93–96.
- <sup>4</sup> Tiếp theo, đối với hành vi *lời nói* và hành vi *tâm ý* thì sự soi xét (suy xét, quán chiếu) cũng được thực hành một cách tương tự như trên. Chỉ có điều, đối với hành vi tâm ý bất thiện thì không cần thứ

nhận, mà chỉ cần tự biết ăn năn (xám hối) và tránh bỏ sau đó.

- <sup>5</sup> Chữ Pali là “*sallekha*”: sự loại bỏ ô nhiễm, sự tẩy nhiễm.
- <sup>6</sup> Ở đây Đức Phật đang nói với một bà-la-môn trẻ, người đã đến hỏi Phật con đường nào để đạt tới sự hợp nhất (bản ngã của mình) với đại ngã của Trời Brahma (Phạm Thiên), là thượng đế sáng tạo theo giáo lý của Bà-la-môn giáo. (Phật đã trả lời theo ý nghĩa làm cách nào để có thể được tái sinh vào cõi của các vị Trời).
- <sup>7</sup> “*Không còn nghiệp giới hạn nào nữa*” (*yam pamāṇakataṃ kammaṃ na taṃ tatrāvasissati*). Theo Luận giảng [Ps] giải thích: “*ngiệp hạn chế*” (*pamāṇakataṃ kammaṃ*) là nghiệp còn thuộc cõi dục-giới (*kā māvacara*). Nó ngược với loại “*ngiệp không còn giới hạn*”, tức “*ngiệp vô lượng*”, tức là nghiệp (an trú cõi trời) nhờ người tu sự chứng đắc các tầng thiên định sắc giới và vô sắc giới. Trong trường hợp này, người tu tu tập các tầng thiên định để được tái sinh vào những cảnh giới an trú cõi trời (phạm trú). Khi một tầng thiên định sắc giới hay tầng chứng đắc vô sắc giới được kiểm soát thì một nghiệp thuộc cõi dục-giới không thể có/tìm cơ hội để tạo ra nghiệp quả. Thay vì vậy, nghiệp thuộc cõi sắc-giới hoặc cõi vô-sắc-giới sẽ lần át nghiệp dục-giới để tạo ra nghiệp quả của chúng. Một sự an trú cõi trời (tức phạm trú, tức cảnh giới của một trong bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả) đã được kiểm soát như vậy sẽ dẫn tới sự tái sinh vào cõi trời brahma.

Theo luận giảng, điều này có nghĩa nghiệp thuộc cõi dục giới *không thể* ngăn cản nghiệp có được từ “*sự giải-thoát của tâm*” (thiền về tâm từ) tạo ra những nghiệp quả của nó, tức không thể ngăn cản nó tạo ra nghiệp quả tái sinh vào cõi trời. “Giống như nước lũ ngập tràn một vùng nước nhỏ, nghiệp thiện được tạo nên từ việc “thiền về tâm từ” sẽ áp đảo vượt qua nghiệp lực của tất cả các nghiệp thuộc cõi dục giới.”

- <sup>8</sup> Theo luận giảng, điều ngăn cản người tu này chứng ngộ thánh quả A-la-hán chính là sự dính chấp vào giáo lý (*dhamma*) thiên định và thiên tuệ.

Năm gông cùm nhẹ đô (*pañc'orambhāgiyāni saṃyojanāni*) là: quan điểm có cái 'ta' (thân kiến), dính chấp tin vào sự màu nhiệm của những tục lệ và lễ nghi thờ cúng, tham dục, ác ý, và nghi ngờ.

Sau khi phá bỏ được năm gông cùm này, người tu chứng ngộ thánh quả Bất-lai (*anāgāmi*), khi chết sẽ tự động tái sinh vào cõi trời sắc giới (*rūpadhātu*); và tiếp tục ở đó cho tới khi chứng được sự giải-thoát cuối cùng (tức thánh quả A-la-hán), chứ không còn quay lại (tái sinh vào) cõi dục giới nào nữa.

### CHƯƠNG III – XỬ LÝ SÂN GIẬN

- <sup>1</sup> Theo Kinh Pháp Cú (Dhp), Kệ 184: “*Khantī paramaṃ tapo titikkhā.*”
- <sup>2</sup> Đó là ba loại sự hiểu biết đặc biệt (tam minh), (giống như Phật đã chứng ngộ vào cái đêm Giác Ngộ), đó là: (a) *Sự hiểu biết có thể nhớ lại kiếp quá khứ của mình* (túc mạng minh); (b) *Sự hiểu biết có thể nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của chúng sinh tùy theo nghiệp của họ* (thiên nhãn minh); và (c) *sự hiểu biết rằng mình đã tiêu diệt sạch mọi ô nhiễm* (lậu tận minh), đó là chứng thành bậc thánh A-la-hán.

### CHƯƠNG IV – NGÔN TỪ ĐÚNG ĐẮN

- <sup>1</sup> Nguyên văn chữ đó là “*parato ghosa*”. Còn điều kiện thứ hai là “*yoniso manasikāra*” (*sự suy xét kỹ càng*; như lý tác ý). Coi thêm kinh (AN 2:126; NDB 178).

- <sup>2</sup> Câu này đã được ghi nhiều lần trong các kinh khác nhau, như trong kinh DN II 104–5 (LDB 246–47), SN V 261–62 (CDB 1724–25), AN IV 310–11 (NDB 1214–15), và Ud 63–64.
- <sup>3</sup> Có bốn phương pháp đặt thành một câu hỏi; coi thêm kinh AN 4:42. Luận giảng giải thích rằng: “(1) *Một câu hỏi nên được trả lời một cách dứt khoát (ekamsavyākaraṇīya panha)*; ví dụ như câu hỏi ‘Mắt có phải là vô thường?’ thì nên được trả lời một cách dứt khoát ‘Đúng, nó là vô thường’. (2) *Một câu hỏi nên được trả lời sau khi phân giải hay phân biệt (vibhajjavyākaraṇīya panha)*; ví dụ như câu hỏi: ‘Có phải vô thường là mắt?’ thì nên được trả lời bằng cách phân giải: ‘Không phải chỉ riêng mắt, mà tai, mũi... cũng là vô thường.’ (3) *Một câu hỏi nên được trả lời bằng cách hỏi lại (paṭipucchāvyaākaraṇīya panha)*; ví dụ như câu hỏi ‘Có phải mắt có cùng tính chất như tai?’ thì nên được trả lời bằng câu hỏi lại ‘Về mặt nào mới được?’. Còn nếu người hỏi nói thêm ‘Về mặt nhìn’ thì nên trả lời là “Không”. Nếu nói “Về mặt vô thường” thì trả lời là “Đúng”. (4) *Một câu hỏi nên được bỏ qua, không trả lời (thapanīya panha)*; ví dụ câu hỏi ‘Linh hồn chính là thân xác phải không?’ Câu hỏi này nên được bỏ qua, không nên trả lời. Nếu phải nói, người tu chỉ nên nói ‘Điều đó đã không được tuyên bố bởi Như Lai’; (chứ không nên trả lời đúng hay sai hay về mặt nào cả).
- <sup>4</sup> Ý nghĩa của câu kinh gốc này tự nó không rõ ràng lắm. Lời dịch của tôi là dựa vào sự giải thích trong luận giảng (về kinh này). Để biết thêm chi tiết luận giảng, xi coi thêm phần chú giải trong quyển (NDB, chú thích 465, từ trang 1654).
- <sup>5</sup> Tức không lo tập trung vào chuyện chính mà cứ lo bắt lỗi bắt phải từ ngữ, câu cú, hay mấy lỗi lật vạt, nhỏ nhặt, không nhắm vào vấn đề chính.
- <sup>6</sup> Luận giảng giải thích chỗ này: “*Người đó biết được một điều, đó là con đường thánh đạo. Người đó hoàn toàn hiểu rõ một điều, đó là sự thật về khổ (khổ đế). Người đó từ bỏ một điều, đó là tất cả mọi phẩm tính bất thiện. Người đó giác ngộ một điều, đó là thánh quả*



*A-la-hán, tức sự ngừng diệt, [Niết-bàn]. Bằng phương tiện hiểu biết, người đó đạt tới sự giải-thoát đúng đắn, sự giải-thoát bằng thánh quả A-la-hán.”*

## CHƯƠNG V – BẠN HỮU TỐT

- <sup>1</sup> Trong kinh Sn 261: *asevanā ca bālānaṃ paṇḍitānaṃ ca sevanā*.
- <sup>2</sup> Ví dụ như trong các kinh SN 22:35–36 và SN 22:63–70
- <sup>3</sup> Có ba cặp đôi bài kinh, tức tổng cộng sáu, đề cao vai trò của tình bạn hữu trong việc xúc tiến người tu chứng ngộ con đường đạo; coi các kinh SN 45:49 và 45:56, SN 45:63 và 45:70, SN 45:77 và 45:80 (CDB, trang 1543–48).
- <sup>4</sup> Tình đạo hữu giữa thầy và trò ở đó cũng có nói luôn về những bồn phân lẫn nhau của vị sư thầy và các đệ tử. Đặc biệt coi thêm Vin I 46–53 (BD 4:59–69).
- <sup>5</sup> Các giới luật Tỳ kheo hay Tỳ kheo Ni, hay Giới Luật Tăng Đoàn.

## CHƯƠNG VII – CỘNG ĐỒNG ĐỊNH HƯỚNG

- <sup>1</sup> Trong một phần của bộ kinh AN có ghi 10 cặp cộng đồng, trong đó tôi chỉ trích dẫn ở đây 05 cặp liên quan nhất tới chủ đề của quyển sách này.
- <sup>2</sup> Coi phần kinh DN.16.6.1; (LDB 269-270)
- <sup>3</sup> Để biết thêm chi tiết, mời đọc thêm quyển “*Giới Luật Tăng Đoàn Phật Giáo II*”, Chương 12, của nhà sư Ṭhānissaro Bhikkhu.
- <sup>4</sup> Câu chuyện trong bài kinh này rõ ràng diễn ra sau khi Đức Phật qua đời. Bà-la-môn Vassakāra chính là tể tướng của Vua A-xà-thế

(*Ajātasattu*) của vương quốc Ma-kiệt-đà (*Magadha*). Có lẽ ông đang muốn hỏi Ngài Ānanda về cách điều hành (cai quản) của Tăng đoàn; bởi lúc đó ông biết rõ trong nước đang xảy ra sự tranh giành quyền lực ngai vàng một cách khốc liệt. Vua A-xà-thế đã xử trảm cha mình để chiếm ngôi vua, và sau đó ông lại bị con trai mình giết.

<sup>5</sup> Ngày lễ Bô-tát (*uposatha*) chính là ngày Rằm và ngày Mồng Một âm lịch của mỗi tháng, khi đó các tăng sĩ gặp mặt nhau để đọc tụng các giới luật Tỳ kheo (*Pātimokkha*), và trong những ngày đó những Phật tử tại gia cũng thường đến các tu viện, chùa chiền, và họ thường kiêng giữ thêm các giới hạnh (*Tám Giới*, hay *Bát Quan Trai Giới* thay vì Năm Giới như thường ngày).

<sup>6</sup> Các tên giai cấp đó trong tiếng Phạn là *kshatriya*, *brāhmaṇa*, *vaishya*, và *śūdra*.

## CHƯƠNG VIII – NHỮNG SỰ TRANH CHẤP

<sup>7</sup> [Đây là 03 trong “06 nguyên tắc để sống hòa hợp” như đã được giảng giải trong kinh MN 48.6.]

<sup>1</sup> Toàn bộ câu chuyện về cộc tranh cãi ở Kosambī đã được ghi trong Luật Tạng (*Vinaya Piṭaka*), trong phần “Quyển Lớn” (*Mahāvagga*, Đại Phẩm), Chương X; Coi thêm (BD 4:483–513). Cũng liên hệ với kinh MN 48.

<sup>2</sup> Cụm từ “*những nhận thức và những quan niệm phức tạp*” là tạm diễn dịch thuật ngữ gốc “*papanca-sannā-saṅkhā*”. Đây là thuật ngữ ghép gọn và súc tích; (tức mang nhiều nghĩa, và đã tồn khá nhiều giấy mực để giải thích chi tiết bởi nhiều người từ trước giờ); nó đã không được định nghĩa trong các kinh bộ Nikāya; dường như nó chỉ về những nhận-thức (*saṅkhā*, tưởng) và những ý-tưởng (*saṅkhā*, quan niệm, khái niệm) đã “bị ô nhiễm” bởi những ý kiến chủ quan và “bị tô vẽ thêm” bởi những khuynh hướng (gông cùm, tính khí) tạo ra dục vọng, sự tự ta (ngã mạn), và những quan điểm sai lạc (tà

kiến).

- Theo các luận giảng, dục vọng, tính tự ta (ngã mạn), và tà kiến là ba yếu tố chịu trách nhiệm cho việc tô vẽ thêm thắt thuộc về khái niệm (*papanca*). (Riêng chữ “*papanca*” chỉ có thể tạm dịch là “những tô vẽ thêm bớt này nọ về mặt khái niệm”—ND).

<sup>3</sup> Chín (09) điều bắt rễ từ dục vọng, theo luận giảng giải thích trong ngoặc [...] như sau:

(1) *pariyesanā*: [sự tìm kiếm các đối tượng, như thể sắc; *sự tìm kiếm...*];

(2) *lābha*: [sự đạt được các đối tượng, như các thể sắc; *sự đạt được*];

(3) *vinicchaya*: [sự quyết định cái nào là tốt hay xấu, đẹp hay thường, giữ bao nhiêu và cho đi bao nhiêu, dùng bao nhiêu và để dành bao nhiêu...; *sự ý kiến*, hay *thiên kiến này nọ*];

(4) *chanda-rāga*: [sự muốn, mức độ ít dục, dục thường - tham dục, dạng ham muốn, dục nặng; *sự muốn và tham dục*];

(5) *ajjhosāna*: [sự dính chấp vì tham muốn, tham dục; *sự dính chấp*];

(6) *pariggaha*: [sự chiếm hữu vì dục vọng và những quan điểm này nọ (tà kiến), *tính sở hữu*];

(7) *macchariya*: [sự không muốn chia sẻ cho người khác, *tính keo kiệt*];

(8) *ārakkha*: [sự phòng thủ kỹ, sự canh kỹ; *sự phòng thủ*];

(9) *daṇḍādāna*.... : [sự cầm lấy vũ khí, sự dùng vũ khí để phòng chống người khác; *sự cầm lấy gậy gộc và vũ khí...*].

## CHƯƠNG IX – GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

<sup>1</sup> Thủ tục lật úp và lật ngửa bình bát được ghi trong Luật tạng [Vin II 124–27]. Coi thêm “*Giới Luật Tăng Đoàn Phật Giáo IP*” của nhà sư, trang 411–12.

- Luận giảng giải thích rằng, không nhất thiết nhà sư phải lật úp bình bát trước mặt người tại gia đó, mà có thể ra cử chỉ hay động thái không nhận đồ cúng dường từ người đó. Tương tự, các nhà sư cũng ra cử chỉ hay động thái chấp nhận lại đồ cúng dường từ người đó.

- Thủ tục lật úp và lật ngửa bình bát vẫn được dùng ở Miến Điện vào cuối năm 2007 khi các nhà sư làm vậy như một hình thức hình phạt (thể hiện sự phản đối) đối với chính quyền quân sự lúc đó. Để phản đối những tướng lĩnh quân đội lúc đó, các nhà sư xuống đường với bình bát lật úp trên tay.

<sup>2</sup> Đối với Ni thì có đến tám (08) tội bị trục xuất được ghi trong giới luật đối với Ni.

<sup>3</sup> Chữ “*về Giáo Pháp*”: chỗ này tôi dịch chữ “*abhidhamme*” trong kinh gốc, nó không có nghĩa chỉ về rỗng/tạng kinh “*Abhidhama Pitaka*” (Vi Diệu Pháp Tạng), nó chỉ đơn giản chỉ về Giáo Pháp. Tiếp đầu ngữ *abhi-* ở đây chỉ có nghĩa là “*về, thuộc về, nói về, liên quan tới*”.

<sup>4</sup> Nātaputta, còn có tên là Mahāvīra (Đại Hùng) là giáo chủ của giáo phái Jain (Kỳ-na giáo) vào thời đó, được coi là vị người sáng lập lịch sử của Kỳ-na giáo, mặc dù hình như ông chỉ là người kế tục của những vị thầy trước đó của mình.

<sup>5</sup> Có bốn loại vấn đề về giới luật: (a) liên quan tới sự tranh chấp (*vivādādhikaraṇa*); liên quan tới sự quy tội (*anuvādādhikaraṇa*); liên quan tới điều tội phạm (*āpattādhikaraṇa*); và liên quan tới thủ tục giải quyết (*kiccādhikaraṇa*). Những điều này đã được ghi rõ chi tiết trong Luật Tạng, Vin II 88–92.

Nói ngắn gọn, (a) một vấn đề phát sinh liên quan tới sự tranh chấp là

khi có các tăng hay ni tranh cãi về Giáo Pháp và Giới Luật; (b) một vấn đề phát sinh liên quan tới sự quy tội là khi có một tăng hay ni kết tội một tăng hay ni khác đã phạm tội theo giới luật; (c) một vấn đề phát sinh liên quan tới điều phạm tội là khi có một tăng hay ni đã phạm tội đang tìm hiểu cách xử lý hay hình phạt; (d) một vấn đề phát sinh liên quan tới thủ tục giải quyết là nói về các thủ tục biểu quyết tập thể của Tăng đoàn. Đoạn kinh ở đây đang nói về những phương pháp giải quyết các sự tranh chấp.

- 6 Câu “*cần rút ra những nguyên lý hướng dẫn của Giáo Pháp*” là tạm dịch câu gốc “*Dhammanetti samanumajjitabbā*”. Luận giảng đưa ra nhiều sự giải thích khác nhau về cách thức áp dụng sự hướng dẫn của Giáo Pháp, theo luận điểm từ các kinh trong Kinh Tạng, và cả Luật Tạng
- 7 Luận giảng giải thích câu “*không được giải quyết ở bên trong*” (*ajjhataṃ avūpasantaṃ*) là: “*Không được giải quyết trong tâm của một người và trong số những tăng sinh và đệ tử.*”
- 8 “*Thiếu niềm-tin*” hay *mất lòng-tin*: “*appasāda*”. Khi đã nói thiếu hay mất niềm-tin (vào một tu sĩ) thì người tại gia không cần phải đứng dậy khỏi chỗ ngồi (để nhường chỗ) hay kính chào hay đi gặp hay cúng dường Tỳ kheo đó nữa.
- 9 Nguyên văn Pali: “*paṭisāraṇiyakamma*” (tên một điều luật xử lý của tội xúc phạm người tại gia). Khi điều luật này được đưa ra, thì Tỳ kheo đó phải đi đến chỗ người tại gia, có thêm một Tỳ kheo khác đi cùng, để xin lỗi người tại gia. Nếu người đó không xin lỗi được, không được người tại gia thứ lỗi, thì vị Tỳ kheo đi cùng phải cố gắng hòa giải họ. Câu chuyện gốc được ghi trong Luật Tạng [Vin II 15–18], với những quy định pháp chế được ghi trong [Vin II 18–21].

Để coi thêm chi tiết vấn đề này, xin đọc thêm “*Giới Luật Tăng Đoàn II*” (*The Buddhist Monastic Code II*, trang 407–11) của nhà sư Ṭhānissaro.

- <sup>10</sup> Các luận giảng không giải thích ý câu này. Nhưng ngụ ý của Phật chỗ này dường như là, vị Tỷ kheo phiền phức đó, với hành vi tính cách như vậy, thì không phải là một đệ tử thực sự của Đức Phật, (tức không phải là một người con của Phật, không đúng là một Phật tử), mà giống một người con [tức đệ tử] của sư thầy khác hay đạo giáo khác. Bởi vậy Phật mới có ý nói “*Tại sao để con trai của người khác quý rầy các thầy?*”.

## CHƯƠNG X – THIẾT LẬP MỘT XÃ HỘI CÔNG BẰNG

- <sup>1</sup> Nguyên văn: “*Dānaṃ sīlaṃ pariccāgaṃ, ajjavaṃ maddavaṃ tapāṃ; akkodhaṃ avihimsaṃca, khantīnaṃ avirodhanāṃ.*”
- <sup>2</sup> Tức ngày Rằm Âm Lịch, ngày trăng tròn. (Ngày *Bồ-tát* của mỗi tháng gồm có ngày Mùng 1 và ngày Rằm, Âm Lịch; nhưng ở đây chỉ riêng ngày Rằm).



